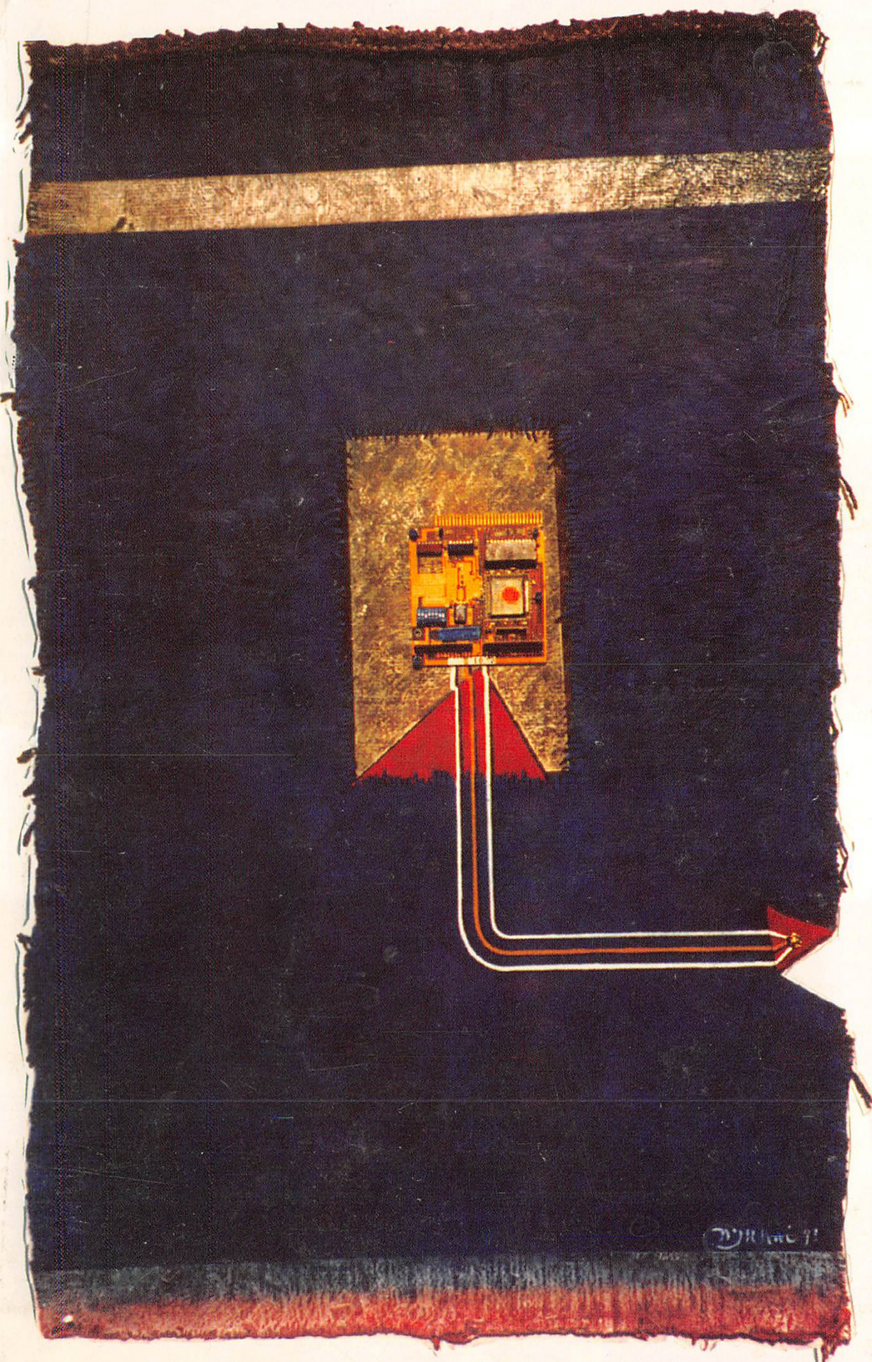
# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



Số 17 tháng 6 & 7 năm 1994

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

Tel: (714)537-2468 • Fax: (714) 636-8659

Phát hành hai tháng một kỳ - số 17 tháng 6 & 7, 1994

*Đại diện tại Florida:*

**Triều Hoa Đại — Tel: (904)282-2419**

Đại diện tại San Jose:

**Trần Thị Hồng Vân — Tel: (408)223-8490**

*Đại diện tại Âu Châu:*

**Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France • Tél: 45.83.19.12**

*Đại diện tại Na Uy:*

**Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway**

*Đại diện tại Canada:*

**Trân Sa — Tel: (416) 762-4659 và (416) 652-1384 • Hồ Đình Nghiêm — Tel: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. — Tel: (604) 873-1697 • Mạnh Tường & Nam — Tél: (418) 626-2280, (418) 654-8933. Fax: (418) 626-2280. Email / Internet: 3308 tuong@ vml. ulaval. ca**

*Đại diện tại Australia:*

**Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.**

**Tél: 011-61-3-8071797**

*Đại diện tại Đông Âu:*

**Nguyễn Quốc Vũ - Trần Ngọc Tuấn**

**Sokolovska 33 / 240 - 18600, Praha 8 - Czech Republic - Fax: (422) 235 99 83**

*Đại diện tại Đông Nam Á:*

**Nguyên Lương, 25 Leonie Hill # 22-03 Leonie Gardens. Singapore 9023.**

**Tél: (65) 736-0964**

•

*Chủ trương:*

**Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.**

•

*Chủ biên:*

**Khánh Trường**

*Phụ tá chủ biên:* **Phan Tấn Hải**

*Nghiên cứu lý luận:* **Đỗ Hữu Tài**

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



HỨA THANH BÌNH: Ngựa Giấy - *sơn dầu*



# HỢP LƯU

Số 17 tháng 6 & 7, 1994

## Định hướng phát triển văn hóa Việt Nam



# MỤC LỤC



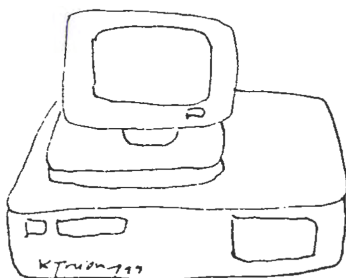


Tranh bìa: **Nguyên Khai**: Thời gian và tiến bộ (*sơn dầu kết hợp*)
Phụ bản màu: **Hứa Thanh Bình**: Ngựa giấy *(sơn dầu)*
Minh họa: **KT, Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi**





# thư tòa soạn



*Hợp Lưu* số đặc biệt về "*Mai Thảo, Năm Mươi Năm Hệ Lụy Với Văn Chương*" đã được đông đảo bạn đọc và văn hữu nồng nhiệt khen ngợi. Hầu hết đều cho rằng việc làm của *Hợp Lưu* là rất cần thiết. Cần thiết, bởi qua những số báo như thế, người đọc có cơ hội "đến" gần các tác giả. Còn cần thiết, bởi đã phá vỡ được một "định kiến" không mấy tốt ở chúng ta: chỉ chịu vinh danh những người đã... chết. Từ góp ý của bạn đọc và văn hữu, *Hợp Lưu* sẽ mạnh dạn hơn, để trong tương lai, tiếp tục thực hiện những số đặc biệt tương tự, về đóng góp của các văn nghệ sĩ tên tuổi khác, trong và ngoài nước, trên những lãnh vực liên quan đến văn học nghệ thuật.

Số này, phần biên khảo, lý luận, ngoài bài viết của tiến sĩ Lê Ngọc Trà (trong nước): *"Góp Phần Xây Dựng Chiến Lược Phát Triển Văn Hóa Việt Nam"*, *Hợp Lưu* rất vui được giới thiệu đến độc giả những nhận định, nghiên cứu công phu và giá trị của một số cây bút chuyên môn ở hải ngoại: Nhà phê bình Thụy Khuê với *"Nguyễn Huy Thiệp"*; Nguyễn Ngọc Tuấn (là một tác giả uy tín, đã vắng bóng trên văn đàn vài năm trở lại đây, nay, "tái xuất" với loạt bài mới cùng tên thật) qua một tiểu luận về thơ: "*Thơ Con Cóc*".

Phần âm nhạc, *Hợp Lưu* sẽ cho đi làm nhiều kỳ một biên khảo công phu của nhạc sĩ Phạm Duy: *"Những Bước Đầu Trong Nửa Thế Kỷ Âm Nhạc"* (trích từ cuốn *Lược Sử Nửa Thế Kỷ Âm Nhạc Việt Nam*, đang soạn). Với vị trí của Phạm Duy trong lĩnh vực Âm Nhạc, chắc chắn biên khảo này sẽ là một tài liệu vô cùng bổ ích cho tất cả chúng ta.

Phần nghệ thuật tạo hình, nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy sẽ gởi đến bạn đọc một bài viết khách quan, nghiêm chỉnh về phòng tranh mới nhất của họa sĩ Nguyên Khai, vừa cho ra mắt công chúng tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ.

Phần sáng tác văn học, nhà văn Ngọc Khôi, sau gần ba năm "tư dưỡng", xuất hiện lại với *Vượt Biên Giới*. Một truyện ngắn, theo Ngọc Khôi, là sáng tác ưng ý nhất trong quá trình "làm văn chương" của anh.

Ngoài Ngọc Khôi, chúng ta sẽ lại gặp Miêng, lần thứ hai, trên diễn đàn này, với *Quán Cay*, và hai cây viết "mới" (*mới*, theo nghĩa lần đầu tiên xuất hiện trên *Hợp Lưu*): 1) Thuận Ánh, với hai đoản thiên cũng "rất mới" từ văn phong đến nội dung: *Truyện Người Không Quen*; *Dạ Khúc Vàng*, và Đông Hoàng, cùng một truyện ngắn khá "dữ dội": *Ấn Tượng Trong Bóng Tối*.

Về các sáng tác văn học trong nước, *Hợp Lưu* giới thiệu với bạn đọc vài chương trong tiểu thuyết *Lão Khổ*, một tác phẩm "có vấn đề" của nhà văn Tạ Duy Anh, tác giả truyện ngắn *Bước Qua Lời Nguyền*, từng gây "sóng gió" một thời và từng xuất hiện trên *Hợp Lưu* ở một số báo cũ. Tác giả kế tiếp: Hoàng Phủ Ngọc Tường với *Mượn Đá Để Ngồi*, viết về Nguyễn Trãi. Người nay viết về người xưa, nhưng trong lập luận, trong hơi văn, dường như u uất một nỗi niềm rất riêng (mà cũng rất chung) của một lớp người, một thế hệ? Ba tác giả nữa: Nguyễn Thị Châu Giang với *Trẻ Con*, Trương Kim Yến với *Cầu Vồng*, và Đoàn Lê với *Trái Táo Nham Nhở*. Mỗi người một phong cách, một bút pháp, và mỗi người, bằng "dấu ấn" của mình, có lẽ sẽ để lại trong lòng độc giả nhiều thiện cảm.

Các tác giả tiếp theo, có bài đóng góp trong số này là nhà lý luận, dịch thuật Trần Đạo, dịch giả Nina McPherson, nhà văn Nhật Tiến... với những biên khảo, phê bình, đọc sách, phỏng vấn... công phu, nghiêm chỉnh.

Cuối cùng, phần thơ ca, cũng sẽ hùng hậu không kém với những sáng tác mới nhất của nhiều thi sĩ trong ngoài nước. Đặc biệt, nếu những độc giả nào từng yêu thơ Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Tôn Nhan thời trước 1975, tại miền Nam, hãy thử đọc Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Tôn Nhan của bây giờ, qua một loạt thơ mới *Hợp Lưu* vừa nhận được.

HỢP LƯU



LÊ NGỌC TRÀ

# góp phần xây dựng chiến lược phát triển văn hóa việt nam

(Phác thảo)



1.

Khi một xã hội bước vào thời bình, bắt đầu lo chuyện yên ổn làm ăn, văn hóa trở thành vấn đề vô cùng quan trọng. Ở nước ta hiện nay tình hình lại còn gay gắt gấp hai lần. Một là vì nhu cầu văn hóa của một xã hội bắt đầu mở cửa mỗi ngày một tăng lên nhanh chóng. Hai là về quan niệm cũ về văn hóa với những tàn dư và hậu quả của nó vẫn đang tồn tại và còn phát huy ảnh hưởng. Đã có một chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới, thiết nghĩ trước hết cần *xem xét lại quan niệm chính thống về văn hóa*. Nhiều năm qua, quan niệm ấy bị tách rời khá nhiều với quan niệm chung của nhân loại. Khoảng cách này một phần là sự cách ly của chúng ta với thế giới do hoàn cảnh chiến tranh, do bị bao vây, do chúng ta nằm trong một hệ thống xã hội và ý thức biệt lập - phe xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, quan trọng hơn, chúng ta không chỉ bị bao vây mà còn tự bao vây bởi tính chất khép kín của ý thức hệ, bởi tính tự cao lịch sử, nhân danh việc xây dựng một hình thái xã hội được coi là ở vào nấc thang cao nhất của tiến hóa nhân loại - chủ nghĩa cộng sản, và cuối cùng, thêm vào đó còn bởi tính tự ái của người chiến thắng, lòng tự hào quá đáng về dân tộc ("Việt nam - lương tri thời đại").

Quan niệm về văn hóa đẻ ra trong hoàn cảnh ấy không phải tất cả đều sai, thậm chí nhiều chỗ còn là hợp lý nếu chỉ xét trong logic nội tại của nó, trong phạm vi của ý thức hệ vô sản và chính trị chuyên chính vô sản. Song nhìn rộng ra, trên bình diện dân tộc, nhân loại và lịch sử, quan niệm này mang tính chất cục bộ, nhất thời, đứt đoạn so với tiến trình văn hóa dân tộc và do đó mà cũng trở nên đứt đoạn, biệt lập so với sự phát triển của văn hóa nhân loại và văn hóa nói chung. văn hóa vô sản là một kiểu văn hóa, có những đặc điểm (chỗ mạnh, chỗ yếu) riêng của mình. Vấn đề không phải là xóa bỏ văn hóa vô sản mà là có nên xem nó là thống trị, độc tôn và do đó đồng nhất nó với văn hóa dân tộc hay không, có nên xem nó như mẫu mực, đỉnh cao và mục tiêu phát triển của văn hóa nhân loại hay không, có nên chỉ xét đoán bản chất của văn hóa theo quan niệm vô sản và do đó đồng nhất giá trị của văn hóa vô sản với giá trị văn hóa nói chung không. Sai lầm của nhiều năm qua là ở sự *tuyệt đối hóa quan niệm văn hóa vô sản* và *tuyệt đối văn hóa vô sản.*

Bây giờ muốn xây dựng chiến lược phát triển của văn hóa Việt Nam trước hết phải làm hai việc:

a) **Nhận thức lại bản chất của văn hóa**, nghĩa là xem xét lại các khái niệm cơ bản về văn hóa trên cơ sở thực sự khoa học chứ không phải chỉ dưới góc độ chính trị trực tiếp, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa văn hóa như là trình độ và văn hóa như là kiểu, dạng, quan hệ giữa văn hóa và chính trị, giữa xu hướng quốc tế hóa và biến thể dân tộc của văn hóa, đánh giá cho đúng đặc trưng của giá trị văn hóa v.v...

b) **Xác định thật rõ và dứt khoát tính chất của nền văn hóa tương lai** mà chúng ta định xây dựng: đó sẽ là sự tiếp tục của nền văn hóa vô sản đã có trước đây hay là nền văn hóa dân tộc trong đó văn hóa vô sản là một bộ phận cấu thành? Đó sẽ là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa hay là nền văn hóa mang định hướng xã hội chủ nghĩa? Hai khái niệm này quan hệ với nhau như thế nào? Trong nền văn hóa định hướng theo chủ nghĩa xã hội thì vị trí và giá trị của Các yếu tố văn hóa phi xã hội chủ nghĩa đã được đánh giá như thế nào?

Dĩ nhiên để hình thành được một chiến lược phát triển văn hóa không thể chỉ suy nghĩ trong phạm vi văn hóa. Nhưng nếu xét riêng trong lãnh vực văn hóa thì ít nhất đây cũng là những vấn đề hết sức cơ bản và cấp bách.

*

## 2.

Cho đến nay chúng ta chưa có *một cuộc đánh giá lại văn hóa dân tộc cho thật khách quan và đầy đủ*. Nhu cầu đánh giá lại văn hóa dân tộc chỉ có thể có khi có công cuộc duy tân dân tộc. Một công cuộc như vậy lần đầu tiên diễn ra ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Tiếc rằng nó diễn ra trong hoàn cảnh dân tộc bị thuộc địa nên không mang lại kết quả như mong muốn. Hiện nay đất nước ta đang đứng trước một cơ hội duy tân mới, vì vậy mà cũng đang có cơ

hội để tiến hành một cuộc đánh giá lại văn hóa dân tộc. Bỏ lỡ thời cơ duy tân bây giờ là có tội với dân tộc, còn bỏ qua việc đánh giá lại văn hóa dân tộc thì không những không giúp chúng ta hoạch định được chiến lược phát triển văn hóa tương lai mà thậm chí còn tước mất khả năng lựa chọn giải pháp phát triển kinh tế tối ưu khả dĩ đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu hiện nay.

Ý nghĩa này của việc nghiên cứu và đánh giá lại văn hóa dân tộc nhiều năm qua đã không được nhận thức đầy đủ. Có hai nguyên nhân chính:

*Thứ nhất*, do chỉ bó hẹp trong khuôn khổ quan niệm mác-xít về mối liên hệ có tính chất nhân quả giữa kinh tế và văn hóa, coi văn hóa là cái thứ hai, cái có sau, chúng ta chỉ đi tìm các giải pháp phát triển kinh tế trong bản thân kinh tế và chính trị mà không tính đến chỗ văn hóa có thể trở thành một tiền đề, một diều kiện để phát triển kinh tế(1). Đây chính là nguồn gốc của tư tưởng coi nhẹ sự đầu tư cho giáo dục và do đó thực chất cũng là sự coi nhẹ vai trò của trí thức và giáo dục, một thực trạng đáng buồn kéo dài mãi cho đến tận ngày nay. Đây cũng chính là lý do giải thích vì sao chúng ta không thể tập trung vào việc nghiên cứu và đánh giá lại văn hóa dân tộc một cách đầy đủ, với tinh thần khoa học, khách quan, với sự phân tích cả chỗ mạnh lẫn chỗ yếu nhằm tìm ra những đặc điểm tâm lý, đạo đức, ý thức hệ của con người Việt nam để rồi trên cơ sở đó lựa chọn những giải pháp kinh tế và con đường phát triển của dân tộc. Bỏ qua việc nghiên cứu quá khứ, việc tìm hiểu văn hóa dân tộc trong quá trình xác định con đường canh tân đất nước là một thiếu sót vô cùng quan trọng.(2)

*Thứ hai*, việc hiểu biết quá khứ và đặc điểm dân tộc trong thời gian qua đã bị hạn chế vì một mặt chúng ta chủ yếu đứng dưới góc độ của chủ nghĩa yêu nước (chống ngoại xâm) và của quan niệm đấu tranh giai cấp theo quan điểm vô sản, mặt khác chúng ta bị chi phối bởi tính tự cao lịch sử như đã nói ở trên. Việc tự xem mình như đã đứng ở đỉnh cao chót vót của văn hóa dân tộc đã khiến chúng ta không thể nhìn ra được những điểm-mạnh-khác-chúng-ta trong văn hóa trước đây. Cái được coi là tinh hoa văn hóa dân tộc thường là những cái phù hợp với mục tiêu đánh giặc, chống ngoại xâm hoặc với tình cảm yêu thương và phẫn nộ xét theo quan điểm giai cấp. Nay khi đất nước phải đi lên trong thời bình, khi quan niệm vô sản tỏ ra không còn là tuyệt đối nữa, việc hiểu biết đầy đủ bức tranh tinh thần của dân tộc trong quá khứ, việc đánh giá cho công bằng những giá trị văn hóa trước đây trở thành món nợ không thể khước từ. Không để cho những người hôm nay nói lên hết cái hay của tiền bối cũng như phân tích đến nơi đến chốn những cái dở trong tâm lý, tính cách dân tộc trên tinh thần tự phê dân tộc triệt để, sáng suốt và dũng cảm, đó chính là có tội với dân tộc, với cha ông.

Một trong những thiếu sót của việc nhìn nhận văn hóa dân tộc trong thời gian qua là sự lẫn lộn *văn hóa dân tộc với văn hóa dân gian*, thường chỉ tìm đặc trưng dân tộc trong văn hóa dân gian. Điều này có nguyên nhân sâu xa

của nó. Một mặt nó bắt nguồn từ ý thức về vai trò của quần chúng, từ ý niệm về tính nhân dân được hiểu một cách hẹp hòi như là quan điểm của số đông, của tầng lớp lao động nghèo khổ, của giai cấp công nông và chỉ những gì do quần chúng tạo ra, có lợi cho quần chúng mới có giá trị, mới tiêu biểu cho văn hóa dân tộc. Mặt khác nó cũng gắn liền với quan niệm cho rằng văn hóa chính thống, văn hóa bác học là sản phẩm của giai cấp thống trị phong kiến và do đó văn hóa ấy không đại diện cho dân tộc. Những quan niệm này không phải lúc nào cũng hiện ra dưới hình thức đơn giản và máy móc như trên, nhưng nói chung những cách hiểu dung tục như vậy đã từng tồn tại trong quá khứ và thực tế đã gây nên những hệ lụy khác nhau trong nhận thức và sinh hoạt văn hóa ở nước ta.

Việc giải thích văn hóa dân tộc chủ yếu dựa vào văn hóa dân gian là không có cơ sở khoa học. Tính dân tộc của một nền văn hóa biểu hiện cả trong văn hóa dân gian và văn hóa bác học cho dù văn hóa bác học ấy là phong kiến hay tư sản. Xét về một phương diện, đây là hai kiểu, hai dạng văn hóa khác nhau nên chúng có những giá trị riêng, không thể thay thế cho nhau giống như vẻ đẹp của sông núi không thể thay thế cho vẻ đẹp của những công trình kiến trúc, đô thị. Đồng thời, xét về một phương diện khác, văn hóa bác học thể hiện tập trung và đầy đủ hơn tính chất sáng tạo, trình độ phát triển và sự phong phú của khả năng văn hóa của con người. Phán đoán về văn hóa dân tộc mà chỉ thiên về những giá trị dân gian là làm nghèo và hạ thấp văn hóa dân tộc vì đã không chỉ ra, nêu bật lên được sự tìm tòi, sáng tạo của giới trí thức dân tộc trong hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến. Cần phải có một cách nhìn biện chứng, cận nhân tình về các hình thái xã hội tồn tại trong lịch sử. Chế độ phong kiến như một giai đoạn phát triển của lịch sử không phải chỉ gắn với áp bức, bóc lột mà còn là một bước tiến của xã hội loài người, một *trình độ văn hóa* mới và đồng thời cũng là một *kiểu văn hóa*, một nền văn minh độc đáo, không lặp lại.

Việc đánh giá văn hóa dân tộc liên quan đến vấn đề đánh giá *văn minh phương Tây và ảnh hưởng của nó*. Ở đây khái niệm văn hóa như là *trình độ* và *kiểu* rất quan trọng. Không hiểu vấn đề này sẽ không có cơ sở để giải quyết mối liên hệ giữa dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại trong quá trình xác định con đường phát triển của văn hóa dân tộc. Rõ ràng là về một mặt, mỗi dân tộc có một nền văn hóa riêng thể hiện trong lối sống, trong phong tục, trong nghệ thuật v.v... Nền văn hóa này tự nó có giá trị riêng, không thể thay thế. Đồng thời mặt khác, các dân tộc đều trải qua với nhiều hình thức khác nhau những giai đoạn phát triển nào đó được xem là phổ biến đối với nhân loại. Trên con đường này sẽ có một số dân tộc đi sớm hơn., nhanh hơn, và một số đi chậm hơn. Nền văn hóa của các dân tộc đi trước ngoài giá trị riêng mà bất kỳ dân tộc nào cũng có, sẽ có thêm một giá trị khác - đó là cái mới, chất hiện đại.

Hiện đại hóa nền văn hóa của dân tộc là một yêu cầu tất yếu đối với nhiều

nền văn hóa, trong đó có văn hóa Việt Nam. Điều này mọi người dễ dàng thừa nhận. Nhưng cái phức tạp là ở đây ý niệm về hiện đại hóa có thể được hiểu rất khác nhau. **Thứ nhất** đó là xu hướng muốn đưa văn hóa dân tộc gia nhập vào qũy đạo chung của nhân loại trên cơ sở thừa nhận có những qui luật và bước đi chung đối với các dân tộc trên toàn thế giới, và trên cơ sở bảo toàn bản sắc văn hóa riêng của mỗi dân tộc. **Thứ hai** là chủ trương phát triển văn hóa dân tộc tiến lên nhưng coi trọng qui luật của văn minh phương Đông hơn là qui luật chung của nhân loại và do đó cũng có nghĩa là trong một mức độ nhất định, không xem các nền văn minh phương Tây là các nền văn minh đi trước và chứa đựng những qui luật có tính chất phổ biến. Và cuối cùng, **thứ ba** là cách hiểu hiện đại hóa một cách đơn giản chỉ như sự cải thiện và nâng cao chất lượng của các phương tiện vật chất - kỹ thuật, các hình thức quản lý. Ở đây các vấn đề có tính chất vĩ mô, bản chất không được đặt ra.

Thiết nghĩ cuộc thảo luận về chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam không thể bỏ qua các vấn đề này. Chừng nào chưa có ý niệm rõ ràng về qui luật phát triển của nhân loại, về tính phổ biến và tính cá biệt trong sự vận động của các nền văn hóa thế giới, khó có thể đề ra những chính sách phát triển thích hợp.

*

3.

Trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, để xác định được những khuynh hướng phát triển văn hóa cho tương lai, nhất thiết phải *nhìn lại toàn bộ, đánh giá lại vị trí và ảnh hưởng của quan điểm văn hóa vô sản trong đời sống văn hóa* nước ta từ hơn nửa thế kỷ qua.

Thực ra sinh hoạt tinh thần của dân tộc ta trong nửa sau thế kỷ XX chịu ảnh hưởng của ba luồng văn hóa chính: *văn hóa truyền thống* (Nho, Phật, Lão), *văn hóa phương Tây* (Pháp, Nga, Mỹ) và *văn hóa vô sản*(3). Ở các đô thị miền Nam trước 1975 ảnh hưởng chủ yếu là của văn hóa truyền thống và văn hóa phương Tây (Pháp, Mỹ). Ở miền Bắc từ 1954 văn hóa vô sản, văn hóa truyền thống và văn hóa Liên Xô (cũ) giữ vai trò chủ yếu. Song nhìn trong toàn bộ, nhất là từ 1975 văn hóa vô sản là bộ phận chủ đạo quan trọng nhất vì nó là chính thống, gắn liền với chủ trương lãnh đạo của Đảng và chính sách của nhà nước.

Văn hóa vô sản xuất phát từ quan niệm vô sản về văn hóa có những điểm mạnh và thành tựu của nó. *Thứ nhất,* nó chú ý đến mặt nội dung, đặc biệt là *nội dung xã hội-chính trị của văn hóa, gắn văn hóa với những vấn đề thời cuộc, những biến động lớn trong đời sống chính trị của quốc gia, của dân tộc. Thứ hai*, nó chú ý đến số đông, đến *quần chúng*, nhất là quần chúng lao động nghèo khổ, quan tâm đến việc nâng cao trình độ của nhân dân, đến việc phổ biến các giá trị văn hóa cho quần chúng đông đảo. *Thứ ba*, nó chú trọng tới

*cái chung*, tới lợi ích của cộng đồng, của dân tộc, tới sự liên kết các cá nhân thành một tập thể cùng hướng về một mục đích chung. Trong những năm qua các mặt trên đây tạo thành nội dung và tinh thần cơ bản của các nghị quyết của Đảng cũng như các chính sách của Nhà Nước về văn hóa và đã mang lại những giá trị thực tế.

Đồng thời thực tế cũng càng ngày càng cho thấy rõ thêm rằng quan niệm văn hóa vô sản được thực thi trong mấy chục năm qua là khá phiến diện, đơn giản, nhiều chỗ xa lạ với bản chất và đặc trưng của văn hóa và do đó đã để lại những hậu quả to lớn trong việc phát triển văn hóa dân tộc. Có thể khái quát tình trạng này thành mấy điểm sau đây:

a) **Thu hẹp văn hóa vào trong chính trị**; Do bị chi phối bởi quan niệm chính trị là thống soái, văn hóa đã không được xem như một lĩnh vực độc lập, có quan hệ với chính trị mà chỉ là một "đinh ốc và bánh xe", một "mặt trận", một bộ phận của công tác tư tưởng. Mối quan hệ phong phú giữa văn hóa và chính trị (trong văn hóa có chính trị, trong chính trị có văn hóa vì chính trị cũng là một lĩnh vực của văn hóa) bị thu hẹp thành công thức đơn giản: văn hóa ở trong chính trị, phục vụ chính trị. Kết quả là đặc trưng của văn hóa thực chất đã bị coi thường, các phạm trù cơ bản của văn hóa bị thay thế hoặc bị chi phối bởi các phạm trù chính trị (tính giai cấp, tính đảng, tính nhân dân); nội dung các tác phẩm văn hóa-nghệ thuật được xem xét và đánh giá chủ yếu dưới góc độ chính trị (chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tình thương yêu giai cấp, tính chiến đấu, tinh thần lạc quan cách mạng, con người mới, cuộc sống mới, nhân vật tích cực, tiêu cực...); những tìm tòi và sáng tạo nghệ thuật thường bị giới hạn trong một phạm vi nhất định, vượt khỏi giới hạn đó chúng dễ bị kết án có tính chất chính trị (trừu tượng suy đồi, bắt chước phương Tây, mỹ học tư sản...); các cuộc tranh luận trong lĩnh vựa lý luận và sáng tác nhiều khi biến thành những cuộc đấu tranh tư tưởng, sát phạt chính trị; những hiện tượng văn hóa thể hiện trong lối sống, trong sinh hoạt bị xét đoán theo "quan điểm", "lập trường" một cách đơn giản và máy móc (duy vật, duy tâm, tiểu tư sản, cá nhân tư sản, xa rời quần chúng...)

Đặc biệt sự vận dụng *quan điểm giai cấp* một cách dung tục và sự *phân chia các hình thái ý thức xã hội* trong đó chủ nghĩa xã hội được coi là cao nhất, giá trị nhất đã tách rời và đối lập văn hóa vô sản với các văn hóa khác, đặt nó cao hơn với các văn hóa khác cả về phương diện thời đại và lịch sử. Điều đó dẫn đến chỗ văn hóa quá khứ không những không được đánh giá đúng đắn trong những đóng góp xứng đáng của nó mà nhiều khi còn bị qui cho những thiếu sót mà nó sẽ không có nếu không bị soi rọi dưới ánh sáng của quan điểm vô sản, trong khi đó những kết quả bước đầu của văn hóa vô sản mặc dù nhiều khi còn thô sơ nhưng chỉ vì do phù hợp với quan điểm giai cấp và gắn với chủ nghĩa xã hội, với tên tuổi của phương thức sản xuất được xem là tiến bộ nhất lịch sử lại được đánh giá rất cao, đến mức như vượt qua hoặc ngang tầm với các di sản cổ điển.

b) **Đại chúng hóa văn hóa**: cách mạng vô sản là một cuộc cách mạng quần chúng, dựa vào quần chúng và lấy khẩu hiệu vì quần chúng làm mục tiêu hoạt động. Điều này chi phối hàng loạt đặc điểm của đời sống xã hội, của văn hóa. Như đã nói ở trên, việc quan tâm đến quần chúng là một ưu điểm, một mặt mạnh của chủ trương văn hóa vô sản. Song, do trình độ của những người lãnh đạo đảng và chính quyền, những người trực tiếp quản lý văn hóa bị hạn chế nên quan điểm quần chúng đã bị tuyệt đối hóa, bị giải thích sai lầm, dẫn đến những hậu quả tai hại. Quần chúng từ đối tượng phục vụ biến thành người xác định chuẩn mực giá trị của văn hóa. Cái gì nhân dân lao động chấp nhận, cái đó có giá trị, cái gì khó hiểu, xa lạ với quần chúng, với số đông thì bị phê phán. văn nghệ sĩ, trí thức chỉ là một thiểu số, và thiểu số này không có quyền đứng cao hơn mà phải hòa vào quần chúng, tự cải tạo, tự gọt rửa mình để có được cái nhìn của quần chúng, thị hiếu của quần chúng. Rốt cuộc, thay vì kéo quần chúng lao động lên đẻ đạt đến văn hóa của giới trí thức thì ngược lại, trí thức bị gọt bớt, hạ xuống cho bằng quần chúng. Ở đây khái niệm văn hóa bị thay thế bằng khái niệm lập trường hay nói đúng hơn, lập trường trở thành phạm trù văn hóa có ý nghĩa tuyệt đối, đứng cao hơn hẳn các phạm trù đích thực khác (trình độ, sự sâu sắc, tính độc đáo v.v...). Đã có một thời mọi sự giàu có đều bị xem là gắn với địa chủ, tư sản bóc lột và từ nghèo đến giàu không được coi như một trình độ, một tiến bộ về văn hóa mà chỉ là sự đối kháng giai cấp, sự suy đồi đạo đức cần phải san bằng, tiêu diệt.

Do áp dụng quan điểm quần chúng vào văn hóa không đúng, trong một thời gian dài ở nước ta *văn hóa chuyên nghiệp, văn hóa đỉnh cao* đã không phát triển được bình thường. Thế hệ văn nghệ sĩ mới hầu hết đều không thạo nghề, không thật chuyên, không có được cái tinh, cái sâu như các thế hệ xưa và như những đồng nghiệp ở nước ngoài. Bị quen với một cái chuẩn thấp, một thị hiếu dễ dãi trong suốt nhiều năm, tầm nhìn và khả năng sáng tạo của giới trí thức nghệ thuật trở nên hạn hẹp, bị mai một và tầm thường đi dần. Trong hoàn cảnh ấy, nếu được tiếp xúc với những thành tựu của văn hóa thế giới hiện đại thì chắc chắn điều đó sẽ dẫn đến *khuynh hướng bắt chước* nhiều hơn là khả năng sáng tạo thực sự. Bức tranh sinh hoạt văn hóa nghệ thuật ở nước ta hiện nay đang chứng minh phần nào nhận xét trên đây.

Trong một xã hội, sự tồn tại song song của văn hóa đỉnh cao và văn hóa của quần chúng là một điều cần thiết. Chúng sẽ tác động nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Việc hạn chế văn hóa đỉnh cao không những giúp văn hóa quần chúng phát triển mà còn tạo ra *tình trạng vô chính phủ, hỗn loạn, thấp kém* trong đời sống văn hóa, bởi vì ở đây qui luật tự điều chỉnh đã bị phá vỡ, cái non yếu không biết có chuẩn mực nào cao hơn để vươn tới, dễ dàng bị lôi kéo theo những thị hiếu tầm thường, còn những cái thấp kém, xấu xa thì không có gì cản trở, không có gì để tự đối chiếu, để xấu hổ, tha hồ hoành hoành, phổ biến nhân danh số đông, nhân danh "người lao động". Sự khiếp nhược và yếu ớt của cái tốt, sự ngang ngược của cái xấu, cái thiếu văn hóa

đang lan tràn chẳng phải là bức tranh đau lòng về tình trạng xuống cấp về văn hóa mà mỗi ngày chúng ta đang chứng kiến và lo ngại đó sao?

Bản chất của văn hóa là *trình độ*. Văn hóa càng phát triển, trình độ càng cao. Bởi vậy, chỉ chú trọng đến quần chúng mà coi thường trí thức thì sẽ kìm hãm sự phát triển của văn hóa, trong đó có văn hóa của bản thân quần chúng.

c) **Tuyệt đối hóa cái chung**: Mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cá nhân và cộng đồng là một trong những vấn đề cốt lõi của văn hóa nhân loại. Tùy theo mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh, vấn đề này hiện ra dưới những góc độ khác nhau. Ở nước ta, nhất là ở phía Bắc, hơn nửa thế kỷ qua, quan hệ trên đây được giải quyết theo hướng thiên về cái chung, thậm chí tuyệt đối hóa cái chung. Nhiều người nghĩ rằng giải quyết như vậy là đúng vì nước ta có chiến tranh, phải hy sinh những cái riêng tư để đánh thắng ngoại xâm, giành độc lập chung cho dân tộc. Song vấn đề không đơn giản như vậy.

Trước hết, phải thấy ở Việt Nam, việc ưu tiên cho cái chung khộng phải chỉ là một giải pháp tình huống bị bắt buộc, do hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Quan niệm này có nguồn gốc sâu xa của nó và thực tế đã tồn tại ngay trong những năm hòa bình. Cơ sở xuất phát đầu tiên của nó là lý thuyết về chủ nghĩa xã hội, trong đó *quyền tư hữu bị xóa bỏ* và được thay thế bằng các hình thức *sở hữu tập thể*, sở hữu toàn dân. Sự không công nhận quyền tư hữu tất yếu sẽ dẫn đến những hậu quả khác nhau của việc không tôn trọng quyền con người, tôn trọng cái riêng. Điều này lại trở nên trầm trọng hơn trong hoàn cảnh một nước chưa thoát khỏi *ý thức hệ phong kiến, chưa có truyền thống phát triển của chủ nghĩa cá nhân* ngoài một phong trào bột phát, có tính chất thuần túy văn chương hơn là xã hội diễn ra vào những năm 30 của thế kỷ này như một khát khao lãng mạn về tự do, về tình yêu thấm đượm tinh thần lãng mạn của văn học phương Tây đầu thế kỷ XIX. Thêm vào đó, từ năm 1946, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu và tiếp theo là công cuộc chống Mỹ, cái chung càng có điều kiện và lý do chính đáng để bao trùm lên cái riêng, chi phối toàn bộ hành vi ứng sử và hoạt động của con người.

Rõ ràng là trong hoàn cảnh lịch sử của nước ta, mấy chục năm qua, việc nhấn mạnh vai trò của cái chung có cái lý của nó. Cái lý đó thường được gọi là "sứ mệnh lịch sử" của dân tộc, cho dù sứ mệnh ấy được quyết định không chỉ bởi những hoàn cảnh ngẫu nhiên mà còn bởi ý chí và sự lựa chọn của con người. Giả thử rằng sứ mệnh ấy đúng thực là có tính chất lịch sử thì vẫn không thể không nhận thấy một thực tế là trong nhiều năm qua cái lý ấy đã bị đẩy lên quá mức, đã bị lạm dụng. Việc nêu lên "tính liên tục", "không ngừng" của cách mạng và giải thích những nhiệm vụ của tương lai bao giờ cũng khó khăn hơn của quá khứ (phá dễ hơn xây, thử thách trong hòa bình dễ hơn trong đánh giặc v.v...) khiến cho từ thế hệ này đến thế hệ khác cái chung có lý do, có điều kiện trùm mãi lên cái riêng, đến lúc lâu dần mỗi người như quên đi cái riêng của mình, quen với hạnh phúc chỉ như sự hi sinh, sự hòa tan trong

tập thể, đến mức đôi khi chỉ một chút biểu hiện của cá thể, của riêng tư cho dù chẳng liên quan trực tiếp đến sự nghiệp chung cũng bị phê phán, qui kết tội nghiệp.

Tất cả điều đó đã góp phần hạn chế sự phát triển của văn hóa, bởi vì trình độ văn hóa của xã hội được đo chủ yếu bằng *trình độ phát triển của con người*, bằng khả năng của con người đạt đến tự do, đạt đến sự phát huy hết năng lực sáng tạo của *mỗi người*, của *từng người*, bằng mức độ của sự giải phóng cá nhân con người khỏi những lực lượng áp bức, tha hóa nó. Vừa qua, điều đáng nói không phải là chúng ta đã đề cao, ca ngợi cái chung; bởi vì sự thống nhất ý chí của xã hội nhằm vào những mục đích cao cả, sự thống nhất giữa cá nhân và cộng đồng bao giờ cũng có vẻ đẹp riêng. Vấn đề là ở chỗ, cái chung đã bị tuyệt đối hóa; đã được nhấn mạnh quá mức, dẫn tới tình trạng *cái riêng của mỗi người không được tôn trọng, tính đa dạng của các phong cách sáng tác và cách cảm nhận nghệ thuật bị hạn chế, thị hiếu thẩm mỹ đơn điệu, bản lĩnh cá nhân nhợt nhạt, trí thức không dám sáng tạo*, không dám nghĩ những điều vượt khuôn khổ, cá nhân không có quyền lợi riêng đã đành, lại còn không có luôn cả trách nhiệm và bổn phận, bởi lẽ tất cả đã có tập thể - vinh quang cũng là của tập thể, sai lầm cũng là trách nhiệm tập thể!

Tóm lại, cùng với việc nghiên cứu lại kỹ lưỡng *văn hóa truyền thống* và *văn hóa phương Tây*, việc kiểm điểm lại, rút ra những bài học từ thực tiễn *văn hóa vô sản* mấy chục năm qua là hết sức cần thiết và cấp bách. Nó đòi hỏi cả lòng dũng cảm lẫn tinh thần khoa học, khách quan. Chừng nào chưa làm được điều này khó lòng có thể dựng lên được một mô hình hợp lý về văn hóa dân tộc trong tương lai

*

## 4.

Một trong những nhân tố quan trọng chi phối sự phát triển của văn hóa Việt Nam những năm tới đây là cuộc *cách mạng khoa học kỹ thuật* đang ngày càng rộng mở trên thế giới. Phân tích và dự báo những biểu hiện chung sẽ hình thành trong lĩnh vực văn hóa dưới tác động của những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại sẽ giúp đề ra các chính sách và chủ trương đứng đắn liên quan đến giáo dục, nghệ thuật, bảo vệ môi trường v.v...

Ngày nay cách mạng khoa học kỹ thuật diễn ra có khác trước. Nó không chỉ bùng nổ ở phương Tây mà cả ở phương Đông (Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Trung Hoa). Nếu trước đây nước Nhật duy tân với phương châm "Tính cách Nhật Bản, công nghệ phương Tây" thì bây giờ công nghệ ấy không còn chỉ là của phương Tây nữa. Nói cách khác, bây giờ nói đến công nghệ không nhất thiết phải nói đến phương Tây; *khoa học, kỹ thuật, công nghệ* không chỉ còn là tượng trưng của văn hoá Phương Tây mà trở thành hiện tượng văn hóa có tính toàn nhân loại và do đó xây dựng một nền văn hóa dân tộc theo hướng

chịu ảnh hưởng của sự phát triển khoa học kỹ thuật không có nghĩa là bắt chước phương Tây mà chính là hiện đại hóa dân tộc, đưa văn hóa dân tộc phát triển theo qui luật chung của văn hóa thế giới.

Tiến bộ khoa học-kỹ thuật, tự bản thân nó là bước tiến lớn về văn hóa. Đồng thời sự phát triển của khoa học-kỹ thuật cũng tác động đến toàn bộ đời sống xã hội, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tạo điều kiện cho tất cả các lĩnh vực văn hóa khác vươn lên một trình độ mới, làm cho sinh hoạt tinh thần và vật chất của xã hội giàu có, phong phú hơn và do đó đời sống con người cũng văn minh hơn, tiện nghi hơn, đỡ vất vả hơn. Ý nghĩa của những thành tựu khoa học-kỹ thuật đối với sự phát triển của văn hóa, đối với loài người nói chung vô cùng to lớn. Tôi không có ý định phân tích ý nghĩa đó ở đây. Trong bài này tôi chỉ muốn nêu lên một số vấn đề mang tính chất dự báo đặt ra đối với văn hóa Việt Nam hiện nay và tương lai trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới và một phần nào ở nước ta.

a) **Sự hình thành thị hiếu đại chúng**: Nhờ những thành tựu công nghệ, sản phẩm văn hóa có thể được phổ biến rất nhanh chóng và rộng rãi: Số lượng người tiếp nhận, sử dụng văn hóa tăng lên, nhu cầu nhận thức và giải trí của con người được thỏa mãn nhiều hơn. Sự gia tăng ấy đem lại một nguồn lợi lớn cho giới kinh doanh văn hóa. Những người này tìm cách đáp ứng càng nhiều càng tốt nhu cầu của công chúng và để có được nhiều công chúng họ buộc hạ thấp trình độ của các sản phẩm văn hóa sao cho nó có thể phù hợp với số đông bởi vì trong xã hội số đông bao giờ cũng chỉ đạt ở trình độ văn hóa thấp. Trước đây do sự lạc hậu của các phương tiện kỹ thuật điều này không thể thực hiện được. Tình hình nói trên làm nảy sinh ra mấy vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, xuất hiện một lối tiếp nhận văn hóa mang *tính chất tiêu thụ, thuần giải trí*, không phải chỉ bó hẹp trong một số phạm vi như trước đây (hoạt động vui chơi, văn hóa bình dân...) mà lan rộng ra hầu hết các giới, các lĩnh vực văn hóa tinh thần xã hội. Ý nghĩa giải trí đặc trưng cho nghệ thuật của các thế kỷ trước, nay có thêm tính chất mới: đó không còn chỉ là sự giải trí trí tuệ, sự giải thoát (deleverance) để cân bằng tâm lý mà còn là hành động giải trí đơn giản, có tính chất giết thời gian hoặc "thư giãn" nhằm giảm bớt những căng thẳng do môi trường và lối sống công nghiệp tạo nên. Đồng thời, do việc giới sản xuất và kinh doanh văn hóa muốn kiếm lời bằng hình thức "thâm canh" công chúng, liên tục tạo ra những sản phẩm, "mốt" mới, hấp dẫn, lôi kéo công chúng chạy theo, nên trong công chúng cũng hình thành một kiểu tiếp nhận văn hóa mới: "sử dụng" các tác phẩm nghệ thuật giống như "xài" hàng công nghiệp, không quan tâm nhiều đến giá trị lâu dài, dùng xong bỏ di ngay hoặc thay ngay bằng "mốt" mới. Và đến lượt mình, điều này đã tác động lại giới sáng tác: họ hiểu rằng mình cần làm gì với công chúng như vậy. Đây là những vấn đề rất quan trọng của văn hóa "hậu hiện đại" trên thế giới. Không hiểu điều này sẽ không cắt nghĩa được nhiều hiện tượng đang

và sẽ diễn ra trong đời sống văn hóa nước ta.

*Thứ hai*, do phải *sản xuất hàng loạt* để đáp ứng nhanh nhu cầu rộng rãi của công chúng, các sản phẩm văn hóa bị tước mất khá nhiều bản sắc, cá tính của một công trình sáng tạo có tính chất cá nhân; biến thành một thứ hàng bá "sale", không hay không dở, na ná giống nhau, trẻ con, người già, trí thức, bình dân ai xem cũng được. Kết quả là thị hiếu của công chúng mất đi *tính tích cực và nhạy cảm*, bị chi phối, áp đặt bởi thị hiếu của một số trung tâm sản xuất hàng "tầm tầm" hợp với khẩu vị của số đông, và vì vậy thị hiếu đó cũng mang tính chất khuôn mẫu, đơn điệu, rất ít bản sắc cá nhân. Về phương diện văn hóa và phương diện phát triển con người với nhân cách tự do, sáng tạo, đó là điều cần phải chú ý.

b) **Xu hướng lý tính hóa:** Mấy ngàn năm nay xã hội loài người đã phát triển nhờ *khả năng nhận thức* của con người đối với chính mình và thế giới xung quanh, trong đó lý tính giữ một vai trò hết sức quan trọng. Khả năng nhận thức này bộc lộ đầy đủ và rõ rệt nhất trong khoa khoa học và chinh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã làm tăng uy tín của tư duy lý tính trong đời sống nhân loại, song cái gì cũng có hai mặt của nó. Cũng chính cuộc cách mạng này có nguy cơ tạo ra *xu hướng thiên về lý trí* trong các hoạt động văn hóa và trong sự phát triển con người.

Thật ra từ lâu nhân loại đã có kinh nghiệm bảo toàn cơ chế tự điều chỉnh để cho đời sống xã hội vận động trong sự hài hòa. Nghệ thuật và tôn giáo sinh ra là nhằm đối trọng với khoa học và chính trị: cái không rõ, mờ ảo đối với cái khúc chiết, rành mạch, cái phi lý; hư vô đối với cái hợp lý, hiện thực. Phá vỡ thế cân bằng ấy là vô cùng nguy hiểm. Trong gần hai thế kỷ qua ở phương Tây khoa học đã mở một mũi đột phá, tiến nhanh lên pía trước, kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh mà Dostoievsky gọi là "nền văn minh lý trí". Nền văn minh đẻ ra những con người ích kỷ, tính toán, đầy tham vọng, tàn nhẫn và cô đơn. Dostoievsky, L. Tolstoi và nhiều nhà văn châu Âu đã lên án mặt trái của nền văn minh ấy.

Ở Việt Nam, mặc dù khoa học kỹ thuật chưa phát triển nhưng nhiều năm nay xu hướng lý tính trong lĩnh vực văn hóa đã bộc lộ trong một mức độ nhất định do ảnh hưởng của tư tưởng chính trị mác-xit bắt nguồn từ châu Âu. Biểu hiện rõ nhất là việc đề cao quá mức tính đảng và vấn đề phản ánh hiện thực, xem đây như yêu cầu bắt buộc và tiêu chuẩn cao nhất để định giá tác phẩm văn học- nghệ thuật hoặc việc khuếch đại vai trò của quan điểm chính trị ("thế giới quan") đối với sáng tác, coi thường trực giác của nhà văn. Những biểu hiện khác có thể nhận thấy trong sinh hoạt xã hội, trong giáo dục (xét đoán con người theo thành phần giai cấp, theo quan điểm lập trường, thiên về quá trình phân tích trong dạy văn và học văn...)

Tư duy lý tính quả thực có sức mạnh rất to lớn, nhưng theo ý kiến của một số nhà vật lý hiện đại, ngày nay dường như nó đã phát huy hết toàn bộ khả năng của mình, đã đi tới giới hạn của nó. Để tiếp tục nhận thức thế giới có lẽ

con người cần phải quay về với trực giác, cầu viện thêm ở cảm tính. Bởi vậy việc hình thành con người phát triển hài hòa với lý tính sâu sắc, tình cảm dồi dào và trực cảm tinh tế không những quan trọng về phương diện *đạo đức, xã hội, thẩm mỹ* mà cả về phương diện *nhận thức*.

Văn hóa Việt Nam có truyền thống giàu chất thơ. Bảo toàn chất thơ đó đến mức kìm hãm sự phát triển của tư duy lý tính, của khoa học kỹ thuật hay ngược lại hi sinh nó để đạt đến những mục tiêu chính trị, kinh tế nhất thời, làm con người trở nên què quặt - giải pháp nào cũng đều tác hại như nhau.

c) **Sex và bản năng**. Có rất nhiều cơ sở để có thể dự đoán rằng đây là vấn đề cần được tính đến trong tương lai ở nước ta. Trước hết, tình hình này có những nguyên nhân trực tiếp của nó, chẳng hạn như sự du nhập văn hóa nước ngoài, sự phát triển của du lịch. Song cũng như ở các nước phương Tây trước đây, nguồn gốc sâu xa đẻ ra lối sống công khai tình dục và văn hóa đề cao những yếu tố bản năng lại chính là công cuộc giải phóng cá nhân, đề cao tự do của con người và sự phát triển của khoa học kỹ thuật - hai quá trình quan trong trong lịch sử tiến hóa của xã hội loài người mấy thế kỷ gần đây. Mỗi bước đi của lịch sử bao giờ cũng có tính hai mặt là vậy.

Con người hiện đại được hưởng những thành tựu của sự phát triển khoa học kỹ thuật thông qua những của cải vật chất, tiện nghi sinh hoạt và thời gian rảnh rỗi mà nó đem lại. Một đời sống no đủ cộng với sự cởi bỏ mọi ràng buộc về đạo đức và chính trị bằng cách tự giải phóng khỏi chúng hay khước từ chúng với một thái độ hư vô đối lập sẽ tạo điều kiện cho sự bộc lộ những năng lực tự nhiên của con người, nhất là trong quan hệ tình dục và những sinh hoạt văn hóa trực tiếp gắn với cơ thể sinh lý của con người (nhảy, múa, hát...). Thêm vào đó khoa học hiện đại, đặc biệt là y học đã tước đi tất cả sự huyền bí của con người và do đó xóa bỏ luôn cả cảm giác e thẹn và thiêng liêng đối với phần thế giới con người được che phủ. Một khi cơ thể con người không còn bí ẩn nữa thì sự khỏa thân của nó trong sách báo, phim ảnh, thậm chí cả trong đời cũng không có gì thật là khó hiểu.

Đã qua rồi cái thời những khát vọng chính đáng, những biểu hiện tự nhiên của con người bị kìm hãm, bị buộc tội. Đó là một bước tiến của văn hóa. Nhưng rồi nhân loại lại sẽ đi về đâu với những đêm nhạc cuồng nhiệt, diễn viên hát nghe như hét, như gào thét vào tai, với những cảnh nhảy múa thác loạn, với những pha làm tình công khai trên màn ảnh, diễn ra ngay trước mắt trẻ em? Hiểm họa SIDA là một lời cảnh báo. Nhưng đó vẫn chỉ là lời cảnh báo đầu tiên. Văn hóa Việt Nam đi vào tương lai phải rút ra bài học từ đây. Để bảo vệ con người, bảo vệ gia đình như một tế bào cơ bản của xã hội và bảo vệ văn hóa, thuần phong của dân tộc.

d) **Niềm tin và tôn giáo**. Nhiều người nghĩ rằng khoa học càng phát triển, tôn giáo càng ít có đất tồn tại. Thật ra đó chỉ là ngộ nhận. Theo thống kê của các tổ chức quốc tế, hiện nay, nếu chỉ tính bốn tôn giáo chính là Cơ Đốc Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo và Phật Giáo, số người theo đạo đã chiếm

69,2% dân cư toàn thế giới, bao gồm khoảng 3.326.400.000 người. Còn nếu tính cả các tôn giáo lớn nhỏ khác thì con số đó lên tới 4.781.200.000 người, tức là 100% dân số toàn cầu(4). Riêng ở nước ta, tuy không có số liệu cụ thể nhưng nhiều dấu hiệu cho thấy gần đây tôn giáo đã phục hồi trở lại.

Tình trạng tôn giáo ít phát triển ở Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây có những nguyên nhân rất cụ thể. Trước hết là do *quan niệm về duy vật*. Từ lĩnh vực *triết học*, chủ nghĩa duy vật biến thành một phạm trù chính trị ("chủ nghĩa duy vật chiến đấu"), coi mọi biểu hiện của chủ nghĩa duy tâm, trong đó có tôn giáo, đều là nhảm nhí và cần phải loại bỏ khỏi đời sống xã hội. Chủ nghĩa duy vật vô sản đã dựa vào thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học thực nghiệm để chứng minh rằng tôn giáo không chỉ duy tâm mà còn không có cơ sở *khoa học*, chẳng khác nào những hình thức của sự mê tín dị đoan. Cộng vào đó nếu xét dưới góc độ chuyên chính vô sản, về phương diện *chính trị*, tôn giáo chỉ là "thuốc phiện" ru ngủ quần chúng.

Thật ra những cách nhìn nhận trên đây tuy có phần đúng nhưng lại quá phiến diện và hời hợt. Muốn hiểu đúng và đánh giá đúng tôn giáo *cần phải tiếp cận nó trên bình diện văn hóa và nhân bản*. Tôn giáo thực chất là *niềm tin* của con người vào những giá trị tuyệt đối không đạt được ở trần thế; không có nó, con người mất đi chỗ dựa tinh thần vô cùng to lớn; mất đi một ảo tưởng để có thể bấu víu vào trong cô đơn, tuyệt vọng. Tôn giáo đến với con người như một sự an uỉ, chia xẻ; nó làm cho con người mạnh mẽ hơn khi hành động và biết yếu đuối, đau đớn trong tội lỗi. Với tính chất là niềm tin, tôn giáo cũng giống như nghệ thuật có thể bị sử dụng vào mục đích chính trị, bị cuốn vào những xung đột xã hội, trở thành một lực lượng, một thể chế (giáo hội). Song tự bản thân nó tôn giáo là cái gì đó đối trọng với chính trị, làm phong phú và thăng bằng cuộc sống.

Trên bình diện văn hóa, nghệ thuật và tôn giáo đầy đủ hơn, ít phiến diện hơn khoa học và chính trị. *Tôn giáo cũng là một cách giải thích thế giới*. Bởi vậy nó cũng là văn hóa. Nhưng cách giải thích của nó không thuần lý trí như các lĩnh vực nói trên. Nói đúng hơn, *tôn giáo là một cách ứng xử của con người đối với thế giới*. Cách ứng xử đó có thể là "duy tâm", không "khoa học" nhưng nó lại cần để con người tồn tại và phát triển. văn hóa ứng xử ấy cần được xem là một kiểu văn hóa lớn của xã hội loài người và chừng nào con người còn cần duy trì sự tồn tại của mình, nó còn cần tôn giáo. Điều đó giải thích vì sao tôn giáo sẽ không mất đi mà vẫn sống và nếu cần vẫn có thể sinh ra những tôn giáo mới.

e) **Vấn đề môi trường**. Hiện nay ở nước ta môi trường chưa phải là vấn đề bức xúc hàng đầu, nhưng chắc chắn trong những năm tới đây nó sẽ được cảm nhận một cách cấp bách. Bởi vậy giáo dục ý thức về môi trường và ngăn chặn hậu quả tiêu cực của sự phát triển công nghệ, của quá trình đô thị hóa là những việc cần phải làm ngay từ bây giờ.

Bảo vệ môi trường không phải chỉ có ý nghĩa về phương diện sức khỏe.

Mặc dù ý nghĩa này vô cùng to lớn. Thử hỏi khi nguồn nước bị ô nhiễm nặng, không khí ngột ngạt mùi xăng dầu, xung quanh đầy bụi bặm, tiếng ồn thì làm sao con người tránh được bệnh tật. Nhưng bên cạnh đó chúng ta cần phải chú ý thêm ý nghĩa văn hóa của vấn đề, bởi vì *quan hệ của con người đối với môi trường chính là thước đo trình độ văn hóa* của con người, của xã hội. Quan hệ này có hai mặt: sự gắn bó của con người với môi trường và khả năng cải tại môi trường ấy. Mỗi bước đi của con người trong việc chinh phục thiên nhiên là một bước phát triển về văn hóa. Đồng thời sự tiến bộ ấy lại có thể kèm theo nguy cơ tách con người ra khỏi thiên nhiên, thậm chí đối lập sức mạnh của con người với tự nhiên. Điều đó nhất định sẽ làm cho đời sống tinh thần của con người nghèo đi, què quặt đi.

Bảo vệ môi trường cần phải được xem là thái độ có văn hóa, là tiêu chuẩn xác định giá trị của các hoạt động con người trong kỷ nguyên khoa học-công nghệ. Văn hóa quan trọng nhất là văn hóa sống, là lối sống. Con người hiện đại không thể đạt được lối sống cao nếu bị tách khỏi thiên nhiên, bị đối mặt với một môi trường thiếu thẩm mỹ và ô nhiễm.

*

5.

Từ tất cả những điều trình bày trên đây có thể rút ra kết luận: phương châm phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay không phải là dân tộc, khoa học, đại chúng mà là *đa nguyên, đa dạng, vì con người* và có *tính dân tộc*. Với tính chất đa nguyên, văn hóa Việt Nam chấp nhận sự tồn tại của nhiều kiểu văn hóa, nhiều loại giá trị văn hóa khác nhau được tiếp thu từ truyền thống, được du nhập từ bên ngoài cũng như được rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn của việc xây dựng nền văn hóa theo quan điểm mác-xít mấy chục năm qua. Nó chấp nhận mọi sự tìm tòi và sáng tạo khác nhau nhân danh văn hóa. Với phương châm vì con người nó đòi hỏi văn hóa không phải chỉ nhằm vào những lợi ích chung của xã hội, của cộng đồng mà còn phải phục vụ trực tiếp cho con người, cho việc hình thành những con người tự do, có cá tính, có bản lĩnh, phát triển hài hòa, không bị lý trí hóa và biến thành một thứ máy móc, công cụ, hoạt động mù quáng dưới sự tác động của các thế lực khác nhau, cho dù đó là chính trị, tôn giáo hay khoa học. Và cuối cùng, tính dân tộc của văn hóa ở đây cần được hiểu chủ yếu không phải như yêu cầu làm cho văn hóa Việt Nam có một màu sắc riêng, một cái gì lạ đối với văn hóa các nước trên thế giới; một quan niệm như vậy có tính chất đối ngoại và bề ngoài hơn là thực chất, nội dung. Cái chính là phải làm sao cho văn hóa phát triển phù hợp với truyền thống tâm lý và điều kiện sống của dân tộc.

Văn hóa thực sự đã trở thành vấn đề cấp bách của xã hội chúng ta. Nghèo đói có thể bị đẩy lùi dần nhưng những lo âu về văn hóa thì vẫn cứ tăng lên. Đây vẫn sẽ là nỗi đau chung của những ocn người có văn hóa, của tất cả

những ai quan tâm đến con người, đến thực trạng xã hội và tương lai dân tộc. Song từ đó cũng không nên nghĩ rằng bức tranh văn hóa hiện nay chỉ có một màu ảm đạm và viễn cảnh văn hóa tương lai cũng chỉ tràn đầy những dấu hiệu bi quan.

Mấy năm gần đây đời sống hòa bình và đặc biệt là những bước đi đầu tiên của công cuộc đổi mới đã mang lại cho sinh hoạt văn hóa ở Việt Nam những thay đổi đáng kể. Lần đầu tiên đã có sự "chệch chuẩn", vược khung một cách ồ ạt. Lần đầu tiên thực tiễn đã không phục tùng "lãnh đạo". Sinh hoạt văn hóa trở nên sinh động hơn, nhiều màu sắc hơn, hấp dẫn hơn. Đã bắt đầu hình thành hai khuynh hướng sẽ đi về tương lai - đó là *kiểu văn hóa đa nguyên* và nền *văn hóa gắn với sự giải phóng cá nhân*, phát triển con người tự do, có cá tính, có bản lĩnh. Hai khuynh hướng này chưa được khẳng định về phương diện quan phương nhưng thực chất là đang tồn tại và phổ biến trong tất cả các lĩnh vực văn hóa.

Văn hóa Việt Nam hiện nay đang *tự chuyển mình*; chuyển theo hướng trở về với những truyền thống, tinh hoa của dân tộc, chuyển theo hướng hội nhập với thế giới, chuyển theo hướng ít thu hẹp vào trong chính trị mà mở ra với toàn bộ cuộc sống, theo hướng dân chủ và vì con người phát triển tự do. Nó chuyển mình trong dòng chảy ồ ạt, xô bồ, ở đó có tất cả: hậu quả của chiến tranh và những quan niệm cũ, những cái mới có giá trị và không có giá trị, sự xuống cấp nền văn hóa và những đường nét của cái đẹp đang hình thành tự phát. Đổi mới không có lỗi trong sự "đổ vỡ" văn hóa ấy. "Lỗi" ấy ở chính cuộc sống. Cuộc sống tự nguyện chấp nhận một phần đổ vỡ để đi lên.

Khó khăn hiện nay là trong lý luận, trong những quan niệm chính thống. Không có lý luận đúng đời sống vẫn tồn tại, vận động, nhưng thường thì trong quá trình đó cái kém, cái xấu được lợi nhiều hơn là cái đẹp. Bởi vậy nhận thức lại về những vấn đề văn hóa, có được những quan niệm đúng, gần với hiện thực để thảo gỡ, để hỗ trợ là công việc vô cùng cấp bách.

LÊ NGỌC TRÀ

*(Trong nước)*

---

(1) Quan niệm này đã được nhà xã hội học Đức Max Weber nêu ra và phát triển trong công trình nổi tiếng "Đạo đức của Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản". Theo tác giả, tính hợp lý của đạo Tin Lành với xu hướng cố gắng thực hiện sự kiểm soát lý tính đối với thế giới đã tạo điều kiện để phát triển chủ nghĩa tư bản hiện đại, ngược lại Nho Giáo với chủ trương con người phải cố gắng tự thích ứng với thế giới một cách hợp lý là một trở lực ngăn cản sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại ở Trung Quốc.

(2) Về phương diện này, ý kiến sau đây của nhà kinh tế nổi tiếng người Nhật Michio Morichima rất đáng chú ý: "Quá khứ áp đặt tiến trình phát triển tiếp theo của một đất nước... Bất kỳ một tư duy khoa học xã hội nào không đếm xỉa gì tới lịch sử, cho dù nó có thể có tác dụng như là một bước tiến đầu tiên tới gần hiện thực, đôi khi có thể trở

nên thậm chí là một tư duy nguy hiểm. Các chính sách kinh tế thiếu sự nhìn nhận lịch sử chẳng khác gì những trò cực kỳ phiêu lưu. Một chính sách tỏ ra là thành công đối với Nhật Bản lại có thể bộc lộ là vô dụng ở Anh, và ngược lại, bởi vì giữa các nước có những sự khác biệt về tính cách, lối ứng xử của nhân dân và mọi đặc tính văn hóa khác do quá khứ để lại"

(Michio Morishima. Tại sao Nhật Bản "thành công". Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản. Nxb Khoa Học Xã Hội, HN-1991, tr 249)

(3) Chúng tôi dùng khái niệm "Văn hóa vô sản" chứ không dùng khái niệm "Văn hóa theo quan điểm mác-xít" vì nghĩ rằng "mác-xít" cũng là cái thuộc về văn hóa phương Tây, trong khi đó ở Việt Nam, quan điểm mác-xít lại mang nhiều màu sắc vô sản Trung Quốc hơn là màu sắc triết học phương Tây. Tư tưởng của K. Marx chứ không phải là "chủ nghĩa Mác" nói chung và cách mạng văn hóa Việt Nam nói riêng là một đề tài quan trọng, cần được nghiên cứu kỹ.

(4) Theo Universal Almanac do John W. Wright chủ biên. New York, 1993, tr 330.



**NGUYỄN BẮC SƠN**

# mùa thu, đi ngang cây phong du

*Khi nhớ mình ta muốn ghé thăm*
*Ngôi nhà gần ngôi nhà xa vạn dặm*
*Con đường tình có cội nguồn sâu thẳm*
*Từ sinh cung của Bà Mẹ Mêng Mông*
*Ai xui ngôi nhà em cất bên kia sông*
*Khiến đời anh cứ mãi qua cầu cứ trèo lên dốc*
*Bầu trời quá cao phải chăng vì lòng quá thấp*
*Chiều mù sương vì tình yêu mù sương*
*Ai xui ngôi nhà em cất giữa ngã tư đường*
*Khiến đời anh cứ ngập ngừng ba ngã*
*Con phố thân quen bất ngờ con phố lạ*
*Nơi hàng cây rụng tiếng tắc kè kêu*
*Nơi lầu cao khung cửa sổ đìu hiu*
*Soi thấp thoáng ngọn đèn hoa thiếu nữ*
*Những sợi tóc rụng trên chồng sách cũ*
*Vì thanh xuân theo nước lũ trường giang*
*Những chiếc xe đò đêm đêm băng ngang*
*Rớt tiếng động khơi nỗi sầu viễn xứ*
*Bầy chim én đã bắt đầu tư lự*
*Ngủ âm thầm trên những đường dây cao*
*Đi ngang qua đi ngang qua đi ngang qua*
*Đi ngang qua không dừng trong đời nhau*
*Hẹn gặp nhau ở Nhất Nguyên Thế Giới*

# nhị hồng

*Lòng vui sướng như một ngày nắng tốt*
*Cầm tay em đi chầm chậm qua sông*
*Tà áo em buồm trắng đã căng phồng*
*Những tình ý một đời không nói hết*
*Trong thành phố này, từ lâu anh vẫn biết*
*Ở đâu đây còn chảy một dòng sông*
*Ở đâu đây còn có mặt trời hồng*

*Có bến tịnh đậu con thuyền trôi nổi*
*Thời tuổi trẻ đời anh buồn quá đỗi*
*Nhà anh nghèo ngày không đủ cơm ăn*
*Mẹ hai ta lau nước mắt nhọc nhằn*
*Đau xót quá đàn con đâu có biết*
*Khi lớn khôn nhiều đêm anh hối tiếc*
*Suốt một đời mê mải với văn chương*
*Suốt một đời mê mải với văn chương*
*Suốt một đời chưa viết nổi tình thương*
*Của bà mẹ tóc già đang nhuốm tuyết*
*Em cũng biết tình yêu anh bát ngát*
*Và ngây thơ như đồng mía lau say*
*Biết ngày xưa anh là ngọn gió Tây*
*Thổi quanh quẩn con đường nhà em mỗi tối*
*Ta về với nhau vợ chồng không đám cưới*
*Khi em thành sương phụ áo màu đen*
*Anh bán đi chồng sách quí nuôi em*
*Cuộc tình hai ta sao cũng buồn quá đỗi*
*Trong khu vườn nhà ta sáng hôm nay có nhiều lá mới*
*Những lá già rã mục tự hôm qua*
*Trong lòng anh cũng nở một bông hoa*
*Bông hoa ấy chỉ mình em ngó thấy.*

# thiếu nữ thôn làng

*Em đi qua một vũng bùn*
*Im trong ruộng nước một chùm trăng sao*
*Có con cá nhỏ bào hao*
*Say mê nên cứ lội vào tung tăng*

# kẻ say mê làm giàu

*Anh ôm của cải trần gian*
*Bước quanh co mãi con đàng điêu linh*
*Một hôm anh bỗng giật mình*
*Thấy nhân tính với nhân tình tiêu tan*

NGUYỄN BẮC SƠN
(Trong nước)



**PHẠM DUY**

# những bước đầu

## (trong nửa thế kỷ tân nhạc)*



LỜI NÓI ĐẦU: Dăm bảy năm về trước, trước sự tiến hóa của cái gọi là "Tân Nhạc Việt Nam", tôi đã viết bài đăng trên báo *Văn Học* (Santa Ana - Califonia) và soạn những chương trình phát thanh cho đài BBC Luân Đôn để nói về sự **thành lập** và **phát triển** của ngành nghệ thuật âm thanh, trên dưới 50 năm nay, đã có mặt ở trong và ngoài nước, và nhất là ở trong lòng ba bốn thế hệ người Việt Nam rồi. Đơn phương làm công việc của một tập thể (như Hội Nhạc Sĩ Việt Nam chẳng hạn), chắc chắn tôi vấp nhiều khuyết điểm, nhưng vào lúc đó tôi cứ quyết định làm vì nghĩ rằng sẽ có ngày về nước để cùng hội luận với mọi người trong ngành rồi sẽ sửa sai, nếu cần.

Lúc này là lúc ở trong nước và ở hải ngoại có nhiều cơ hội để người Việt quyết định làm công việc thống nhất lòng người, nghĩa là làm lại công việc đánh giá cho thật đúng những bản nhạc đã đi vào lịch sử *Năm Mươi Năm Tân Nhạc Việt Nam*. Tôi bèn tạm gác những công việc khác qua một bên, ngồi viết lại những chương đầu của cuốn **Lược Sử Nửa Thế Kỷ Tân Nhạc Việt Nam** mà tôi đã khởi sự viết từ nhiều năm về trước. Tôi cần phải viết lại những chương đầu, vì chỉ mới gần đây (1994) tôi mới có dịp tiếp xúc với những người thành lập nên nền Tân Nhạc như Nguyễn Văn Tuyên (86 tuổi, hiện ở Sàigòn - Việt Nam), Thẩm Oánh (80 tuổi, hiện ở Virginia - USA), Dù trong những năm tháng trước đây, tôi đã xin được khá nhiều tài liệu "bực một" *(de première source)* ở những vị kỳ cựu trong làng Tân Nhạc như Vũ Thành, Nguyễn Văn Cổn, Hải Linh (trước khi ba ông mất), Văn Giảng (hiện ở

Australia), Nguyễn Hiền, Nguyễn Bích (hiện ở rất gần tôi) v.v... nhưng tôi vẫn cần có thêm ý kiến của những người làm nên nền Tân Nhạc khi họ còn sống. Tôi đã rất buồn là chưa tiếp xúc được với một ông tổ của Tân Nhạc là Nguyễn Xuân Khoát để hỏi về giai đoạn đầu thì ông qua đời.

Hôm may, trước khi có thêm thời giờ, cơ hội (và nhất là phương tiện) đi du khảo xa gần để viết về những giai đoạn sau, tôi xin cống hiến ngay bây giờ bài sơ khảo về ba thời kỳ đầu tiên của Tân Nhạc với một bố cục như sau:

**I) THỜI KỲ ĐI TÌM NHẠC NGỮ MỚI** (đầu thập niên 30)
Bài hát theo điệu cổ
Bài hát theo điệu Tầu

**II) THỜI KỲ CHUẨN BỊ** (giữa thập niên 30)
Bài hát theo điệu Tây
Tư Chơi, Huỳnh Thủ Trung

**III) THỜI KỲ THÀNH LẬP** (1938-46)
Âm nhạc cải cách
Lớp người tiền phong

**CÁC XU HƯỚNG**
**1) Xu hướng nhạc tình**
a) Nhạc lãng mạn (buồn)
b) Nhạc trữ tình (vui)
**2) Xu hướng nhạc hùng**
a) Bài ca Hướng Đạo
b) Thanh Niên Lịch Sử Ca
**3) Xu hướng tôn giáo**
Tân nhạc trong Công Giáo
Tân nhạc trong Phật Giáo

*

## I.- THỜI KỲ ĐI TÌM NHẠC NGỮ MỚI (1930-1935)

Vào những năm đầu của thập niên 30, tôi là cậu bé đang bước vào tuổi lên mười. Không như những thiếu nhi, thiếu niên trong các thập niên sau này, sẽ có hàng chục, hàng trăm bài hát cho tuổi của các em, lúc đó, tôi không có

tới dăm ba bài ca để hát một mình, hát chung với bạn bè hay để hát biểu diễn cho ai nghe cả.

Âm nhạc cổ truyền như *Hát Trống Quân, Hát Cò Lả, Hát Quan Họ*... hoàn toàn vắng mặt tại các thành phố. Ngay cả trong các vùng thôn quê là nơi xuất xứ của các loại dân ca đó, người dân Việt Nam sống dưới chế độ thực dân Pháp cũng không còn hết lòng ca hát trong các vụ hát hội, hát đám nữa. Những điệu dân ca mà tôi được nghe họa hoằn trong những ngày lễ, như lễ 14 Juillet do người Pháp tổ chức tại chính quốc và tại các thuộc địa để ăn mừng ngày phá ngục Bastille chẳng hạn... là loại *hát xẩm*, hát ngay trên vỉa hè nhà tôi ở 54 Phố Hàng Dầu, Hà Nội.

Nếu tôi có được nuôi dưỡng thêm bằng âm nhạc vào lúc đó thì cũng chỉ là đi coi *Hát Chèo Văn Minh* của cụ Nguyễn Đình Nghị tai rạp Sán Nhiên Đài hay coi *Tuồng Cải Lương* của Trần Phềnh (hơi khác với Cải Lương Nam Kỳ) tại rạp Quảng Lạc. Hoặc là nghe những *bài ca Huế* của bả Ấm Chung là người mà mẹ tôi nuôi ở trong nhà để dạy cho hai chị tôi đánh đàn tranh. Cũng còn là những bản *Hát Bộ Miền Trung* của một ông lái buôn nước mắm, mỗi khi từ Nghệ An chở nước mắm ra bán tại ngoài Bắc, thì hay đến ngủ ở nhà tôi và được mẹ tôi coi như em nuôi, tôi phải gọi là Cậu. Ngoài ra, tôi cũng được nghe nhạc Pháp loại *ca khúc thịnh hành* (chanson à la mode), nghe thì thích đấy, nhưng chưa lấy gì làm say mê cho lắm.

Cậu bé lên mười ở trong một thành phố Việt Nam, vào những năm 1931,1932... nếu muốn có cái gì mới để hát thì đó là một bài hát ve gái của người lớn, với những lời ca mới, soạn ra để hát với một điệu cổ là điệu *Bình Bán*:

*Tôi chờ cô tối qua*
*Suốt canh chầy chẳng thấy cô ra.*
*Chờ bấy lâu mới biết cô là*
*Cô là người tôi thường hay ước mơ...*

1.- Bình Bán

Tôi chờ cô tối qua Suốt canh chầy chẳng thấy cô ra Chờ bấy
lâu mới biết cô là Cô là người tôi thường hay ước mơ

Hay là đi coi hát Cải Lương, thuộc lòng một bài hát khen ngợi, hát theo điệu *Hành Vân* :

*Là hội ca cầm*
*Chúc cậu mợ giầu sang*
*Giầu sang giầu sang phú quý*
*Trên ô tô dưới thời ca nô*
*Nằm giường lèo đắp chăn nệm gấm*
*Đi giầy Gia Định ngồi ghế phụng loan*
*Cậu bịt răng vàng*
*Trên đầu cậu xịt dầu thơm, dầu thơm...*

2.- Hành Vân




Lúc bấy giờ có một số nhà giáo, có lẽ cũng muốn bắt chước người xưa (như Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái đã dùng thi ca để viết cuốn Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca) cho phổ biến một số bài hát với lời ca kể truyện tích trong lịch sử Việt Nam, hát theo nhạc điệu cổ truyền, chẳng hạn bài *Cổ Bản* sau đây:

*Dân số 25 triệu*
*Nòi giống da vàng (ứ)*
*Chi Hồng Bàng*
*Dòng họ Hùng Vương (ứ ư)*
*Phi thường*
*Về thời hồng hoang...*






Soạn lời ca mới để hát trên điệu cổ để kể truyện lịch sử, và để nung nấu tinh thần yêu nước, lúc đó các nhà giáo còn làm chuyện đáng kể hơn nữa là dùng một điệu hát Việt Nam đang thịnh hành là điệu *Hành Vân* để dạy học trò với lời ca bằng tiếng Pháp:

*Mes chers enfants ! Mes chers enfants !*
*Vous êtes des jeunes gens Il faut travailler*
*Et n'oubliez pas Que le temps passe vite.*

4 - Hành Vân




Lúc đó cũng có một bài ca yêu nước hát theo điệu *Bình Bán* mà có người cho là do Nguyễn Thái Học soạn:

*Ta là dân nước Nam*
*Giống Lạc Hồng nay đã lầm than*
*Phải làm sao giết quân tham tàn*
*Giết loài thực dân lòng ta mới an...*

5.- Bình Bán




Như vậy là trong những năm đầu của thập niên 30, vì chưa có ai dám nghĩ đến chuyện sáng tác ca khúc mới (với cả nhạc điệu với lời ca) cho nên người ta chỉ dám dùng các điệu đã quen biết để làm lời ca mới phù hợp với nhu cầu

của mình.

Một số điệu Tầu đã được Việt Nam hoá và được dùng trên sân khấu cải lương, bây giờ cũng có lời ca mới để dân chúng hát chơi, như bài hát tán gái bằng điệu *Mãi Tạp Hóa:*

*Mình ơi có đi bờ hồ*
*Cùng ta chén kem kẹo dừa...*
(Hồi đó, kéo nhau đi ăn kem ở bờ hồ Hoàn Kiếm
là một cái thú của người Hà Nội)
*Cứ đi, đi mình nhé*
*Trong túi có vài Rồng Xanh...*
(nghĩa là tờ giấy bạc có vẽ hình con rồng xanh)




Và cũng có cả một bài hát chế diễu người Hoa Kiều, hát theo điệu quảng (tức là điệu Tầu Quảng Đông), trong giới âm nhạc gọi là *bài tạ* :

*Bên Tầu ngộ ở bên Tầu*
*Bên Tầu ngộ mới qua đây*
*Qua Nam Việt bán buôn làm giầu*
*Mới đến ngộ có cái đòn gánh*
*Mới đến ngộ bán chè khô*
*Chè lố ngộ bán mì khô (**)*
*Bán không được kéo nhau về Tầu...*






Tóm tắt lại, trong thời gian sống dưới chế độ thực dân, lũ thiếu nhi hay thiếu niên chúng tôi, cũng như một số những người lớn, đã chỉ làm một công việc rất dễ dãi là : hoặc dùng nhạc điệu cổ Việt Nam để soạn lời ca mới, có khi là lời ca tiếng Pháp, với mục đích khêu gợi tinh thần yêu nước; hoặc dùng những nhạc điệu Tầu để soạn những bài hát chơi.

Sự chắp vá này chỉ nói lên nhu cầu có cái mới trong ca hát và chỉ được coi như đang trong giai đoạn sửa soạn để có một loại ca nhạc nào đó, khác với nhạc cổ truyền, nhạc dân ca đã có từ lâu và đang suy tàn.

## II.- THỜI KỲ CHUẨN BỊ
## (1935-1938)

### Bài Ta Theo Điệu Tây
### Tư Chơi tức Huỳnh Thủ Trung

Tuy nhiên, điệu nhạc Tầu hay điệu nhạc Việt Nam cổ truyền, vốn nằm trong nét nhạc ngũ cung (pentatonic) quá quen thuộc, dẫu có hát lên với lời ca mới, vẫn chưa thoả mãn được nhu cầu cần thay đổi một không khí âm nhạc của tuổi trẻ vào hồi đầu thập niên 30. Lúc đó, cái mới đối với chúng tôi là nhạc Âu Tây. Nhạc này du nhập vào Việt Nam từ khá lâu, có thể nói kể từ khi đạo Thiên Chúa tới nước ta và được rao giảng với sự trợ lực của những bài "giáo ca". Các thầy dòng Việt Nam đầu tiên của đạo này được huấn luyện để dùng âm nhạc trong việc truyền giáo. Cho tới khi nước mình trở thành thuộc địa của Pháp thì đại chúng Việt Nam được làm quen với "nhạc nhà binh" qua những đội kèn đồng. Người dân ở thành phố hay làm việc với Pháp thì được biết thế nào là nhạc cổ điển, nhạc khiêu vũ Tây Phương, dần dà được làm quen với nhạc cụ, sách nhạc do Pháp cho nhập cảng vào Việt Nam. Cho tới đầu thế kỷ 20 thì những bài hát Âu Mỹ được phổ biến mạnh mẽ hơn tại Việt Nam dưới hình thức đĩa hát loại 78 tours, hoặc được phô diễn trên màn ảnh phim nói. Thế hệ chúng tôi không còn bị hấp dẫn bởi nhạc cổ truyền, không ham đánh đàn tranh, đàn bầu, đàn nhị, đàn nguyệt nữa thì bèn tập đánh mandoline, guitare và giỏi hơn nữa là tập violon, piano để có thể làm quen với những bài hát ngoại quốc mà chúng tôi ưa thích. Rồi cũng có khi soạn lời ca tiếng Việt để "mình hát mình nghe" mà thôi.

Trước đó, trong giai đoạn dùng điệu cổ để soạn bài hát mới cho học sinh,

một số nhà giáo cũng đã dùng một điệu hát bình dân của Pháp để đưa ra một bài ca yêu nước, đánh thức người dân đang ngủ vùi dưới chế độ thực dân, hát trên điệu *Frère Jacques* :

*Hời hợi đồng bào ! Hời hợi đồng bào !*
*Tỉnh dạy mau ! Tỉnh dạy mau !*
*Nước (ứ) ta đã mất rồi ! Nước (ứ) ta đã mất rồi !*
*Mau tỉnh mau ! Mau tỉnh mau !*

Thật là hay ! Vì ý nghĩa của bài *Frère Jacques* của người Pháp cũng là lời kêu gọi, thức tỉnh :

*Frère Jacques ! Frère Jacques*
*Dormez vous ? Dormez vous ?*
*Sonnez les matines ! Sonnez les matines !*
*Ding dang dong ! Ding dang dong!*

8.- Frère Jacques

Hời hợi đồng bào Hời hợi đồng bào Tỉnh dậy mau Tỉnh dậy mau
Frè - re Jac - ques Frè - re Jac - ques Dor- mez vous? Dor- mez vous?

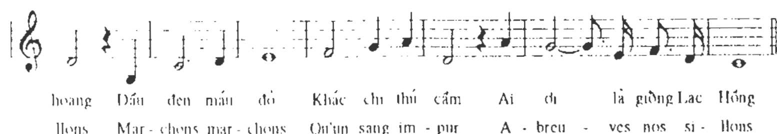
Nước ta đã mất rồi Nước ta đã mất rồi Mau tỉnh mau Mau tỉnh mau
Son- nez les ma - ti- nes Son- nez les ma - ti- nes Ding dang dong Ding dang dong

Lại còn có cả một bài hát yêu nước về Trưng Nữ Vương hát trên điệu *La Marseillaise*, nghĩa là bản quốc ca của Pháp, thường được dùng trên sân khấu cải lương:

*Huyết khí ở đâu, người Nam !*
*Để chúng múa gậy vườn hoang*
*Đầu đen, máu đỏ, khác chi thú cầm*
*Ai ơi là giống Lạc Hồng.*

9.- La Marseillaise

Huyết khí ở đâu người Nam? Để chúng múa gậy vườn
Aux ar - mes ci - toy - ens For - mez vos ba - tai -




Nhưng người thành công nhất trong việc thu dụng nhạc điệu Âu Mỹ để đưa ra những bài hát mới phải là nghệ sĩ Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi. Ông vừa là diễn viên, vừa là soạn giả và còn muốn là người soạn nhạc nữa cho nên ông đã sáng tác những ca khúc ngắn mà ông gọi hẳn là "bài ta theo điệu tây" và những tiểu ca kịch (opérette) mà ông đặt tên là "hoạt kê hài hước" (opérette comique) trình diễn trên sân khấu các đoàn hát TRẦN ĐẮT và PHƯỚC CƯƠNG vào khoảng 1933-1934.

Sân khấu CẢI LƯƠNG lúc đó đã có hai loại tuồng : 1) Tuồng Tầu với tích truyện cổ, diễn viên mặc quần áo giống như các nhân vật của sân khấu Trung Quốc; 2) Tuồng Tây với tích truyện tân thời, diễn viên mặc quốc phục và âu phục.

Tuồng Cải Lương có phần âm nhạc thoát thai từ loại Nhạc Tài Tử đặc biệt của miền Nam với giàn nhạc đệm là các thứ nhạc cụ dân tộc, có thêm một giàn nhạc Tây Phương ở dưới đất, giữa quan khách và sân khấu, diễn tấu những bài bản Âu Mỹ như *La Comparsita, Tabou, Siboney v.v...* trước giờ mở màn hay vào giờ nghỉ (entracte). Ngay từ khi xẩy ra Thế Chiến I, một bài hát rất phổ thông trong binh lính Pháp là bài *Madelon* cũng đã được giới Cải Lương Nam Kỳ thu dụng để toàn ban ra hát chào khán giả trước khi mở màn, lẽ dĩ nhiên là hát với tiếng Việt : *Xin chào đồng bào và xin chúc quý quan an vui...*Trên sân khấu các đoàn TRẦN ĐẮT và PHƯỚC CƯƠNG, ngoài việc soạn ra những tích tuồng mới phản ảnh xã hội Việt Nam vào lúc đó — phần nhiều là hài kịch (comédie) — nghệ sĩ Tư Chơi còn muốn cải cách cả phần âm nhạc. Ông không muốn dùng các bài bản có tính chất cổ truyền như *Lưu Thủy, Hành Vân* trong opérette của ông..

Với sự phổ biến của máy hát chạy bằng lò xo, nhạc Âu Mỹ với những "bài hát theo thời" (chansons à la mode) đã bắt đầu thịnh hành trong xã hội đô thị Việt Nam. Những bài hát Pháp như *J'ai Deux Amours, Ma Tonkiki Ma Tonkinoise...* đã được nhiều người biết đến. Bài *J'ai Deux Amours* do nữ ca sĩ Mỹ đen Joséphine Baker hát trong dĩa hát được nghệ sĩ Tư Chơi đưa lên một tuồng hát của mình, với lời ca của Năm Châu :

Buồn thay nghề hát
Trong xứ ta nhiều gương xấu
Tìm bạn đồng tâm
Đâu thấy ai ? Nào đâu ?

Bài *J'ai Deux Amours*, sau khi có lời Việt đã phổ thông đến độ trong báo PHONG HOÁ, có ngay câu hát nhại hát theo điệu này :

*Giò này giò nóng*
*Ai muốn mua thì xin cứ*
*Bỏ một hào ra*
*Ai muốn mua, thì mua...*

J'ai Deux Amours

J'ai deux a mours Mon pa - ys et Pa - ris
Buồn thay nghề hát Trong xứ ta nhiều gương xấu
Giò này giò nóng Ai muốn mua thì xin cứ

Par eux tou - jours Mon coeur est ra vi
Tìm bạn đồng tâm Đâu thấy ai? Nào đâu?
Bỏ một hào ra Ai muốn mua thì mua

Có thể nói việc làm của Tư Chơi đã thành công. Một số bài của anh dù khởi đầu phóng tác từ một điệu Tây, về sau được coi là điệu Việt Nam hoàn toàn, chẳng hạn bài Hoà Duyên, thường được dùng để hát đối đáp trên sân khấu Cải Lương:

*Tình quyết yêu nhau thì xin cứ thề*
*Ừ thì thề !*
*Thề nếu ai sai thì xin có Trời*
*Ừ trời hành !*

11.- Hoà Duyên

Tình quyết yêu nhau thì xin cứ thề Ứ thì thề Thề

nếu ai sai thì xin có trời Ừ trời hành (không nhớ

Bài này vào nằm trong nhạc mục của ngành ca kịch Cải Lương, ít người biết nó khởi sự là một bài ta theo điệu Tây của Tư Chơi, Huỳnh Thủ Trung.

Cùng một lúc với việc anh Tư Chơi tung ra trên sân khấu loại hát anh gọi là "bài ta theo điệu tây", thì trong giới yêu nhạc với đa số là nam nữ trong tuổi thanh xuân cũng có phong trào chuyển ngữ các bài hát Tây do các ca sĩ thời thượng như Tino Rossi, Rina Ketty, Albert Préjean, Georges Milton... hát vào đĩa hát 78 tours.

Các nghệ sĩ sân khấu Việt Nam trẻ, đẹp, hát hay như Ái Liên, Kim Thoa, lại được các hãng dĩa của người Pháp như BEKA mướn để thu thanh các bài ta theo điệu tây. Suốt mấy năm liền, từ 1935 cho tới 1938, rất nhiều các bài hát của Pháp như *Marinella, C'est À Capri, Tant Qu'il Y Aura Des Étoiles, Un Jour Loin De Toi, Celle Que J'aime Éperdument, Les Gars De La Marine, L'-Oncle De Pékin, Guitare D'amour, Créola, Signorina, Sous Les Ponts De Paris, Le Plus Beau Tango Du Monde, Colombella...* (phần lớn là sáng tác của nhạc sĩ người Pháp Vincent Scotto) và của Mỹ như *Good Bye Hawaii, South Of The Border...* đã được phổ biến mạnh mẽ với lời ca tiếng Việt, soạn bởi một nhà báo trẻ tên là Mai Lâm và bởi những tác giả vô danh khác.

Làm sao mà chúng tôi không thích những bài ta theo điệu Tây cho được? Trước hết, những bài mà tôi vừa dẫn kể ở trên, không những rất hay về ý nghĩa (lúc đó chúng tôi cũng đã giỏi tiếng Pháp lắm rồi) lại còn được những giọng hát ngọt lịm của Tino Rossi, lanh lảnh của Rina Ketty, hài hước của Georges Milton hay bình dị của Albert Préjean... làm tăng giá trị. Rồi bây giờ lại còn được Mai Lâm soạn những lời ca rất phù hợp với tuổi mơ mộng của chúng tôi. Đã có những hội "Ái Tino" được thành lập. Một thanh niên có giọng hát tốt, sau này là một nhạc sĩ được nhiều người biết tới, nhạc sĩ Canh Thân, bắt đầu cuộc đời ca hát của anh bẰăng cái tên Tino Thân.

Trong mấy chục bài ta theo điệu Tây hồi giữa thập niên 30, tôi chỉ còn nhớ lõm bõm vài bài, chẳng hạn những bài *Guitare d'amour*, *C'est À Capri, Un Jour Loin De Toi...* :

*Guitare d'amour*
*Apportes lui l'écho d'un beau jour*
*Dis lui que le printemps ne dure qu'un instant*
*Et puis l'amour s'achève.*

Lời Việt :

*Cặp môi trên đoá hoa*
*Vì tình âu yếm thiết tha ta đắm say...*

## 12.- Guitare d'Amour

Gui - ta - re d'a - mour Ap - por - tes lui l'é -
Cặp môi trên đoá hoa Vì tình âu yếm thiết

cho d'un beau jour Dis lui que le prin - temps Ne du - re
tha ta đắm say

qu'un ins - tant Et puis l'a - mour s'a - chè - ve

*. . . C'est à Capri que je l'ai rencontrée*
*Je fus charmé encore plus que surpris.*
*De mille fleurs elle était entourées*
*Au milieu d'un jardin de Capri*
*Tout comme dans un poème*
*Me voyant elle me sourit*
*Je lui ai dit : je vous aime*
*C'était au pays de Capri...*

Lời Việt :

*Ngày đưa xe hoa năm đã qua bao tình sâu xa*
*Còn như in sâu trong trí tôi bao ngày vui qua*
*Người mà tôi yêu, tôi đắm say, tôi hằng mơ*
*Đến với tôi, trong ngày vui, trong hội hoa.*
*Ngày nay anh tới đây, đợi chờ nắng*
*Mà sao em nÀơ sao, em biệt bóng ?*
*Lòng anh ôi chứa chan mối tình ái*
*Lời thề nguyền non nước em đành sai...*

## 13.- C'est A Capri

C'est à Ca - pri que je l'ai ren - con - trée Je suis char - mé en - core
Ngày đưa xe hoa năm đã qua bao tình phôi pha Còn như in sâu trong trí

plus que sur - pris De mil - le fleurs elle é - tait en - tou - rées Au mi -
tôi bao ngày vui qua Người mà tôi yêu tôi đắm say tôi hằng mơ Đến với

lieu d'un jar - din de Ca - pri Tout com - me dans un po - è - me
tôi trong ngày vui trong hội hoa Ngày nay anh tới đây đợi chờ nắng

Me voy - ant elle me sou rit Je lui ai dis
Mà em sao nỡ sao biệt bóng Lòng anh ôi chứa

Je vous ai - me C'é - tait au pa - ys de Ca - pri
chan mối tình ái Lời thề nguyền non nước em đành sai

*. . . Un jour loin de toi*
*Est un jour sans bonheur*

Lời Việt :

*Một ngày xa mặt em*
*Là một ngày anh buồn tênh.*

hay là

*Xa em trong một khắc*
*Tầy ba thu đau xa cách..*

14.- Un Jour Loin De Toi

Un jour loin de toi est un jour sans bon - heur
Một ngày xa mặt em là một ngày anh buồn thiu
Xa em trong một khắc Tầy ba thu đau xa cách

Nhà báo Mai Lâm là người soạn nhiều bài ta theo điệu tây nhất. Lời ca rất du dương, rầu rĩ... Nhưng ngoài những bài có lời ca mơ mộng một cách rất ngây thơ như vậy, cũng có những bài khôi hài nghịch ngợm (tếu, danh từ của người Hà Nội) như lời ca soạn theo bài *Celle Que J'aime Éperdument* :

Lời Việt :

*Trông thấy có, có cô con gái*
*Đi qua phố vén chân lên đái.*

Celle que j'aime é - per - du - ment
Trông thấy có có cô con gái
Đi qua phố vén chân lên đái

Bài *Les Trois Petits Cochons* trong phim hoạt hoạ của Walt Disney có những lời ca rất tục Nguyên bản :

*Il y avait trois petits cochons*
*À la queue en tire bouchon*
*Qui lorsqu'on parlait du méchant loup*
*Ne s'affolaient pas du tout...*

Lời Việt :
*Có ba nàng tè bằng cái nong*
*Cái lông tè ngoằn ngoèo uốn cong*
*Ai nói đến cái sợi lông,cái lông tè*
*Thì ba nàng vùng vằng khiếp kinh...*

16.- Les Trois Petits Cochons

Il'y a - vait trois p'tits co - chons À la
Có ba nàng tè bằng cái nong Cái lông

queue en tir' - bou - chon Qui lors - qu'on par - lait
tè ngoằn ngoèo uốn cong Ai nói đền cái sợi

du mé - chant loup Ne s'af - fol - laient pas du tout
lông cái lông tè thì ba nàng vùng vằng khiếp kinh

Tôi gọi giai đoạn từ 1935 cho tới 1938 là **Thời Kỳ Chuẩn Bị** của Tân Nhạc Việt Nam. Phong trào hát nhạc ngoại quốc với lời Việt còn kéo dài cho tới bây giờ và ta cần ghi lại sự phổ biến rộng rãi, vào những năm đầu của thập niên 40, của vài ba bài Tân Nhạc của Nhật Bản, Trung Hoa như *Shina No Yoru, Hà Nhật Quân Tái Lai* (với lời Việt của Văn Chung) mà tôi là người phổ biến, khi đi hát rong với một gánh hát Cải Lương.

## III.- THỜI KỲ THÀNH LẬP (1938-1946)

### **Âm nhạc Cải Cách Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Cổn**

Sự hiện diện rất hùng biện của những "bài ta theo điệu tây" trong thập

niên 30 đã chứng tỏ tuổi trẻ Việt Nam lúc đó không còn rung động trước dòng nhạc cổ truyền đang ở trong thời kỳ suy nhược nhất của nó. Phong trào "bài ta theo điệu tây" chưa được coi là sự hình thành của Tân Nhạc Việt Nam nhưng nó là động cơ thúc đẩy tuổi trẻ sáng tạo một dòng nhạc mới phù hợp với nhu cầu của thời đại. Đông đảo thanh niên nam nữ lúc đó cũng đã bắt đầu học nhạc lý, học sử dụng các nhạc cụ Tây Phương rồi. Một nhạc viện do người Pháp mở ra từ năm 1927 lấy tên là CONSERVATOIRE FRANCAIS d'EXTREME-ORIENT, cũng đã đào tạo được năm bẩy nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên, học theo đường lối âm nhạc cổ điển Âu Tây là Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Văn Giệp, Nguyễn Hữu Hiếu, Phạm Văn Nhường... Trường nhạc tuy có cái tên rất kêu, nhưng cũng chỉ dạy cho học sinh vài môn như nhạc lý, kéo violon, violoncelle, đánh piano chứ không dạy sáng tác, lịch sử âm nhạc, lý luận âm nhạc và nhất là không dạy các môn hoà âm, đối âm, phối khí, chỉ huy giàn nhạc. Sau ba năm học ở trường này, (nhạc viện đóng cửa vào năm 1930) mấy ông nhạc sĩ tiên phong kia cũng đã khởi sự hành nghề tại một nhà hàng lớn nhất Hà Nội là TAVERNE ROYALE, nằm ngay trước mặt hồ Hoàn Kiếm.

Ở các thành phố lớn, các hội "Ái Nhạc" (Philharmonique) cũng được thành lập để truyền bá nhạc cổ điển Tây Phương. Võ Đức Thu là nhạc sĩ tốt nghiệp về piano ở Hội PHILHARMONIQUE Saigon.. Mặt khác, các nhạc sĩ trẻ, hoàn toàn là những tài tử (amateur) cũng đã tự học nhạc, đã viết ra những bản nhạc đầu tay của mình, nhưng chưa dám đưa ra trước công chúng, mới chỉ trình bày cho nhau nghe trong những buổi họp mặt có tính chất salon littéraire, coi đó như là sự phản ứng trước phong trào "bài ta theo điệu tây" mà họ cho là đầu cua tai nheo, ngoại lai, chắp vá.

Đầu năm 1938 phải được coi như một mốc điểm lớn của Âm nhạc Việt Nam. Sau thời gian **chuẩn bị**, bây giờ có thể coi như nhạc việt loại mới được **thành hình**. Một thanh niên gốc Huế tên là Nguyễn Văn Tuyên, ngụ tại Thị Nghè, tòng sự tại một công sở ở Saigon, có giọng hát hay, đã thử thách soạn mấy bài hát mới và được bạn bè hoan nghênh, rồi được một công chức kiêm thi sĩ làm việc cho Đài RADIO INDOCHINE là Nguyễn Văn Cổn hết lòng giúp đỡ bằng cách đưa thơ cho Nguyễn Văn Tuyên phổ nhạc, hoặc soạn lời ca cho những bản nhạc của Nguyễn Văn Tuyên. Sau nữa, Nguyễn Văn Cổn lại còn giới thiệu Nguyễn Văn Tuyên với Thống Đốc Nam Kỳ hồi đó là Pagès để xin được trợ cấp để — theo tin báo chí lúc đó — đi "diễn thuyết về âm nhạc cải cách" tại các thành phố lớn như Huế, Hải Phòng, Hà Nội... Chính Nguyễn Văn Cổn là người đặt tên cho loại nhạc mới là "âm nhạc cải cách" (musique renovée)

Tháng 3 năm 1938, Nguyễn Văn Tuyên tới Hội TRÍ TRI ở Hà Nội và Hội TRÍ TRI ở Hải Phòng để làm công việc ông gọi là "vận động cho âm nhac cải cách". Ba bài được hát lên trong buổi vận động này là : *Bông Cúc Vàng, Anh Hùng Ca* và *Một Kiếp Hoa*. Theo lời nhạc sĩ Lê Thương, buổi hát ở Hà

Nội không thành công vì *"cử toạ đông đảo, quá ồn ào, làm mất trật tự. Giọng Huế của ông hơi khó nghe. Còn có cả sự phản ứng của nhiều thanh niên cho rằng việc hô hào của ông Tuyên là thừa, vì loại nhạc mà ông gọi là cải cách đó, ở ngoài Bắc đã có rồi. Buổi trình diễn ở Hải Phòng thành công hơn, nhưng chỉ có 20 người tới nghe. Ông Tuyên còn trình bày một lần nữa tại rạp chiếu bóng Palace nhân kỳ hội của Trường nữ học HOÀI ĐỨC "*...(trích trong bài viết về Tân Nhạc, in trong nhạc tập NHẠC TIỀN CHIẾN — nhà xuất bản KẺ SĨ, Saigon 1970)

Nguyễn Văn Tuyên có thể không thành công trong những buổi "vận động cho âm nhạc cải cách" ở Bắc Việt vì giọng nói khó nghe hay vì hai bài hát không được hấp dẫn lắm, nhưng theo tôi, hành động của ông thì không thể gọi là thừa. Bởi vì trước khi ông công khai ra mắt công chúng tại các thành phố lớn ở ba miền Trung Nam Bắc, chưa có một cá nhân hay một nhóm nhạc sĩ nào gây được sự chú ý của mọi người về sự thử thách của họ trong phạm vi âm nhạc mới, khả dĩ có thể thay thế được cái phong trào gọi là "bài ta theo điệu tây". Bây giờ việc làm của Nguyễn Văn Tuyên được báo chí tường thuật rồi được mọi người bàn ra tán vào. Tuần báo có thế lực nhất lúc đó là tờ NGÀY NAY thì hết lòng ủng hộ, cho đăng tải bài hát của Nguyễn Văn Tuyên trong số báo 122 ra ngày 7-8-1938. Từ đó, báo này luôn luôn đăng những bản nhạc mới của những nhà soạn nhạc mới. Một tờ báo chuyên về âm nhạc cũng sẽ ra đời để cổ võ cho loại nhạc mới. Đó là tờ NHẠC VIỆT.

Như diều gặp gió, lớp người tiên phong của Tân Nhạc bấy lâu nay còn hoạt động một cách rụt rè, bây giờ họ đã góp gió thành bão và đã làm nên một phong trào âm nhạc lớn, phong trào nhạc mới mà Nguyễn Văn Tuyên vừa đi làm cuộc vận động vào tháng ba 1938 này.

## THỜI KỲ THÀNH LẬP

### Lớp Người Tiền Phong

Chắc chắn là trước khi Nguyễn Văn Tuyên đi hô hào nhạc cải cách vào tháng 3 năm 1938 đó, một số nhạc sĩ chuyên nghiệp hay mới chỉ là nhạc sĩ tài tử mà thôi, cũng đã có những thử thách về sáng tác và trình diễn những bài hát mà họ đã soạn ra từ những năm 1936-37. Cũng như Nguyễn Văn Tuyên, họ đang muốn làm một cuộc cải cách âm nhạc nhưng chưa ai gây được một phong trào nào lớn trong quần chúng cả.

Cũng đã khởi sự có những lớp dạy nhạc theo đường lối Tây Phương ở Hà Nội. Phạm Đăng Hinh là người tốt nghiệp về violon ở ngoại quốc, đã mở lớp dạy đàn và đã soạn một bài hát kỷ niệm những ngày ông kéo đàn tại một hộp đêm ở Hồng Kông nhan đề *Đám Mây Hàng* (sau này trở thành bài *Cám Dỗ*, được dùng trong một trong những cuốn phim đầu tiên của Việt Nam là

TRẬN PHONG BA). Lớp nhạc Phạm Đăng Hinh đã đào tạo ra Hoàng Gia Lịnh, người nay mai sẽ soạn ra một trong những bài ca yêu nước đầu tiên của thời đại là bài *Việt Nam Bất Diệt*. Còn một ông thầy dạy nhạc khác ở Hà Nội là Trần Quang Ngọc, ông này cũng đã viết một bài hát nhan đề *Đường Trường* có thể được coi như bài hành khúc đầu tiên của Tân Nhạc.

Với chủ trương "không muốn khai phóng" cho dân Việt, nhà cầm quyền Pháp không mở lại trường dạy nhạc là CONSERVATOIRE FRANCAIS d'EXTREME-ORIENT cho nên, trước sự nẩy nở của phong trào âm nhạc cải cách, có hai tổ chức đào tạo nhạc sĩ ra đời. Đó là HỘI KHUYẾN NHẠC mà người đứng đầu là Nguyễn Văn Giệp và NHẠC ĐƯỜNG HỌC XÁ của Lưu Quang Duyệt.

Hội KHUYẾN NHẠC được thành lập với những hội viên như vĩ cầm gia Nguyễn Văn Giệp, dương cầm gia Nguyễn Hữu Hiếu và những người rất yêu nhạc như Nguyễn Xuân Tống, Nguyễn Văn Long... Có khá nhiều thanh niên tới học nhạc. Theo Thẩm Oánh, số tiền học nhạc là một hào một bài. Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn, về sau là tác giả của nhiều bài hát nổi tiếng, đã học nhạc tại Hội KHUYẾN NHẠC này.

Lưu Quang Duyệt, vốn là một vị tu xuất từ nhà dòng (nên được gọi "Bộ" Duyệt) chuyên dạy violon và nhạc lý cho học sinh tới học nhạc tại một ngôi trường nhạc nho nhỏ ở đường Mongrand, được đặt tên là NHẠC ĐƯỜNG HỌC XÁ. Xuất thân từ học xá này là một nhạc sĩ trẻ tên là Tu Mi, tác giả của một bài hát sau này khá phổ thông là bài Tan Tác. Thẩm Oánh là người cộng tác chặt chẽ với cả hai tổ chức HỘI KHUYẾN NHẠC và NHẠC ĐƯỜNG HỌC XÁ.

Mặt khác, có những người trẻ, tự học nhạc Tây Phương, rồi khởi sự soạn nhạc và thường hội họp với nhau để hoà đàn, để thảo luận về âm nhạc và đưa ra những thử thách của mình. Ngoài những sinh hoạt có tính chất "salon" ra, họ cũng thỉnh thoảng ra mắt khán giả trong phạm vi hội hè ở nhà trường hay trong những buổi phụ diễn chiếu bóng để làm việc nghĩa. Ngay từ 1937, ho cũng đã thành lập nhóm hẳn hòi rồi, dù tổ chức còn lỏng lẻo. Đó là nhóm MYOSOTIS (Hoa Lưu Ly) gồm có Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Vũ Khánh, Trần Dư, Phạm Văn Nhường... và nhóm TRICEA gồm có Văn Chung, Lê Yên, Dzoãn Mẫn, Phạm Ngữ... Cũng còn phải kể tới những nhạc sĩ trẻ độc lập ở Hà Nội và không ở nhóm nào cả, nhưng tác phẩm sẽ đi vào nhạc sử Việt Nam, chẳng hạn tay vỹ cầm Lương Ngọc Châu. Hồi cuối thập niên 30, anh này hãy còn là một sinh viên trường Bưởi nhưng đã hoạt động rất nhiều trong giới sinh viên về phương diện âm nhạc. Trong những ngày hội cuối niên học, Lương Ngọc Châu được giao cho trách nhiệm cung cấp một số bài hát để dùng trong những Ca Cảnh, do đó chúng ta có một số bài hát có tính chất dã sử như *Một Ra Đi Là Không Trở Về, Bóng Người Núi Lam, Huyền Công Chúa...*

Nguyễn Xuân Khoát thì đã hành nghề nhạc công tại một nhà hàng sang

trọng và đã phổ nhạc những bài thơ của Thế Lữ như *Hồn Xuân, Chờ Đợi Bình Minh*, hai bài hát này cũng đã được đăng trên báo NGÀY NAY vào cuối năm 1938, nghĩa là được soạn ra trước hay đồng thời với những nhạc phẩm của Nguyễn Văn Tuyên.

Ở Hải Phòng, trước khi Nguyễn Văn Tuyên bắn phát súng đầu tiên để mở màn cho âm nhạc cải cách thì Lê Thương, Hoàng Quý, Phạm Ngữ, Hoàng Phú (sau này đổi tên là Tô Vũ), Canh Thân (tức Tino Thân), Văn Trang... cũng đã có những sinh hoạt về nhạc mới rồi. Đã có sáng tác, đã có trình diễn, những vẫn chỉ là những sinh hoạt lẻ tẻ, chưa thành phong trào lớn.

Ở Nam Định, các nhạc sĩ trẻ như Đặng Thế Phong, Bùi Công Kỳ, Hoàng Trọng, Đan Thọ... cũng vô hình trung trở thành một nhóm tài tử và sẽ cung cấp cho nhạc sử Việt Nam nhiều nhạc phẩm bất hủ.

Ở Huế, Tourane (Đà Nẵng) và Faifoo (Hội An) thì đã có những nhạc sĩ tài tử như Nguyễn Văn Thương, Phan Huỳnh Điểu, La Hối... đang chuẩn bị để đẩy mạnh phong trào âm nhạc cải cách do Nguyễn Văn Tuyên vừa đề xướng.

Ở Quảng Ngãi thì có Vân Đông và Trình (chỉ nhớ tên, không nhớ họ)

Còn ở Saigon, ngoài Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Văn Cổn ra, có thêm nhạc sĩ Jean Tịnh, cũng là nhân viên của Đài Phát Thanh RADIO INDOCHINE, thành lập một ban nhạc lấy tên là BÌNH MINH, trong đó có Paul Báu, người sẽ dạy tôi đàn guitare trong gánh Cải Lương Đức Huy. Chắc chắn ban nhạc này chơi nhạc Âu, Mỹ nhưng cũng có thể chơi những bản nhạc nhạc cải cách của Nguyễn Văn Tuyên và của những người khác.

Cũng có thêm vài người, hội viên của Hội SAMIPIC (Hội Nam Kỳ Đức Trí Thể Dục) muốn sáng tạo một nền âm nhạc Việt Nam mới theo nhạc lý Tây Phương. Đó là Thái Thị Liên, người đầu tiên dùng những khúc điệu cổ như *Lý Ngựa Ô, Bình Bán* để soạn thành những cầm tấu khúc cho piano. Đó cũng là Võ Đức Thu với cái tên Charles Thu, cũng soạn nhạc cho piano với bản Việt Nam Tân Âm Điệu. Đó còn là Phạm Công Nhiều với bản *Tình Hận* rất phổ thông trong các vũ trường. Trên sân khấu lưu diễn MINH TINH CA VŨ ĐOÀN của Antoine Đạm cũng đã có sự ra mắt của những bài ca cải cách. Lưu Hữu Phước cùng với Mai Văn Bộ cũng đã soạn cho Câu Lạc Bộ Học Sinh nằm trong Hội SAMIPIC kể trên một bài ca chính thức nhan đề *Hành Khúc Của Thanh Niên Nam Kỳ* (Marche De La Jeunesse Cochinchinoise), nhạc của Lưu Hữu Phước, lời ca của Mai Văn Bộ, bằng tiếng Pháp (***).

Còn là những học sinh, sinh viên từ Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long lên Saigon theo học tại trường Pétrus Ký như Lưu Hữu Phước, Nguyễn Mỹ Ca, Trần Văn Khê và đã hoạt động ráo riết cho một nền âm nhạc mới dù chỉ là soạn ra những bài hát Việt với lời ca tiếng Pháp. Sau này, họ còn cho ra một Tuyên Ngôn Về Âm Nhạc để cổ xúy cho nền Tân Nhạc do Trần Văn Khê, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Tôn Hoàn đồng ký tên.

Sau khi đã biết qua về sự thành hình của một phong trào, bây giờ là lúc

chúng ta đi sâu vào những tác phẩm và những con người được coi như là những vị tiên phong của nền Tân Nhạc.

PHẠM DUY
*(Tiếp kỳ sau)*

---

* Những chương thuộc NHỮNG BƯỚC ĐẦU (TRONG NỬA THẾ KỶ TÂN NHẠC) của cuốn LƯỢC SỬ NỬA THẾ KỶ TÂN NHẠC VIỆT NAM do nhạc sĩ Phạm Duy dành riêng cho tạp chí Hợp Lưu khá dài, không thể đi trọn trong một số báo, nên chúng tôi đã chia ra đi làm nhiều kỳ, bắt đầu từ số này, và sẽ tiếp tục ở những số kế. Theo thiển ý của chúng tôi, đây là một tài liệu quí, một công trình biên khảo công phu, khách quan, rất cần thiết cho những người quan tâm đến lịch sử âm nhạc Việt Nam; còn cần thiết hơn nữa, cho những nhà nghiên cứu trong cũng như ngoài nước, muốn viết về một giai đoạn, trong tiến trình hình thành nền Tân nhạc của chúng ta.

(**) hay là "sê cố", một thứ nước vỏ chanh đông thành đá mà trẻ con thích ăn.

(***) Theo Mai Văn Bộ, trong cuốn LƯU HỮU PHƯỚC, CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP, nhà xuất bản Trẻ 1989



**HOÀNG CẦM**

# thi dệt vải

*Lòng em phau phau*
*tìm đâu mấu sợi*

*Một tấm trường giang*
*đèn rọi võ vàng*

*Thoi chim Khách đếm năm đi vút*
*Vải gột hồ hai má*
*đã mặt ao gờn gợn nét thu sang*

HOÀNG CẦM



**THƯỜNG QUÁN**

# đà nẵng 70s

*Một bên là hàng cột đèn hỏng mắt*
*bên kia là hàng tường thấp quay lưng lại biển*
*tôi chọn con đường tăm tối chạy giữa*
*những chiếc lon thiếc gió đá lanh canh*
*đôi chân của một cậu con trai tóc chởm hoe đỏ*
*mấy đốm sao tắt vọt*
*va vào biển tối rè vỡ*
*bài Jazz*
*sáng mỗi đôi mắt*

*chiếc bình mà những đóa qùy vàng*
*đã bị rút đi*
*nằm đâu đó khát nước*
*trên một bãi rác lũ chó gầm gừ*

*vòi phông-tên ri rỉ*
*rêu đến nửa đêm ẩm ướt*
*chiếc lưới gió, những giỏ cá chết*
*mằn mặn, bốc mùi*
*biển có những con thuyền*
*dưới đáy*
*và những tảng đá núi*
*to lớn bằng những khối chiều*
*úp chụp chặn ngửa*
*mùa hè đi vào những ngày cuối*
*chiếc cổ tướt đỏ*
*sấm chớp lằn chân trời*
*quẩy đập những lưới cá*
*không thể đổ giông:*

*trong những căn nhà đâm vào giữa*

*những sợi dây cáp những cầu tháp bưu điện*
*vẽ nguệch ngoạc những chân dung mây*
*tình yêu là một bả vai nâu*
*hay một đường sờn rách*
*bung chỉ*
*ngấn nách?*
*Không xé nổi những tấm bạt*
*trên những sập gỗ chợ*
*gió đá vào những chiếc lon rỗng tiếp tục*
*trên đá xanh lóa chớp.*

THƯỜNG QUÁN



**NGUYỄN LẬP ĐÔNG**

# xuân

*nụ hoa mới - mở thêm cành lá rũ*
*mùa xuân về - như nhan sắc hôm qua*
*con sóng động - hai bờ xưa hư hỏng*
*thời gian theo - hơi thở cũng bay ra*

*hai mắt lé - cúi nhìn xuân lạ mặt*
*đất trời tôi - dung nổi một hương qua?*

# nhớ

*o trên mười phím tay ngà*
*xôn xao ngày cũ lệ nhòa thơ ta*
*thấy trong hơi rựu xót xa*
*những oan khiên đã mù lòa như im*

NGUYỄN LẬP ĐÔNG



**THỤY KHUÊ.**

# nguyễn huy thiệp



## NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN HUY THIỆP.

*Truyện Ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, cho đến nay, được in trên ba tập:* 1/Tướng Về Hưu (1988), *nxb Trẻ - TP.HCM, gồm: - Những ngọn gió Hua-Tát (10 truyện thật ngắn: Trái Tim Hổ, Con Thú Lớn Nhất, Nàng Bua, Tiệc Xoè Vui Nhất, Sói Trả Thù, Đất Quên, Chiếc Tù Và Bị Bỏ Quên, Sạ, Nạn Dịch, Nàng Sinh). - Và những truyện ngắn khác: Tâm Hồn Mẹ, Huyền Thoại Phố Phường, Chảy Đi Sông Ơi, Tướng Về Hưu, Muối Của Rừng, Chút Thoáng Xuân Hương (gồm ba truyện thật ngắn), Giọt Máu (truyện vừa), Không Có Vua, Con Gái Thủy Thần I. 2/Những Ngọn Gió Hua Tát (1989), nxb Văn Hoá Hà Nội, gồm những truyện đã in trong tập Tướng Về Hưu, trừ truyện Tâm Hồn Mẹ và thêm vào hai truyện Kiếm Sắc và Vàng Lửa. 3/Con Gái Thủy Thần (1993) nxb Hội Nhà Văn Hà Nội, gồm những truyện ngắn: Con Gái Thủy Thần I và II, Mưa, Những Người Thợ Xẻ, Những Bài Học Nông Thôn, Trương Chi, Nguyễn Thị Lộ, Đời Thế Mà Vui, Sang Sông. (Tập truyện này chưa thấy xuất hiện ở hải ngoại). Ngoài ra còn phải kể đến:* Nguyễn Huy Thiệp Tác Phẩm Và Dư Luận *do tạp chí Sông Hương và nhà xuất bản Trẻ in năm 1989 - gồm sáu truyện ngắn: Kiếm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết, Những Bài Học Nông Thôn, Những Người Thợ Xẻ và Cún, và 10 bài tiểu luận phê bình văn chương Nguyễn Huy Thiệp của các tác giả: Hoàng Ngọc Hiến (tựa Tướng Về Hưu), Tạ Ngọc Liễn, Thùy Sương, Đỗ Văn Khang, Văn Tâm, Mai Ngữ, Vũ Phan Nguyên, Trương Hồng Quang-Nguyễn Mai Xuân, Trần Thanh Đạm và Đặng Anh Đào. Năm 1991, nhà Hồng Lĩnh, California, Hoa Kỳ, in lại* Nguyễn Huy Thiệp Tác Phẩm và Dư Luận

*thêm vào sáu đề: Tội Ác và Trừng Phạt, Còn Lại Tình Yêu (kịch), Khoảng Trống Không Ai Lấp Được Trong Tư Tưởng Nhà Văn (tiểu luận), Những Bài Hát, Nguyễn Thị Lộ, Con Gái Thủy Thần II và Trương Chi. 4/ Tập Kịch* Xuân Hồng *(đang in, Tân Thư dự định xuất bản khoảng tháng 4,1994) gồm 5 kịch nói: Gia Đình hay Quỷ Ở Với Người (viết lại từ truyện ngắn Không Có Vua), Còn Lại Tình Yêu, Nhà Tiên Tri, Cái Chết Được Che Đậy hay Ông Chính Là Bố Tôi và Xuân Hồng. 5/ Những truyện chưa in thành sách: Thương Nhớ Đồng Quê, Thiên Văn. Một số tiểu luận, rất nhiều thơ chưa in ở đâu và một số truyện viết dở từ giai đoạn đầu (trước 1989), trong đó có Sở Khanh rất đặc sắc nhưng chưa hoàn thành. 6/ Sau cùng là một số kịch bản phim trong đó có kịch bản Xích Lô bị tai vạ cho Nguyễn Huy Thiệp và bản thảo một tiểu thuyết viết dở đang nằm ở sở công an Hà Nội.*

*Dư luận về Nguyễn Huy Thiệp thì nhiều nhưng người đọc biết rất ít về Nguyễn Huy Thiệp. Trên bìa sau tập* Nguyễn Huy Thiệp Tác Phẩm Và Dư Luận (1989), *có in tấm hình Nguyễn Huy Thiệp, đen trắng. Làm thinh. Không cười. Dưới ghi mấy giòng tiểu sử: Sinh năm 1950. Tốt nghiệp khoa sử đại học Sư Phạm Hà Nội. 10 năm dạy học ở Tây Bắc. 1980 trở về Hà Nội và hiện nay đang làm việc tại công ty phát hành sách giáo khoa và thiết bị trường học thuộc sở giáo dục Hà Nội. Những cuốn sách đã in của Nguyễn Huy Thiệp có nhiều truyện trùng nhau. Bản in trong sách, một đôi chỗ không giống bản in trên báo. Sự sửa đổi này phát xuất tự đâu? Và vì lý do gì? Không thấy các nhà xuất bản ghi chú rõ. Ngoài ra một số truyện ngắn trong Con Gái Thủy Thần tác giả có sửa đổi hoặc thêm mấy câu thơ so với các bản in trước. Những năm gần đây, người ta ít nhắc đến Nguyễn Huy Thiệp. sự kiện Nguyễn Huy Thiệp bị giam lỏng tại nhà cũng hóa thường. Việc bản thảo bị tịch thu cũng không mấy ai nhắc đến. Điều đáng sợ trong một xã hội là những sự việc bất bình thường trở nên bình thường, và được sự dửng dưng của dư luận làm đồng loã. Xã hội ấy chúng ta tìm thấy - một cách tình cờ và rõ ràng - trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp.*

## NGUYỄN HUY THIỆP

Văn chương là gì? Khi phải tìm một định nghĩa cho văn chương, chúng ta bối rối. Chữ văn chương theo nghĩa hiện đại mới chỉ xuất hiện ở Âu châu vào thế kỷ 19 và cho đến nay chưa ai dám khẳng định ranh giới cái gì là văn chương và cái gì không phải là văn chương. Todorov phân biệt hai thể loại chính: *Tưởng tượng* và *Thơ Ca* và xác định văn chương như *cuộc thám hiểm sức mạnh của ngôn ngữ*. Nếu đem văn chương ra khám nghiệm, phân chất thì văn chương *không thật, không giả. Văn chương là sản phẩm tưởng tượng của con người*. Roland Barthes đối chiếu văn chương với lời nói và không ngần ngại tố cáo tính chất *phát xít* của lời nói. Thật vậy, mọi sự phát ngôn đều

có chủ đích để truyền một lượng tin hay một mệnh lệnh nào đó (cho người nghe), và (người nói) bắt buộc phải nói. Do đó, tự bản chất, lời nói đã có tính chất vụ lợi, một chiều và độc đoán. Những tính chất ấy cũng lại tìm thấy trong huyết mạch của thế quyền (pouvoir). Do đó mà lời nói dễ trở thành công cụ của thế quyền, biến con người trở thành nạn nhân và thủ phạm. Văn chương ngược lại thuộc lãnh vực tự do: Không ai bị bắt buộc phải viết và người viết chỉ có cái quyền duy nhất là trình bày, nghe hay không nghe, đọc hay không đọc, thuộc quyền độc giả. Barthes xem văn chương là một sáng chế, một diệu kế, một sự lừa bịp lành mạnh của con người giúp cho tiếng nói vượt khỏi lãnh vực của thế quyền để bước vào địa hạt ngoại quyền (hors pouvoir). Nhìn theo hướng đó, thì những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp là văn chương.

*

Những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp có thể phân chia làm bốn thể loại. 1/ **Đề tài lịch sử:** Vàng Lửa, Kiếm Sắc, Phẩm Tiết, Nguyễn Thị Lộ, Một Thoáng Xuân Hương. 2/ **Huyền thoại:** Chảy Đi Sông Ơi, Con Gái Thủy Thần, Những Ngọn Gió Hua Tát, Trương Chi. 3/ **Hiện Thực Xã Hội:** Tướng Về Hưu, Không Có Vua, Những Bài học Nông Thôn, Những Người Thợ Xẻ, Cún. 4/ **Chủ đề:** Muối Của Rừng, Giọt Máu, Huyền Thoại Phố Phường. Lối phân chia này rất tương đối vì hầu như truyện nào của Nguyễn Huy Thiệp cũng có tính cách huyền thoại xen lẫn hiện thực, sử quan xen lẫn chủ đề và đôi khi rất nhiều chủ đề trong một truyện.

*

Sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp gây những tương phản dữ dội trong dư luận. Từ ba năm nay, chính quyền niêm phong Nguyễn Huy Thiệp. Tại sao? Có nhiều lý do, nhưng có lẽ điểm chính vẫn là: Cho tới bây giờ, người ta chưa thấy xuất hiện phong cách nào đa diện, đa tầng như thế trong một nhà văn. Trên con đường một chiều, bạn đi dọc ngang, đa đoan, đa dạng, là loạn.

*

Trở về lãnh vực văn chương, khó mà nói cho cùng tính chất đa diện và đa từng trong tác phẩm Nguyễn Huy Thiệp. Chúng tôi giới hạn loạt bài này trong bốn địa hạt: sử quan, nhân sinh quan, cấu trúc huyền thoại và phức âm trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp. Phần chót, dành cho kịch bản.

*

# I. SỬ QUAN TRONG VĂN CHƯƠNG NGUYỄN HUY THIỆP.

Nếu văn chương là “sự lừa bịp lành mạnh" (nói như Barthes), thì Nguyễn Huy Thiệp quả có lừa bịp. Bản thân dạy sử, lạnh lùng tung ra bộ ba Kiếm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết với những rào đón mô phạm: "Tôi sưu tầm chỉnh lý những tư liệu cần thiết..." Nguyễn Huy Thiệp đã lùa chúng ta vào bẫy, lừa những nhà sử, nhà đạo đức nghiêm chỉnh nhất vào tròng. Phản ứng mãnh liệt của một số người chứng minh sự thành công của Nguyễn Huy Thiệp và làm lộ tính chất lừa bịp và tác dụng hý lộng của văn chương. Cần phải nhắc lại một lần nữa: Văn chương là sản phẩm của tưởng tượng và nếu phải đối lập khoa học với văn chương, chúng ta sẽ chọn khoa học vì nó chính xác, chọn văn chương vì nó gần người. Sử là một khoa học nhân văn chính xác và gần người hơn tất cả những khoa học nhân văn khác, nhưng bộ mặt khô khan, nghiêm chỉnh, mô phạm, giam hãm sử trong lãnh vực giáo khoa và biên khảo, ít người chơi, chỉ khi nào người viết mở rộng tầm sử quan về phía xã hội và con người đưa sử ra ngoài vòng kinh điển thì sử mới thực sự giao lưu với đời sống. Thành Cát Tư Hãn chỉ là cái cớ để Vũ Khắc Khoan viết kịch đả phá bạo lực và chiến tranh. Huệ, Ánh, chỉ là cái cớ để Thiệp nói chuyện với đời, về chuyện đời xưa và nay. Vấn đề đầu tiên đặt ra là: Nguyễn Huy Thiệp có bôi nhọ lịch sử không? Và Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp có giống thật không? Về điểm thứ nhất: Không cần phải nhắc lại; lịch sử nhọ nhem tự muôn đời. Lịch sử biết nhiều hơn ai hết về thị trường tội ác và không ai có thể bôi nhọ lịch sử bằng chính lịch sử. Về điểm thứ nhì: Chúng ta đang đọc những tác phẩm văn chương, vậy thật giả, không có gì quan trọng. Điều quan trọng đối với chúng ta là tìm hiểu giá trị tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp nằm ở chỗ nào? Mặc dù khó đọc, khó hiểu, tại sao các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp vẫn có ma lực lôi cuốn chúng ta? Có nhiều lý do: - Một là: Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh của Nguyễn Huy Thiệp không nằm khô đét trên bài vị bàn thờ, không mốc meo trong sử viện, cũng không ăn vạ trong các bài sử lãnh cảm mà học trò không chịu thuộc lòng. Họ được làm người như chúng ta. Họ nói thứ tiếng chúng ta đang nói. Họ di động, họ gian trá, xảo quyệt, lừa bịp, nói tục và nhổ bậy...như chúng ta. Ở đây họ sống, trong sử họ chết. Ở đây họ là hiện tại, trong sử họ là quá khứ. Ở đây họ hèn như chúng ta, trong sử họ hùng không giống ta. Ở đây họ là người, trong sử họ là ma, và ở tha ma, mộ địa họ là xác ướp. Hồi sinh là phù phép thứ nhất, giao lưu quá khứ với hiện tại là phù phép thứ nhì của văn chương. - Hai là: Qua chân dung Nguyễn Ánh, chúng ta nhìn thấy sự ích kỷ, đáng thương, đê tiện, bất lực và cô đơn của chính mình và của những lãnh tụ: họ cũng giống mình. Ham sống, sợ chết, qua sông gặp cá sấu, Ánh hỏi quần thần ai dám vì nước Việt mà chết? Chỉ hau háu lo chiếm được nhiều đất hơn anh em Tây Sơn. Khi Huệ chết, Ánh hăm hở đòi mở tiệc ăn mừng. Gia Long *là*

*một khối cô đơn khổng lồ.* - biết nước mình nghèo đói, biết triều đình thiển cận, biết bọn bầy tôi tráo trở, biết: *vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục*, biết *sứ mệnh đế vương thật là sứ mệnh khốn nạn, chỉ được quyền cao cả, không được quyền đê tiện...* Biết Ánh chỉ là cái cớ để Thiệp mô tả não trạng của những lãnh tụ độc tài: "*Không tin ai, dùng người lấy chữ hiệp, chữ lễ làm trọng, không coi nhân nghĩa trí tín ra gì*". Đối với địch: "*Khi nào ta thành nghiệp lớn, ta phanh thây nó, ta chôn ba họ nó.*" Đối với văn học: "*Ta chỉ ghét bọn chữ nghĩa thôi, chữ nghĩa chúng nó thối lắm, ngụy biện xảo trá tinh vi... Ta đến đâu đào hố đến đấy, chôn chúng nó xuống... Rửa đầu óc chúng nó mệt lắm*". Đối với nhân tài, cá nhân con người không phải là một thực thể mà chỉ hiện hữu qua lý lịch: "*Người ấy cha nó là Nguyễn Nhiễm - Anh nó là Nguyễn Khản*". Để nắm vững sự tồn tại của chính quyền, lãnh tụ *không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh. Không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi.* Dưới con mắt ngoại quốc, Phăng nhận xét: "*Vua Gia Long không đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đấy là điều vĩ đại nhưng cũng đê tiện khủng khiếp. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hoá, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình.*" Việc thống nhất đất nước dựa vào sức mạnh ngoại bang được đánh giá: "*Bệ hạ đẩy vạn con người vào cuộc đao binh là trò chơi sao?*" - "*Đã ai hiểu việc chúa công dùng Bá Đa Lộc, dùng người ngoại quốc? Chúa công còn phải mang tiếng ba trăm năm*". Việc chém đầu Đặng phú Lân, giết Phăng để cướp vàng cũng chỉ là một loại cơm nhân văn (giai phẩm) chan canh cải (cách ruộng đất) trong những bữa tiệc đời sau.

*

Nặng tay với Ánh bao nhiêu thì Thiệp đãi Huệ nặng tình chừng ấy. Đối với Thiệp: "*Huệ không có tội gì, chỉ là người tài bị trời hành.* Về ý thức xã hội, Huệ hơn Ánh: Huệ thắng trong chiến tranh và không bại trong hòa bình, tỏ ra một lãnh tụ có biệt tài kinh bang tế thế: "*Thời chiến ta lấy kẻ có sức lực làm điểm tựa, thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa.*" Đối với bọn địa chủ, Huệ thương lượng, cộng tác mà không cướp của, giết người như Ánh: "*Nay các ông đến đây, xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, buôn bán cho nước giàu dân mạnh*". Về ý thức dân chủ bình đẳng và trách nhiệm lương tâm, Huệ cũng hơn Ánh: Huệ đãi Ngô Khải hậu, cho ăn tiệc, Khải chê: "*Ngon thì ngon nhưng chưa biết nấu, hơi ghê ghê vì có vị lợm*". Huệ chỉ cầm chổi phất trần quất, nhét cứt vào mồm, lột truồng rồi đuổi về. Đến khi biết tin Khải tự tử vì nhục. *Huệ đang đêm xõa tóc, đi chân đất, vừa đi vừa vấp, chạy vào báo tin cho Vinh Hoa* (con gái của Khải) *biết*. Đến đây có lẽ cũng nên mở ngoặc về việc nói tục của Quang Trung và Gia Long. Hình như có nhiều người ngượng, bảo Thiệp phạm thượng. Có thể vì thế mà khi in thành sách đã phải sửa vài chỗ, so với bản in trên báo. Ví dụ, bản in trên văn nghệ (số 29-30) tháng 7/88.

Phẩm Tiết có câu: "*Thằng mặt xanh kia! Kẻ miệng lổ còn dê ư! Ta cho cắt dái mày! Ta cho mày ăn cứt!*" Bản nhà xuất bản trẻ Sông Hương (1989) sửa lại là: "*Thằng mặt xanh kia! Kẻ miệng lổ còn ham gái đẹp ư? Ta cho thiến mày!*" Câu sửa , yếu hơn câu nguyên bản. Gỉa sử nếu đem sửa nữa, cho "lịch sự" hơn, hợp với "khẩu khí đế vương" hơn "Trẫm truyền cắt dương vật nhà ngươi" thì hoá buồn cười. Thì hỏng. Không ai chửi tục như thế. Đó là thứ ngôn ngữ chết, ngôn ngữ ghép chữ, mà chúng ta thường thấy trong cuộc sống, ví dụ như câu: "*cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm thứ...*" mà Nguyễn Huy Thiệp thường hóm hỉnh cho nhân vật mào đầu lời khấn (tức là nói chuyện với người chết) nó vừa khệnh khạng gỉa dạng niên hiệu đế vương, vừa vô nghĩa về mặt ngữ học, bởi vì xã hội chủ nghĩa là một thực thể chính trị, có tính cách giai đoạn, nước Việt Nam là một thực thể phi chính trị và vĩnh viễn. Ngoài ra các đảng phái, chủ nghĩa chính trị, các chính thể, không thể là nhãn hiệu của nước Việt Nam, chúng đến rồi đi, phần còn lại là đất nước và con người trường tồn và vĩnh cửu. Thứ ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ thế quyền mà Bertolt Brecht gọi là *Quyền Ngôn* (Le grand Usage), Roland Barthes gọi là langue travaillée par le pouvoir - Hợp kim của một chút tâm, một chút tà và rất nhiều đạo đức giả.

*

Nhân vật thứ ba là Ngô Thị Vinh Hoa. Vinh Hoa là ai? Không thể biết được. Vinh Hoa mang màu sắc huyền thoại, kỳ bí. Thiệp bịa. Vậy mà nếu muốn *thật*, thì chắc chắn nàng lại là nhân vật *thật* nhất, trong ba người:
Vinh Hoa là một người đàn bà.
Vinh Hoa Đẹp. Vinh Hoa là Vinh Hoa. Cả ba yếu tố đều thật 100%. Là người đàn bà, là phái yếu, Vinh Hoa biểu trưng cho tầng lớp nhân dân, giai cấp bị trị, mà các thế quyền tranh cướp, hiếp đáp, vắt đến kiệt lực. Trải kiếp nô lệ qua hai triều, cuối cùng là cái chết trôi sông. Vinh Hoa đẹp, cái đẹp từ Aristode đã là biểu trưng của nghệ thuật. Và nghệ thuật không thể chung chạ với thế quyền. Khi bị thế quyền xâm phạm, làm nhục thì nghệ thuật chết. Ở đây, nhân cách Huệ cũng khá hơn Ánh: Huệ khao khát chiếm đoạt nghệ thuật, nhưng không dám cưỡng hiếp nghệ thuật. Lúc chết mắt Huệ vẫn mở trơ trơ vì chưa được chung chạ với nàng. Khi nghệ thuật thương tình ban cho Huệ ngón tay út, người anh hùng áo vải mới nhắm mắt được. Nhưng khi ngón tay nghệ thuật chạm tới thế quyền, chỗ ấy nhúng chàm, thâm lại, chỉ vất đi. Ánh nham hiểm hơn: Không những chiếm đoạt nghệ thuật mà còn vắt chanh bỏ vỏ. Đứa con trên tay Vinh Hoa là sản phẩm của ai? Nguyễn Viết Thi hay Nguyễn Ánh? Con ai chăng nữa, nó cũng là chứng minh thư của sự cưỡng hiếp ô trọc: Nó là sản phẩm văn nghệ phục vụ chính quyền. Ban cho nàng hai chữ Phẩm Tiết là tiền thân, quốc tang Trần Đức Thảo là hậu duệ của một quốc sách xâm phạm tiết hạnh nghệ thuật rồi phi tang mà xưa nay cha truyền

con nối, thế quyền nào cũng trọng dụng. Sau cùng Vinh Hoa là Vinh Hoa: là cái bả mà con người từ thứ dân đến lãnh tụ đều bị mê hoặc. Vinh Hoa không sờ mó được nhưng có quyền uy trên con gnười. Vinh Hoa là cặn bã mà thế quyền thải ra mà con người khát khao mơ ước, là mũ mã trạng nguyên, vì nó mà người ta uốn cong ngòi bút, vì nó mà có các quan văn nghệ, vì nó mà văn nghệ tố cáo văn nghệ, vì nó mà văn nghệ tuyệt tình với văn nghệ và vì nó mà chúng ta có hàng kho chữ nghĩa lọc ra không được một bát ân tình.

*

Phăng là một khuôn mặt lạ lùng trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Phăng là một trong những người Pháp "giúp" vua Gia Long đánh "giặc" Tây Sơn. Không phải tình cờ mà Phăng rớt vào Vàng Lửa. Phăng vào với chủ đích. Phăng là con dao nhiều lưỡi, là sự nhập nhằng đen trắng, Phăng vừa sáng suốt, vừa độc ác, vừa thông minh, vừa tham lam, vừa là kẻ xâm lăng vừa bị tiêu diệt. Thiệp dùng Phăng như một tấm gương phản chiếu sự tương phản trong cùng một thực thể, giúp người đọc mở rộng tầm nhìn về tất cả mọi vấn đề: từ lãnh vực lịch sử, chính trị đến kinh tế, văn hoá... Phăng chính là sự hoài nghi mà con người đã đánh mất trong một cộng đồng quá quen với sự dìu dắt trở nên manh mục và có óc nhất trí cao độ. Người kể chuyện nhìn Phăng dưới một góc cạnh - Phăng tự thuật dưới một góc cạnh khác. Người Bồ Đào Nha nhìn Phăng dưới một lăng kính khác nữa. Phăng xét Nguyễn Du một cách. Gia Long tiếp nhận lời Phăng nói về Nguyễn Du một cách khác. Đến cái kết về Phăng cũng có ít nhất ba version, ba cách kết. Như thế để làm gì? Để đi đến kết luận: Cuộc đời là một mớ bòng bong, mỗi người chỉ nắm một phần sự thật và nắm cả cái quyền nói dối. Nguyễn Huy Thiệp tung Phăng như một trái hoả mù cho mọi người cay mắt, để họ nhìn thấy cái đáng ngờ, cái hoài nghi trước bất cứ mợt dữ kiện gì.Dĩ nhiên dĩ kiện lịch sử nằm trong hoài nghi đó. Phăng triệt tiêu khả năng nhất trí tiên thiên trong xã hội cộng sinh và chỉ đạo. Phăng mở rộng lối nhìn nhiều về sử quan cũng như nhân sinh quan trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp.

*

Người cuối mà tôi muốn nhắc đến là Nguyễn Du: Nguyễn Du chỉ đứng vị trí lu mờ trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp. Khía cạnh lu mờ ấy nói lên bản chất của Nguyễn Du con người - và cũng là bản chất của văn nghệ sĩ, trí thức nước ta, xưa và nay. Về tâm cảm, họ giống Nguyễn Du: *Thông cảm sâu sắc với nhân dân, đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất... Thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nổi đau khổ của dân tộc... Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại, năng suất thấp, chỉ thỏa mản nhu cầu tối*

*thiểu*. Với tâm cảm và lối sống đó, người làm văn nghệ không có khả năng phục vụ chính mình, cầu gì ở văn chương nghệ thuật? Cầu gì ở nghệ thuật độc lập với chính quyền? Họ là những thực thể riêng rẽ, chưa nhào nặn được sức mạnh để chống vững ngòi bút của mình. Chờ gì đến một thái độ tuẫn tiết: Thệ tuyệt với tác phẩm của mình nếu tác phẩm bị chính quyền sử dụng, như một Pasolini - chối bỏ ba cuốn phim của mình khi ông nhận thấy những tác phẩm ấy bị chính quyền Ý sử dụng. (Việc chỉ xẩy đến cho người, trong hoàn cảnh chính trị của xứ người). Bộ mặt văn nghệ sĩ phản ánh bộ mặt nước Việt và văn hoá Việt: "*Đặc điểm lớn nhất của xứ sở này là nhược tiểu. Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia. Dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình... Cộng đồng Việt là cộng đồng mặc cảm. Nó bé nhỏ xiết bao bên cạnh nền văn minh Trung Hoa, một nền văn minh vừa vĩ đại, vừa bỉ ổi, lại vừa tàn nhẫn.* Thoát thai từ nền văn hóa thiên triều ấy, chúng ta vẫn còn lưu luyến ân huệ thế quyền, dù ở thời điểm cộng sinh: Vì thế mới có những cuộc "thi tuyển quốc ca" và tác phẩm được nhận làm quốc ca là một vinh dự trọn đời cho nhiều nghệ sĩ. Đường còn dài và nhiều gian nan

*

## 2. NGUYỄN HUY THIỆP: SỰ BẤT NHÂN TRONG NHÂN TÍNH

Từ khi một bộ lạc dã man tự nghĩ ra chữ *"người"* để gọi những phần tử trong bộ lạc của mình cho đến nay thì quan niệm về *"người"* đã có nhiều thay đổi. Chữ *"nhân"* đã trở thành một hệ suy tưởng của nhân loại. Nhân tính là một ý thức trùng phức có hai bản diện: bất nhân và có nhân mà bản diện thứ nhất thường được che đậy, lấp liếm tới chỗ phủ nhận và bản diện thứ nhì được khuếch trương, phô bày như một nhãn hiệu cầu chứng về sự tự mãn của con người về con người.

Nếu bộ lạc dã man xưa kia dùng chữ *người* để chỉ những thành viên trong gia đình mình, thì đồng thời họ cũng coi những thực thể khác ngoài bộ lạc mình, tuy không là người, thì ít ra cũng là một cái gì khác. Ngày nay, đối với chúng ta, ngoài *người* ra không còn một cái gì đáng kể. Sự tiến bộ của chúng ta dựa trên nguyên tắc khai trừ: phá hoại thiên nhiên, tiêu diệt sinh vật, diệt chủng các dân tộc nhược tiểu, khu biệt người điên, biệt lập người già, rời mồ, rời mả đuổi người chết ra khỏi thành thị v.v... Nếu chúng ta tự hào mở rộng cái quyền làm người cho tất cả nhân loại, thì ngược lại, cái thế giới tạm gọi là "nhân loại lành mạnh" của chúng ta càng ngày càng nhỏ lại. Ý thức về

nhân quyền ở các nước được gọi là dân chủ tự do hôm nay cũng đã hẹp hòi hơn ý thức về quyền sống của muôn loài ở những bộ lạc dã man hôm qua và ý thức về nhân quyền ở những nước không dân chủ, thiếu tự do, trở thành bát cơm phiếu mẫu.

Muốn tra khảo sự tiến bộ dựa trên nguyên tắc khai trừ ấy, tưởng không còn phương cách nào hữu hiệu hơn là làm lộ cái ác trong con người. Phương cách ấy gọi là một trong những sở đắc của văn chương.

Viết về cái ác, cái xấu của con người, xưa nay có nhiều trường phái: Ác bệnh hoạn, ác điên loạn, ác sản phẩm của niềm cô đơn tuyệt đối trong ngôn ngữ của Sade. Ác lãng mạn, ác nhân dục, ác Heathcliff trong *Đỉnh Gió Hú* của Emily Bronté. Ác u uất, ác tội lỗi, ác phản xã hội, ác cảm xúc dị thường trong Ác hoa của Baudelaire. Ác tiểu nhân, lưu manh, ác sở khanh trong Kiều của Nguyễn Du. Ác lớn, ác nhỏ, ác theo phong cách trường phái nào chăng nữa thì văn học cổ điển vẫn còn phân chia ranh giới thiện ác: bên thiện, bên ác, bên nạn nhân, bên thủ phạm. Sự phân chia này có tính cách giáo khoa, luân lý, cho dù là tuyệt tác đến thế nào thì cũng giới hạn văn chương ở phần ngoại cảnh của tâm hồn.

Hậu bán thế kỷ XIX, Mallarmé kêu gọi "đổi thay ngôn ngữ" (changer la langue). Văn học có nghe thấy chăng? Về hình thức chắc chắn có. Về nội dung dường như cũng đã có sự chuyển mình, tìm cách xóa nhòa biên giới để biểu hiện cả hai khía cạnh thiện ác trong cùng một con người. Sự nhập nhằng giao lưu này đánh dấu ngõ quặt hoài nghi và hiện sinh trải dài trong thế kỷ XX.

Văn học Việt Nam, không những đi ra ngoài tiến trình ấy mà dường như trong gần nửa thế kỷ nay còn có ý hướng quay ngược trở lại thượng nguồn. Từ sau Cách Mạng Tháng Tám, miền Bắc tuyệt đối, và sau 54, miền Nam tương đối, người cầm bút chỉ được quyền hướng thượng, viết về cái hay, cái cao cả, cái tích cực. Họ bắt buộc phải lờ đi phần xấu, phần khuyết tật trong con người (trừ cái xấu của địch). Khuynh hướng này được Hoàng Ngọc Hiến dùng một chữ rất nhẹ nhàng là khuynh hướng sử thi.

Ung dung trong phạm trù húy kỵ, cái xấu trở nên một thứ siêu quyền, mặc nhiên hoành hành, tự do sáng tác và sáng tạo mà không ai được phép nhắc đến, được quyền phê bình kiểm thảo. Nó thuộc địa hạt quốc cấm, bất khả xâm.

Nguyễn Huy Thiệp là một trong những nhà văn ngược dòng nước chảy, giao thiệp với cái ác, nhận diện và khảo sát chúng bằng kính hiển vi, không phải để tiêu diệt chúng vì anh và cả thiên hạ không lạ gì chứng ác làm sao mà tuyệt nọc trong con người và văn chương chưa bao giờ điểm trang diện mạo và cải hoán bụng dạ nhân loại. Nhưng biết chúng trong ta là để "biết người biết ta", đừng bịt mắt, đánh lừa mình, đừng ảo ảnh, đừng sống một nửa. Chấm dứt tự mãn. Đó là vấn đề nhận thức và trách nhiệm, vấn đề nhân cách và tự

trọng, và là một kỹ thuật, một thái độ văn chương. Nói cách khác, nhận diện sự bất nhân trong nhân tính là biện pháp hiện thực, là nhân sinh quan và xã hội quan trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp. Phô diễn lưỡng diện thiện ác trong con người, cho chúng giao thoa và sau đó bằng cách này hay cách khác giải quyết vấn đề và truy nguyên tại sao có thế. Qua năm truyện ngắn: Tướng Về Hưu, Không Có Vua, Những Bài Học Nông Thôn, Những Người Thợ Xẻ và Cún, mà chúng tôi lựa chọn để giới hạn bài viết này, Nguyễn Huy Thiệp đúc kết nên khuôn mặt của xã hội Việt Nam hiện đại bằng sức mạnh siêu quyền của ngôn ngữ.

Câu văn ngắn gọn, cộc lốc, sắc bén và hàm súc. Tác động dồn dập. Ngay trong văn phong đã có dụng ý xã hội và chính trị: không câu giờ, mạch nhanh, dứt khoát, bỏ hư từ và liên từ, không xuống hàng. Chữ nghĩa nặng cân và đắc địa, bắn thẳng vào hồng tâm, tác dụng như những mũi dao cắm phập vào ung nhọt lở loét, chọc vỡ mũ, tóe máu. Dòng mực cường toan tiêu hủy bệnh lười, bệnh quan liêu, bệnh khệnh khạng trong văn chương và trong cuộc sống. Lối nói gọn lỏn, trắng trợn, dung tục, thẳng thừng đốp lại thứ ngôn ngữ bệnh hoạn, lưỡi gỗ (langue de bois), thường thấy trong các bài bản hiểu dụ, các định thức quần chúng đại loại: "*nhờ ơn Bác và Đảng*" vừa phản chiếu tích cách hống hách, trịch thượng của thế quyền đối với quần chúng, vừa phản xạ tâm địa quỵ lụy hèn mọn của con người đứng trước thế quyền. Đối diện với thứ ngôn ngữ ấy, lối nói gọn gàn và cộc lốc của Nguyễn Huy Thiệp biểu hiện sự bình đẳng, đòi hỏi bình đẳng giữa người và người. Vượt khỏi những gởi thưa khúm núm tàn tích của xã hội phong kiến mà xã hội cộng sinh nhai lại.

Về phía ngữ học, lối viết hàm súc, thâm ý thuộc cấu trúc ẩn dụ, chủ yếu dùng trong thơ, mở ra nhiều ngả: làm huyền ảo, mông lung ý nghĩa, khai thông nhiều đẳng độ tiếp thu, bắt buộc người đọc phải tư duy, tham dự. Về phía tâm linh, ngôn ngữ sắc gọn biểu tình với tính ác, cái xấu, khiến cái ác ác thêm, cái xấu xấu thêm; do đó có tác dụng dội nước lạnh vào tri thức, xát muối vào lương tâm độc giả.

Hầu như mỗi truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều là một trường hợp cần được khảo sát cặn kẽ vì tính chất phức âm, tác dụng nhân sinh, tác dụng xã hội và chính trị của nó. Năm truyện ngắn được lựa chọn ở đây là năm trắc nghiệm bệnh lý, năm phẫu thuật phản ảnh năm dự trình kiến tạo xã hội và an sinh con người trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp.

Truyện gia đình lão Kiền - tực đề **Không Có Vua** - có thể xem như là tế bào của toàn bộ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Không có vua, trước hết có thể hiểu là không có gia đình, không còn rường cột. Gia đình đã mất, tình nghĩa đã mất, chỉ có tiền, chỉ còn tiền. Tiền là vua. Cái nhà cúng ta gọi là gia đình, tức cái tế bào, cái tiểu tổ của xã hội, cái ấy hiện nay đang lung lay, đang xuống dốc, đang tan rã. Vua còn có thể là kẻ giữ trách nhiệm đời sống tinh

thần trong con người, vua là lương tâm của mỗi cá nhân trước bản thân và trước đồng loại. Không có vua: lương tâm vắng mặt. Không có vua còn có nghĩa là không có lãnh đạo, người chủ gia đình vắng mặt, gia đình lão Kiền chỉ còn là một tổ hợp 6 nam: Kiền, cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn, tên rút trong kinh dịch, và một nữ; trong đó người nữ duy nhất trở thành đối tượng khát vọng chiếm đoạt của cha con lão Kiền.

Vợ chết, Lão Kiền ở vậy nuôi con; sự hy sinh của lão cũng không đến nỗi vô ích. Con lão: hai trí thức, hai lao động và một ngẩn ngơ. Sinh là con dâu trưởng.

Anh em, bố con lão cư xử với nhau cạn tàu ráo máng. Bố ốm, Đoài, thằng trí thức biểu quyết: "*Ai đồng ý bố chết giơ tay*". Thằng trí thức cũng là thằng đểu nhất trong gia đình: vừa làm quân sư quạt mo, vừa thọc gậy bánh xe, sở khanh, lưu manh hạng nặng. Thằng ngớ ngẩn bị bóc lột, trù dập, làm tôi mọi trong nhà. Thằng lao động hoạn lợn bị lợi dụng, khinh miệt: vừa nuôi gia đình vừa bị thằng trí thức nói xỏ. Sinh, người con dâu, tâm hồn đẹp. Nàng là *sự sống* lạc loài vào *cửa tử* trong thế bát quái của một gia oan quái gở, xoay chong chóng như một trận đồ tàn nhẫn, đạo đức xuống cấp, phẩm hạnh tiêu ma, mà không tìm được của sinh để thoát: Cuối cùng, loạn cờ, đứa con của sinh không biết là con ai.

Lão Kiền là một người cha đặc biệt: thương con là lão, biết rõ con là lão. Độc địa với con cũng là lão và ngộp thở trong gia đình, nhiễm bạo bệnh mà chết cũng là lão. Lão có chủ ý tốt, muốn gầy dựng cho con nhưng lão đã thất bại: Con lão du côn, tham tiền, bất nhân, mất dạy bởi chính lão cũng tham tiền, du côn, mất dạy, rượu chè và vô liêm sỉ. Chíng lão cũng khuyết tật, mồ côi vợ; lão không thể sản xuất ra được những sản phẩm khá hơn chính mình. Nền tảng gia đình không thể xây trên một cái cột lung lay, khập khiễng. Gia đình hình thành và đứng vững trên thế lưỡng cực: có mẹ, có cha, có lưu lượng hai chiều. Trong thế độc đạo, một chiều, một cha, một cực, tất phải chênh vênh, sập tiệm. Gia đình là tế bào của xã hội; gia đình tha hóa, xã hội tiêu ma.

**Những Người Thợ Xẻ** đề cập đến vấn đề thâm lạm và lũng đoạn tài nguyên đất nước. Câu chuyện phá rừng, xẻ gỗ bán lậu chỉ là vi bản của hiện tượng đạo chích lan tràn trên toàn diện lãnh thổ. Đội ngũ hành nghề có nhiều lớp lang, đẳng cấp: Thấp nhất là bọn ăn cắp vặt, tài tử và ô hợp gồm những phường du thủ du thực vừa mãn hạn tù (Bường), trí thức lưu manh (Ngọc) hoặc choai choai, cù lần, hữu dũng vô mưu (Biên và Biền)... Đội ngũ lính trơn tép riu này lên rừng, xẻ gỗ, làm công cho bọn ăn cắp gộc, quyền thế, tầm vóc, đểu giả hơn (ông Thuyết). Những mánh lới, những thủ đoạn chặn họng, ăn hiếp, hung hãn tung ra tứ phía, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài: giữa chủ và thợ, giữa những người cùng ê-kíp, vừa sống chết với nhau, vừa sẵn sàng thịt nhau chỉ vì một miếng mồi còm. Tục ngữ Pháp có câu: “Les grands voleurs pendent les petits” (kẻ cần quyền là những tay trộm lớn trừng trị

những phường trộm nhỏ). Tự ngàn xưa, đạo đức thảo khấu vầy vò khung cảnh núi rừng thơ mộng "*bạt ngàn là hoa ban trắng, màu trắng đến là khắc khoải, nao lòng. Này, hoa ban, một nghìn năm trước thì mày có trắng thế không?*"

Đây là đâu? là cổng trời, là thiên đường, là trần gian, là địa ngục hay là đất nước chúng ta? Từ ngàn năm trước bụng dạ và hành tung của con người vẫn chỉ có thế ư?

**Những Bài Học Nông Thôn** là bức tranh quê hiện thực và huyền ảo. Cái thế giới ấy quê mà rất tỉnh, tưởng như mơ mà có thật. Cái thế giới ấy, hình như nhà nào cũng có ba ông "*Phúc, Lộc, Thọ lồng kính, chăng đầy mạng nhện, trên mặt kính đầy vết cứt ruồi*". Cái thế giới ấy có con diều lẩn thẩn mò lên thượng từng không khí để tìm dương khí, để trốn "*những thứ gió quẩn khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc ở dưới*". Cái thế giới ấy có chị Hiên, chồng đi lính biền biệt, bức xúc nửa chừng xuân. Có bố Lâm ngày ngày thả diều, tìm ảo tưởng bay lên, bay lên. Có bà Lâm già lão tám mươi, phát ngôn như Khổng Tử: "*Các cụ toàn chim to*", "*đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình*". Có thầy giáo Triệu liều lĩnh phát biểu: "*Tôi hiểu sâu sắc sự ngu của bọn có học tai hại thế nào, nó vừa phản động, vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy*". "*Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với người bình dân. Vì sao? Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân danh cả dân tộc nữa*". Còn dân chúng? "*Dân chúng cầu lợi, mà có cầu lợi thì cũng chẳng ai cho, người ta chỉ hứa suông, hoặc thoáng có cho thì cho rất ít, lợi bất cập hại. Lợi phải do chính dân chúng tạo ra bằng sức lao động của mình. Họ cần hiểu rằng phải cần một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do*". Một sự phát ngôn xanh rờn như vậy *dưới chân trời rực hồng một màu lửa* là nguy hiểm, và Triệu đã bị trâu điên húc ộc máu, chết tươi tức khắc. Ngoài những lời lẽ trực tiếp trên của Triệu, bút pháp trong *Những Bài Học Nông Thôn* có tính chất ẩn dụ cao độ. Ẩn dụ trong ngôn ngữ bà Lâm, ấm ức trong ngôn ngữ chị Hiên, bí hiểm trong hành tung ông Lâm. Mỗi sự kiện, sự vật, hình ảnh, phong cảnh, mỗi lập ngôn đều nhập nhằng nhiều ý nghĩa. Nguyễn Huy Thiệp tận dụng ngôn ngữ như một nòng cung phức âm bắn vào đa từng xã hội: Từ hàng chóp bu râu rậm, chân dung lồng kính, đến loại tiên chỉ chim to, rồi hạng nhàn nhàn ăn trên ngồi chốc lấy sức đè người, đến cả loại trâu điên cuồng tín tay sai, đao phủ... Mỗi chữ là một mũi tên bắn đi, trúng hồng tâm thủ phạm, kéo theo tàn quân của bọn đồng lõa. Hình ảnh nông thôn cũng là hình ảnh xã hội toàn diện, nực nồng và u uất: Kẻ trực tâm, có lòng bị hãm hại. Kẻ thông minh bị đàn áp. Sự cù lần, độc ác và mù quáng trụ trì. Tất cả lồng trong không khí bình lặng của nông thôn *rực hồng một màu lửa đỏ ở phía chân trời*.

Ba nhân vật Thuấn, Thuần và Thủy trong **Tướng Về Hưu** là ba mô típ điển hình thời đại:

— Người cha, ông Thuấn, tướng về hưu, 70 tuổi, lãnh đạo "chính thức" gia đình. Trốn nhà đi bộ đội từ năm 12 tuổi. Không thích văn học. Thích viết thư "giới thiệu" người quen. Trọng việc lớn: chiến tranh. Khinh việc nhỏ: "kiếm tiền". Nhưng không ngại tiêu và thích cho tiền.

— Người con trai tên Thuần, 37 tuổi, đã du học nước ngoài, nghề nghiệp kỹ sư nhưng làm việc ở viện vật lý. Trí thức ăn bám (nhục). Gì cũng hỏi vợ. Vợ rúc rích với tình nhân ở nhà: Lẩn. Đếm 28 mâm cỗ, vợ bảo 32 cũng gật. *Duyên do là bởi anh đếch sống được một mình*: ông bố bảo vậy.

— Người con dâu, tên Thủy, lãnh đạo "thực thụ" gia đình, chủ trì kinh tế nuôi tám miệng ăn. Nghề nghiệp bác sĩ nạo thai. Sống nhờ lợi tức nuôi gà vịt, nuôi heo, nuôi chó béc-ghê bằng thai nhi.

Sau đây là một trích đoạn trong *Tướng Về Hưu:*

*"Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: "Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: "Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn".*

*Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá mang về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẩu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc ghê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này!" Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: "Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết!" Ông Cơ Bảo: "Cháu quên, cháu xin lỗi". Tháng mười hai, vợ tôi gọi bán sạch đàn chó béc ghê. Vợ tôi bảo: "Anh thôi hút thuốc Ga Lăng đi. Năm nay nhà mình hụt hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn"*.(Cần chú thích, *Tướng Về Hưu* xuất hiện tháng 7 năm 1987).

Trích đoạn trên đây tượng trưng cho cái mà tôi tạm gọi là kỹ thuật văn chương của Nguyễn Huy Thiệp. Đọc rồi, đọc lại, đọc kỹ, không chỉ có mình ông tướng thấy rờn rợn, mà chính chúng ta cũng thấy rợn, kẻ yếu bóng vía có thể bị tẩu hỏa nhập ma. Kỹ thuật ấy nằm chủ chốt trong nghệ thuật hỗn hợp bất nhân và có nhân trong một con người.

Ông tướng, nhân từ và nhân hậu, sau 58 năm phục vụ tổ quốc, những tưởng *"việc lớn trong đời đã làm xong"* về nghỉ. Ở nhà, ông thấy gì? Ông thấy thai nhi nấu lên cho chó lợn. Ông khóc. Người con dâu chuyên nghề phá thai, một lần tội ác; trách người làm bằng một câu nói nhị hóa tội ác: *"Sao không cho vào máy xát"*. Nhưng ngay sau đó, nàng lại nhẹ nhàng: *"Sao để ông biết?"*. Chút ân tình nhỏ nhoi này đã rửa tội cho nàng. Rồi sự toan tính chi li sau đó: *"Năm nay nhà mình hụt hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn"* giải mã lối hành sự rợn người của nàng. Trong khi đó người chồng bình thản ngồi đọc Sputnhich. Nguyễn Huy Thiệp vừa vẽ nên

thực trạng đen tối của xã hội, vừa lý giải tại sao có thực trạng đó bằng một lượng số chữ nghĩa cực tiểu; những dòng mực đen, đậm, đặc và độc của nó đã thấm vào tận não thùy người đọc, khiến chúng ta phải vật vã, phải tư duy.

Người cha, ông tướng và chủ gia đình, bản tính nhân từ và độ lượng, nhưng coi kỹ ông chỉ là thứ xếp bù nhìn vô tích sự. Cả đời đi hoang, làm được mỗi việc lớn là chôn ba nghìn người. Đến cái chết của ông cũng lãng xẹt: già rồi mà còn bò ra trận địa, mọi người dở tay đánh nhau, không ai tiếp; ông lần mò lên chốt một mình. Lóng ngóng, chết uổng.

Con trai ông, trí thức, vô tích sự và vô trách nhiệm hơn ông: Trước tất cả khó khăn vật chất của gia đình, hắn hút Ga Lăng, hắn đọc Sputnhich. Người chú, phu xe, vừa quịt nợ, vừa chửi: *"Quân trí thức khốn nạn, rẻ dân lao động"*. Cũng đúng . Người vợ một mình xoay sở, chạy vạy, nuôi đủ hai con, hai bố mẹ, hai người ở và một chồng. Đối với Thủy: cứu cánh biện minh cho phương tiện. Thảm kịch này không phải chỉ xảy ra trong lòng một gia đình, mà là thảm kịch chung của cả một dân tộc.

Lối gọi người sinh ra mình là cha, có nhiều ngụ ý. Cha là bố trong nghĩa rộng, từ không để xưng hô mà để chỉ định. Có thể hiểu là cha chung, là cha của nhiều người, của chung chung.

Ông tướng là hình ảnh người cha lý tưởng và không tưởng, một thứ cha chung, cha già của dân tộc. Cả đời chỉ lo chuyện lớn. Lấy việc binh quân làm lẽ sống. Lấy chiến tranh làm dưỡng khí. Trong hòa bình, ông thoi thóp, rồi ông ngộp thở. Ông xây dựng thượng tầng cơ sở trên vinh quang và chiến thắng mà không biết những vinh hạnh ấy dựng trên xác người. Ông không màng đến những chuyện nhỏ như kiếm tiền, kiến trúc xã hội, kiến trúc kinh tế, kiến trúc đời sống trong hạ tầng cơ sở. Ông tưởng ông phụng sự con người, thật ra ông chỉ thạo việc chôn người. Tha hóa và bất hạnh bắt nguồn từ chỗ đó. Vì xã hội thiếu hạ tầng cơ sở, dùng người không đúng chỗ, cho nên có du học ngoại quốc cũng bằng thừa. Người con trai kỹ sư, làm việc ở viện vật lý trở nên một thứ trí thức bất lực, ăn bám, hèn và nhục, ký sinh trùng của xã hội. Vì thiếu hạ tầng cơ sở, thiếu kế hoạnh dân sinh và an sinh, người dân không dùng thượng sách ngừa thai mà phải xuống hạ sách phá thai. Báyc sĩ sản khoa thay vì đỡ đẻ cứu người lại phải nạo thai, hủy trẻ. Những biện pháp bất nhân nho nhỏ này được phát triển, bình thường hóa, cập nhật hóa, dẫn đến những bất nhân linh tinh khác và trở thành một thứ trật tự, ổn định xã hội mới dựa trên công thức chạy vạy, xoay xở. kiếm tiền và tất cả mọi thủ đoạn, mọi phương tiện đều tốt.

Xã hội mới ấy khu biệt mẹ già. Mẹ già. Mẹ lẫn. Mẹ ngã. Mẹ chết. Nhìn xác bà miệng nhét đồng xu, cái Vi hỏi: *"Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không?"*. Đạo đức xã hội thấm vào lời con trẻ. Đám ma chị, tiếc quan tài gỗ giổi, ông Bổng chửi thề: *"Mất mẹ bộ xa lông"*. Đánh bạc canh xác chị ông Bổng khấn: *"Lạy chị, chị phù hộ cho em vét nhẵn túi chúng nó"*. Chị hấp hối, nhận ra mình là người, ông Bổng òa lên khóc: *"Thế là chị thương em nhất. Cả*

*làng họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. Thằng Tuân gọi em là đồ khốn nạn. Chỉ có chị gọi em là người*". Nguyễn Huy Thiệp kê khai ngần ấy thứ trong một con người. Ngoài người, kiếp gì có thể đa mang và đa đoan đến thế? Mức độ tha hóa, nhục nhã của kiếp người lên tới cực điểm ở đây.

**Tướng Về Hưu** không phải là một truyện ngắn bình thường, theo nghĩa truyện ngắn, mà là sự cô đọng của một trường thiên trải dài ba kiếp người, hai thế hệ chồng chất những tương phản đớn đau, những đốn mạt hèn mọn, những nhầm lẫn, ngộ nhận, cô đơn, bất hạnh, vô trách nhiệm và vô tổ chức... giữa người với người, giữa những cá thể với nhau, và mỗi cá thể ấy lại là một thành viên của xã hội chúng ta đang sống. Đấy mới là điểm kinh hoàng có thể làm loạn thần kinh những tâm hồn lành mạnh nhất.

Đến đây, tôi xin trở về một định nghĩa văn chương của Todorov: "*văn chương là cuộc thám hiểm sức mạnh của ngôn ngữ*". Cuộc thám hiểm của Nguyễn Huy Thiệp chứng tỏ sức mạnh vạn năng của ngôn ngữ.

Qua những truyện ngắn, kể như đùa, chơi chơi, pha trò, nhà văn có thể đặt những vấn đề cơ bản và nghiêm chỉnh nhất của hôm nay: từ chính trị, xã hội, đến nghệ thuật, văn hóa và tư tưởng: đào sâu đến tận gốc rễ và khơi cao đến tận đỉnh.

Hầu như mỗi truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều là một hồ sơ khảo sát bệnh lý những vấn đề lớn của xã hội hiện hành, liệt khai những vi khuẩn phá hoại, giải phẫu ung nhọt. Và tất cả khởi nguồn từ ngôn ngữ. Nguyễn Huy Thiệp đề nghị một ngôn ngữ nặng cân, ngôn ngữ có nội dung, ngôn ngữ người nói với người. Nó dung tục, không văn hoa, bài bản, không trá hình lắp ghép như những định thức, khẩu hiệu, quyền ngôn. Ngôn ngữ ấy dẫn đến một tư duy trung thực, một tâm hồn lành mạnh, một phong cách tự trọng của những cá thể mới, những tế bào mới, trong một xã hội mới. Xã hội ấy không ồn ào tự mãn nhất mình vì biết mình, biết nhìn thâu suốt đến cái xấu cực điểm của chính mình.

Thay đổi ngôi ngữ là một đề nghị của Mallarmé từ thế kỷ thứ XIX: sự hội ngộ của các nhà văn trên tư tưởng là điều bình thường nhất trong đời sống và là một đặc điểm của văn chương.

THỤY KHUÊ



**KIM BA**

# đức tin

*Tôi đã đi trên con đường bụi dốc*
*bàn chân khô tóe máu khát nguồn vui*
*nặng bên lòng một câu hỏi chơi vơi*
*gì đã mất mà lòng đầy tiếc nuối?*

*Nào dám mơ thời gian tĩnh tại*
*tuổi ngày thơ nay đã thật xa rồi*
*sao ngân hoài điệp khúc ấy bên tai*
*tiếng dế trêu ửng hồng bống mắc cỡ?*

*Lúc nhận biết cuộc đời nhiều trắc trở*
*tôi có còn là tôi nữa hay không?*
*nỗi âm thầm*
*như lá rớt ngày đông*
*ai xa xót?*
*ai cợt cười độc hiểm?*

*Tự dìm mình trong nỗi đau hoang tím*
*mắt trừng dại rượu ngó hoàng hôn*
*kìa thế giới lung linh qua hơi men nồng ấm*
*nguyên lành hơn và chừng đáng yêu hơn?*

*Hoa cỏ thôi phất phơ*
*cánh bướm thôi sặc sỡ*
*khi nụ cười biết tự héo trên môi*
*gió đang thổi gió cũng nhiều day trở*
*tôi trong đời - đời có ở trong tôi?*

*Và như thế điều tôi chưa lường trước*
*nhánh thơ đau cứ rón rén đâm chồi*
*với trực cảm - niềm xôn xao bất định*
*buộc tôi đứng lại lắng-nghe-đời*

*Phút suy nghiệm hạt mầm tách vỏ*
*mở cánh non đón tia nắng tươi trong*
*tôi nào ngờ giữa bao nhiêu tuyệt vọng*
*trong ngực mình chưa tắt những-lửa-hồng*

*Thì cần chi uốn éo lời giả tạo*
*chút tài hoa nào có nghĩa gì đâu*
*thì cần chi câu thậm xưng cao ngạo*
*khi nửa đời sóng tuổi đuổi theo mau*

*Chiu chắt niềm vui*
*nâng niu dự cảm*
*trên con đường đá gai bụi bặm*
*để gìn giữ đức tin*
*tôi học cách nhìn xuyên thấu đêm...*

# trăng hoàng hôn

*Có một lần lơ đãng tôi ngắm vầng trăng treo trong chiều muộn*
*là một nửa vầng trăng vẫn trôi lặng lẽ giữa vòm trời*
*cũ kỹ muôn đời lại hiện diện ban ngày có ai đâu biết đến*
*còn quá đỗi thơ ngây mà như bị lột trần nên hương sắc tàn phai*

*Chiều muộn dần đi. Bóng tối dần buông*
*dợm nuốt chửng bầu trời cùng mảnh trăng non*

*Có một điều kỳ diệu vừa xuất hiện trên gương mặt trăng mòn*
*như bất ngờ được nhận nụ hôn tình yêu khắc nghiệt*
*gương trăng chợt ửng dần trong khoảnh khắc hóa thân*
*như bất ngờ được nhận nụ hôn tình yêu cuồng nhiệt*
*trăng lập tức tái sinh - ánh trăng khẽ ngân như một thoáng ngại ngần*

*Ta vẫn quen nghĩ về trăng như một vật thể cổ xưa*
*mà ta quên rằng trăng có khoảnh khắc hóa thân này*
*bởi làn ánh sáng biết run rẩy!*
*ta vẫn quen nghĩ về trăng một hành tinh chết lặng*
*mà quên rằng trăng tự tái sinh mỗi ngày*
*như tín hiệu tình yêu tồn tại!*

*Tôi có được niềm vui đượm buồn mỗi khi ngắm vầng trăng*
*treo trong chiều muộn*
*với nỗi thắc thỏm đợi chờ phút giây được-sống-lại-cùng-trăng!*

KIM BA
(Trong nước)



NGUYỄN NGỌC TUẤN

# thơ con cóc



*Con cóc trong hang*
*Con cóc nhảy ra*

*Con cóc nhảy ra*
*Con cóc ngồi đó*

*Con cóc ngồi đó*
*Con cóc nhảy đi*

Bài thơ khuyết danh trên, vốn gắn liền với một truyện tiếu lâm quen thuộc tại Việt Nam (1), từ xưa đến nay, trong định kiến của chúng ta, được coi là bài thơ dở, hơn nữa, cực kỳ dở. Mỗi lần bắt gặp bài thơ nào kém cõi, chỉ có vần điệu ê a nhưng nội dung hoặc rỗng tuếch hoặc nhạt nhẽo, chúng ta thường có thói quen phán: "Thơ con cóc!". Trong ngôn ngữ Việt Nam, không có lời chê bai nào tàn tệ hơn. đó là một sự phủ định hoàn toàn.

Trong bài viết này, tôi muốn chứng minh một điều ngược lại: *Thơ con cóc* là một bài thơ hay.

Thật ra, tôi biết, nhận định như thế cũng chả mới mẽ gì. Tự thâm tâm và một cách thiếu tự giác, rất nhiều người, nếu không nói là hầu hết người Việt Nam đều chia xẻ cách đánh giá này qua hai biểu hiện chính: một là, họ có ghi khắc mãi bài *Thơ con cóc* vào trí nhớ; hai là, họ coi *Thơ con cóc* như là điển hình của cái dở nói chung. Trong số những bài thơ khuyết danh tại Việt Nam, dễ không có bài thơ nào được nhiều người nhớ như bài *Thơ con cóc*. Ngay cả những người hoàn toàn hờ hững với thơ ca cũng thuộc lòng bài thơ ấy. Trong ngôn ngữ của họ, chữ *Thơ con cóc* được dùng để chỉ sự nôm na, cọc cạch cũng như chữ Hoạn Thư chỉ sự ghen tuông, chữ Thúc Sinh chỉ sự sợ vợ, chữ Tào Tháo chỉ sự gian hùng. Hai sự kiện này hoàn toàn mâu thuẫn

với những lời lẽ bỉ thử họ dành cho bài *Thơ con cóc* vì lý do giản dị: một tác phẩm văn học đã trở thành điển hình và được mọi người, từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ thời đại này qua thời đại khác, ghi nhớ thì không thể nào dở được. Trong khi cái dở, nói như Hoài Thanh, *không tiêu biểu gì hết* (2), điển hình, một thuật ngữ quen thuộc trong trào lưu Tân cổ điển, được Engels và sau đó, giới nghiên cứu văn học mác xít mượn lại, là cái gì có tính khái quát cao, thể hiện bản chất sự vật, là đại diện cho số đông và do đó, chỉ có thể là kết quả của tài hoa và trí tuệ. Hạng người đểu giả và đồi bại trong tình yêu bao giờ cũng nhan nhản trong cả cuộc đời lẫn văn chương ở mọi thời nhưng phải đợi đến ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du, trong vài câu, với vài nét chấm phá, mới thành một điển hình: Sở Khanh. Hạng người hợm mình và láu cá hẳn không hiếm trong xã hội Việt Nam, đặc biệt trong những buổi giao thời, được nhiều nhà văn quan tâm phản ánh, nhưng phải đợi đến ngòi bút sắc sảo của Vũ Trọng Phụng nó mới thành một điển hình: Xuân tóc đỏ. Khuôn mặt *hao hao như mặt lợn*, trên đó gắn cái mũi *vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành,* một đôi môi như *miếng thịt trâu xám ngoách* phải nhờ Nam Cao mới trở thành một điển hình cho cái xấu nói chung, cái Xấu viết hoa: Thị Nở. Về phương diện giá trị điển hình, hình tượng con cóc không hề thua kém hình tượng Sở Khanh, Xuân tóc đỏ hay Thị Nở. Về phương diện sức sống, nó cũng đã vượt qua bao nhiêu thử thách, từ đời này qua đời khác, nó tồn tại hoài. Không ngoa chút nào nếu gọi *Thơ con cóc* theo cách nói quen thuộc đã thành sáo ngữ của chúng ta là bài thơ "vượt thời gian". nhà văn Nhất Linh, trong quyển *Viết và đọc tiểu thuyết*, đã coi tính chất "vượt thời gian" là cơ sở chắc chắn nhất để xác định một tác phẩm lớn. Nhà thơ Xuân Diệu có cách ví von khá thú vị: *Chiếc thuyền thơ thả trong biển thời gian, lúc đầu mới hạ thuỷ còn chao lên chao xuống, gió bão từng kỳ làm chòng đi chành lại, có cho thăng trầm mỗi đợt là mất hai mươi năm đi, thì trải qua năm đợt hai mươi năm, mà vẫn có giong lèo giương buồm phơi phới, như vậy có thể nói được rằng: từ đây vào bất hủ được rồi* (3). Bài *Thơ con cóc* ra đời đã lâu, lâu lắm, được Trương Vĩnh Ký sưu tập, in trong quyển *Chuyện đời xưa* xuất bản lần đầu tiên năm 1866, cho đến bây giờ, vượt xa thời hạn Xuân Diệu đã nêu, vẫn còn âm vang trong lòng mọi người, còn gì mà ngờ nữa?

Tôi đoán, sẽ có người biện bạch, cho hiện tượng "vượt thời gian" của bài *Thơ con cóc* xuất phát từ những nguyên nhân khác, không phải là giá trị nghệ thuật của nó, chẳng hạn, vì nó ngắn nên dễ nhớ, vì nó dở đến cực độ của cái dở hoặc vì nó gắn liền với một câu chuyện tiếu lâm nổi tiếng. Theo tôi, những luận cứ này đều không vững. Đồng ý ngắn thì dễ nhớ nhưng không phải có hễ ngắn là được người ta nhớ. Có khối bài thơ ngắn hơn hoặc bằng bài *Thơ con cóc*. Thơ 14 chữ của Thi Vũ hoặc thơ mini của Trần Dần, chẳng hạn. Còn cái dở thì hiếm gì, đầy dẫy, có bài nào được nhớ đâu? Trong ngôn ngữ xưa nay, chúng ta thường nói: làm thơ hay như Đỗ Phủ, phóng túng như Lý

Bạch, giản dị như Bạch Cư Dị, đẽo gọt kỳ khu như Giả Đảo, nhưng không hề có cách nói nào đại loại như làm thơ dở như ông A bà B. Tuyệt đối không. Đã dở thì bị diệt vong, bị tiêu tán tức khắc, không còn lại gì cả, kể cả một cái tên, đừng nói gì là nguyên vẹn một tác phẩm. Bài *Thơ con cóc* được tồn tại cũng không phải nhờ câu chuyện tiếu lâm gắn liền với nó nếu không muốn nói, ngược lại, câu chuyện tiếu lâm ấy sở dĩ còn được lưu truyền là nhờ bài *Thơ con cóc*. Có ba lý do để khẳng định điều này: một là, nếu bỏ bài thơ đi, câu chuyện sẽ trở thành hoàn toàn nhảm nhí và vô nghĩa; hai là, đã nhiều người dùng lại câu chuyện ấy, chỉ thay đổi những lời thơ xướng hoạ, có những lời thơ tục, vui và ngộ nghĩnh hơn.

Bài *Thơ con cóc* nhiều (4), song tất cả đều rơi hút vào quên lãng; ba là, rất nhiều người chỉ nhớ bài *Thơ con cóc* nhưng lại không nhớ được câu chuyện tiếu lâm kia, nghĩa là, nói cách khác, với họ, bài *Thơ con cóc* được ghi nhận như một tác phẩm độc lập.

Như vậy, có thể nói, qua việc nhớ bài *Thơ con cóc*, việc coi *Thơ con cóc* như là một điển hình của cái dở, từ trong vô thức, chúng ta đã thừa nhận giá trị của nó, đã linh cảm được đó là một bài thơ hay. Song có lẽ vì cái hay của nó quá lạ, khác hẳn những cái hay chúng ta quen thưởng thức, cho nên lý trí chúng ta tự nhiên đâm ngờ vực, cuối cùng, lý trí thắng thế: bài thơ bị liệt vào loại dở. Sự hàm oan của bài *Thơ con cóc,* do đó, gắn liền với sự hàm oan của một quan điểm thẩm mỹ. Khôi phục giá trị của bài *Thơ con cóc* cũng có nghĩa là đặt thành nghi vấn đối với những quan điểm thẩm mỹ quen thuộc, đang giữ vai trò thống trị trong sinh hoạt văn học nghệ thuật lâu nay.

Bài *Thơ con cóc* hay ở chỗ nào?

Trước hết và có lẽ cũng hiển nhiên hơn hết, đó là bài thơ hay nhất trong tất cả những bài thơ miêu tả cái dở, cái kém nghệ thuật và kém thẩm mỹ. Ở mức độ nào đó, có thể coi *Thơ con cóc* cũng tương tự bức chân dung Thị Nở của Nam Cao. Nếu Thị Nở là điển hình của cái Xấu, *Thơ con cóc* sẽ là điển hình của cái dở. Chỉ riêng ở khía cạnh này, *Thơ con cóc* đã là một cái gì khá mới mẽ và đầy táo bạo, khác hẳn mỹ học truyền thống vốn đồng nhất cái đẹp của tác phẩm nghệ thuật với cái đẹp của đối tượng được tác phẩm nghệ thuật miêu tả, từ đó, hình thành một lối đi độc đạo trong sáng tác: mọi người đều chăm chăm chọn những nhân vật đẹp, những khung cảnh đẹp. Văn học dân gian và tiểu thuyết thoát ly ra khỏi quan điểm hẹp hòi này khá sớm có lẽ do bản chất dân chủ của chúng. Thơ có đắm đuối mãi trong cõi mộng mơ. Cái xấu, cái tầm thường bị gạt qua một bên, trở thành lãnh địa dành riêng cho thơ trào phúng.

Ngay trong giới hạn của thơ trào phúng, cho đến nay, người ta cũng chỉ thành công trong việc khắc hoạ những cái xấu theo nghĩa đạo đức học hoặc xã hội học, tức những nhân vật, những sự kiện lố bịch, nhố nhăng, chướng tai gai mắt, nhưng lại không thành công trong việc miêu tả cái xấu theo nghĩa thẩm mỹ học. Tất cả những bài thơ phê phán cái dở đều... khá dở. Còn lại,

chỉ còn lại trong suốt lịch sử văn học Việt Nam, hai câu thơ này của Hồ Xuân Hương:

*Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông*
*Chúng bảo nhau rằng: ấy ái uông.*

Nhưng Hồ Xuân Hương, trong hai câu thơ này, không có chú tâm nói về cái dở. Bà chỉ nhằm chế diễu sự bất tài mà thôi.

Như thế, có thể coi bài *Thơ con cóc* là bài thơ duy nhất thành công trong việc nêu bật đặc điểm của những bài-thơ-thị-nở vốn ê hề, xưa cũng như nay, trong cũng như ngoài nước.

Tuy nhiên, giá trị bài *Thơ con cóc* không phải chỉ có như vậy. Đọc bài thơ một cách nghiêm chỉnh như đọc một bài thơ trữ tình và quên đi câu chuyện tiếu lâm ngớ ngẩn chung quanh nó, chúng ta sẽ phát hiện ra một số điều rất lạ.

Trước hết, về phương diện kết cấu, bài thơ rất ngắn, chỉ có sáu câu, lại được cắt ra làm ba đoạn. Câu đầu của đoạn sau lặp lại nguyên vẹn câu cuối của đoạn trước. Thành ra, trừ câu đầu và câu cuối, tất cả các câu thơ còn lại đều xuất hiện hai lần, cách nhau một quãng ngắt hơi, một quãng im lặng dài vì là thuộc hai đoạn thơ khác nhau. Cái quãng ngắt hơi ấy tạo ra cảm giác nghiêm trang, trịnh trọng cho cái động tác được miêu tả. Đây chỉ là một kỹ thuật thông thường khi kể chuyện, đặc biệt những chuyện có vẻ ly kỳ, rùng rợn. Thế nhưng, khác với các câu chuyện ma, chẳng hạn, sau mỗi lần người kể lặng im để tạo tâm thế căng thẳng, hồi hộp cho người nghe hoặc người đọc là một chi tiết bất ngờ, hoàn toàn bất ngờ, bài *Thơ con cóc*, ngược lại, sau mỗi lần ngắt hơi, lại lặp lại nguyên văn những điều đã nói. Điều này tạo nên một cảm giác nghịch lý: nó vừa nghiêm trang, trịnh trọng lại vừa rất nhàm, rất nhảm.

Tính chất nghịch lý ấy lại được nhìn thấy ở một phương diện khác : hình tượng "con cóc", lặp đi lặp lại sáu lần, chiếm nửa số lượng từ vựng trong bài, luôn luôn đứng làm chủ ngữ trong mọi câu thơ, nổi bật, uy nghi, vừa như một tượng đài lại vừa như một quyền lực. Nửa số từ vựng còn lại chỉ vừa đủ để diễn tả bốn động tác căn bản của con cóc: ở trong hang, nhảy ra, ngồi lại và cuối cùng, nhảy đi. Những động tác này không những nhàm, nhảm mà còn vô nghĩa nữa. Sự vô nghĩa này lại được cố tình trình bày một cách trịnh trọng: yếu tố hài hước của bài thơ được khơi dậy từ đây; lý do khiến bài *Thơ con cóc* được coi là điển hình của cái dở nằm ở đây. Và cũng từ đây, chúng ta thấy được chủ đề của bài thơ: nó không phải là bài thơ tả con cóc mà, qua con cóc, bài thơ nói về những sự trịnh-trọng-vô-nghĩa.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố trịnh trọng và vô nghĩa góp phần mở rộng trường liên tưởng của bài thơ: với loài cóc, chỉ có thể có sự vô nghĩa chứ không có sự trịnh trọng. Trịnh trọng là khái niệm dùng cho con người, một

loài vật có trí tuệ và khả năng tự giác để gán cho hành động của mình một giá trị nào đó có khi chính nó không có.

Bài *Thơ con cóc*, như thế, đang nói về con người. Về tôi. Về chị. Về anh. Về tất cả chúng ta. Trong cuộc đời, chúng ta làm bao nhiêu công việc, đôi khi, một cách cực kỳ nghiêm cẩn. chúng ta đắn đo trước khi khởi sự. Đã đành. Chúng ta còn có thói quen tự chiêm ngưỡng mình lúc đang hành động. Chúng ta tự khoác lên chúng ta cơ man những hào quang lấp lánh. Chúng ta lạm dụng tính từ để miêu tả, để tô vẽ việc làm của chúng ta. Cuối cùng, chúng ta chỉ sống với sự diễn dịch về cuộc đời chứ không phải với chính cuộc đời. Huyền thoại lên ngôi. Ảo ảnh che khuất hiện thực. Lê Duẩn và những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam vào năm 1975, khi hứa hẹn chỉ trong vòng 10, 15 năm Việt Nam sẽ trở thành một cường quốc, là nạn nhân của chính cái nhìn tự mê hoặc của họ: thay vì nhìn đất nước Việt Nam như một xứ sở tan nát sau cuộc chiến tranh khốc liệt và dai dẳng, họ chỉ nhìn nó như là sự anh hùng và sự sáng suốt, những khả năng có thể làm được phép lạ. Hiện nay, Đảng cộng sản có tiếp tục sống trong thế giới phi thực ấy khi họ khăng khăng khẳng định

Chỉ có họ mới đủ sức cứu vãn đất nước và một mực từ chối yêu cầu dân chủ hóa chế độ. Và cả chúng ta nữa, liệu chúng ta có thoát khỏi sự diễn dịch về hành động bỏ nước ra đi của chúng ta để nhìn thẳng vào thực tế của cuộc đời? bài *Thơ con cóc* nhắc nhở chúng ta một sự thật: cuộc đời là cái nó là chứ không phải cái nó được nghĩ là. Bỏ hết những tính từ lộng lẫy, những sự diễn dịch đầy chủ quan, và do đó, đầy ảo tưởng, cuộc đời nào cũng chỉ còn lại vài động tác căn bản, đại khái nhảy vào, nhảy ra, thế thôi. Ừ, thì cuối cùng cũng chẳng ra làm sao cả. Ở trong nước nhảy vọt qua Indonesia; từ Indonesia nhảy vọt qua Pháp, rồi từ Pháp lại nhảy vọt qua Úc, tưởng làm được điều gì ghê gớm lắm; té ra, không, chỉ ngồi ỳ một chỗ với áo cơm, với nợ nần, với mộng tưởng, với nhớ nhung lan man, chờ một ngày lại nhảy đi nữa.

Mà đi đâu? Bài thơ mở ra bằng một không gian hẹp, xác định và không chừng ấm áp lắm: cái hang. Các động từ kế tiếp đều là những động từ chỉ phương hướng, rõ ràng: nhảy ra, ngồi đó. Ở câu cuối cùng, bài thơ đóng lại bằng một động từ không phương hướng để mở ra một không gian vô định: nhảy đi. Đi đâu? Ai mà biết. Chỉ nhảy đi. Vậy thôi. *Bể vô tận sá gì phương hướng nữa* (Vũ Hoàng Chương). Trời đất bao la, ai hơi đâu theo dõi cóc làm gì. Khác với tất cả những từ ở trên kết thúc bằng những nguyên âm mở (a/o), động từ "nhảy đi" kết thúc bằng một nguyên âm hẹp, hẹp nhất trong các nguyên âm: i. Nó gợi nhớ cái âm hao áo não ê chề trong thơ của Tú Xương ngày nào:

*Tấp tểnh người đi, tớ cũng đi*
*Cũng lều cũng chõng cũng đi thi*
(Đi thi)

*Bụng buồn còn biết nói năng chi*
*Đệ nhất buồn là cái hỏng thi*
(Thi hỏng)

Con đường đi vào cõi Hư không mênh mông và tịch lặng, như thế, lại là một con đường hẹp. Và ngậm ngùi.

Trong văn học dân gian, rất gần với bài *Thơ con cóc* là bài ca dao:

*Cái kiến mày đậu cành đào*
*Leo phải cành cọc leo vào leo ra*
*Cái kiến mày đậu cành đa*
*Leo phải cành cọc leo ra leo vào*

hoặc bài đồng dao:

*Ông Nỉnh ông Ninh*
*Ông ra đầu đình*
*Ông gặp ông Nảng ông Nang*
*Ông Nảng ông Nang*
*Ông ra đầu làng*
*Ông gặp ông Nỉnh ông Ninh*

Bài đồng dao này được nhà văn Bình Nguyên Lộc khen hay, hơn nữa, còn có ngầm ý cho Tản Đà cũng không thể làm nổi (5). Tôi đồng ý. Có điều, chủ đề của bài đồng dao chỉ là sự chật chội, tù túng, quẩn quanh trong đời sống cộng đồng thôn xã Việt Nam ngày xưa cũng như chủ đề bài ca dao trên chỉ là sự bế tắc, cùng quẫn, khốn khó của những thân phận con ong cái kiến trôi giạt giữa đời. Nó không có cái "bận tâm lớn", cái "băn khoăn siêu hình" - chữ của nhà văn Võ Phiến (6) - như bài *Thơ con cóc*. Ở phương diện này, có lẽ gần hơn với bài *Thơ con cóc* là bài *Một mình đi luồn vô luồn ra trong núi chơi* của Nguyễn Đức Sơn:

*Khi thấm mệt tôi đi luồn ra núi*
*Cuối chiều tà chỉ gặp cỏ hoang sơ*
*Bước lủi thủi tôi đi luồn vô núi*
*Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô*
*Chân rục rã tôi đi luồn ra núi*
*Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô.*

Nguyễn Đức Sơn loăng quăng líu quíu đi luồn vô luồn ra trong núi cũng giống như con cóc có nhảy, rồi ngồi, rồi lại nhảy đi. Thế thôi. Hai bài thơ đều có cùng một chủ đề: sự vô nghĩa của kiếp người. Đi đâu cũng thấy hư vô. Chất

ngất trước mắt. Rợn ngợp trong lòng.

Cùng một chủ đề, nhưng rõ ràng bài *Thơ con cóc* mạnh và sắc hơn bài thơ của Nguyễn Đức Sơn nhiều. Họ Nguyễn, tuy mỏi mệt và tuyệt vọng đến não nề, nhưng tâm hồn ít ra cũng còn chút thanh thản đủ để nhìn ngắm ngoại cảnh chung quanh mình, từ bãi cỏ, cành cây đến nắng tàn; hơn nữa, còn chú ý đến thời gian, thoạt đầu, chỉ là chiều tà, sau, dần dần, biến thành hoàng hôn đang thoi thóp. Chút điểm trang trong hình thức câu thơ, dù rất nhạt, cũng đủ làm cho cảm xúc của Nguyễn Đức Sơn nhẹ đi, lênh ra. Như một niềm hiu hắt. Chỉ là một niềm hiu hắt. Mà như thế bài thơ là một thất bại: ý của Nguyễn Đức Sơn chắc chắn không dừng lại ở cái niềm hiu hắt ấy; chữ nghĩa của ông như muốn nói điều gì dữ dội hơn nhiều.

Bài *Thơ con cóc*, ngược lại, trần trụi tuyệt đối. Như một cành gai. Không có đến lá, đừng nói gì là hoa. Nó thô tháp. Nó mạnh bạo. Và cũng có thể nói, nó tàn nhẫn nữa. nó xóa bỏ hết mọi son phấn và loại trừ hết tất cả cảm xúc thừa thãi để bắt người đọc một mình sững sờ đối diện với sự vô nghĩa của cuộc đời. Không thể có thứ ngôn ngữ nào giản dị hơn thế nữa. Nó có phần giống thứ ngôn ngữ Albert Camus dùng khi viết *người xa lạ*: rời, tẻ, lạnh, không chỉ những từ thêu thùa, đẩy đưa mà cả những từ nối, những từ có chức năng diễn giải, phân tích cũng bị tước hết.

Không phải tôi chủ trương văn chương, muốn hay, phải cực kỳ giản dị. Có cái đẹp giản dị và có cái đẹp đài các, đầy son phấn. Ở đây, vấn đề không phải là từ ngữ mà là thái độ: đặc điểm nổi bật nhất của *Thơ con cóc* là sự tự kiềm chế khi nói đến một chuyện cực cùng bi thảm.

Các nhà phê bình văn học hay đả kích trường-phái-thơ-thị-nở vụng về, ngọng nghịu hoặc trường-phái-thơ-đồ-chiểu khệnh khạng, lúc nào cũng lên gân, làm thơ cứ như giảng bài hoặc như bắn súng mà thường quên đi hoặc có khi đồng tình với trường-phái-thơ-thuý-kiều đến nay vẫn là dòng chủ đạo trong nền thơ Việt Nam, đẹp thì cũng có thể gọi là đẹp, nhưng là một cái đẹp rất sáo, rất cũ, đặc biệt, rất ru em và rất dầm dề. Ru em ở nhạc điệu: lúc nào cũng du dương, cũng nhè nhẹ, cũng à ơi. Dầm dề ở cảm xúc: động một chút là thở than, là rơi nước mắt, là *Ôi Kim lang, hỡi Kim lang*.

Việt Nam không phải là dân tộc duy nhất theo "đạo" thuý kiều. đó là hiện tượng khá phổ biến trên thế giới ở thế kỷ trước, gắn liền với chủ nghĩa lãng mạn, xuất phát từ cái nhìn duy cảm, thói quen thi vị hoá và niềm say mê gãi những vết mụn âu sầu trong hồn mình. Thoạt đầu, nó là một cuộc cách mạng, chống lại tính chất duy lý, tính chất quy phạm, sự sùng bái cái đẹp vĩnh cửu và bất biến của chủ nghĩa cổ điển, mở ra con đường mới cho văn học bằng cách đưa ra một cái nhìn mới đối với vai trò của trí tưởng tượng, một thái độ mới đối với thiên nhiên, nhưng càng về sau tính chất sáng tạo càng phôi pha dần, các nhà thơ biến thành những chuyên viên đi sụt sùi trước những nấm mồ vô chủ, khóc lặng lẽ dưới mưa, ngẩn ngơ khi hoàng hôn xuống, lâu lâu lại gào lên não nuột: *Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm / Anh nhớ em, em hỡi, anh*

*nhớ em...*

Ở Tây phương, người ta từ bỏ thói quen sướt mướt này khá sớm. Ngay từ cuối thế kỷ XIX, các nhà thơ trong nhóm Thi Sơn (Parnassians) của Pháp đã chủ trương đè nén cảm xúc và đề cao cái nhìn khách quan trong thơ; từ đầu thế kỷ XX, các nhà thơ thuộc phái Duy hình tượng (Imagism) của Anh và Mỹ đề ra một số nguyên tắc làm thơ, trong đó, về phương diện ngôn ngữ, nguyên tắc đầu tiên là không dùng tính từ, những từ, theo họ, không gợi ra điều gì cả; T.S. Eliot đưa ra quan niệm phi ngã trong thơ: nhà thơ không phải là người có một cá tính để thể hiện mà là người có một phương tiện đặc biệt để dùng: ngôn ngữ. Riêng ở Việt Nam, chủ nghĩa lãng mạn được du nhập khá muộn màng, từ đầu thập niên 30, từ đó, nó có mãi mãi giữ địa vị thống trị trong thơ. Những thành tựu huy hoàng của Thơ mới đã điều kiện hoá cách cảm thụ văn học của chúng ta. Ý thức thẩm mỹ của chúng ta trở thành hẹp hòi, phiến diện và khá cứng nhắc.

Thay đổi một cách cảm bao giờ cũng khó khăn hơn là thay đổi một cách nghĩ, do đó, nói chung, những sự thay đổi trong thơ bao giờ cũng chậm chạp và nhiều trăn trở hơn các lãnh vực nghệ thuật hoặc các thể tài văn học khác. Nói theo ngôn ngữ chính trị, không ở đâu có nhiều thành phần lạc hậu, bảo thủ và phản động như là thế giới thơ. Từ thập niên 20, văn xuôi đã chuyển mình trong khi thơ có ì ạch mãi trong lối mòn. Đầu thập niên 30, tiểu thuyết tự lực văn đoàn ra đời được hoan nghênh tức khắc, nhưng cùng lúc, phong trào Thơ mới xuất hiện kéo theo bao nhiêu là tiếng la ó, phản đối, phần lớn từ những người làm thơ hoặc tự nhận là yêu thơ. Cuối thập niên 50, ở miền Nam, chúng ta làm thân dễ dàng với câu văn xuôi của Mai Thảo song đến tận cuối thập niên 70 và không chừng đến cả hiện nay nữa, rất nhiều người trong chúng ta vẫn ngỡ ngàng trước những câu thơ của Thanh Tâm Tuyền. Sau năm 1975, ở hải ngoại, chúng ta đón nhận sự táo bạo trong truyện ngắn của Trần Vũ một cách đầy thiện cảm nhưng lại ngờ vực những cố gắng làm mới thơ của Chân Phương, Đỗ Kh.. Sau năm 1986, ở trong nước, truyện dài và truyện ngắn, đặc biệt là truyện ngắn, thay đổi khá nhiều với những thể nghiệm thông minh và tài hoa của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, riêng thơ, trừ một số ngoại lệ cực kỳ hiếm hoi, vẫn tiếp tục ầu ơ như cũ. Dường như, trong thơ, sau khi lột bỏ chiếc áo tứ thân, cho đến tận bây giờ, đa số trong chúng ta vẫn mặc hoài chiếc áo dài Le Mur, cái mốt của thời Thơ mới. Thơ, do đó, thay vì là sứ giả của tương lai, lại biến thành một thư viện bảo tàng chất chứa các di chỉ một thời xưa cũ, cái thời, nói như Thường Quán, trong bài *Xưa thơ*:

*Xưa thơ niềm bình dị nắng trời cổ lục*
*Màu gió xanh câu hát níu câu hò*
*Chảy mãi suối nguồn núi sông uốn khúc*
*Nước đưa người qua bến nắng thơm tho...*

*...Chỗ trú của thơ là nơi nào trong tóc bỏ đuôi gà kia, thầm lặng*
*Nắng thả rơi lên một lá trúc đào.*

Buồn. Không thể không buồn lòng trước sự trì trệ lâu dài của nền thơ Việt Nam hiện đại. Viết về bài *Thơ con cóc*, thật ra, tôi muốn bộc lộ nỗi buồn ấy theo một kiểu "mới", không bắt đầu hoặc chấm dứt bằng hai tiếng "Hỡi ôi!".

NGUYỄN NGỌC TUẤN

---

Chú thích:

1. Câu chuyện có thể tóm tắt đại khái như sau:

Có ba anh học trò dốt, một hôm, nhìn một con cóc, nổi hứng rủ nhau làm thơ vịnh. Anh thứ nhất đọc: Con cóc trong hang / Con cóc nhảy ra. Anh thứ hai tiếp: Con cóc nhảy ra / Con cóc ngồi đó. Anh thứ ba nối lời: Con cóc ngồi đó / Con cóc nhảy đi. Làm xong bài thơ, tự trầm trồ khen mình giỏi, rồi sực nhớ lời người xưa nói kẻ tài hoa thường mệnh yểu, ba anh rất lo, sai tiểu đồng ra phố mua sẵn ba cái quan tài. Ngoài phố, nghe lời tiểu đồng kể lại, một khách qua đường dặn: "Mày mua luôn giùm tao một cái nữa, để lỡ cười quá, tao chết mất."

2. Hoài Thanh & Hoài Chân (1967), *Thi Nhân Việt Nam*, Thiều Quang (tái bản), Saigon, tr. 329.

3. Xuân Diệu (1982), *Các Nhà Thơ Cổ Điển Việt Nam*, tập 2, nxb Văn học, Hà Nội, tr. 227.

4. Ví dụ lời thơ trong truyện "Thơ cái chuông":

*Chùa này có cái chuông*
*đánh tiếng kêu boong boong*
*Treo lên như cái vại*
*Ấy nó vốn bằng đồng.*
*hoặc trong truyện "Thơ con ngựa":*
*Chậu nước thả cây kim*
*Cha tôi cưỡi ngựa chạy như chim*
*Chạy đi chạy lại cây kim chưa chìm.*
*Lò than để cái lông*
*Cha tôi cưỡi ngựa chạy như giông*
*Chạy đi chạy lại, cái lông chưa hồng.*
*— Mẹ tôi xáng cái địt*
*Cha tôi phi ngựa chạy như hít*
*Chạy đi chạy lại cái đít mẹ tôi chưa khít.*

5. Nhà văn Bình Nguyên Lộc trả lời phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh, *Văn* số 199 ra ngày 1.4.1972, tr. 12.

6. Võ Phiến (1989), *Tạp Bút, Văn Nghệ*, California, tr. 51-59.



**DU TỬ LÊ**

## chú thích

● Gửi đ.q. toàn, p.t. lệ, k. trường, ch., nhím và t.

*sông chú thích: núi nghìn năm góa bụa*
*trái đất tròn: chú thích lệ lăn xuôi*
*ngực héo, cằn: chú thích lẻ / đôi / nơi*
*chiều chú thích: nỗi niềm xa, vắng bạn*

*mẹ chúthích: mai này em xuất hiện*
*tóc ngắn (?), dài (?): chú thích nắng theo mưa*
*ngón ái tình: chú thích cây kem trưa*
*môi chú thích: nhụy hoa đời rất ngọt*

*gỗ chú thích bao cánh rừng mất tích*
*thú tuyệt giòng: chú thích lũ người điên*
*suối tân kỳ: chú thích giết thiên nhiên*
*đêm chú thích: miếng trời / em / sót lại*

*cây chú thích: chờ bão, dông bước tới*
*em nằm nôi: chú thích đợi ta bồng*
*hương chia ly: chú thích vị ôm chầm*
*em* footnote: *cuối đời ta... ./. !*

DU TỬ LÊ
May, 94



**HOÀNG XUÂN SƠN**

## tựa kiểu ông lê: và nghiêu đề

*Bàn tay*
*chầm chậm đưa lên*
*bạn cài cổ áo*
*cho rền thổ âm*

*đuôi mắt nheo*
*cười rất thầm*
*cỏ lau*
*và sợi tóc bầm*
*nắng sương*
*ngó về đầu hạ*
*khe*
        *truông*
*đầu đông*
*có giọt mưa buồn ướt tranh*
*qua rừng*
*cây cối còn xanh*
*về thành*
*thoắt đã*
*ngọn ngành nghiêu ngung*
(Tháng hai chín tư)

# đứng lại, từ tranh - thơ

Tặng K. Tr.

*Rậm rạp như tranh chưa ngã ngũ*
*mù mù chữ nghĩa rối bòng bong*
*người đi giữa nắng mà sao gặp*
*một chút cây xanh chút bụi hồng*
*Có phải mơ hồ trên tóc vướng*
*hình như là mây hình như sương*
*nét không vẽ được màu thu sáng*
*hòn sỏi vu vơ cuối dặm đường*

*Câu thơ huyền tạng sông khách lữ*
*đêm ngân trăng bạc màu môi son*
*thử pha một nhúm hương gờn gợn*
*mà sắc không đứng lặng. vô hồn*

*Gửi cái vô tri vào đại phá*
*được, không - ăn cả ngã về không*
*xem tay nhìn lại câu sinh hóa*
*nước chảy, thuyền đi giữa điệp trùng*

HOÀNG XUÂN SƠN



**HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG**

# mượn đá để ngồi



Tính cách lưỡng nguyên của con người Nguyễn Trãi - một là người anh hùng, một là nhà hiền triết - còn lưu lại dấu ấn thật đậm nét qua hình tượng hai quả núi được miêu tả trong thi ca của ông: núi Chí Linh và Côn Sơn.

*Phú Núi Chí Linh* là thiên anh hùng ca hồi quang lại ánh lửa Hội Thề Lũng Nhai và mười năm kháng chiến đầy gian khổ và vinh quang của nghĩa quân Lam Sơn. Như ông vẫn luôn luôn tự giấu mặt trong mọi tác phẩm viết về chiến công, ở đây Nguyễn Trãi đã không hề nói gì về chính bản thân ông, tất cả tính cách anh hùng đều được dành để miêu tả vị lãnh tụ nghĩa quân. Núi Chí Linh đối với Nguyễn Trãi là mảnh đất thánh dựng nghiệp mà ông chiêm ngưỡng bằng đôi mắt thành kính của một người chiến sĩ vô danh thuở cùng đất nước "gối củi, nằm gai". Mặt khác *Côn Sơn Ca*, bài ca tự do của con người trở về với vũ trụ xanh biếc, đã cho ta thấy mối tình thắm thiết với Nguyễn Trãi dành cho quả núi này: Với Nguyễn Trãi, Côn Sơn là thế giới muôn vàn của giấc mơ, là căn nhà tìm về của đời người và có một lần trong thơ (*Nhờ Người Vẽ Tranh Côn Sơn*), Nguyễn Trãi đã nói hẳn rằng: Côn Sơn chính là tâm hồn của ông.

Từ rất lâu trước khi có ý định về trí sĩ, Nguyễn Trãi đã chọn Côn Sơn làm mảnh đất tâm hồn của mình. Suốt những năm tuổi trẻ luân lạc Nguyễn Trãi vẫn đau đáu một nỗi nhớ "*duy có ngọn núi xưa là lòng chưa dứt* (ƯTTT, bài 9)*; những năm làm việc ở triều, ông vẫn nghe tiếng con "*chim núi gọi người*" (ƯTTT, b. 51) vọng lại từ ngọn núi xa thẳm, đêm đêm ông vẫn mơ thấy một con thuyền đưa ông về bến Chí Linh, và hình như chưa về được nơi Côn Sơn thì lòng ông chưa yên.

Nhưng điều làm cho ta không hết ngạc nhiên là ở Nguyễn Trãi, "bài ca

trở về" (*Qui Khứ Lai Từ*) của Đào Tiềm xưa kia vọng lên cùng lúc với một hoài bão nhập thế rất mãnh liệt "*Một tấm lòng son nóng bừng như lửa lò luyện đan*" (ƯTTT, b. 62). Trong cùng một tâm hồn lại hiện bóng hai chân trời, lòng thì như: "*hạc nội bay xa bên trời*" (ƯTTT b. 67) mà chí lại quyết làm "*con chim bằng biển bắc, cưỡi gió lên cao chín vạn dặm*" (ƯTTT, b. 63) và "*nhìn ánh sáng, muốn học chim phượng ca hát mặt trời lên*" (ƯTTT, b. 53). Không thể căn cứ vào một khoảng cách nhỏ về thời điểm và tâm trạng của tác giả khi viết những câu thơ như vậy (khoảng cách ấy có nhưng không quan trọng đến thế) để kết luận rằng đây là một dao động về chí hướng ở đời; giải thích như vậy sẽ không phù hợp với bản chất và bản lĩnh con người Nguyễn Trãi; và thực tế cũng không lý giải được sự giao thoa của hai giấc mơ phản ánh trong thi ca Nguyễn Trãi thời trẻ, thời ông lao vào giữa bão táp lịch sử bằng một lý tưởng hành động đầy hăm hở và quyết chiến. Với Nguyễn Trãi, sự hướng vọng về Côn Sơn không hề là nỗi say mê thú ẩn dật theo cách sống đạo sĩ, mà mang ý nghĩa của một thôi thúc nội tâm rất mãnh liệt.

*Nhưng là sự thôi thúc nào?* Vấn đề ở đây là thử tìm một cách nhìn về vai trò của thiên nhiên đối với đời sống nội tâm của Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi luôn luôn tự khẳng định cứu cánh nhiệm vụ, nói chung là toàn bộ lẽ sống của đời ông ở ngay giữa môi trường xã hội, cái nhìn của ông luôn luôn gắn chặt với hiện thực lịch sử của thời đại ông. Tuy nhiên mặt khác, để đáp ứng một nhu cầu tu dưỡng bản thân, ông vẫn chăm lo xây dựng một thế giới tâm thức riêng và Côn Sơn chính là biểu hiện của thế giới ấy.

*Côn Sơn có suối*
*Tiếng nước chảy rì rầm*
*Ta lấy làm cung đàn*
*Côn Sơn có đá*
*Mưa xối rêu xanh đậm*
*Ta lấy làm chiếu thảm*

Nguyễn Trãi đã mô tả chỗ ở của ông như vậy: suối là đàn, rêu là chiếu, bóng thông làm chỗ nằm và còn nữa... thật đầy trong thơ ông, cả một thế giới nhân tình và hình như không kém vẻ rộn rã: mây là khách khứa, chim là bạn, trăng là anh em "*Đầy nhà phủ hơi mây vì buổi sáng đốt gỗ bách*" (ƯTTT) và đâu đây còn nghe cả tiếng nói cười, người ở giữa mây xanh. Ở đây không phải là thiên nhiên được nhân cách hóa; Côn Sơn dưới ngòi bút của Nguyễn Trãi, là một thế giới nhân gian được mô tả theo xu hướng *vũ trụ hóa*.

Đọc Ức Trai, chốc chốc ta lại phải dừng lại để lấy làm lạ trước cái bát ngát của những câu thơ như thế này:

*- Ông chài hát lên ba lần thì khói trên mặt hồ đã rộng.*
*- Chú bé chăn trâu thổi lên một tiếng sáo*

*thì trăng đã lên cao giữa bầu trời* (ƯTTT, b. 41).
- *Nơi của biển có ngọn núi tiên*
- *Búi tóc biếc chiếu trong làn sóng* (ƯTTT, b. 37).
*Nghĩ về trời đất, xưa và nay, ý không cùng được - vẫn là ở chỗ sắc nước bát ngát, cây khói xa vời* (ƯTTT, b. 13).

Và những câu như thế này, có lạ không?:

- *Kim cổ vô cùng, giang mạc mạc*
- *Anh hùng hữu hận, điệp tiêu tiêu*

(Việc đời xưa nay không cùng, dòng sông bát ngát - Người anh hùng cưu mang nỗi hận, ngàn lá lao xao) (ƯTTT, b. 79)

Những cảnh, những tình và ý trong mỗi câu thơ như thế vừa làm hiện bóng cái thế giới hữu hạn của giác quan thì liền mở rộng ra một thế giới khác, sâu thẳm và không cùng. Ở Nguyễn Trãi, thiên nhiên là nơi con người tiếp giáp với vũ trụ, và ở chỗ tiếp giáp ấy không hề có một đường chân trời nào cả. Với Nguyễn Trãi, Côn Sơn không còn là một cảnh đẹp kêu gọi, Côn Sơn chính là môi trường tiếp giáp của tâm hồn ông với cái Vô Cùng. Qua bài ca của ông, *Nguyễn Trãi đã mô tả Côn Sơn như là một căn nhà thoáng gió làm bằng vật liệu và kích thước của thiên nhiên, ông trở về Côn Sơn với nỗi hân hoan đầy tự do của một con người trở về nhà mình; và không nghi ngờ gì nữa nỗi nhớ Côn Sơn dã đeo đẳng ông suốt đời người chính là nỗi hoài niệm về căn nhà vũ trụ trong cuộc sống tâm linh của Nguyễn Trãi.*

- *Hà thì kết ốc vân phong hạ*
- *Cấp giản phanh trà chẩm thạch miên*

(Bao giờ được làm nhà ở dưới núi mây - Múc nước suối pha chè và gối đá ngủ) (ƯTTT, b. 12)

Người ta thường nói về Côn Sơn của Nguyễn Trãi như một chốn ẩn dật và chính Nguyễn Trãi cũng đã nói một cách giản dị như thế. Nhưng suy nghĩ cho cùng, Nguyễn Trãi chưa bao giờ là nhà ẩn sĩ theo đúng nghĩa Lão Trang của từ ngữ. Thế giới của nhà dật sĩ như trong những tranh sơn thủy chẳng hạn, là một thiên nhiên đẹp trong hoang tịch, vắng bóng người và vì thế, bao giờ cũng toát ra cái lạnh của Thái Hư; thế giới ấy luôn luôn tìm cách thoát khỏi chủ thể nhận thức là con người để trở về với bản lai tự tại mang tính chất huyền nhiệm của nó. Thế giới tự nhiên của Nguyễn Trãi, ngược lại, như ta có thể nhận thấy dễ dàng trong thơ ông, tràn đầy bóng người, dáng người và tình người, có khói bếp lửa, có tiếng cười nói, có quan hệ tình bạn bình đẳng giữa con người và tạo vật. "*Ta cùng bóng, lẫn nguyệt ba người*". Thiên nhiên không hề mang tính chất siêu việt đối với con người, mà luôn luôn lay đông

và giản nở bởi sự có mặt của con người, *giống như sương khói trên mặt hồ và tiếng hát của ông lão đánh cá*. Chính vì thế, Nguyễn Trãi không hề có ý định về Côn Sơn "tìm tiên để nộp ấn phong hầu"; và về điều này ông nói rằng ông "chịu thua" (kham hạ) Trương Lương (QATT, b. 162)*

*Tiên Cát Hồng đi đến nay đã nghìn năm rồi bếp luyện đan lạnh khói, tháng năm xa lắm* (ƯTTT, b. 69). Trước mắt Nguyễn Trãi, Côn Sơn bây giờ "*rêu phơi phơi thấy tiên đâu?*" (QATT, b. 41). Không, Nguyễn Trải không tìm về Côn Sơn với một giấc mơ hái thuốc trường sinh hoặc một giấc mơ Từ Thức nào khác. Mặc dù nhiều chỗ trong thơ ông ca ngợi thú ẩn dật, khiến nhiều người không hiểu hết tâm sự của ông, nhưng đấy chính là lúc ông biểu lộ nỗi lo âu sâu xa nhất về việc nước, việc đời. Một bản chất tích cực như Nguễn Trãi không cho phép ông chọn sự tiêu dao làm lẽ sống ở đời. Côn Sơn đối với Nguyễn Trãi, cũng như làng Nhị Khê, là một mảnh đất nhau rốn làm người, chỉ khác nhau hơn là ở đây, mảnh đất nhau rốn ấy được cắm vào một viễn cảnh vũ trụ.

Như thế là đã rõ ràng, vũ trụ không phải là một cái Đại Ngã bao trùm lên con người; với Nguyễn Trãi, vũ trụ là một viễn cảnh *của con người, từ đó giúp con người đạt đến một tầm nhìn mới khi đối diện với lịch sử, với cuộc sống và với cả chính bản thân mình*. Nguyễn Trãi không hề nói đến một vũ trụ bản thể với bản chất tĩnh và rỗng-không theo kiểu Thái Hư, ở Nguyễn Trãi, ý niệm vũ trụ mang nội dung lịch sử rất rõ rệt và chính là sự vận động có qui luật của toàn bộ sự vật nhìn trong tổng thể của nó; ông nói:

- *Trong vũ trụ nghìn năm, có biết bao nhiêu biến cố* (vũ trụ thiên niên biến cố đa - ƯTTT, b. 10), và nhấn mạnh về tính qui luật:

- *Nước và cây tất bắt đầu từ nguồn và gốc* (ƯTTT, b. 98). Một cái nhìn thấu suốt về sự vật như vậy là một bài học hành động cần thiết để giành thắng lợi trong những mục tiêu thực tiễn của lịch sử, như Nguyễn Trãi đã giải thích tuy không trực tiếp nhưng hàm ý rất rõ trong bài Phú Núi Chí Linh: "*Biến cố trải nhiều thì suy nghĩ sâu - mọi việc tính xa thì thành công lạ*"; Và cả trong Bình Ngô Đại Cáo: "*Xét xưa nghiệm nay, gắng tìm hiểu hưng vong mọi lẽ*".

Không phải chỉ là một ngọn núi. Côn Sơn chính là một độ cao của tâm thức thể hiện khát vọng của Nguyễn Trãi muốn vươn đến một tầm nhìn vũ trụ về sự vật, và mang đôi mắt đã được soi sáng để đi hết hành trình lịch sử của ông. Ông đã nói điều này, không phải sau khi đã lui về núi, mà chính là lúc ông tràn đầy sôi nổi trong chí hướng hành động:

- *Sao Ngọc Thằng xuống thấp ở Ngân Hà, càn khôn chuyển vần*
*Buồng cao ngồi một mình vẫn không ngủ*
*Hãy làm bài thơ mới mà nói cái chí của mình* (ƯTTT, b. 30)

và

- *Đêm thanh đứng dựa không mà nhìn vũ trụ*
*Gió thu muốn thừa hứng mà cưỡi kinh ngao* (ƯTTT, b. 41)

Đặt con người vào trước viễn cảnh của vũ trụ, Nguyễn Trãi đã vươn lên quyền bình đẳng giữa các dân tộc và giữa những con người. Ông đã từng luân chiếu với giặc Minh rằng: "*Trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trăng mặt trời không soi riêng ai*". (Quân Trung Từ Mệnh Tập, b. 19). Trở về giữa thiên nhiên bao la, ông khẳng định lại:

*- Lồng lộng trời, tư chút đâu*
*Nào ai chẳng đội ở trên đầu...*

Nguyễn Trãi đã trở về Côn Sơn để sống cái quyền tối ưu mà không một quyền lực vua chúa nào có thể ban cho hoặc tước đi của cuộc đời làm dân: quyền được chia đều giữa con người một vầng trời lồng lộng đội trên đầu. Trước vũ trụ, con người đều bình đẳng và tự do.

Nguyễn Trãi còn tìm thấy ở thiên nhiên một chức năng giáo dục lớn đối với con người. Thiên nhiên đã nuôi sống tâm hồn ông bằng những thức ăn cực kỳ tinh khiết "*đói thì ăn rễ tùng và hớp những tia nắng*" (ƯTTT, b. 81), bao phủ chỗ ở của ông bằng một bầu khí trong sạch vô ngần "*bụi không nửa điểm bợn đến núi nhà*" (ƯTTT, b. 81). Từ đó thiên nhiên có khả năng đánh thức con người *tỉnh ngộ lòng danh lợi buổi ban đầu*" (ƯTTT, b. 85), thanh lọc ra khỏi tâm hồn nỗi vinh nhục giả tạo ở đời, "*trong hiên nhìn mây núi thì không có vinh nhục nữa*" (ƯTTT, b. 69). Rốt cuộc thiên nhiên đã giúp ông lý giải được những gì cần phải chọn lựa giữa cái vô cùng và cái hữu hạn, giữa cái bản chất và cái phù phiếm, tất cả không phải nhằm luyện thành một tấm lòng rỗng không vô vi của nhà đạo sĩ, mà chính là để đạt được đạo của con người hành động có khả năng tự quên cái tôi của mình để suốt đời đấu tranh cho nhân nghĩa và hạnh phúc của nhân dân. Đó chính là hình tượng cây thông Côn Sơn mà Nguyễn Trãi đã ca ngợi: như một người khách lâm tuyền nhưng tài năng dùng ở chỗ rường cột, thần thái yên tĩnh nhưng sương gió trải nhiều ngày, mọc trên đỉnh núi cao nhưng cắm sâu vào lòng đất, "*cội rễ bền dời chẳng động*", và một đời luyện nhựa sống thành chất quí "*dành còn để trợ dân này*" (QATT, b. 218-290).

*Núi Chí Linh* là thế đứng hoành tráng của lịch sử mà Nguyễn Trãi đầy tự hào, và Côn Sơn là khuôn mặt nhìn nghiêng của vũ trụ mà ông chiêm ngưỡng; và cả hai đều biểu hiện một cách nhất quán tính cách lý tưởng của con người Nguyễn Trãi. Nói đúng hơn, không phải là hai, mà chỉ là một khát vọng sinh đôi của một tâm hồn lớn.

Một khi nấn ná ở lại mà không thể làm được gì ích cho dời, thì phẩm chất bắt buộc người ta phải tìm cách thoát ra khỏi chỗ bụi bặm. Đó là quyết định của Nguyễn Trãi sau mười năm bị cột buộc lây lất ở triều đình với một chức “quan lạnh” (hàn quan). Suốt đường lịch sử gian truân thế mà bước chân thanh thản, "*đường đi sá lánh chông gai*", nhưng khi dẫm lên những bụi bặm

êm dịu kia, ông bỗng thấy ghê sợ, và Nguyễn Trãi đã nói quá đủ cả hai điều ấy trong thơ ông. Gửi lại mũ áo công thần cho vua Lê, ông trở về rừng thông, ngọn núi đã hẹn ước từ năm mươi năm:

*Giũ bao nhiêu bụi, bụi lầm*
*Sang (xăn) tay áo tới tùng lâm*

Trở lại Côn Sơn vào cuối đời, Nguyễn Trãi đã chọn sống *đời dân*, trong sáng và không có gì phải xấu hổ. Ông đã mô tả cuộc sống này của ông bằng một ngôn ngữ dân giã đầy chất phác, khiến ta có thể hoàn toàn tin rằng chính ông đã sống đúng như vậy: làm bạn với người đánh cá, lao động với thôn dân, thả rau muống ở ao nhà, cuốc đất chùa ươm mồng tơi, đốt củi bách pha trà và nấu canh bằng trái núc nác, v.v... và thêm vào đấy, một người bạn lớn của ông là Thiên Nhiên.

Bên cạnh thế giới chân thực và trong sáng này, Nguyễn Trãi thường nói tới một thế giới bí mật khác mà ông đã quá biết và khước từ: cái xã hội-triều đình chứa đầy những danh lợi cặn bã và mưu đồ cá nhân đang vươn dậy nhanh chóng sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Minh, và đang thẳng thay loại trừ bất cứ giọt tâm huyết nào định cưỡng chống lại sự tha hóa của một vương triều đã được thiết lập trên sự cống hiến xương máu của cả dân tộc. Trong thơ Nguyễn Trãi thời kỳ này luôn luôn xuất hiện hình ảnh đối lập của hai thế giới ấy, đồng thời lý giải sự lựa chọn "hoặc ở - hoặc về" của ông, sự chọn lựa giữa danh lợi và tự do, giữa đời quan giả hình và đời dân chân thực, giữa ảo hóa và minh triết; để sau cùng là một quyết định "*đổi đất*" theo đúng chữ của ông (*đổi đất song thì có khác nào* - QATT, b. 122). Thực chất cuộc sống gọi là "ẩn dật" của Nguyễn Trãi ở Côn Sơn là như thế; nó không phải là quẳng gánh cuộc đời để về núi nhẹ nhõm như kiểu trả ấn từ quan thường thấy ở các nhà Nho. Đây là mâu thuẫn rất khó diễn tả trong tâm trạng Nguyễn Trãi, Côn Sơn là khung trời trong sáng lý tưởng của ông, nhưng nếu về núi để tự trong sạch lấy một mình thì đấy lại là một sự lựa chọn đau đớn của tâm hồn ông, như ông đã diễn đạt: "*thèm được chết như đôi chim trắng ở bên hoa kia - Lụy nhân gian không đến được nơi bãi xanh*". Ngay cả cái xã hội đang bị thoái hóa về chính trị và đạo đức mà ông đã phải từ khước kia, lại vẫn đeo đẳng ông bằng biết bao lo âu, thí dụ như nỗi lo về một triều đại đã vắng bóng người trung chính, "*Nước chẳng còn có Sử Ngư*" (QATT, b. 36). Khi tự bảo là quên đi, thì chính là người ta đã không quên được, khi mong muốn xóa bỏ thì chính là người ta bị vướng vào nó, đó là căn bệnh bất trị của ý thức. Do đó, người ta hiểu vì sao cõi đời đầy bụi đáng ghét và đáng sợ nọ lại cứ nặng nề hắt bóng xuống thế giới trong sáng và tươi đẹp của thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi.

Ở Côn Sơn cũng có những lúc Nguyễn Trãi sống vô ưu buông mình theo tự nhiên; có lúc "*ngồi bên suối, gác cần câu*", "*đọc hết các sách không thấy có*

*việc gì, ngồi gảy đàn dưới gốc mai già bên cửa sổ*", có ngày ông nằm "*gối đá ngủ ngon*", có đêm mơ màng sực nhớ "*lá chưa ai quét cửa thông*", và cũng có những "*ngày dài tựa gối quên cả nói*", tưởng như ngộ đạo. Nhưng đọc thơ Ức Trai về Côn Sơn, người ta thấy những khoảnh khắc yên tĩnh như vậy đối với ông cũng không nhiều.

Vâng, "*Ưu du thả phục ngôn dư hiếu*", đừng bảo rằng ta ham thích ưu du (ƯTTT, b. 62. Thiên nhiên không hề là một thứ thuốc an thần chữa lành bệnh mất ngủ của ông. "*Láng giềng một áng mây bạc*, quả có thế, nhưng đấy là những người bạn gặp để từ giã; còn lại thủy chung bên ông vẫn là hai người tri kỷ suốt đời cùng ông thức khuya: *Án sách cây đèn hai bạn cũ*". Đời ông vẫn là đời của một người đọc sách, "*cái đời người biết chữ vẫn đầy lo âu hoạn nạn*". Ông nhắc lại lời nói ấy của Tô Đông Pha và thừa nhận: "*Ta cũng nói như vậy".*

*- Ai vô tâm, người và mây trắng?* (ƯTTT, b. 57 Cuộc đối thoại vong ngôn đã qua, và mây bay đi. Ta lại gặp Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, vẫn một cõi lòng rối bời "*vì dân đen thường để dạ*" (ƯTTT, b. 56), với đêm dài "lạnh nửa đèn ngồi đối bóng cho đến lúc chuông chùa Côn Sơn điểm sáng: "*Còn có một lòng âu việc nước - Đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung*" (QATT, b. 68). Vẫn chính là một con người ấy, Nguyễn Trãi trăn trở vì "*một chữ đinh*" (đinh: dân) mà ta đã gặp trong những đêm Đông Đô xa - một Nguyễn Trãi "*ngồi ôm chăn lạnh suốt đêm không ngủ*" của những năm đánh giặc - một Nguyễn Trãi vẫn với đôi mắt xanh nhưng đầu đã bạc; cũng chỉ là một lẽ ấy thôi, bởi vì:

*- Con mắt xanh, đầu dễ bạc* (QATT, b. 112)
*- Tóc nên bạc bởi lòng ưu ái* (QATT, b 112)

Tự nghĩ về mình ở Côn Sơn, Nguyễn Trãi có lúc ước mong "*cậy nhờ tay vẽ giỏi trong thế gian - lấy ngòi bút vẽ ra cả tấm lòng của ta*". Điều ông ước muốn, nhiều người đương thời của ông đã thực hiện, những tiến sĩ Phan Phu Tiên, Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn, với tất cả nét bút vinh quang dành cho ông. Nhưng chắc hẳn chưa có một chân dung nào vừa ý riêng của Nguyễn Trãi bằng chính nét bút này của ông tự vẽ lấy khuôn mặt của mình:

*- Người quen cũ có ai hỏi thăm*
*- Bảo giúp rằng: cái tôi nay vẫn là cái tôi cũ*
(Báo đạo kim ngô diệc cố ngô - ƯTTT, b. 97).

Đúng như thế, trở về sống giữa khung trời mơ ước đã ấp ủ từ hơn nửa cuộc đời, Nguyễn Trãi vẫn không tìm thấy hạnh phúc như đã tưởng, lý do chính là vì nhân dân của ông chưa có hạnh phúc. Vũ trụ xanh biếc quả là có ảnh hưởng nhiều mặt trong con người hành động và phẩm cách trong sáng của ông, nhưng thế giới của thông xanh và mây trắng này vẫn không là "chỗ ở

yên" như ý Nguyễn Trãi hằng mong mỏi. Quả một vài chốc lát yên tĩnh ngậm ngùi, linh hồn Nguyễn Trãi vẫn nguyên hoàn là "cái tôi cũ" mãi mãi nặng trĩu lòng lo nước thương dân; vẫn là cái tôi ấy của con sông Hồng dào dạt sóng đỏ và không bao giờ ngơi nghỉ.

*- Bui một tất lòng ưu ái cũ*
*Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông* (QATT, b. 50)

Cây, đá và ánh trăng xanh của Côn Sơn chỉ là nơi ông lấy làm "*chỗ tạm ngụ niềm vui sau bữa cơm*" như Nguyễn Trãi đã nói (ƯTTT, b. 36).

Và ta nhớ lại bài thơ tặng sư Viên Giác của Hoàng Giáp Nguyễn Thượng Hiền những ngày chuẩn bị dấn thân vào cuộc đấu tranh vì số phận của nhân dân:

*"Hỏi hoa xin mượn mùi hương*
*Hỏi trăng mượn tấm gương vàng thử soi*
*Hỏi non mượn đá để ngồi*
*Hỏi sông mượn nước tắm chơi sạch mình"*

Rốt cuộc, giống in như núi Ngự Bình sau này với Nguyễn Thượng Hiền, Côn Sơn với Nguyễn Trãi chỉ là nơi ông "mượn đá để ngồi"...

Mặc dù có vẻ như là cả hai, nhưng Nguyễn Trãi chưa bao giờ là đạo sĩ thực sự để quên đời, và chưa bao giờ là quan triều thực sự để quên dân. Nguyễn Trãi đã không bao giờ chịu từ nhiệm con người trí thức của bản thân ông, không bao giờ chịu từ bỏ lý tưởng Nhân-Nghĩa vì dân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, dù rằng lý tưởng ấy đương nhiên ngược dòng với yêu cầu hưởng thụ của một vương triều mới vừa bước lên ngai vàng lịch sử. Đó chính là lý do sâu xa nhất khiến cho tập đoàn phong kiến nhà Lê đã phải muối mặt đưa Nguyễn Trãi từ Côn Sơn thẳng ra pháp trường bằng Lệnh Xé Xác.

Kỷ niệm 550 năm ngày Nguyễn Trãi ra pháp trường (1442 - 1992)

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG
(Trong nước)

---

* Những câu thơ trích dẫn trên của Nguyễn Trãi đều rút từ *Quốc Âm Thi Tập* (QATT - thơ chữ Nôm) và *Ức Trai Thi Tập* (ƯTTT, thơ chữ Hán), trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập* - nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội)



NGUYỄN TÔN NHAN

# tuyệt nhiên lặng lẽ

1. *Lặng lẽ nơi kia không tiếng vọng*
*Tinh cầu xoay lệ ánh trăng đi*
*Ồ thôi mộng cũng tan theo bóng*
*Trăm năm nắng tạt với mưa ghi*

2. *Ta ở với nghìn năm lịch sử*
*Đọc giữa hai hàng chữ nhạt phai*
*Lay lay hồn những ai muôn xứ*
*Ai biết ta và ta biết ai*

3. *Ta chẳng còn ai để thiết thân*
*Chẳng ai xa cũng chẳng ai gần*
*Không ai có thực, không ai mộng*
*Cháy rực bên trời lửa pháp luân*

4. *Lặng lẽ ta về cuối cuộc chia*
*Chim bay chưa mỏi, cánh chưa lìa*
*Mắt ta xanh mướt màu thiên cổ*
*Đụng nhẹ nhân gian chỗ mép rìa*

5. *Chỗ mép rìa bật lên tiếng rên*
*Tiền thân kiếp chuyển máu sôi điên*
*Lũ nhân gian ấy lòng man rợ*
*Xô ngã ta vào giữa bóng đêm*

6. *Buồn chết người tự những kiếp nào*
*Chân đi hờ hững, óc hư hao*
*Không biện biệt nổi Chân và Giả*
*Thiện, Ác cùng chôn một cửa vào*

7. *Lòng rỗng không trống trải ta đi*
*Giữa giòng chiếc bách nước buông ghì*
*Tới đâu? Ồ tới đâu cũng được*
*Thông áo đâu cần biết thị phi*

8. *Rồi ra sương núi có bạc đầu*
*Có hoài niệm chút vấn vương nhau*
*Thì em cứ đốt thêm hương nến*
*Phảng phất hồn ta nhạt sắc màu*

9. *Ẩm ướt ta về ngó sững trần*
*Tê tê cõi thế lạnh xương gân*
*Ở đây đâu có gì lưu luyến*
*Ta chết nhân lên quá một lần*

10. *Một lần chưa đủ thỏa nhau sao*
*Xô chết thêm chi đến kiếp nào*
*Luân chuyển bánh xe lăn tới mãi*
*Cuốn chết hồn nên hết biết đau*

11. *Ta sẽ kêu lời vọng cuối cùng*
*Lời ta có tiếng hay là không*
*Không ai nghe biết. Ta không biết*
*Lạnh lẽo trong người máu hết rung*

12. *Tuyệt nhiên nơi ấy gọi nơi này*
*Pháp âm lặng lẽ chẳng gì lay*
*Ta quên tận cả xương và cốt*
*Chút lông tơ không động mảy may*

13. *Ngày sau ta có quay lại thế*
*Chẳng muốn lưu gì dấu xác thân*
*Sóng cứ gào lên gió cứ để*
*Xóa sạch bia trên cỏ mộ phần*

14. *Ngày sau chẳng muốn quay lại thế*
*Ta đi hun hút cõi không hư*
*Nhân loại quay cuồng nơi rốn bể*
*Một bóng hồn ta bay lắc lư*

NGUYỄN TÔN NHAN (Bình Thạnh 12/ 93)

**MIÊNG**

# quán cay



*Thiên hạ gọi nhau ơi ới, hãi hùng, thảm thiết. Quần áo, giày đinh, mũ sắt vất bỏ ngổn ngang. Huy chương, huy hiệu nằm vất vưởng dưới những bước chân ào ạt đạp lên. Hàng ngàn tiếng chân chạy thình thịch, những khuôn mặt bạc nhợt, những cặp mắt trắng dã thất thần. Nhiều người cứ tay không chân đất mà chạy. Kẻ chạy tới, người chạy lui. Tiếng ai đó bổng thét to, "Cứ nhắm vào Nam", mọi người đổ ào cả về một phía. Người ta không dừng lại ở Lăng Cô như năm bảy hai. Từng đoàn người như con trăn khổng lồ trườn từng bước trên đèo Hải Vân lồng lộng gió. Xe, người và vật chen chúc nhau nhích từng phân, bỏ lại sau lưng từng tấc đường. Một cặp vợ chồng son chen chân giữa hai chiếc GMC. Một tiếng rú, hai tiếng rú thất thanh. Rồi im bặt. Chỉ còn từng khúc thịt xương nhày nhụa, đỏ tươi, bẹp dí sát mặt đường. Con bò nhà ai bỗng tuông lồng lên, hất tung đôi quang gánh có hai đứa bé ngồi ở trên. Người cha đứng chết sững nhìn hai đứa con văng hai ngả trên đèo...*

Chị Cả ú ớ mở mắt nhìn lức láo. Bình nước biển treo trên đầu giường như nhảy múa tung tăng trong cái nóng từ lò sưởi toát ra. Một màu trắng nhợt nhạt lạnh lẽo trải dài ra vô cùng, vô cùng tận. Chị thở khò khè đứt quãng và ráng hất tấm chăn ra cho dễ thở hơn. Cái gì vàng vàng toòng teng ở trên trần nhà ? Sao trông nó giống những sợi mì nhạt nhẽo chị nuốt vào cổ họng hôm nào. Đôi mi mắt nặng nề tự động sụp xuống. Từng loạt lại từng loạt hình ảnh vẫn xô đẩy nhau trở về, dữ dội ào ạt trong trí óc chị trì trệ, nhức nhối...

Ngày chị hoảng loạn chạy vào tới trong Nam mà sau đó cứ mỗi lần nghĩ lại, chị không biết đã do một phép lạ nào và bằng cách nào, thì ít lâu sau chồng Bình, em gái chị, phải ra trình diện để đi cải tạo. Tưởng đâu một tháng rồi chồng Bình lại được ra về như lời chính phủ nói. Té ra cả nửa năm sau

cũng chẳng thấy đâu. Mà tiền Bình có thì nuôi bốn con thơ thêm bốn mẹ con chị Cả quả là không xuể, chị bèn bàn với em thôi để tao mở quán bún bò.

Ba cái bàn, mỗi cái cho bốn người ngồi. Một tấm bảng nhỏ bằng quyển vở. Con Thanh gà gẫm viết "Bún bò Huế đặc biệt, xin mời", không tên hiệu gì, đủ hợp với tình cảnh bấy giờ. Quán xá nhất là hàng cà phê mọc lên như nấm trên hầu hết các con đường đô thành. Con Thanh nói mạ ơi răng người ta ra đường ăn uống như chết đói chết khát tới nơi. Mạ ơi đừng nấu cay quá như ngoài nớ, dân trong ni ăn không vô nước mắt tùa lua. Chị hoảng, nấu bớt cay. Song nấu bớt cay thì ớt tươi dọn ra bàn lại càng mau hết. Thanh à, như rứa nghĩa là răng. Chịu mạ ơi. Bình nói Mô Phật, thôi thì có khách là tốt rồi.

- Mạ ơi, ráng mở mắt ra một tị đi mạ.

Đôi mi mắt nặng nề cố nhướng lên. Cơn nắng hiếm muộn mùa đông ập vào căn phòng bịnh viện chói chang, rạng rỡ. Con Hồng lo lắng nhìn mẹ. Đằng sau loà nhoà mấy cái đầu. Khuôn mặt ai đen đúa như Trương Phi. Đôi mắt chị mệt mỏi khép lại.

- Mạ, có nghe con nói chi không ? Mạ ơi !

Gọi mãi không được, con Hồng bỏ cuộc, để mặc mẹ thiêm thiếp, chập chờn. Kéo ghế đến bên cửa sổ, người đàn bà trẻ lơ đãng nhìn ra ngoài trời nắng với cặp mắt đỏ hoe. Chị Cả vẫn chơi vơi giữa những khuôn mặt khi tỏ khi mờ.

- Ông rầu đời kìa mạ tề.

- Mời ổng vô đi con. Xong cả rồi.

Ông rầu đời bước vào, ngượng ngập :

- Tôi... tôi đến để xin lỗi... và cám ơn chị...

- Ơn nghĩa chi anh. Mời anh ngồi. Hôm ni để tui mời anh một tô đặc biệt.

Mặt anh ta như đưa đám. Trông anh tiều tụy, như già hẳn đi cả chục tuổi so với mọi ngày. Hình như anh muốn làm một cử chỉ gì. Tay anh đưa lên giữa chừng rồi hạ xuống, mồm anh mở ra rồi khép lại, im lặng. Đôi mắt dại hẳn, vô hồn. Chị không đọc thấy trong đó cái gì, ngoài một nỗi ngu ngơ không tên. Chị kéo anh ngồi xuống ghế. Anh cứng nhắc như cây củi khô, hoàn toàn vụng về vô thức. Chị Cả vừa múc bún vừa nhỏ nhẹ, bị thúc đẩy bởi một sự tò mò bất thường :

- Chị không có nhà răng anh ?

- Chết rồi.

Chị Cả giật mình suýt làm đổ tô bún. Chị thấy mình bất cẩn và lúng túng không biết nói gì nữa. Chị lặng lẽ nhìn anh như bày tỏ niềm hối tiếc. Nhưng lạ chưa, mặt anh ta tỉnh bơ, lạnh như tiền, buông thõng một điều mà chị không chờ đợi :

- Con cũng chết rồi. Chết hết rồi.

Chị Cả run run đặt tô bún lên bàn. Bỗng dưng anh phá lên cười sặc sụa :

- Chắc chị hỏi tại sao tôi còn sống hả ? Hà hà hà, tại tôi là trí thức 3 N ! Ngu, nghèo, nhát. Không dám đi chui với vợ con. Hà hà hà.

Bên tô bún bò ngát lừng mùi hành phi và váng đặc ớt bột đỏ tươi, anh cười vang vang, tiếng cười nghe xé lòng, não nề hơn tiếng khóc. Tiếng cười đục, rạn vỡ như bị quỷ ám. Có cái gì cực kỳ mỉa mai chua chát.

- Khi sung sướng cũng như lúc hoạn nạn... Hà hà hà.

Nhìn mặt anh mới còn hãi hùng hơn nữa, nó nhăn nhó, quắt queo như đang bị tra tấn. Những cơ thịt trên mặt co quắp trăn trở như một con giun bị xéo nát dưới chân. Đôi mắt tê dại bỗng rực lên sòng sọc, dữ dội, đầy gân máu. Rồi nước mắt anh ràn rụa cùng với tiếng cười. Chị Cả không lạ lùng gì cảnh người ta cười hay khóc. Nhưng chưa lần nào nó làm chị rợn người như lúc này. Nó nói lên cái gì bi đát quá.

Bỗng dưng những gì chị vẫn muốn chôn chặt nơi đáy lòng, trong cõi quên, lại bùng dậy, bật ra, mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nước mắt chị cũng bắt đầu lăn dài, nhưng chị không cười. Chị khóc. Khóc tức tưởi như hôm nào được tin đứa con gái đầu lòng vượt biên rơi vào tay hải tặc.

- Con Huyền tui cũng chết rồi. Đi chui !

Ông rầu đời hết cười, mắt long lanh, người run bần bật. Hai tay vụng dại như muốn chìa ra, ngỡ ngàng, bối rối. Và bốn mắt gặp nhau trong một cái nhìn vô cùng. Im lặng. Cái im lặng của thế giới địa ngục.

Có lần con Thanh nói với chị :

- Mạ ơi đừng lo. Không phải họ chảy nước mắt vì cay mô. Họ khóc đó mạ.

- Bậy. Mi chỉ nói càn. Ai lại tới ni mà khóc răng chừ.

Bây giờ thì chị hiểu rồi. Họ khóc thật. Như chị. Như ông rầu đời này, như bao nhiêu người khác nữa. Họ như điên dại trong cơn sốt đổi đời của xứ sở. Họ đến để khóc những đổ vỡ, tan tác. Khóc âm thầm trong sự kín đáo của tô bún thật cay, của vị bia đắng chát, trong sự chia sẻ với những người cùng cảnh ngộ, dù ít ai quen ai, ít ai than thở với ai. Chị cũng chỉ biết tên vài người khách, nhưng từ những mảnh đời vô tình lọt vào tai, chị có thể dựng lại bao nhiêu là ngang trái, đớn đau, dằn vặt, uất hận. Có cái gì trong những cặp mắt kín đáo trao nhau những cái nhìn cảm thông ấy làm chị thấy tim mình bàng hoàng se lại.

Khách hàng vừa ăn vừa sụt sùi, lau mặt bằng khăn có mùi láchanh thơm kín đáo hâm hấp nóng càng khiến họ cảm thấy gần gũi hơn, thân mật hơn, dễ thành đồng lõa hơn, nên họ càng say sưa hơn, mùi mẫn hơn. Mắt họ như mách bảo nhau, trước sự làm chứng của tô bún, cơn bão đã tàn phá đời mình. Mắt họ kể cho nhau nghe, nồng nàn, hối hả. Cứ như những trái ớt tươi cay xé cổ kia đã xé toang nỗi ngần ngại của họ, đã bóc hết cái lớp vỏ dấu diếm những u phẩn riêng tư. Cứ như cái nước dùng béo ngậy óng ánh ớt bột và hành phi kia đã cuốn trôi hết những uất nghẹn xuống cổ họng. Cứ như những cọng bún trắng nuột nà thơm lịm mùi gạo kia đã thắt chặt sự thân tình giữa những kẻ xa lạ lại với nhau sau một lần gặp gỡ. Mặc dù lời câm, nhưng mắt nói vô cùng.

Rồi không biết từ ai và từ khi nào, quán của chị mang tên là "Quán Cay".

Nó giống như một nhánh cây nhô lên giữa con sông, để những kiếp bèo dạt như cuộc đời của chị và các khách hàng của chị tụ vào bám víu, cưỡng lại sức lôi cuồn cuộn của giòng nước lũ. Đối với khách ăn, nó là một niềm an ủi. Đối với chị, mảnh đời tưởng như chỉ đáng vất đi lại dần dà trở nên khoảng đời có ý nghĩa nhất. Chị vui vẻ phục vụ với một nỗi cảm thông và chia sẻ tuyệt vời, sung sướng là người đã góp phần đem lại sự khuây khỏa cho đồng bào, dù chỉ là chút đỉnh, dù chỉ trong chốc lát.

Bàn ghế dần dần phải mua sắm thêm mà vẫn không đủ cho khách ngồi. Hơn một năm sau thì chị bàn với Bình thuê lậu của hàng xóm miếng đất nhỏ trước nhà và nới rộng quán ra. Vẫn có người đủ cho các bàn làm chị vui. Chị Cả có tiền đủ cho Bình ra Bắc thăm nuôi chồng một năm hai lần, mỗi lần đi thì gồng gánh ê hề, mà lần nào về Bình cũng khóc ròng nói chị ơi, ra được tới trại thì em chỉ còn độc gói chà bông. Chị chỉ biết an ủi em thôi để lần sau, chú ấy còn sống được thì cứ mừng cái đã.

Và chị Cả cũng có đủ tiền gửi cho con Hồng, chị con Thanh. Nó nói dối mẹ là để mở một cửa hàng uốn tóc và cho thuê đồ cưới ở Đà Nẵng, kỳ thực là để cùng với đứa con gái lớn của Bình đi vượt biên. May mà được tàu Pháp vớt. Khi được thư nó từ Pháp gửi về, chị ngã ngửa, vừa mừng, vừa buồn. Đặt tên con này là Hồng nên nó may quá. Chị bỗng dưng ân hận đã yêu màu đen, đặt tên con đầu lòng là Huyền làm chi cho nó chết yểu.

- Mạ ơi, ráng uống cái này cho có sức mạ ơi.

Uống. Hôm trước, ông rầu đời ăn cay và uống bia hơi tới lúc quán đã hết khách mà anh vẫn còn gọi thêm bia. Rồi anh gục lên bàn, không biết gì nữa. Chị Cả ngồi xích lô đỡ anh, con Thanh đạp xe đạp bên cạnh, tới số nhà trên giấy tờ chị đã lục trong bóp anh. Một căn nhà xinh xắn với mảnh vườn nhỏ bọc chung quanh, có vẻ như bỏ hoang từ lâu. Mấy cây hồng trổ hoa èo uột, cây khế rải đầy hoa trên lối đi, cây chanh lèo tèo ít quả, cây đu đủ quắt queo, bụi trúc héo, và một vài thứ cây chị không biết tên như thèm thuồng có bàn tay người chăm bón. Mấy chậu hoa ở thềm cửa khô chết tự bao giờ. Chị móc túi quần anh lấy xâu chìa khoá đưa con Thanh mở cửa. Ông xích lô giúp chị dìu anh vào nhà đặt trên ghế dài ở phòng khách. Chà, nhà ông ni đẹp mà coi bê bối chi lạ. Chừng nào mình mới có cái nhà như rứa mạ hỉ !

- Mạ ơi ráng mở mắt một tị đi mạ.

Chị tò mò đảo mắt nhìn quanh. Bụi bám đầy trên các đồ vật. Ở góc tường còn có cả mạng nhện. Trên tường treo nhiều tranh phong cảnh và ở bàn viết là bức hình anh dang tay ôm một người đàn bà và một đứa bé. Khuôn mặt những người như trong cái hình anh bọc trong bóp, cái hình đã gần nhàu nát đi với nhiều dấu tay cầm. Chắc là vợ con anh. Nét mặt anh trong hình rạng rỡ tươi vui bao nhiêu thì anh ở ngoài trông tiều tụy khắc khổ bấy nhiêu. Chị đi một vòng xuống bếp. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ sự hiện diện của đàn bà. Vài cái soong nồi lỏng chỏng gần vòi nước, vài chiếc đĩa rải rác lăn lóc trên cái bếp điện có vẻ ít khi dùng đến. Nửa củ hành nằm trơ trọi khô héo

trên bàn. Chị đang dọn dẹp và rửa mấy món đồ đó thì con Thanh tới gần bảo chị :

- Mạ, ông ni dám bị vợ bỏ lắm. Hèn chi mà coi rầu đời.

Chị yên lặng không nói gì, hiểu thấm thía những chai bia đã thi nhau trôi vào cổ anh. Chị vào phòng lấy tấm chăn đắp cẩn thận âu yếm lên người anh như thể một người mẹ săn sóc cho con. Chị nghe mắt mình cay cay và cảm thông với những giọt nước mắt anh vẫn thường tưới lên tô bún. Và mẹ con chị ra về sau khi đã khoá cửa cẩn thận, rồi con Thanh ném chìa khoá vào cửa sổ.

Hồi nãy trước khi đi, ông xích lô cười cười nói :

- Cái ông này, tôi biết mà. Ở Pháp về. Có tiệm thuốc tây gần trường tôi dạy. Bây giờ tôi đạp xích lô. Không biết ổng làm gì. Chà, bia hơi ở đây mà dám nốc cỡ đó, chưa chết cũng lạ.

- Ráng nuốt mạ ơi. Thuốc có đồ ăn đó mạ.

Mắt hấp háy nặng nề, chị ậm ừ, như ngày nào chị ậm ừ đưa muỗng mì lên miệng. Mấy trái ớt ngâm dấm không cay nên nỗi buồn của chị không có gì xé ra được. Nước dùng không đủ ngọt nên cái kiếp sống tha phương vào từng ấy tuổi đầu không trôi qua cổ họng được. Những sợi mì nhạt nhẽo không đủ cột chị thân tình lại với ai, trừ với đứa con gái duy nhất hiện gần gũi chị, và lạy trời, may ra thì cả với thằng rể Tây mà chị và anh ta chuyện trò với nhau chỉ bằng ánh mắt và nụ cười. Chị như một cái cây trên rừng bị bứng đem về trồng trong sân đầy cây kiểng. Thằng rể Tây có tử tế với chị thật, nhưng ai đời lại sống nhờ rể bao giờ ? Nhà ni đoảng. Có nhan sắc nhưng đoảng. Chỉ đẻ toàn một lũ con gái rứa, về sau lại ở một chắc hay lại phải nhờ rể răng chớ. Đoảng ! Lại cái giọng nói chua ngoa và nét mặt ai oán của bà nội mỗi khi rủa mẹ chị và chị !

Chị Cả mở choàng mắt nhìn dớn dác. Con Hồng thừa cơ đút muỗng thuốc vào mồm mẹ đang há hốc. Chị quậy mạnh, thìa thuốc tràn cả ra hai bên mép. Cái đầu rối bù từ từ ngoẻo sang một bên, song cặp mắt lờ đờ vẫn như muốn dán vào ngực con. Tấm hình con Hồng mặc đồ tắm hai mảnh đứng ôm eo một thằng Tây, phía sau nó viết, "Mạ, con quen với một người Tây. Anh ấy đòi cưới con và hứa lo giấy tờ cho mạ với em Thanh qua Pháp". Chị giật bắn người hỏi Thanh :

- Hắn muốn lấy chồng Tây à ? Chồng ngoại quốc à ?

Con Thanh trả lời tỉnh bơ :

- Có chi mô mạ. Bao nhiêu người còn cầu được có ngoại quốc hay con lai bảo lãnh đi nước ngoài ấy chớ.

Chị nói như người bị ngộp :

-Ờ thì con còn trẻ đi mô thì đi. Còn mạ tra rồi, lại chữ nghĩa không có, đi mô ? Lại bịnh hoạn, chết ni sống tê chưa biết chừng.

- Mạ chỉ nói gở. Rồi mạ sẽ hết bịnh và mình đi khỏi ni cho rồi.

Đi khỏi ni cho rồi ! Nghe sao mà đau đớn rứa. Đi ! Đi bộ đội, đi tập kết,

đi giải phóng, đi lính, đi cải tạo, đi vượt biên... Ngần ấy người đi, đã có bao nhiêu người trở về ? Cứ nghe tới tiếng đi là chị sợ điếng. Không đi, coi chừng như hồi Tết Mậu Thân đấy bà Cả ạ. Thế là chị cũng vội vã khăn gói theo mọi người trong trại gia binh dẫn các con chạy. Người ta thi nhau đi vượt biên. Con Huyền ôm chị khóc nức nở nói mạ ơi không đi thì ảnh cũng đã hết đời rồi, sắp nhỏ không có tương lai chi với lý lịch của cha hắn. Thế là chị lại nhang đèn khấn vái cho vợ chồng con Huyền ra đi để rồi lại mùi mẫn khóc và khấn vái linh hồn chúng có linh thiêng thì mau được đầu thai cho nhẹ kiếp.

Thấy chị lo bấn, con Thanh trấn an mạ lo chi, lần ni mình đi là đi chính thức, đi máy bay đàng hoàng chớ bộ. Máy bay ? Ai bảo máy bay là an toàn ? Chồng chị đã chẳng đi máy bay đó ư ? Anh ra đi với niềm hân hoan là vô Nam công tác chuyến ni về, anh sẽ tìm mua cho trẻ nhỏ mỗi đứa một cái áo đầm thiệt đẹp cho tụi hắn diện Tết. Nhưng chỉ hai tiếng đồng hồ sau thì anh đã trở về trong chiếc poncho... Người anh rùn lại thành một khối cụt ngủn, trần truồng và nám đen. Ai đó súyt soa phải mà từ trên cao như rứa rơi xuống mà thẳng thớm răng được. Chị không khóc, bình tĩnh cùng mấy người bạn trong trại gia binh rấp rượu vào người anh, cố kéo thân thể anh ra. Gần suốt một ngày trời, thân anh dài ra thêm được khoảng năm phân. Mọi người đành bó tay khâm liệm...

- Mạ, nếu mạ không thích thuốc đồ ăn thì ráng ăn chút cháo. Khổ, mạ không chịu ăn uống chi cả thì làm răng mạnh được ! Cháo hoa gạo thơm nè mạ.

Gạo thơm. Những hạt gạo trắng ngần ở kho gạo an toàn Cam Ranh ngày chị chạy theo mọi người vào đó. Chị hãy còn nghe rõ mồn một tiếng quát của mấy người lính gác :

- Tui biết là bà con đói. Nhưng phải vào lấy có trật tự, nếu không tui sẽ bắn.

Dường như không ai nghe lời anh ta mà chỉ nghe cái đói đã gần ba hôm rồi cào xé. Thiên hạ nhào vô kho gạo như nhào vào sự sống. Vài tiếng súng nổ, vài thây người đổ xuống. Nhưng không ai chùn bước. Cơn đói đã xô đẩy họ từ tứ phía, dồn họ về phía trước, nơi những bao gạo căng tròn nằm hớ hênh mời mọc. Họ không nghe tiếng súng nổ, chỉ nghe tiếng bao tử cồn cào. Họ không thấy màu đỏ máu của mấy người vừa bị bắn, chỉ thấy một màu trắng ngần trinh tiết thơm tho chờ đợi. Không vác nổi một bao, người ta đâm lủng cho gạo đổ ra bớt để vừa sức vác. Những cây lúa reo vui trên đồng được tưới bằng mồ hôi của các bác nông dân nghèo thì bây giờ hạt gạo nuột nà lại được tưới bằng máu đào của những người thiếu đói. Gạt máu ra, chị hốt về vừa đủ nấu một nồi cơm chín dở sống dở cho bốn mẹ con.

Một lần chị e dè nói với con Hồng :

- Con à... hay là... hay là con nói với chồng con cho mạ mượn tiền mở cái quán bún bò. Chớ ai lại cứ ở nhờ rể hoài...

Biết là lúc nào mẹ cũng rất khổ tâm với cái mặc cảm "sống nhờ rể", con

Hồng cũng dẫy nẩy lên :

- Tây đầm mô mà ăn cay được mạ ?

-Bán cho người mình chớ. Người mình thiếu chi ở khu mười ba.

Con Hồng đã từng nghe mẹ nhắc nhở không biết bao nhiêu lần về "Quán Cay", nên vội cản :

- Người Việt bên ni có ai cần khóc mô mạ.

Chị chưng hửng :

- Không à ? Như bứng gốc mà đi thì họ vui lắm răng chớ ? Sung sướng bên ni mà quên bà con khổ cực bên nhà răng chớ ?

Con Hồng ôn tồn giải thích :

- Mạ, người mình bên ni có hai hạng. Nếu có tiền thì người ta lo hưởng thụ, chẳng còn nhớ tới Việt Nam. Còn ai muốn về thì lập hội làm chính trị. Tiệm cơm không chạy mô mạ, có bộn rồi, nhiều người còn dẹp tiệm đó mạ !

Bẵng đi một thời gian, chị như không còn mơ tưởng tới việc mở quán nữa. Nhưng chẳng bao lâu sau thì chị đi làm trong một tiệm ăn, người ta cần người nấu bún bò như chị cần có thêm tiền để gửi về thường hơn cho con Thanh đủ sống. Chồng con nhỏ bị tù từ hơn một năm nay, nghe đâu vì có dính líu vào một tổ chức "phản động nhằm lật đổ chủ nghĩa xã hội". Con Thanh vừa lo nuôi con một mình, vừa lo nuôi chồng không nổi, buôn vặt bán vặt đủ trò mà cũng không nhằm gì, nên cuối cùng nó phải đi làm cái nghề..., cái nghề...

Ông bạn đem tin dữ không nói hết lời. Mà chị cũng đâu cần nghe hết. Lòng chị quặn thắt như ai muốn vắt cho kiệt nước, song chị không khóc. Ngày đó con Thanh đổi ý không chịu đi với chị vì đã lỡ thương, nó dấu cho đến cùng, cho đến khi chị dẹp quán bún bò, cắt đứt phương tiện sống. Mà chị nói không đi thì con Hồng viết thư trách móc than thở đủ điều và còn đòi sẽ về lôi chị đi. Thôi thì vì con. Lúc nào mà chị chẳng vì con. Đứa muốn "đi cho rồi" thì bây giờ khốn khổ vì ở lại. Người không ham đi càng khổ sở hơn vì lỡ bước ra đi. Con ơi ! Thanh ơi !

Công việc của chị hầu như suốt ngày giam chị trong bếp. Giữa chị và khách có một sự ngăn cách rõ ràng, xa xôi. Họ không biết tới sự hiện diện của chị, còn chị thì thỉnh thoảng rảnh tay mới nhìn nhìn thực khách. Và lạ chưa, càng nhìn thiên hạ tỉnh táo ăn uống, chị càng cảm thấy thiếu một cái gì. Ở đây, khách ăn thường chọn một cái bàn xa các bàn đã có khách ngồi. Không ai nói với ai bằng lời mà cũng chẳng nói với nhau bằng mắt. Chị thấy nhớ vô cùng những người khách của Quán Cay.

Rồi chị lại có chân chạy bàn, vì bà chủ cho là chị nấu vẫn cay quá, khách không ăn được. Chị cũng vui vẻ với công việc mới. Với tâm trạng của một người có nỗi niềm riêng cần người chia sẻ, chị chờ đợi ở khách ăn một sự cảm thông. Dù chỉ là một lời nói chân chất, một cử chỉ thân tình, một ánh mắt đồng lõa. Nhưng mà ở đây... Những con người chị gặp không có gì để trao đổi, hoặc giả không muốn trao đổi với ai. Không ai thấy cần phải phơi bày tâm sự của mình ra. Không ai khóc và cũng chẳng ai cần khóc. Không ai than

mà cũng chẳng ai nghe. Cuộc đời của mỗi người là một cái gì riêng tư và khép kín trước những cái nhìn hỏi han của chị. Người ta có cái gì đỏm dáng, sơn phết bên ngoài và cho dầu trong tiếng cười, câu nói với chị có phần nào thân mật, chị vẫn cảm thấy như có sự dè dặt, như có một bức tường nhỏ cách ngăn. Hay chỉ là tự kỷ ?

- Mạ ơi, mạ thấy trong người ra sao ? Trời ơi !*Docteur, venez vite !*

Ông Trương Phi đen đúa cúi sát xuống mặt chị. Ông vạch mắt chị ra, ông cầm cổ tay chị. Ông nói xí xô xí xà gì đó. Nhiều tiếng chân chạy vội vã...

*Người ta vẫn thi nhau chạy, nhà nào cũng như một đàn kiến vỡ tổ. Người người cuồn cuộn trên đường như một làn sóng gập ghềnh bất trắc, xuôi dài hàng hàng lớp lớp đến vô cùng. Người ta vội vàng đặt bố mẹ ngồi trên ghế, sì sụp những cái lạy hốt hoảng tạ ơn, xin lỗi và vĩnh biệt, rồi gồng gánh vợ con mà đi. Ông bà lên bàn thờ run rẩy khấn vái cho con cháu đi bình an, dù không biết chúng sẽ đi đâu, tới đâu. Người ta lần hết ruột tượng ra, những cái nhẫn vàng nho nhỏ bao năm rồi nằm tận đáy rương, những tờ giấy bạc gói kỹ không biết tự thuở nào, tất cả nay đều được moi ra, dấm dúi vào tay con cháu làm "của đi đường". Khói hương như bay từ địa ngục mù mịt xông lên, xông lên thấu trời theo những tiếng kêu van tuyệt vọng. Tiếng khóc, tiếng chào, tiếng gọi nhau xen lẫn với tiếng niệm Phật, tiếng đọc kinh tạo nên một bản nhạc kinh hoàng. Mẹ ơi thôi tụi con đi. Cầu Trời Phật phù hộ ba mẹ. Cha Mẹ ơi tha tội cho con...*

Những khuôn mặt tỏ dần. Hai đứa con gái chỉ vào trạc tuổi con Thanh. Một đứa khóc rấm rứt, đứa kia cuống quýt nhìn láo liên bối rối.

- Mày phải làm cái gì giúp tao chứ mày mà cũng nói không biết thì tao còn trông cậy vào ai ?

- Khó nghĩ quá, để tao tính coi.

Chị Cả nãy giờ đứng ở bàn bên nhìn sững. Lần đầu tiên chị thấy có người khóc trong quán này. Chị ngập ngừng một lúc, rồi thu hết can đảm bước tới.

- Hai cô ơi, có chi cực lòng cứ nói ra đi. Có khi tui giúp được chi chăng ? Đời là bể khổ mà, ai lại chẳng đôi khi có chuyện buồn.

Đứa con gái đang khóc bỗng quắc mắt nhìn lên :

- Xin lỗi, đây không phải chuyện của bà. Bà cứ lo chuyện của bà đi !

Đứa kia bồi thêm :

- Việc của bà là bưng bún dọn bàn chớ không phải lo gỡ rối tơ lòng. Bà mà cũng muốn làm bà Tùng Long sao ?

Đứa đang khóc bật cười, thích thú với câu nói của bạn. Chị Cả đứng chết trân. Chị bước đi như chạy trốn, bỏ lại đằng sau bộ mặt nhăn nhúm không biết vì xấu hổ hay đau đớn.

Thấy mẹ rùng mình, con Hồng mừng rỡ, rối rít gọi mạ ơi mạ ơi, hai tay nắm chặt tay mẹ. Nhưng chị Cả đã lại trở về với mảnh đời tha phương trôi nổi của mình, đôi môi nhợt nhạt như phác họa một nụ cười. Con Hồng rối

rít mạ ơi mạ cười chi hở mạ ?

Người đàn bà đứng tuổi vào ăn bún một mình. Có cái gì là lạ trong đôi mắt buồn hiu hắt. Từ ngày bị hai cô bé con sấn sổ, chị Cả đâm ra dè dặt với mọi người. Chị kín đáo nhìn, chỉ sợ bị gây gổ. Song bốn con mắt vô tình tìm đến nhau.

- Bà đi làm ở đây được bao lâu rồi ?

Câu hỏi bất thần làm Chị Cả giật mình :

- Dạ, cũng mấy tháng rồi.

- Bà khÔng có con cái chi sao mà phải đi làm ?

Chị thở phào :

- Ai lại sống nhờ rể răng chừ. Phải chi tui có con trai...

Bà kia cười cay đắng :

- Bà tin vậy thiệt sao bà ?

Bà khách không nói gì thêm. Nhưng chị cũng đã biết hết rồi. Chuyện đời của những kẻ lạc loài như bà ta, như chị, như bà Mẫn, bà Tâm, thật ra có khác gì nhau bao nhiêu đâu ? Bà Mẫn không sống với con trai được vì ở đây bà là người thừa trong cuộc đời tư của đôi vợ chồng trẻ. Bà Tâm không sống với con trai được vì con dâu đầm gớm thói ăn trầu. Không có chi lạ khi họ thấy lạc lõng, cô đơn. Loài chim lạc bầy chỉ cần nhận biết nhau, bay đến với nhau mà không cần phải tíu tít gọi.

Chị Cả đang còn nhìn bà bạn mới với tất cả thân ái thì có khách vào. Khi chị từ bếp bưng bún ra cho khách mới tới thì bà kia đã đi mất rồi. Trên ghế hãy còn vắt cái khăn quàng. Trời đã sâu vào đông, không khăn bà ta lạnh chết. Chị Cả vội vớ lấy cái khăn, chạy biến ra đường lức láo tìm. Kia rồi, bà ta kia rồi, bên kia đường, hai tay kẹp vào nách. Chắc bà ta cũng không nhận ra là đã quên khăn nữa. Không biết tên bà ta là gì để gọi, chị Cả cũng quên phải nhìn trước ngó sau, chị chạy băng qua đường...: Và chị nghe tiếng gì rít lên chát chúa bên tai. Chị nghe có gì rạn vỡ đâu đó trong thân. Chị nghe mùi nhựa đường sát bên mũi. Chị nghe có nhiều tiếng chân chạy tới...

Ai đã từng sống ở Huế hồi tết Mậu Thân thì sẽ hiểu tại sao thiên hạ thi nhau chạy... Người ta chạy với những bước chân nhanh như cơn kinh hoàng. Người ta chạy không phải chỉ bằng hai bàn chân mà bằng cả cái khốn nạn của một kiếp người. Trên những nét mặt không còn sinh khí kia chỉ còn thấy một đôi mắt trắng dã đứng tròng. Chỉ có đôi chân là còn linh động. Xa xa đâu đó vọng về vài tiếng bom đạn nổ, như tiếng của những oan hồn đã nằm xuống năm nào trở về đòi mạng, rủ rê. Chỉ nghe từ xa mà thiên hạ đủ sợ cuống cả linh hồn, đủ thấy là ác mộng... Chị nghe thiên hạ chạy tán loạn. Chị nghe... Mạ ơi, mạ ! Mạ ơi đừng bỏ con như rứa mạ ơi, mạ ơi...

Con Hồng hay con Thanh hay con Huyền gọi chị ? Sao tiếng gọi nghe thất thanh hoảng hốt thế này ? Tiếng gọi nghe não nuột đau lòng như ngày nào ở bãi biển Tiên Sa Đà nẵng lúc một giờ đêm. Tàu hải quân há mồm ra cho thiên hạ ào vào tranh nhau đi tìm sự sống. Trong cái tranh tối tranh sáng chập

chùng của bãi biển mà bóng người che át hẳn ánh đèn, miệng tàu hải quân khép lại làm bao nhiêu mạng người rơi xuống biển như sung rụng. Các con kêu chị thảm thiết, xé lòng.

- Mạ ơi, nghe con không ? Mạ ơi ! Trời ơi !

Chị Cả muốn trả lời con. Nhưng miệng mồm chị bỗng dưng không muốn theo ý chị. Tai cũng vậy, nghe như tiếng con chị xa lắm rồi. Lại tiếng chân người chạy rộn ràng như đêm ấy, trên bãi Tiên Sa. Chị đã lên được trên tàu, hai tay nắm chặt tay ba đứa con, chặt đến nỗi như thể không có gì có thể rứt các con ra khỏi bàn tay thương yêu che chở của chị. Nhưng bây giờ chị thả dần ra, thả dần ra. Chị lên được tàu rồi, nhưng chị không đi bằng những bước chân cuống cuồng hoảng loạn. Chị đi thảnh thơi, nhẹ nhàng như với đôi cánh của các thiên thần. Chị đi, đi, đi lên mãi, như bay... Có nhiều tiếng gọi. Không phải chỉ ba đứa con chị gọi, mà có lẽ cả xứ Huế, cả nước Việt Nam của chị đang gọi chị.

Tóc chị xoã tung trong mây chiều biêng biếc. Ngực chị căng phồng mùi lúa chín quê hương. Áo chị phất phơ lả lơi với gió. Chị Cả dõi mắt nhìn ra xa. Kia rồi, giòng sông Hương vẫn ngàn năm êm đềm thong thả. Chị bay tới, gần hơn, gần hơn nữa. Hàng cây sầu đông muôn đời u buồn xứ Huế dưới kia như muốn rướn cao mình lên để ôm chầm lấy chị. Gió hiu hiu mơn man hai má. Chị mỉm cười, hạnh phúc. Cha, mẹ, chồng, con chị kia rồi. Cả Quán Cay của chị nữa, những khách hàng quen thuộc ngày nào đang tươi cười vồn vã chào đón chị. Và giữa bao khuôn mặt thân mến kia là ông râu đời. Chị muốn nói với anh không, không phải anh hèn nhát mô, tui đã biết cuộc sống lạc loài ở xứ người ra răng rồi ! Và với tất cả tình yêu thương vời vợi, chị đưa tay ra, muốn ôm gọn vào lòng những khuôn mặt thân ái kia. Mọi cánh tay đưa ra, đưa ra, quấn quít, xoay tròn.

Chị đã về tới nhà, an lành. Như một đứa trẻ thơ về nằm gọn trong vòng tay thương yêu vỗ về của mẹ sau một cuộc rong chơi.

MIÊNG

*Paris, Sept. 1993*



**ĐỖ KH.**

# như thế luân hồi lại một vòng

Nhong nhong
*Hồi đó trên bụng mẹ bố nằm*
Nhong
*hồi đó trên bụng bố mẹ nằm*
*Rồi đến con nằm trong bụng mẹ*
*Ở trong bụng mẹ con lòi ra*
*Bây giờ con nằm trên bụng cha*

Nhong nhong
nhong nhong nhong
Ngựa ông đã về
cắt cỏ bồ đề cho ngựa ông ăn

*Sau...*
*Sẽ con nằm trên bụng của người ta*
Nhong...
*Luân hồi như thế... lại một vòng?*

*10. 93*

# bi bốp bê bi (bê bi bố bế)

•
*Tôi thích mở mũi xe ra châm dầu vào máy*
*sạc bình điện (còn gọi là ắc-quy)*
*Thay bu-gi*
*Quay tay lái vô cùng biểu diễn*
*Cắt cua gắt những con đường ven biển*
*Rất ngang tàng*
*Tôi thích*

*Bá chống nạnh*
*Hạ chốt an toàn*
*Ngoạn mục lên đạn*
*Túi bụi nã chỉ trời những chốt đường biến loạn*
*Hay lách cách tháo súng*
*Lau chùi cơ bẩm*
*(Còn gọi là quy-lát?)*
*Lâu lâu làm những chuyện đàn ông*
*Rổn rảng*
*Búa kềm cưa kéo rất oai hùng*
●
*Tôi thích gồ ghề*
*Tôi thích oai*
*Le*
●
*Cầm đèn pin ngon lành rọi mặt*
*Nào làm ơn cho coi lý lịch*
*Ngồi thản nhiên nựng cằm người đẹp*
*Rứt quần áo ra khỏi người em bé*
*Xé*
*Miệng mỉm cười hay*
*Ở giữa ngã tư vung vẩy*
*Ngưng!*
*A lê, chạy!*
Tuýt
*Đứng lại!*
*Chấn chỉnh cà vạt trên bục giảng*
*Mái tóc bồng bềnh và lãng mạn*
*Tôi thích hét trong loa*
*Đồng bào!*
*Đồng chí!*
*Tôi thích hét trong mi-cơ-rô*
Yeah!
●
Yeah
●
*Bắp thịt tay rắn chắc nổi lên gồng*
*Ngón trỏ chỉ ngay vào con đường đúng*
*Tôi thích làm đàn ông huân chương*
*Áo thụng*
*Dao găm quần tắm*
*Đu dây trong rừng*

*Mắt (kính) mơ màng*
*Cán bút trầm ngâm*
●
*Nhưng tôi thích nhất là bế con tôi*
*Bố bế bê bi*
*Bê bi bê bi bố bế*
*Ra vườn coi cây*
*Coi con chó chạy*
*Nhưng tôi thích nhất là bế con tôi*
*Tuy tôi cũng thích trẻ con nói chung.*

ĐỖ KH.
5/93



**QUANG HUY**

# hư vô

*Cái gì cũng có một thời*
*Bao nhiêu máu chảy trong lời vua ban*

*cái gì rồi cũng tiêu tan*
*Bao nhiêu xương trắng nằm oan dưới mồ*

*Cái gì rồi cũng rụng rơi*
*Quả trên vườn Cấm, hoa nơi Địa đàng*

*Chỉ còn mãi với thời gian*
*Tình yêu tự thuở hồng hoang dại khờ*

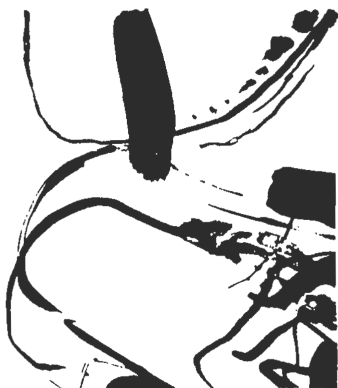
*Gắng ngồi viết cạn bài thơ*
*Bài thơ rồi cũng hư vô như mình*

QUANG HUY
(Trong nước)



TRƯƠNG KIM YẾN

# cầu vồng



Những sự kiện trong đời nàng bao giờ cũng đến vào buổi sáng, một buổi sáng âm u và không có nắng, không có những dự cảm mơ hồ, đường đột.

Biển mùa bão, chỉ có một mình nàng lang thang trên bờ. Nàng không thể hình dung nổi biển lại lại cô độc và dữ dội đến thế. Chẳng có một con thuyền nào ra khơi.

Nàng yêu anh, có lẽ thế. Anh luôn dịu dàng và tôn sùng nàng. Lúc nào nàng cũng cảm giác nàng phải gồng mình lên để tỏ ra là duy nhất, tốt đẹp, lung linh. Anh làm nghề xây dựng, luôn đóng đinh trong những khuôn phép, lề thói và ghét cay ghét đắng những cơn bất tử của nàng. Có lần nàng gọi điện thoại cho anh, khẩn thiết:

- Em đang đánh tín hiệu S.O.S. cho anh đây, hôm nay anh bỏ làm được không? Chúng mình sẽ đi ra ngoại thành.

- Anh rất muốn, nhưng không thể, anh đang giám sát một công trình nên không thể bỏ đi được.

Nàng ngồi thừ người ra, chán nản. Anh lúc nào cũng quá tỉnh táo, quá đúng, y như một cái máy.

Bao giờ anh cũng khoác lên chung quanh nàng một vầng hào quang.

- Em đẹp lắm, đẹp theo kiểu trong veo của riêng anh. Nụ cười và ánh mắt của em luôn làm người khác man dại. Anh lúc nào cũng thấy khao khát em.

Trong tâm tưởng nàng, lúc nào cũng có một sự ve vuốt, một cảm giác yên tâm, thư thái. Nàng thường mặc màu trắng khi đến với anh, cái màu làm cho nàng có vẻ lãng mạn. Với những bộ váy áo tha thướt nàng trông thật yếu ớt và lệ thuộc. Lần đầu tiên nàng dứt khỏi anh, nàng muốn có một khoảng cách để nhìn lại.

*

Đột ngột một cơn sóng bạc đầu phủ trùm lên người nàng, nàng vội bỏ giày

ra và chạy về phòng.

Bỗng nàng đâm sầm vào người đàn ông trước mặt.

Biển gầm gào dưới chân họ. Một kẻ thì lạnh buốt, bé nhỏ, một kẻ thì ấm áp, cả hai sững lại, soi vào nhau, choáng váng.

Có gì đó tê dại truyền vào nàng, đôi mắt người đàn ông đó hoang dã, nồng nàn... Nàng vội bỏ chạy thật nhanh.

Gió thổi tung mái tóc của nàng, thật tình nàng quá mảnh dẻ trước cơn hờn giận của biển. Người đàn ông nhìn hút theo bóng nàng. Anh ta cũng bị choáng, y như sau sự va chạm đó, thế giới vụt chao đảo.

Nàng thay đồ và trùm kín chăn lên đầu, vừa run vừa tự nhủ mình yêu anh ấy, mình yêu anh ấy, mình không cần gì nữa hết.

Nàng không dám bước ra khỏi phòng, không dám nghĩ, dường như nàng đã trở thành người khác, nông nổi, bởi vì nàng hình dung rất rõ người đàn ông có đôi mắt hoang dã đó.

Đêm, nàng không ngủ được, nàng rón rén chạy ra kè đá, nàng muốn hít thở làn hơi của biển. Những con thuyền neo trên bến thỉnh thoảng xô vào nhau, chỉ có tiếng sóng thì thầm cùng bờ cát, nàng nhắm mắt lại, cầu nguyện cho riêng mình, sự bình yên...

Nàng nhìn thấy người đàn ông đó như một giấc mơ. Người đó đứng im lìm bất động như chờ đợi nàng từ lâu lắm rồi.

- Tôi thấy em chạy trên biển, em đang rét...

- Không

- Tôi không biết là em sẽ ra đây, nhưng tôi nghe rất rõ tiếng gọi của biển khơi, biết rất rõ là em cần tôi...

- Không.

- Có một sự va chạm nào đó lạ lắm, sự va chạm của những từ trường, giữa em và tôi...

- Không.

Người đàn ông tiến lại gần, gần lắm. Nàng ngửi thấy mùi đàn ông toát ra từ anh, mùi của những con ngựa hoang phi trong đêm, gấp gáp, cháy bỏng.

- Không.

Nàng đẩy anh ra, đấm đá túi bụi, nguyền rủa và la hét một cách âm thầm. Cái đầu của nàng không chấp nhận, nó gào thét: Không, không. Nhưng anh vẫn ghì cứng lấy nàng, cái ghì siết của một thân thể cường tráng, tràn đầy sức sống, nàng vừa tức điên vì người đàn ông xa lạ và sống sượng này, vừa muốn buông xuôi và hòa vào cái dòng thác ấm áp đang tuông chảy đó.

Cuối cùng thì nàng cũng chạy về được đến phòng mình.

Sáng hôm sau, nàng lập tức trở về thành phố.

*

Xe bắt đầu chuyển bánh, bỗng dưng anh xuất hiện ngay bên cạnh nàng,

nhìn nàng với ánh mắt vừa tự tin, vừa ngơ ngác. Nàng không hiểu, thật đúng là của nợ, toàn đến vào lúc buổi sáng nàng không mong chờ.

Im lặng. Dường như chẳng cần phải nói gì. Anh nhẹ nhàng nắm lấy tay nàng và họ cứ như thế trở về thành phố.

Đã có một không gian đồng lõa xuất hiện giữa họ. Một không gian mà nàng luôn thấy va chạm trong từng ý nghĩ, và nàng chối bỏ.

Sau này, anh vẫn nói mãi về buổi sáng âm u đó. Giây phút của những âm thanh rớt xuống từ vũ trụ mênh mông, giây phút mà cả hai đều dứt khỏi mọi ràng buộc của cuộc sống, và họ chạm vào nhau như những đứa trẻ, hồn nhiên, nhạy cảm.

Anh ghi cho nàng số điện thoại, và không một lời nhắn nhủ, anh quay ngoắt đi.

Nàng điên lắm, nàng điên vì người khác thì ít, mà điên vì mình thì nhiều. Nàng chạy bổ đến với anh, trút vào anh thật nhiều yêu thương, thật nhiều dịu ngọt. Nàng khắc khoải, thảng thốt, tự nhận rằng mình tồi tệ quá, nàng bơi trong biển của sám hối, của tội lỗi - nàng nghĩ thế.

Rồi nàng khóc, nàng khóc vì bất lực, vì giận mình, nàng khóc vì đã làm anh tổn thương, nàng khóc vì nàng yêu anh quá đỗi...

- Em đừng sợ, anh lúc nào cũng yêu thương em.
- Không, anh không hiểu, anh không thể hiểu...
- Anh nhìn rõ em mà, nhìn rõ em đang đau khổ, em bất lực.
- Em cần anh, cần anh vô cùng.

Trong nàng luôn có một tiếng nói: Đừng gọi điện thoại cho "hắn ta", hãy quên đi. Nhưng có một sức mạnh nào đó, mạnh hơn cả nàng, vẫn kéo nàng đến bên chiếc máy điện thoại. Ban đầu nàng vẫn gọi số máy của anh, như một thói quen, như một cứu cánh. Chỉ có tiếng tút dài nơi đầu dây. Anh không có nhà, anh không nghe thấy tiếng kêu cứu của nàng.

Như hai cực của nam châm, họ đâm sầm vào nhau, tan hòa vào nhau vừa khốc liệt, lại vừa hạnh phúc, thứ hạnh phúc quá sức chịu đựng của nàng. Cái cung cách mà chàng áp chế nàng thật phi lý, nàng như bị cuốn theo, không kịp nghĩ suy, không kịp đắn đo. Nàng luôn thấy cầu vồng ở rất gần nàng, cảm giác mà nàng chưa bao giờ có. Nàng như lướt trôi trong bảy sắc, nhảy múa, cười nói, gào thét. Và rồi thinh không lặng trong, chỉ có mình nàng rớt xuống đáy vực, vựa thẳm đen ngòm, đầy rắn rết.

Bao giờ nàng cũng tự nhủ, lần này là lần cuối cùng, sẽ không bao giờ như thế nữa. Nhưng nàng không cưỡng lại được sự lôi cuốn của một gương mặt thơ trẻ, cháy bỏng một nỗi đam mê. Nàng biết rằng mình sắp chết, nàng hiểu rằng mình phải chết. Bởi vì nàng không thể cùng lúc yêu hai người đàn ông, nàng không thể, không thể. Mỗi lần đến với chàng, nàng đều do dự thật lâu. Nàng trang điểm, rồi lại xóa đi. Nàng mặc vào những bộ đồ lùng thùng, cũ kỹ, những bộ đồ mà nàng đã vứt bỏ từ lâu. Trong cái vẻ chẳng hề cố tình quyến rũ đó, nàng lại hiện lên như một đóa hoa đồng nội, giản dị, xưa cũ...

Với hắn ta, nàng chẳng phải tỏ ra gì gì hết, nàng được tự do, hồn nhiên bộc lộ những phần sâu xa nhất, tăm tối nhất trong nàng mà không sợ bị chê cười, nhạo báng.

*

Cho đến một hôm, anh dẫn nàng đến xem căn nhà tương lai của họ. Căn nhà nhỏ, trắng toát, chưa có đồ đạc gì. Nàng đi từ góc này sang góc khác như một con sói con bị dồn đuổi, hoang mang.

Anh bật nhạc lên và soi rọi vào nàng thứ áng sáng của những thiên thần, lung linh, mờ ảo... Anh tiến lại gần nàng, với bao nhiêu dự định tốt lành, với bao mơ ước... nhưng khi anh vừa đặt tay lên mái tóc nàng, nàng đột ngột hét lên:

- Không... không... không...

Tiếng hét của nàng trầm đục, đau đớn, như tiếng thét của loài thú đã hóa dại.

TRƯƠNG KIM YẾN
(Trong nước)



**TẾ HANH**

# với một vì sao

*Sao là em hay em là sao*
*Em hiện ra lấp lánh giữa trời cao*
*Con đường em đi bao nhiêu năm ánh sáng*
*Để ta được nhìn em trong một thoáng*

*Có thể em biến lâu rồi trong vũ trụ bao la*
*Ta còn thấy em vì em quá xa*
*Nhịp độ trái tim và tốc độ tinh tú*
*Giây phút diệu kỳ em đến với ta*

TẾ HANH
(Trong nước)



**LÂM THỊ MỸ DẠ**

# tặng nỗi buồn riêng

*Em chết trong nỗi buồn*
*Chết như từng giọt sương*
*rơi không thành tiếng*

*trái tim em còn trẻ dại*
*trắng trong*
*ai cất dùm em*
*cái nhìn già nua*
*bàn tay cằn cỗi*

*trong xứ sở anh*
*em bị lạc*
*xứ sở hiếm hoi niềm vui*
*khô khắc đến nao lòng*

*ai cất dùm em*
*nước mắt*
*biết dấu nụ cười đi đâu*
*khi phải cười*

*em không còn là em*
*ai đánh mất em?*
*hay chính em đánh mất?*
*nào phải chi mình xấu xa*
*trái tim em trong trắng*
*ai nhận ra?*

*đến như anh người bạn cuối cùng*
*vẫn bước ngoài đời em*
*em lạc cả trong anh*
*lạc không tìm ra lối*

*Nhiều khi muốn mình như chiếc bóng*

*tan trong màn đêm*
*để không ai nhận ra*
*mình có mặt trong đời*

*em chết trong nỗi buồn*
*chết như từng giọt sương*
*chết như từng giọt sương*
*chết như từng giọt sương*

*em chết trong nỗi buồn*
*chết lặng thầm âm ỉ đớn đau*
*trời cho em nụ cười thật tươi*
*ai biết sau nụ cười*
*giọt nước mắt về đâu*

LÂM THỊ MỸ DẠ (Huế)



**NGUYỄN TRỌNG TẠO**

# tái diễn

*bệnh dạ dày tái diễn những cơn đau*
*trái đất toát mồ hôi tái diễn trò súng đạn*
*kẻ tái diễn những vinh quang nhàm chán*
*người ngửa tay tái diễn nỗi buồn câm*

*tôi trở lại cơ quan gặp nụ cười ẩm mốc*
*chuột quá nhiều (chuột chẳng chịu giảm biên)*
*tôi trở lại dòng sông bờ Cỏ Thi xanh mượt*
*xưa em đánh mất trâm giờ lặng lẽ tôi tìm*

*rồi cũng khóc như em - khóc cho điều đã mất*
*trâm Cỏ Thi... ừ nhỉ, cỏ thôi mà*
*nhưng trước mắt cũng như em, tôi đã*
*thêm một lần tái diễn trước cỏ hoa*

NGUYỄN TRỌNG TẠO (Huế, 1993)



THUẬN ÁNH

# truyện người không quen





LTS: *Hai truyện ngắn của một người viết mới. Mới, không nằm trong nghĩa sắp xếp thứ bậc trước, sau, trên, dưới. Mới, chỉ có nghĩa lần đầu tiên xuất hiện trên văn đàn. Dù vậy, qua bút pháp gợi mở, hiện đại, chúng ta có quyền khẳng định: văn chương Việt Nam, từ những người viết "mới" này, đã bứt lìa khỏi dòng chảy cũ, chưa biết thành công hay thất bại, chỉ biết đầy tự tin.*

*Thuận Ánh sang Nga học ngôn ngữ Nga và Anh từ 86 đến 91. Sang Pháp học văn chương Anh ở đại học Jussieu (91-92) và ở đại học Sorbonne (92-93) về văn học Nga. Là chị em song sinh với Đoàn Cầm Thi (tác giả bài điểm sách :* Về Nhân Vật Phương, Người Phụ Nữ Hà Nội Và Chủ Đề Văn Học Trong "Nỗi Buồn Chiến Tranh" Của Bảo Ninh - *Hợp Lưu số 15), cũng đang du học tại Pháp, ngành triết.*

**Hợp Lưu**

## CHƯƠNG MỘT

Lần ấy, trên tàu từ Biển Đen về Mát-xcơ-va, đang mê mải ngắm phong cảnh ven đường, chợt tiếng thở dài của người đàn bà ngồi trước mặt làm tôi ngỡ ngàng. Khuôn mặt chị như cái lá khô, co lại rúm ró. Tôi thấy rõ khóe mắt chị xao động. Hàng lông mi của chị mới dài rộng làm sao. Cô tôi, một người chuyên về bói toán, vẫn bảo ở đời hiếm ai có lông mi dài là hay lận đận về đường tình duyên. Động lòng, tôi hỏi:

- Chắc chị có chuyện buồn?

Im lặng. Chị nhìn tôi trân trối mà như không nhìn gì cả. Một lúc sau chị mới trả lời. Câu trả lời chẳng ăn nhập với câu hỏi:

- Tôi đã bao lần đi qua con đường này.

Được một câu chị lại im. Vẫn cái nhìn não cả ruột gan. Cứ thế khoang tàu của tôi và chị chìm trong yên lặng. Ngoài kia là trăng mùa đông. Ám ảnh bởi cái nhìn của người đàn bà tôi không sao ngủ được. Bỗng đang đêm, vừa thiếp đi vì mệt, tôi nghe tiếng kể đều đều, chen lẫn tiếng thở dài:

- Cách đây vừa đúng mười hai năm, cũng mùa đông. Tôi còn nhớ năm ấy tuyết nhiều vô kể. Đất trời một màu trắng xóa. Tôi cũng hóa băng. Người chồng thứ hai cuối cùng bỏ đi nốt. Tôi đã sinh ra là con nhà nghèo, lại chẳng có gan để có cả tình lẫn tiền.

Hơn một năm trôi qua, mùa đông năm ấy tôi quyết định đi nghỉ thật xa. Mãi tận bờ biển Đen. Dẫu vậy cái nắng nóng nơi đây cũng chẳng ích lợi gì. Trên đường trở lại Mát-cơ-va, tôi buồn mà nghĩ rằng rồi đây đời mình sẽ mãi mãi cô đơn.

Nói đến đây chị bỗng dừng lại như để lấy hơi. Tôi nhìn chị rồi rùng cả mình. Hai hàng lông mi dài lúc này thẳng vút khiến mặt chị sinh động lạ thường. Giọng kể của chị mỗi lúc một gấp gáp:

Trên chuyến tàu ấy, tôi bỗng nghe tiếng đàn vọng lại. Tiếng đàn xa thẳm. Hư thực. Đến rồi chẳng đi. Tuổi thơ của tôi. Tôi có gì trên đời này. Toàn thân tôi run lên. Tôi thèm được chết. Hình như tôi thèm chết từ lâu lắm rồi. Đầu óc tôi lơ lửng, sáng choang. Đêm ấy trời mưa tuyết.

Sáng hôm sau tàu đến nơi. Lảo đảo, tôi tiến về cửa tàu. Trước mặt tôi, dưới ánh trăng, một thanh niên người Việt xanh xao. Cây đàn violon khiến anh chĩu về một bên. Tôi choáng váng trước hàng lông mi lướt mướt ngợp cả đôi mắt.

Về đến nhà, tôi lăn ra ngủ. Trong giấc ngủ chập chờn, không chăn, không gối ấy, tôi mơ thấy mình lạc vào một thế giới khác. Thế giới của những người chết. Tôi gặp lại mẹ tôi. Đã thành sẹo cái vết bỏng làm mẹ như con tôm cháy. Mẹ nhìn tôi khóc, nhắc đi nhắc lại:

- Con ơi mẹ ân hận quá. Giá như mẹ đừng chết. Giá như mẹ đừng tiếc cái chăn.

Từ trong hố mắt sâu hoắm, chẳng còn sợi lông mi nào, nước mắt mẹ chảy lênh láng. Tôi xót xa cho thân phận mẹ đến cõi chết vẫn chưa hết đau.

Trong trạng thái nửa mê, nửa tỉnh ấy tôi gặp lại người đánh đàn. Vẫn bàng bạc như mây như khói. Vẫn tiếng đàn rờn rợn. Tôi chẳng biết tại sao anh xuống đây. Anh là người hay là ma. Nhưng tôi yêu anh. Tôi yêu anh trong niềm đau đớn chưa từng thấy bao giờ. Anh dắt tôi đi trên sa mạc có những ụ cát lù lù như ngôi mả. Tôi nắm chặt tay anh, chỉ sợ anh biến mất. Chúng tôi vừa đi vừa chạy. Không mục đích, không phương hướng. Chẳng nói chẳng rằng. Đến khi mệt quá thì tôi bừng tỉnh. Người ướt đẫm mồ hôi, chân tay lạnh toát, tôi lao ra khỏi giường đi tìm giấy bút. Tôi viết một mạch chẳng tẩy

chẳng xóa. Như người đang khát khô cả giọng lại gặp cơn mưa rào. Những vần thơ cứ nhảy nhót trong đầu. Tất cả như thác lũ tràn về cùng lúc. Rừng rực, giống người đang lên cơn sốt cấp tính, tôi thấy cái chết kề bên. Đê mê.

Nhưng thơ văn cũng chẳng đủ. Tôi chạy ra ngoài mua vải mua màu. Có bao nhiêu tiền tôi đổ ra mua một tấm bạt to bằng cả một cái nhà, mỗi chiều phải đến năm mét. Vứt hết đồ đạt trong phòng, tôi đặt tấm bạt thẳng lên sàn. Tôi vẽ bức tranh đầu tiên trong đời. Hối hả. Tôi vẽ anh ma của tôi đang đánh đàn giữa bầy người dị dạng, răng trắng nhơn nhởn, lưỡi đỏ lòe lòe. Người, ma, lẫn lộn. Tôi khóc. Những giọt nước mắt màu đen rơi xuống loang lổ. Tôi vẽ quên ăn, quên ngủ, chỉ sợ tất cả rồi sẽ biến mất bất ngờ, sẽ vượt khỏi tay tôi. Cả bức tranh là bóng tối nghìn nghịt. Cuộc đời anh. Cuộc đời tôi... Muốn vẽ thêm nữa nhưng đến ngày hôm sau thì tôi quăng bút. Bất lực. Bao giờ tôi cũng bị cảm giác bất lực dày vò. Tôi bất lực với cuộc đời. Với chính tôi.

Bỗng nhiên tôi thấy đã xa anh lâu quá. Tôi như bay đến kí túc xá nhạc viện Mát-cơ-va. Trong hằng hà sa số tiếng đàn, tiếng sáo nơi đây, tôi lại điếng người nhận ra tiếng đàn anh. Như kẻ bị mất hồn, tôi men theo cái âm thanh ma lực ấy. Một lúc nào đó, tôi thấy mình ngồi bệt trong góc hành lang, trước căn phòng cuối cùng của kí túc xá. Mơ màng, tôi trở lại cõi âm hồn có ánh trăng xanh. Đi dạo trên bãi tha ma, chúng tôi quấn chặt lấy nhau. Hai thân thể xơ xác mỗi khi siết lại gân cốt kêu rên kèn kẹt. Đôi tay xương xẩu bóp nát người tôi. Râu ria nhọn hoắt như đâm vào da thịt. Chỉ có hàng lông mi lướt mướt của anh làm tôi dịu lại. Chúng tôi yêu nhau giữa muôn ngàn vạn vật. Trước mặt ông bà tổ tiên. Trong cõi thời gian vô tận. Chưa bao giờ là người.

Tiếng còi cứu thương rú rít làm tôi giật mình. Linh cảm thấy điều chẳng lành, tôi chạy theo bước chân người rầm rập. Dưới lòng đường, tôi thấy anh nằm đó. Giữa vũng máu đỏ tươi. Đôi tay mới đây còn chơi đàn, còn bám chặt lấy tôi, giờ nát nhừ, văng mỗi nơi một cái.

Người ta đưa anh đi nhanh quá. Tôi chạy mãi chẳng theo kịp. Tất cả trong tích tắc. Giữa hạnh phúc và bất hạnh cũng chỉ tất gang.

Kể đến đây người đàn bà dừng lại. Tôi sốt ruột muốn nghe tiếp đoạn sau. Chị im lặng nhìn vào khoảng trống trước mặt, đôi mi dài không chớp. Khuôn cửa kính chỉ có tuyết. Thất vọng tôi quay mặt vào trong ngủ tiếp. Cả đêm tôi mơ thấy người đàn bà. Chị đang cố lắp lại đôi tay đã nát vụn của người yêu.

Bỗng đầu tôi va vào thành tàu đau điếng. Tiếng một người đàn ông Nga la thất thanh. Cửa sổ khoang tôi mở toang. Hèn nào trong khi ngủ tôi cứ tưởng mình lạnh vì sợ. Mơ hay tỉnh, tôi không tin ở mắt mình. Trong ánh đèn pha, tôi thấy chị nằm xõng xoài. Mái tóc đen lấp lánh tuyết quấn chặt lấy tấm thân trần. Ở tay chị, bó hoa tuyết rực rỡ như mặt trời.

Là đồng hương duy nhất của chị, tôi được phép mang chị vào thành phố. Tìm tòi trong cái túi nhỏ chị để lại chẳng thấy gì ngoài chiếc áo vẫn còn hơi ấm. Tôi lôi ra mặc lại cho chị, bỗng lạnh người khi thấy bên ngực áo hằn lên hàng chữ bằng tiếng Nga "Trại điều trị thần kinh X". Một quyển sổ nhỏ rơi

ra. Tôi lật vội ra coi. Chẳng có gì ngoài những nốt nhạc. Đang định cất trả chị, tôi thấy ba trang giấy cuối đặc kín chữ mà mạn phép chị tôi ghi ra đây:

*Mát-cơ-va ngày... tháng...*

*Đã mấy đêm rồi tôi không sao ngủ được. Cứ vừa nhắm mắt là mẹ tôi lại hiện về. Mẹ vẫn trẻ vẫn đẹp như hồi trước. Người ta bảo hồng nhan bạc mệnh cũng phải. Khi cha vắng nhà, có bao kẻ tối tối lại mò sang trò chuyện, hỏi han. Trong số đó có một người tôi ghét cay ghét đắng. Tôi sợ cái nhìn si mê của lão:*

*- Anh xin em đừng buồn.*

*Mẹ tôi im lặng, chẳng nói câu nào.*

*Thế mà có một hôm, tôi thấy mẹ mời lão đến nhà. Không hiểu có chuyện gì mà mẹ tôi nước mắt ròng ròng. Lão kia mặt buồn rười rượi, nhắc đi nhắc lại:*

*- Anh xin em đừng buồn.*

*Lão về rồi tôi thấy mẹ trăn trở. Mấy ngày sau mắt mẹ thâm quầng. Rồi đến một hôm, giữa khuya thức dậy, tôi không thấy mẹ đâu. Lòng tôi thất thỏm. Gần sáng thì mẹ về. Quần áo đẫy sương. Cứ thế ôm tôi, mẹ khóc. Hết khóc lại cười.*

*Mẹ hỏi tôi có nhớ cha không. Hai mẹ con tôi nói chuyện về cha đến sáng. Vào tuổi ấy, tuy còn bé, tôi đã lờ mờ cảm thấy rằng người ta có thể sống vượt lên nhờ một thứ tình cảm đặc biệt chỉ có giữa đàn ông và đàn bà. Tôi không tin trên đời này có ai yêu được như mẹ tôi. Mẹ mê cha tôi nhiều lắm. Không biết có phải vì tình yêu hay không, mẹ coi cha tôi như thần như thánh, mó vào cái gì là cái ấy đẹp. Mẹ bỏ lại tất cả, theo cha tôi lên tận chiến khu, ăn đói mặc rét, sống giữa hòn tên mũi đạn.*

*Bẵng đi vài tháng, tôi thấy mẹ mua về cho tôi bao nhiêu là áo, mũ, khăn, giầy. Phát hoảng bởi cảm giác chia lìa, tôi òa khóc. Mẹ nhìn tôi, cố nói rành rọt:*

*- Ngày mai con sẽ sang Nga học.*

*Nước Nga. Cái nước xa tít tắp, cái nước toàn tuyết là tuyết. Tôi chỉ nghe cũng đã ớn lạnh. Vả lại còn mẹ còn cha. Nhưng mặt mẹ cả quyết quá. Mặt đất như đang chao đảo. Trong một giây, tôi đủ hiểu. Cái đêm mẹ đi đến tận sáng.*

*Mẹ tôi nức nở:*

*- Bao giờ lớn lên con sẽ tha thứ cho mẹ.*

*Tôi sang Nga. Đóng băng. Đất nước toàn thần đồng âm nhạc. Mẹ tôi mất ba tháng sau ngày tôi đi. Nghe người ta kể là mẹ bị sẩy thai.*

*Mới mười bốn tuổi mà tôi như người năm mươi. Tôi sinh ra để mà khổ. Chẳng tuổi thơ. Không mơ ước. Thoắt cái đã già.*

Gấp quyển sổ lại, tôi cúi xuống người đàn bà và tự hỏi: không hiểu chị đã bao lần vượt trại điên đến đây.

## CHƯƠNG HAI

Căn phòng số 33 bên phải ngay cạnh cầu thang tầng chót của một kí túc xá công nhân luôn luôn mở hé cửa vào mỗi buổi chiều, sau giờ làm việc. Bao giờ cũng vậy, cái cửa hình chữ nhật, màu trắng, làm chính xác một góc 30 độ từ khi mở ra cho đến lúc đóng vào. Những người chưa bao giờ bước vào căn phòng này không thể biết mặt chủ nhân của nó. Các cô gái, những phòng bên cạnh, vì tò mò, lúc đầu đã mấy lần bước qua ngưỡng cửa phòng số 33 ngó trộm vào trong. Thế nhưng các cô chẳng nhìn thấy gì ngoài tấm ri-đô bằng vải trắng bất động và dày đến nỗi căn phòng như có thêm cái tường nữa ngăm lại. Trong khoảng không gian từ tấm ri-đô trắng đó ra chẳng có một đồ đạc nào chứng tỏ sự hiện diện của chủ nhân căn phòng. Tất cả đều trống trơn và kín như bưng. Ngay cả chiếc cửa sổ duy nhất cũng bị đóng chặt bằng gỗ màu trắng cùng loại với cửa ra vào và sàn nhà. Các khe cửa kính bên trong nhét đầy bông rồi phủ một lớp giấy trắng ra ngoài. Căn phòng vì vậy có một thứ mùi đặc biệt, mùi của hàng chục lít sữa chua đặc, nguyên chất, không đường, đã được dùng để dán lớp giấy trắng lên các khe cửa. Loại sữa chua này là thức uống thường xuyên của người dân miền Nam nước Nga, được làm từ sữa dê nên có độ dính đặc biệt, hơn bất kỳ loại hồ nào khác. Mùa hè mười lít sữa chua này chảy ra rồi đóng lại khi đông đến, càng ngày càng đặc quánh với bao thứ mùi của các mùa khác nhau quyện vào, từ năm này qua năm khác. Một thứ mùi nồng nồng, ngầy ngậy, hỗn hợp của tất cả các mùi, nhưng không phải là mùi thức ăn nên không hấp dẫn ruồi và gián, hai loại động vật đông đảo giao lưu giữa các phòng của kí túc xá.

Với ba bức tường trắng, sàn nhà trắng, tấm ri-đô trắng và cái cửa sổ bị bịt chặt cũng màu trắng, khoảng không gian này luôn luôn sáng mà chẳng cần đến đèn hay nến, thứ ánh sáng xốp và đục, nhờ nhờ như những đêm trắng vào đầu mùa hè ở St. Pétersbourg. Khoảng không gian không có hình khối, góc cạnh, kích thước. Ánh sáng bên trong cũng chẳng có chỗ đậm, chỗ nhạt mà cùng một gam màu vào bất kì thời điểm nào trong ngày. Tất cả hòa đồng đến nỗi người ta không còn phân biệt được đâu là tường, đâu là ri-đô, đâu là gỗ thông trắng. Nhưng nếu mỗi năm chỉ có một tuần trắng và chỉ vào đầu hè, ở phòng số 33 đêm trắng là một hiện hữu triền miên gắn liền với căn phòng giống như ba bức tường trắng, sàn nhà trắng, cái cửa sổ trắng hay tấm ri-đô trắng. Những hiện hữu bất di bất dịch, chẳng bao giờ tách rời nhau và tách rời khỏi căn phòng. Không lò sưởi hay máy điều hòa, nhiệt độ của căn phòng là thứ nhiệt độ kì lạ, thay đổi theo thời tiết bên ngoài nhưng đông cũng như hè, bao giờ cũng bằng nhiệt độ bên ngoài cộng 7.

Một khi đã ở bên trong căn phòng này, người ta chẳng còn biết cái gì đã xảy ra với thế giới bên ngoài. Những bức tường dày, tấm gỗ thông bịt cửa sổ và đống bông dán bằng sữa chua chẳng để cho bất kỳ âm thanh nào từ bên ngoài lọt vào. căn phòng tồn tại ngoài các qui luật không gian và thời gian.

Nơi đây chỉ có màu trắng ngự trị. Một màu trắng im lặng, bất động và đầy quyền uy.

Mặc dù các cô gái láng giềng đã mất công vô ích nhưng chẳng cô nào hậm hực vì cứ đều đặn vào sáng sớm mồng Một đầu tháng, trước tất cả các phòng tầng chót lại có sẵn những gói quà giống nhau như đúc, cũng ngần ấy thứ, cũng giấy bọc trắng có hàng chữ in bằng tiếng Nga: "Quà từ phòng 33". Các cô hài lòng, bỏ qua mọi chuyện và ngóng đợi ngày mồng Một đầu tháng. Tuy chẳng ai nói ra, nhưng đối với các cô, chủ nhân căn phòng 33 là người láng giềng đáng yêu nhất của tầng.

Từ chiều mồng Một cho đến tận đêm cuối tháng phòng số 33 không bao giờ ngớt người.

Những người khách đến đây, trừ màu tóc, còn lại đều giống nhau, kể từ cái áo mặc ngoài, trắng tinh và cùng một kiểu. Tuần đầu tiên của tháng, toàn đàn ông tóc vàng. Đứng trước tấm ri-đô vải trắng họ âm thầm chờ đợi, chẳng ai nói với ai câu nào rồi ra về với bộ mặt vui vẻ nhất trong tháng, tay ai cũng một chai rượu, thứ rượu trắng nấu từ gạo và đường, mạnh chẳng kém vốt-ka. Từ tuần thứ ha trở đi, phòng số 33 vắng khách hơn một chút. Toàn đàn ông tóc đen. Những người này, mặt mày rầu rầu, chờ đợi thiếu kiên nhẫn. Thế mà, khi về, tuy chẳng cầm rượu trong tay, họ cũng sung sướng chẳng kém, trên môi nở nụ cười của trẻ lên ba. Chưa một người khách nào của phòng 33 vi phạm nội qui kí túc xá.

Cái thời khóa biểu này đã quen thuộc đến nỗi chẳng bao giờ xảy ra đụng độ giữa khách khác màu tóc. Và ngay cả giữa những người khách đồng hương dường như cũng có thời khóa biểu riêng. Mọi người khách chỉ biết mặt người đến trước và người đến sau mình, luôn luôn bên ngoài tấm ri-đô trắng. Tất cả diễn ra trong im lặng, đều đặn và có kỉ luật, ngay cả những ngày trúng vào kì lĩnh lương. Một người khách chỉ bước vào bên trong tấm ri-đô khi có người khác bước ra, thế nên tuy đông khách nhưng khoảng không gian trắng không hình khối này lúc nào cũng chỉ đúng ba người, không hơn không kém. Căn phòng số 33 trở thành một thành lũy bất khả xâm phạm với những người lính gác thầm lặng khác màu tóc.

Bên phải cạnh cầu thang, trên hành lang tầng chót của kí túc xá công nhân hun hút những cái cửa màu trắng, hình chữ nhật, đóng im ỉm, cửa phòng số 33 vẫn hé mở một góc 30 độ mỗi buổi chiều sau giờ làm việc.

Ba năm trôi qua.

Mồng Một tháng Một, lần đầu tiên trong bao nhiêu năm, tất cả các cô gái tầng chót của kí túc xá công nhân tập trung trước cửa căn phòng số 33. Các cô gái tóc vàng này làm thành một hàng dài sau hai hàng đàn ông, một bên tóc vàng, một bên tóc đen, cũng lần đầu tiên họp mặt đầy đủ tại đây. Tất cả đều mặc áo trắng. Họ cúi đầu trước cỗ quan tài phủ vải trắng tinh, đặt ở trước tấm ri-đô trắng vẫn bất động như mọi khi. Chẳng ai khóc hay thở dài.

Cái cửa sổ vẫn không được mở ra.

Chẳng kèn trống. Không hoa, hương. Trong phòng vẫn mùi nồng ngồng, ngầy ngậy, vẫn đêm trắng St. Pétersbourg.

Ngoài đường tuyết đã ngưng rơi, ngập đến đầu gối người đi bộ. Hôm nay theo dự báo thời tiết là ngày lạnh nhất trong năm. Cỗ quan tài đi trước, đoàn người theo sau. Tất cả lầm lũi đi trong tuyết và torng im lặng, làm thành một đuôi trắng, dài lê thê, những mái đầu vàng và đen nhấp nhô trên nền trời trắng không hiểu đêm hay ngày rồi dần dần chìm vào màu trắng nhạt nhòa của thiên nhiên. Lần đầu tiên bên ngoài và bên trong căn phòng có màu trắng giống nhau, cũng một gam xốp, đục và nhờ nhờ.

Lời chủ nhân phòng số 33:

Sinh ra ở đất nước quanh năm chỉ có mặt trời, chẳng biết tự bao giờ tôi bỗng mơ đến màu tuyết trắng.

Lời kẻ giết người:

Vì cô ấy tôi đã làm tất cả.

Lời người thay mặt sứ quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam:

Đây là một tội phạm nguy hiểm đã từng mở két bạc trong ngân hàng lớn nhất của nước chúng tôi. Cách đây ba tháng vì một món tiền khổng lồ, viên cai ngục đã để hắn trốn thoát.

Lời quan tòa:

Phạm nhân sẽ được tha bổng vì tất cả chúng ta đã từng góp phần mang lại tự do cho anh ta.

*12.1993*

# dạ khúc vàng

*Dù sao đi nữa chúng tôi cũng đã bị đóng đinh câu rút trên cái vô lí đáng nguyền và ngu xuẩn.* Thư gửi S.

hi bắt đầu đêm cũng bắt đầu sự im lặng của căn phòng. Nơi đây không cửa sổ, được chiếu sáng bởi một chiếc đèn dầu nhỏ, những bức tường vuông màu vàng, tồn tại từ hai mươi năm, không xa phố lắm, nhân chứng của tất cả những nỗi tuyệt vọng đến từ bốn bức tường, của tất cả những hy vọng đến từ chiếc đèn nhỏ, nguồn sáng duy nhất không bao giờ thay đổi đêm cũng như ngày và chỉ dừng lại khi gặp bốn bức tường. Những hy vọng cũng dừng lại ở đây, ở một phần mười của phút kể từ chiếc đèn dầu, khoảng cách giữa nguồn

sáng và những bức tường, giữa giường và cửa ra vào, giữa cửa ra vào và đèn, giữa sàn nhà và trần nhà. Giữa những tuyệt vọng và hy vọng. Những cuộc dạo chơi ngắn ngủi hình vuông này không được sự tham gia của ngôn từ, dạo qua các khoảng cách giống nhau, cuối cùng dừng lại cạnh chiếc giường cũng nhỏ và vàng như căn phòng, nơi diễn ra những cuộc tình thầm lặng của những cá nhân cũng thầm lặng và bối rối, cũng giống nhau bởi những cá tính không thuộc về số nhiều, bởi lòng thù ghét biển. Không phải lần đầu tiên cửa ra vào được mở rồi khép lại ngay, mà ngược lại hầu như mỗi ngày hai lần căn phòng được nới rộng diện tích, vượt qua ngưỡng cửa gỗ, rẽ trái để men theo cái hành lang dài trước kia cũng được quét vội vàng màu sắc được ưa chuộng bởi các cư dân trong thành phố, con đường dẫn thẳng đến nhà vệ sinh chung cho cả mười hai căn hộ.

Số nhà mười lăm phố hàng Đũa, không xa chợ cá và quán cà phê xanh nơi gặp gỡ của những người buôn vải. Khi bắt đầu đêm cũng bắt đầu sự im lặng của phố. Phố được chiếu sáng bởi một chiếc đèn điện nhỏ duy nhất trước cửa sổ nhà bảy dãy phố lẻ. Thứ ánh sáng vàng hay được thắp trong các đoạn đường ô tô ngầm ở những nơi không bao giờ có mùa hạ. Tất cả các nhà mặt đường đếu không có cửa sổ, cửa ra vào được dấu kín ở phía hông theo lối kiến trúc thời hiện đại. Chỉ còn lại những bức tường hình vuông cũng giống nhau bởi kích thước và bởi màu vôi vàng không hiểu vì sao không bao giờ đổi sắc, ngày cũng như đêm, đã từ hai mươi năm rồi. Ánh sáng của chiếc đèn điện duy nhất lang thang trong phố cũng dừng lại ở những bức tường bất động và ít nói. Không đủ để rọi sáng tới những cuộc dạo chơi của các khoảng cách ở phía sau. Hai mươi xeng-ti-mét giữa phố và tuyệt vọng, giữa phố và hy vọng. Giữa phố và căn phòng là bề dày của bức tường.

Phố có đêm, có ngày. Còn căn phòng thì không. Căn phòng cần có chiếc đèn dầu nhỏ, loại đèn bằng sắt tây mà người ta chỉ có thể tìm mua ở trong một quán hàng xén ngõ chợ Khâm Thiên, để được sưởi ấm. Chiếc đèn cần có người để thực hiện cuộc đo đạc các khoảng cách và người cần có đèn để hiểu rằng mình không bị bỏ rơi. Tất cả các cô gái được đưa về để lưu lại trong căn phòng giữa hai lần mở cửa đều buồn và thù ghét đồng loại. Và mỗi lần khi câu chửi thề được thốt lên, tiếng guốc cao gót xa dần trong hành lang, cửa ra vào khép lại, cuộc dạo chơi lại được tiếp tục, từ chiếc đèn nhỏ đến bốn bức tường hình vuông, từ cửa ra vào đến chiếc đèn, từ cửa ra vào đến giường và dừng lại trên đống kỉ niệm đau đớn của quần áo lót. Hành trình được thực hiện, cứ vậy, vô tận.

Lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm, cửa ra vào được mở ra, mãi mãi. Tại đồn cảnh sát cuối phố hàng Đũa, năm mươi mét cách quán cà phê xanh nơi tụ hội của những người buôn vải, chuông điện thoại reo vang trong đêm, cô độc trong sự im lặng của phố. Ba lần liên tiếp như vậy.

Có người khóc. Song chẳng ai nghe thấy bởi vì nỗi im lặng về đêm quá lớn và khoảng cách giữa các sinh vật cũng quá khủng khiếp. Không có nhân

chứng cho sự xuất hiện của năm mươi viên cảnh sát còn đang ngái ngủ vì bị đánh thức trong đêm. Họ bước đi lặng lẽ và dừng lại trước số nhà mười lăm, vẫn còn đang ngơ ngác.

Lại một hành trình khác, theo chiều ngược lại, từ phố tới hành lang dài, băng qua nhà vệ sinh luôn được sử dụng bởi mười hai căn hộ, men theo bức tường dài trước đây được quét vôi vàng giờ đây chỉ còn là một thứ màu không tên. Cửa ra vào của căn phòng, luôn luôn ở xó cùng của hành lang, để mở.

"Chính tôi đã giết cô ấy".

"Chính tôi đã giết cô ấy. Bởi vì biển. Cô ấy chưa hề tới biển. Và đã yêu biển."

Đối thoại được bắt đầu như vậy. Lần đầu tiên những quá khứ của căn phòng được tụ tập lại rất nhanh, vào giờ Y cách đây đúng hai tiếng đồng hồ và được xếp loại có thứ tự. Những kỉ niệm được xếp loại hữu hình chỉ có con số hai, nước mắm và mắm tôm. Những kỉ niệm được xếp loại vô hình, hoặc đúng hơn, gọi theo kiểu các họa sĩ hiện đại, những kỉ niệm thuộc về cái trừu tượng, cũng chỉ con số hai. Nỗi cô độc và tình yêu của những sinh vật cô độc.

Lần đầu tiên, người đàn ông được dẫn ra phố. Lần đầu tiên người đàn ông được nhìn thấy phố, và thấy đêm. Vẫn nỗi im lặng khủng khiếp giống như nỗi im lặng của căn phòng. Vẫn thứ ánh sáng yếu ớt và run rẩy giống như chiếc đèn dầu luôn luôn được thắp sáng và được đổ thêm dầu hỏa của căn phòng. Và màu vàng của phố thì tuyệt vời. Một màu vàng chưa hề được gọi tên, mênh mông và nhức nhối. Những bức tường vuông màu vàng. Ngọn đèn điện vàng. Lòng phố vàng. Bầu trời đêm vàng. Những ngôi sao cũng vàng và trong mắt người đàn ông cũng một màu vàng kỳ lạ. Kỳ lạ như nỗi buồn và nỗi cô đơn của phố.

THUẬN ÁNH

*12/1993*



**CHINH YÊN**

# đường dây

*Chúng ta bắt đầu câu chuyện*
*Lúc khởi đầu của một ngày*
*Anh biết gì về em?*
*Em biết gì về anh?*
*Điều đó không mấy gì quan trọng*
*Quá khứ em là của riêng em*
*Dĩ vãng anh là của riêng anh*
*Chỉ biết chúng ta tay run run*
*Mỗi lần nhấc điện thoại*
*Chúng ta lòng bồn chồn*
*Khi nghe tiếng chuông reo*

*Câu chuyện bao giờ cũng có*
*Một thoáng về quê hương lầm lủi*
*Mỗi chúng ta khi nhìn đất nước*
*Dù với tâm tư nào*
*Cũng không thể thờ ơ*
*Sao em không như*
*Những người con gái bình thường*
*Yêu một mái nhà êm ấm?*
*Sao em đi yêu đồng ruộng cỏ cây?*
*Đi chụp hình những con kiến nhỏ?*
*Sao em khóc sưng cả mắt*
*Khi gió thổi bạt mấy hàng cau?*
*Có phải vì tên em là tiền định:*
*Chỉ cần bỏ dấu sắc trên dấu mũ*
*Tên em trở thành Quê Hương?*

*Chúng ta nói về tình yêu và tình bạn*
*Em lặng thinh nghe*

*Giọng anh trầm tĩnh:*
*Anh không chọn tình bạn khi đến với em*
*Giữa gái trai không có tình bạn*
*Tình bạn giữa gái trai*
*Chỉ là khởi đầu của hai tình yêu đang có*
*Hay là chấm dứt của một tình yêu âm thầm*

*Chúng ta nghĩ về nhau êm ả*
*Em thấy nụ cười anh nhân ái*
*Anh nghe lời em nói chân tình*
*Thế là vừa cho không gian thu hẹp*
*Thế là đủ cho thời gian ngừng trôi*
*Câu chuyện bỗng rơi vào bâng quơ*
*Chúng ta hỏi nhau về thời tiết:*
*Nắng ấm bên này, tuyết giá bên kia*
*Và chúng ta lo lắng:*
*Chúng ta chưa nằm trong dĩ vãng của nhau*
*Nên, về nhau, chúng ta chưa tròn đầy kỷ niệm*

*Em ngại nói chào mừng*
*Vì e lời chào mừng sẽ sinh lời ly biệt*
*Em ngại có những điều sắp có*
*Nhưng sợ mất những điều có thể mất*
*Em khẽ hỏi ngày về đường dây có đứt?*
*Anh trả lời nếu ngày về đường dây vẫn thế?*
*- Thì chúng ta tiếp tục.*

*Vâng, chúng ta sẽ tiếp tục gọi nhau*
*Chúng ta không nói trước những điều*
*Hôm nay đang là bâng khuâng*
*Chúng ta không nói trước những điều*
*Hôm nay đang là mơ ước*
*Nhưng nếu tiếp tục đường dây*
*Những điều hôm nay... hôm nay...*
*là những điều hôm mai hồn nhiên sẽ đến*

CHINH YÊN



**NGUYỄN THỊ CHÂU GIANG**

# trẻ con

"Trẻ con chẳng bao giờ buồn"



LTS: *Truyện thiếu niên, truyện của "lứa tuổi thích ô mai", như chữ dùng vào những thập niên sáu mươi, bảy mươi ở miền Nam dành cho các sáng tác viết về, viết cho tuổi mới lớn, tuổi sắp bước vào ngưỡng cửa thành niên.* **Trẻ Con** *nằm trong loại truyện này, là tác phẩm đoạt giải nhất cuộc thi viết* "Mùa Xuân- Trường lớp - Quê hương" *do báo* Thiếu Niên Tiền Phong *và báo* Hoa Học Trò *phối hợp tổ chức tại Việt Nam năm 1993. Chúng tôi chọn đăng, vì nhận thấy tuy* **Trẻ Con** *viết về đề tài... trẻ con, nhưng lại có vẻ... không trẻ con tí nào. Nói cách khác, truyện của một thiếu niên viết cho lứa tuổi cùng trang lứa, thế nhưng khách quan nhận xét: từ cách dựng truyện, cách chọn đề tài đến nội dung muốn gởi gắm... có lẽ, rất nhiều cây viết trưởng thành và chuyên nghiệp muốn viết hay hơn, e rằng khá... vất vả!*

**Hợp Lưu**

*

Tôi và nó giống nhau như hai giọt nước. Như hai quả trứng gà cùng một ổ. Chỉ có điều nó là con trai và hiền như một cọng bún thiu. Còn tôi lại giống một quả bóng bay đội mái tóc ngắn ngủn, lúc nào cũng muốn nhảy tung lên

nghịch ngợm. Hôm đầu vào lớp học thêm, tôi ngồi bàn trên nó. Lúc lúc tôi lại quay xuống nhìn nó, ngọ ngoạy cười chỉ vì nghĩ nó đang nhìn mình. Mấy hôm sau hai đứa chuyển lên ngồi cùng bàn. Hai giọt nước lăn qua lăn lại rất ngộ nghĩnh. Cô giáo hỏi tôi: "Em là Thanh Lương?" Tôi cười: "Em là Hiền Lương. Nó kia cô!". Cô chép miệng "Giống nhau quá! Chắc là anh em nhỉ?". "Dạ không. Chị em". Tôi và nó cùng cười híc híc. Một đứa con gái quay xuống tò mò "Sinh đôi hả?". "Ờ sinh đôi. Hai chị em". Nó đá vào chân tôi đau điếng. A cọng bún thiu đang được trụng nước sôi đấy! Tôi gọi với lên "Muốn kết mo-den không? Thanh Lương hiền lắm!". Hằng háy mắt "Của mày mà, ai dám!". Tôi lại cười, hình như trong suốt những buổi học thêm vỡ lòng tiếng Anh này chỉ biết ngồi cười vậy rồi ra về!

Tôi rà xe vào sát người nó "Đi uống cà phê không Lương?". "Ờ đi". Hai đứa cắm cúi đạp xe. Vòng qua mấy co nhà nhỏ, lượn qua mấy bãi sình rồi chui vào một quán ẩm ướt. Cà phê ở đây không ngon. Đắng và khét như gạo rang cháy. Nhưng cảnh thì đẹp hơn tất cả những quán nổi tiếng nhất. Một con đường sỏi trắng muốt chảy im lìm vào bể cá vàng. Hai hàng kinh giới xanh đến nhức cả đầu. Mấy dãy ghế thấp lè tè chen chúc trong bụi hoa ngâu, mận dại. Gọi là mận dại vì trồng đã hơn bốn năm mà cây chưa một lần ra trái. Chỉ tới mùa, bông mận rơi xuống đầy bàn nước như những chiếc ngù lua tua lông trắng. Quán bình lặng như chưa từng hiển hiện trên thế giới này. Càng tốt! Ở thành phố hiếm tìm được chút cô độc có lẽ còn quí hơn nhặt được vàng. Cô độc mà thấy lòng rất thanh thản. Tôi kéo ghế, ngả đầu nhìn trời sao lốm đốm. Giàn thiên lý trổ hoa như những đèn lồng màu xanh nhạt, tỏa mùi hương ngai ngái mát mẻ. Một thằng bé xộc xệch áo quần chạy ra hỏi: "Anh chị dùng chi?" Tôi bật cười vì ánh mắt láu lỉnh của thằng bé. "Cho chị như cũ. Hai đen".

Nó ngồi ỉu xìu trong cái ghế kê sát tường. "Lạnh hả?". Nó ngọ ngoạy "Không, chỉ hơi mệt". Tôi nhìn nó thương hại. Có lẽ thương hại cả mình nữa. Không dưng đi dính vào một thằng oắt yếu như con chim chích này? "Thanh lấy áo Hiền mà mặc". "Khỏi, hết rồi!". Tôi nhấm một ngụm cà phê. Chất đắng thé vào cổ, xộc lên tận mũi. Cay cay như muốn khóc. "Trên kia có gì vậy?". "Hả?" - Nó giật mình - "À, có Thượng đế!". "Không phải" - Tôi cãi - "Trên ấy có nhiều sao, và có ba của Hiền".

*

Hình như cha tôi mất từ ngày tôi mới ra đời. Chỉ duy nhất một lần mẹ cho tôi xem hình người đàn ông điển trai trong tấm ảnh bằng lòng bàn tay như được ghép lại bằng nhiều mảnh vụn. Mẹ bảo "Ba mày đấy!". Rồi bật khóc. Về sau, lúc mẹ không có nhà, tôi thường lén xem hình ba. Người đàn ông có đôi mắt dài, đẹp và chân mày rậm. Cằm bạnh ra hình chữ điền và chiếc miệng rộng lúc nào cũng muốn cười. Ba tôi đấy! Ba thương yêu của tôi đấy! "Mẹ

ơi, sao lại chết?". Mẹ sầm mặt, trán nhăn lại đau đớn "Chuyện người lớn con nít biết làm gì! Thôi ngủ đi, khuya rồi". Tôi nghiêm mặt, cái miệng rộng như sắp cất tiếng cười. Tôi nói to thành tiếng "Ba đấy" rồi rúc rích. Mẹ trở người, cáu "Con điên, để mẹ ngủ chứ!". Tôi nhắm mắt. Tôi mong được nhìn mặt ba đến nỗi đêm nào cũng nghe tiếng kẹt cửa. Tôi mơ thấy ba về. Mặt ba một lúc bỗng hóa thành Thanh Lương, lu và nhợt như cọng bún lâu ngày trong nước.

*

Lớp học thêm mất điện. Tiếng người đập muỗi lốp bốp. Tiếng cười ré như liên thanh ở góc phòng. Rồi im lặng. Một lúc bỗng lại rộ như mưa hè. Tôi và nó ra ngồi ngoài hành lang. Khu học thêm tối mù. Có tiếng quả keo rơi xuống sân buồn buồn. Một bà già đi ngang qua mặt tôi, mùi dầu nóng phủ khắp người. Mỗi lần ra ngồi ngoài hành lang tôi vẫn thấy bà đi ngang qua như thế. Tóc, áo quần đều trắng. Mà là người thực, chứ không phảo ma.

Mó bảo "Mai sinh nhật Thanh". "Ừ. Vậy là Hiền hơn năm tháng mười ngày. Tại sao lại là năm tháng mười ngày nhỉ? Thanh phải gọi Hiền là chị rồi!". "Không thích. Hơn nhưng cùng tuổi". Tôi quàng tay qua vai nó. Cả hai mái tóc đều ngắn cũn cỡn. "Cho Thanh nè, của mẹ làm...". "Cám ơn". Nó cười khấp khởi như trẻ con. Bóng đèn điện lóe lên lại phụt tắt. "Cúp không?" - Tôi gạ - "ra quán nước". Nó ngoan ngoãn đồng ý. "Mai Hiền nhớ đến!". Nhìn quen bóng tối, tôi thấy mặt nó non thơ quá. Những muốn cắn một phát vào má cho đỡ thèm. Và mơ hồ nhận ra tình cảm của mình đã khác trước! Tình cảm của mình với nó đã khác trước lắm rồi!

Nhà Lương khá hơn nhà tôi, hiểu theo mọi nghĩa. Một biệt thự nhỏ nằm dưới giàn bông giấy im lìm. Lạnh và kiêu ngạo. Bạn Lương cũng khác. Không quê mùa, tếu táo như lũ bạn tôi. Một đứa hỏi "Bồ hả Lương?". Tôi luống cuống. Con bé táo tợn đã chạy đi đâu mất. "Không. Bạn bè". Tôi cười như mếu. Một người đàn ông to lớn bước vào, Lương bảo: "Đây là ba Lương". Tôi ngẩng đầu, suýt nữa đánh rơi ly nước. Người đàn ông đó rõ là cha tôi bằng da bằng thịt trước mặt. Người đàn ông có đôi mày rậm, chiếc cằm vuông và miệng lúc nào cũng muốn cười. "Hiền sao thế?". Tôi lắc đầu. Chỉ mong sao trên đời người đừng giống người. Như tôi và nó. Lương kéo tôi về phía ba nó:"Đây là bạn con. Hiền Lương". Hình như ông ta cũng hơi lảo đảo. Chắc vì gió ở ngoài thổi vào mạnh quá! Mùa này gió thổi vào lạnh lắm! "Các cháu ở chơi, bác thấy hơn mệt!". Có một lần mẹ bảo đừng nên yêu con trai mắt dài và đẹp. Đa tình lắm mà cũng vô tình lắm! Tôi lùi sát vào tường. Tự nghĩ thầm, trên đời chẳng có nhiều người giống nhau cùng một lúc đến thế! Tiếng ông ta loáng thoáng "Ba thấy mệt, ba lên với mẹ!". Bỗng nhiên tôi thấy bực tức, đau đớn, muốn la hét, muốn nói một câu gì đấy với người đàn ông mà tôi cho là ba tôi kia. Nhưng tôi chỉ lầm lì nhìn ông đi lên lầu và im lặng. Im lặng cho đến hết buổi tiệc. Lúc ra cổng, tôi vô tình nhìn thấy cánh cửa sổ trên lầu hé

mở. Một người đàn ông đứng nhìn ra. Ông ta có đôi mày rậm, cái miệng lúc nào cũng như cười khinh bạc và cặp mắt dài, đẹp quấn quít chân tôi.

Tôi quyết định không đi học thêm nữa. Tôi sợ nhìn thấy Lương thì sẽ nhớ đến người đàn ông đó. Tôi đóng cửa đọc sách, nghe tiếng mẹ ngoài cửa: "Lương không có nhà. Ừ, nó không đi học thêm nữa. Ừ thôi cháu về!". Mẹ đẩy cửa vào "Con làm sao thế? Thằng Lương đếm tìm con". "Kệ". Tôi úp mặt vào gối. Chưa bao giờ tôi tin vào linh cảm của mình. Tôi thấy thương tôi và Lương. Thương cho tình cảm của chúng tôi quá. Chắc bây giờ Lương đang ngồi buồn trong quán nước có cành mận dại như những ngù vai trắng muốt. Tôi cũng buồn. Và nước mắt của chúng tôi thì giàn giụa không bao giờ ngừng! "Mẹ ơi, con và Lương có thể là hai chị em không?. "Có thể" - Mẹ cười - "Nếu mẹ sinh ra nó. Còn chúng mày lại rất giống nhau". Vậy là mẹ chẳng nghi ngờ gì hết. Vẫn chưa nghi ngờ gì hết! Chao ôi, mẹ thật tội nghiệp! "Mẹ này, nếu như cha còn sống..." Mẹ thẫn thờ "Đừng có điên. Ngủ đi!". Vai mẹ rung rung. Mẹ lại cắm cúi vào may. Tiếng may sè sè đều đặn, buồn như tiếng nước nhỏ tí tách ngoài sân.

"Tình yêu có thật không mẹ?". "Con nít hỏi chuyện đó làm gì!". Mẹ trở mình, thở khẽ. Tôi rúc đầu vào chăn, nghe má âm ấm nước. À, thì ra mình vẫn trẻ con. Trẻ con không bao giờ biết được chuyện của người lớn. Trẻ con chỉ biết ngồi vào bàn và bắt đầu bài tập đọc vỡ lòng "This is father... This is mama... This is my family..."*. Mà những bài học vỡ lòng ấy thường buồn lắm và dễ nhớ lắm! Như một buổi chiều trong quán ẩm ướt có hai đứa bé ngồi ngắm những cánh mận dại rơi đầy bàn nước mà quên ngày sắp qua đi...

NGUYỄN THỊ CHÂU GIANG

*(Trong nước - 1993)*

---

* Đây là ba... Đây là mẹ... Đây là gia đình tôi...

**PHẠM CHI LAN**

# thời gian

*Và những giấc mơ tàn úa*
*những chiếc bong bóng ngụp lặn*
*trong bầu trời thán khí*
*Chúng ta tất cả đều đã đánh mất tuổi thơ*
*như con thuyền giấy đắm trong vũng nước mưa*
*chìm dưới đáy ký ức trăn trối*
*Một góc phố ngập ngụa nhiều bóng tối*
*những đứa trẻ trần truồng chân đất*
*chạy chơi rong trên đổ nát hoang vu*
*tàn tích của một cuộc khinh chiến*
*nằm lẫn lộn trong gia tài quê hương*
*những vết thương âm thầm rỉ máu*
*và những trái tim trói chặt cuộc đời nhau*
*Thời gian, thời gian mở mắt trân tráo*
*nhìn thời gian:*
*Chữa vết thương*
*hai mươi năm*
*vào đời*
*tặng cho nhau bông hồng kỷ niệm*
*(với triệu triệu quá khứ đã chết)*
*gói ghém nỗi niềm tha hương*
*quên đi tuổi thơ và những con thuyền giấy*
*Tắm trong vũng nước mưa một cơn mưa*
*mưa như nước mắt một đêm mưa rào*
*(sáng mơ thức dậy thấy trời không còn bão rớt)*
*một dòng sông trôi không bao giờ trở lại...*
*thì cũng chỉ là giọt nước mặn*
*trong biển muối nhân sinh*

PHẠM CHI LAN



**BÙI MINH QUỐC**

# mẹ đâu ngờ

*Mẹ đã bao phen đưa ngực gầy*
*Lẳng lặng trước những trận đòn trí mạng*
*Sau lưng mẹ – là Tổ Quốc mình trong khổ nạn*
*Là những đứa con nằm vùng mẹ nuôi dấu ngày đêm*
*Có những lúc mẹ chưa kịp nhìn rõ mặt biết tên*
*Chỉ biết nó là cách mạng.*

*Mẹ đâu ngờ*
*Sau lưng mình là máu đẫm trồi lên*
*Chiếc ghế*
*Có thằng con thoát chết vụ khui hầm*
*Trở về ngồi chễm chệ*
*Cái mặt nó bây giờ mới đạo mạo làm sao*
*Nói năng đứng ngồi quan trọng*
*Thâm tâm chỉ nghiền ngẫm cách nào*
*Cho mỗi ngày chiếc ghế thêm cao*
*Cao*
*Cao*
*Cao...*
*đến tận chỗ không còn nghe tiếng cuộc đời oan trái*
*Không còn thấy trên con đường gập ghềnh*
*của Tổ Quốc đau thương*
*Có người mẹ tóc bạc chân trần oằn lưng*
*dưới chồng đơn khiếu nại*
*Nặng hơn dãy Trường Sơn*

BÙI MINH QUỐC
(Trong nước 8, 1989)



NGỌC KHÔI

# vượt biên giới



Tối hôm trước, trong khi cả nhóm đang ngủ thì có tiếng chân xầm xập, rồi ba bóng đen tiến lại song cửa sắt. Dây xích cửa rít lên, khóa mở lách cách, cánh cửa bị đẩy mạnh bật ra tiếng kêu khô khan.

— Đi vào, đi vào. Kiếm chỗ mà nằm, cấm có lộn xộn nghe không!

Giọng nói cán bộ hằn học. Bóng đen sờ soạng bước vào. Hai bóng kia quàng lại dây xích, liếc sơ qua phòng giam tối rồi quay người, bước xa dần. Một giọng khác vang lên ở chỗ gần nhà cầu:

— Lại đây, lại đây. Tối nay chắc là ông bạn không ngủ được rồi, tôi cũng thế. Lại đây chúng mình tán láo cho vui. Chỗ này gần cầu tiêu, nhưng chúng tôi giữ sạch lắm, không có mùi đâu. Cũng vượt biên à?

Bóng đen mò mẫm tiến đến:

— Không, bị nghi oan. Ờ, nằm đây tối dậy đi tiểu cũng tiện.

Người tù mới nói giọng Trung, rõ ra là dân địa phương và tuổi có lẽ phải hơn tứ tuần. Rải rác từ khắp phòng giam nhiều tiếng khác lao xao nổi lên:

— Sao lại nghi oan? Ông làm gì mà bị bắt?

— Biết ở bao lâu không? Bọn chúng tôi chờ hơn hai tuần rồi mà không nghe hỏi tới gì cả...

Người tù mới đặt cái bao tải lép kẹp xuống ở chỗ sẽ gối đầu, nhưng chưa nằm vội. Ông ta tréo hai chân lại với nhau theo thế ngồi thiền, giọng nói bình tĩnh:

— Mấy ông bị bắt chung hết à? Vượt biên, tàu bị lộ chớ gì? Ở đây lâu lâu có tàu bị bắt hoài. Phan Thiết này lộ rồi, không phải chỗ nên đi.

Phòng giam vẫn tối mờ, không nhìn rõ ai với ai. Bên cạnh người tù mới,

giọng của người khi nãy đã mời mọc cất lên:

— Phải có thằng phản, tôi nói không sai đâu. Nó dẫn mình xuống bến rồi báo công an lại bắt. Dễ như trở bàn tay, chúng mình ngu thật.

Một tiếng khác phản đối:

— Tên ấy mà phản, khó tin lắm. Trước tôi có biết qua nó mà. Nó nhanh chân chạy thoát thế thôi. Cũng không phải mình nó thoát, các ông thấy đấy, còn biết bao nhiêu người nữa. Mình đi đông như thế, lộ là chuyện thường...

Những người kia lại nhổm đầu dậy, xôn xao:

— Thế sao ông đi làm gì? Không ở nhà cho yên chuyện...

— Không, ông nói đúng đó. Trung gian nói với tôi đi có trên năm chục, mà xuống tới bến đến gần trăm...

— Còn chủ tàu, chắc hắn tổ chức giả để gạt mình chứ không ai. Tôi sẽ khai hết...

Giọng của người nằm gần nhà cầu lại vang lên, hơi lớn, chừng như để kết thúc câu chuyện:

— Thôi các ông ơi, phản hay không cũng vào đây cả lũ rồi. Nói chỉ để lần sau rút kinh nghiệm. Bây giờ ông nào ngủ được thì ngủ đi, sáng mai còn phải dậy sớm điểm danh. Còn ông bạn Phan Thiết, nằm xuống đi chứ, chỗ còn rộng chán. Trong này chỉ có nhóm chúng tôi thôi.

Giọng ông Phan Thiết từ chối:

— Không, tôi ngủ ít lắm, ngồi lâu như vầy cũng quen rồi. Tôi tán chuyện với ông tới sáng được mà.

Gian phòng trở lại yên lặng. Ai nấy đều đã ngả đầu xuống chỗ cũ. Ngoài vài tiếng thì thào rất nhỏ, chỉ có bóng đêm và hơi xi măng lạnh lẽo toát lên. Một lát sau đã nghe có tiếng ngáy.

*

Hôm sau vào khoảng giờ ăn trưa, hầu hết bảy người trong phòng đều đã đến ngồi gần song cửa sắt, có ý ngóng ban lương thực đem cơm đến. Có người không cưỡng được, đến đứng mám hai tay lên song sắt, mặt cũng áp chặt vào song, mắt đăm đăm nhìn ra ngoài. Riêng ông Phan Thiết vẫn bình chân như vại, trầm ngâm ngồi ở chỗ của mình. Phòng giam khá dài, toàn một màu xám xi măng, từ trần, vách đến sàn. Gọi là sàn, nhưng thật ra là hai bục xi măng lớn xây cao lên, chạy từ đầu đến cuối phòng làm chỗ cho tù nhân nằm, chừa một lối đi ở giữa. Vài chiếc cửa sổ nhỏ được trổ gần trần phòng, cũng gắn song sắt. Nhìn từ bên ngoài, phòng giam có hình dạng của một khối đá chữ nhật dày cộm, nằm đâu mặt với một khối đá khác đầy nhóc tù nhân nam, không biết tội gì. Ở giữa hai khối đá là khoảng sân cát trắng, có độc một giếng nước. Xa xa, tù nhân có thể thấy được vài bóng dừa xanh vươn mình lên trong nắng.

Để quên sự chờ đợi, một ông trung niên gầy gầy, mặt khắc khổ nhưng

miệng lúc nào cũng như đang cười hóm hỉnh, lên tiếng gợi chuyện:

— Nào, trước khi ăn có lẽ chúng mình nên tự giới thiệu thêm một tí đi chứ. Vào đây cả hai tuần rồi mà chả ai biết rõ ai. Tôi trước là công chức quan thuế. Tôi đi với vợ con, đều bị bắt cả, đang nhốt ngoài kia ở phòng phụ nữ trẻ con.

Mọi người đều quay đầu lại nhìn. Ông quan thuế hướng về phía một cụ già có chòm râu bạc muối tiêu:

— Còn cụ, hình như cụ đi với cụ nhà, cả con, cháu và đều đang ở cả ngoài kia phải không?

Cụ già không nhìn lại, tiếp tục vấn điếu thuốc dở:

— Hừm... đúng đấy.

Cụ đã bảy mươi hai tuổi, nhưng ngoài chòm râu, da dẻ cụ hồng hào săn chắc, mặt mũi có vẻ còn yêu đời, đầy bản lĩnh. Một thanh niên hai mươi mấy tuổi, cũng phương phi khỏe mạnh như cụ, lên tiếng:

— Tôi là con trai cụ, vợ con tôi ở phòng ngoài kia. Trước tôi đi lính, nhưng có một năm và phục vụ tại Sài Gòn, chưa ra mặt trận lần nào...

Giọng nói và dáng vẻ của thanh niên có điều gì làm mọi người bỗng đều đoan chắc rằng đây là một anh lính kiểng. Cạnh thanh niên, một người khác khoảng ba mươi mấy, có khuôn mặt trắng trẻo đầy đặn giống Nhật Bản và bộ ria mép Nguyễn Cao Kỳ:

— Tôi là kỹ sư điện tử, đã từng du học ở Nhựt. Bà xã tôi cũng ở ngoài kia.

— Còn tôi là sinh viên Văn Khoa. Vẫn đi học cho đến ngày vượt biên. Mẹ, chị và em gái tôi đều giam ở đây.

Anh sinh viên vừa lên tiếng còn khá trẻ, khoảng mười chín tuổi, kính cận dày, người ốm yếu. Cạnh anh, một cậu nhỏ non choẹt chỉ khoảng mười bốn, mười lăm, nói rụt rè:

—... Tôi là học sinh, cũng đang đi học... tôi cũng có mẹ, chị và em trai bị nhốt ngoài kia.

Ông quan thuế, người gợi chuyện, à lên một tiếng thỏa mãn:

— Thế là bọn mình cùng có thân nhân ở phòng con nít phụ nữ, cùng là người Sài Gòn và gia đình khá giả cả, nếu tôi không lầm. Thế còn ông, ông bạn Phan Thiết? Đêm qua tâm tình với nhau, tôi vẫn chưa biết tí gì về ông?

Ông Phan Thiết từ nãy vẫn ngồi dự khán, nghe hỏi đến lượt mình mới lên tiếng, chậm rãi:

— Hà... hèn chi đêm qua vô đây, chỉ nghe tiếng mấy ông, tôi đã thấy tiếng nào nghe cũng hay, cũng trí thức, nghe lạ lạ. Ở đây, tụi tôi ít có dịp gặp được người như mấy ông. Sáng ra, nhìn thấy ông nào cũng sáng sủa. Người Sài Gòn mà, hèn chi... Tội quá, bị bắt như vầy là mệt lắm...

Ông quan thuế ngắt ngang:

— Nhưng trước kia ông bạn làm gì? Sao lại bị bắt?

Ông Phan Thiết lại trầm ngâm khoảng một phút, mặt ông vẫn bất biến nhưng mọi người đều nhận thấy ông bị cưỡng ép:

— Hà... trước giải phóng tôi làm thôn trưởng, mấy ổng vô rồi, bà con lại tín nhiệm bầu tôi lên... Lúc nào tôi cũng muốn phục vụ chu tất cho làng xóm bà con, không bao giờ tôi phụ lòng bà con...

Ông quan thuế lại ngắt, có vẻ không chịu bỏ cuộc:

— Thế ông bạn đang làm việc cho chính quyền mới, sao lại còn bị bắt?

Gương mặt ông Phan thiết càng bất biến hơn. Giọng ông trở nên lầm bầm, tiếng được tiếng mất, chìm trong cổ họng:

— Thì cũng đang làm... khi không mấy ổng... giải về... tôi đã nói... mấy ổng không tin, oan... bị oan...

Kẻng báo giờ ăn nổi lên một hồi ròn rã. Không hẹn nhau, mọi người đều đổ dồn về phía cửa, kể cả ông Phan Thiết. Một đoàn ba người từ phía nhà bếp nhanh nhẹn tiến đến. Đi giữa là người phục vụ trong ban lương thực, vai gánh hai nồi thức ăn, đi đầu và đi chót là hai cán bộ. Cửa nhà giam mở ra, hai chiếc nồi được đẩy vào, khói nóng bốc nghi ngút. Ngoài nồi cơm vàng đầy sạn, nồi kia là canh rau muống, nước xanh lờ, lớp rau thưa nổi lõng bõng phía trên. Những người tù chia nhau chén đũa, xới cơm và bắt đầu cắm cúi ăn. Phòng giam trở nên im vắng, chỉ có tiếng và cơm, tiếng múc, tiếng cạo nồi. Giờ ăn đã trở nên một giờ giấc quan trọng. Tất cả đều cảm thấy không phải là lúc tán gẫu.

Chẳng mấy phút, hai chiếc nồi lớn đã sạch bóng, không còn một giọt canh, một hột cơm cháy sót lại. Tính ra mỗi người xới được hai lưng chén, cùng mấy cọng rau thưa.

Ai nấy tiu nghỉu nhìn nhau. Một số bỏ vào nhà cầu múc nước rửa tay, số khác trở về chỗ nằm. Riêng anh lính kiểng còn ngồi lại nhìn hai chiếc nồi trống một lúc, có vẻ ngạc nhiên không hiểu sao chúng cạn mau như vậy.

Cậu học trò rủ anh sinh viên đến ngồi ở một góc phòng. Anh sinh viên tháo kính, vừa lau lên vạt áo sơ mi vừa hỏi:

— Chắc cậu còn đói lắm phải không? Tuổi đang lớn, ăn uống như thế này không tốt.

— Ừ, cũng đói... Nhưng em không thèm mấy đâu. Cơm dở quá, nuốt không muốn trôi.

Cậu học trò nói thật. Gia đình cậu trước là thương gia, ăn sung mặc sướng đã quen. Nhưng cái đói vẫn làm cậu thấy người mình trống trống, nhẹ hẫng và kỳ cục làm sao. Anh sinh viên đeo kính lên mắt, cất tiếng an ủi:

— Rán chịu đi, đừng nghĩ tới là nó qua. Nghe hình như cuối tháng sẽ được lãnh đồ tiếp tế, cậu đừng lo.

Hai người bỗng cùng đưa mắt nhìn về phía ông Phan Thiết. Ông đã trở về tư thế ngồi thiền, gương mặt bất biến nhưng miệng lại nhai tóp tép món gì như đang ăn trầu.

Ở nhà giam đối diện, một số tù đã ra ngoài lao động. Họ lầm lũi đi qua mảnh sân cát trắng với những gánh phân, gánh đá. Số còn lại vẫn đông lúc nhúc, song cửa sắt đầy những cánh tay, những gương mặt bám chặt vào,

không biết họ nhìn gì nhưng đôi mắt họ bất động, đầy kiên nhẫn. Tiếng cuốc, tiếng xẻng thỉnh thoảng lại vọng về cùng tiếng gà trưa gáy o o. Cái nắng Phan Thiết hừng hực đổ lửa xuống vạn vật.

Bên này nhà giam vượt biên rộng rãi, nền xi măng vẫn tỏa hơi mát lạnh và nhiều người đã bắt đầu thiu thiu ngủ.

*

— Các toa biết không, giống lan ấy hiếm lắm, không phải tay chơi lan nào cũng có đâu đấy nhé. Người ta ở trên núi xuống, quý moa lắm, biết moa sành lan mới đem đến biếu tận nhà. Moa đem treo ngay ở chỗ tốt nhất trong vườn, tức là chỗ cái hàng hiên xây hình cánh cung trông ra hồ cá, khách khứa vào nhà cứ xuýt xoa ầm cả lên. Mà nuôi cái giò lan ấy không phải dễ đâu, moa tốn biết bao nhiêu là công phu chăm chút, cứ như là nuôi trẻ...

Mắt cụ già ngời sáng, gương mặt xuất thần. Nói đến chuyện lan là trúng tủ của cụ. Giọng cụ khi hùng hồn lúc hạ thấp, thỉnh thoảng lại ngưng nghỉ vài giây như cố ý cho mọi người thấm nhuần hoặc phải nóng lòng chờ đợi. Hai tay cụ cũng không quên ra điệu bộ, nhưng vừa phải, chỉ để đánh dấu những đoạn sâu sắc nhất. Lúc ấy sau giờ ăn chiều, bên ngoài màn đêm đã buông nhưng đèn nhà giam chưa đến giờ tắt. Mọi người quây quần lại để kể chuyện đời. Hơi nóng ban ngày đã lui đi, cái lạnh tê người của đêm tối cũng chưa đến, không khí trong phòng dịu hẳn lại cùng những ngọn gió mát phe phẩy. Ánh sáng tỏa ra từ ngọn đèn ống trắng trên cao hơi làm chói mắt, nhưng ai nấy đều cảm thấy trong mình đủ sảng khoái, nhẹ nhõm.

Câu chuyện lan của cụ già được tất cả chịu khó theo dõi. Lúc đầu thật ra có người chú ý, người không. Nhưng một thú chơi thanh nhã được kể trong khung cảnh nhà tù, vào một giờ rãnh rỗi mát mẻ bỗng nhiên tăng hẳn phần thi vị. Người có vẻ thích thú nhất là cậu học trò. Cậu đã lại ngồi gần sát cụ già, đầu ngước lên chăm chú nghe chuyện. Qua những lời kể rõ ra cụ là tay chơi lan sành sõi. Cậu thấy mình may mắn được gặp bậc trưởng thượng đầy thông thạo, đáng kính nể. Gia đình cậu trước kia vốn có lối sống Tây phương, chị em cậu đều theo học trường dòng, không biết nhiều về nếp sống cổ. Mãi đến sau này, những biến cố xảy đến làm đảo lộn mọi sự, cậu mới có nhiều suy nghĩ mới và mong muốn tìm hiểu thêm về những điều trước kia rất mù mờ. Trước mặt cậu, cụ già trở thành đại diện cho lớp người thuần túy, lớp người còn giữ được nhiều nền nếp, cá tính xưa. Cậu tự nhủ sau này còn phải hầu chuyện với cụ nhiều lần. Cậu lại nghĩ, nếu anh con trai của cụ trước kia có đi lính kiểng cũng chỉ là hiện tượng phổ biến trong các gia đình giàu có và thương con ở miền Nam. Điều ấy đến từ xã hội, từ chiến tranh, không thể làm lu mờ đi giá trị nơi con người cụ.

Giọng cụ già bỗng thưa dần. Cụ cúi xuống tìm bao giấy thuốc lá, vừa loay hoay vấn vừa tiếp tục nói, đôi khi nhầm lẫn lập lại những điều đã kể. Biết cụ

muốn tìm đường chấm dứt, ông kỹ sư lên tiếng, đề nghị kể chuyện du học Nhật Bản. Mặt ai nấy đều sáng lên, nhiều người xích lại gần hơn. Ai cũng muốn nghe biết những cảnh đẹp, những tối tân hiện đại của xứ Phù Tang như thế nào.

Cậu học trò cũng thích, nhưng hơi thất vọng. Chuyện lan của cụ già chấm dứt nhanh quá. Cậu vẫn chưa biết rõ về thuật chơi lan, muốn chơi phải cần những gì, quá trình nuôi lan từ đâu đến đâu. Tuy vậy cụ già đã kể rất tỉ mỉ về khu vườn của cụ, cả các vị trí bày chậu cây kiểng và hình nhân trên hòn non bộ cũng được mô tả rõ ràng, có thể là hơi vô ích nữa.

Chuyện du học của ông kỹ sư, bù lại có vẻ trẻ trung, linh hoạt hơn. Với giọng nói miền Nam cởi mở, bộ râu đặc biệt nằm trên nụ cười tươi, ông có lối kể chuyện hơi dễ dãi nhưng lôi cuốn, khéo léo hướng dẫn người nghe đi từ thành phố này đến thành phố khác, từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên nọ. Ngoài những điều mắt thấy tai nghe, ông lại thường xen vào những lời phẩm bình, nhận xét riêng rất ngộ nghĩnh khiến câu chuyện thêm phần hứng thú.

— Chắc mấy ông chưa nghe chuyện bò nuôi bia. Vậy mà thiệt, thành phố đó có trại gia súc chuyên môn nuôi bò bằng bia! Bò sanh ra từ nhỏ đến lớn họ chỉ cho uống bia, không uống thứ gì khác. Thành ra thịt thơm, mềm hơn bơ, mùi vị đặc biệt vô cùng. Mình vô nhà hàng, kêu bồi đem ra một miếng—phải nói rõ là bò nuôi bia—cắn một cái, thiệt là "tuyệt vời"...

Không cần ông kỹ sư nói thêm hai tiếng sau, chắc chắn những người có mặt đều cảm thấy thịt bò bia "tuyệt vời" đến chừng nào. Ai nấy trong lòng tự hứa ngày kia có dịp đến Nhật, nhất định phải ghé thành phố ấy "làm một miếng" mới thôi.

Thuật kể chuyện của ông quan thuế—đến phần ông này—chắc chắn không thể bì được với ông kỹ sư, nhưng ông lại có biệt tài làm người nghe có cảm tưởng phải chịu nhịn thèm. Những người tinh ý, sau vài phút ông kể, đều nhận ra điều này. Nếu cụ già và ông kỹ sư biết được bao nhiêu đều phô ra hết, còn cố ý đi vào từng chi tiết, nhấn mạnh từng chỗ gay cấn, khiến nghe xong ai nấy cảm thấy đã đời, thỏa mãn, thì cạnh đó ông quan thuế có vẻ keo kiệt khi kể chuyện. Chuyện của ông ngắn, câu dùng gọn gàng, không thừa không thiếu. Giọng ông nói đều đều, hơi lạnh lẽo, tưởng như ông không chú ý cả những gì mình đang kể, nhưng chiếc miệng lúc nào cũng như cười hóm hỉnh và đôi mắt lâu lâu lại ánh lên vẻ tinh quái khiến câu chuyện trở nên nhiều ý nhị. Ông kể lại ba mẩu chuyện—chuyện nào cũng có ý nghĩa—trong cuộc đời soát thuế của ông.

—... Hắn bảo mình cầm, nhưng mình nhất định không cầm. Ai lại làm thế. Tuy mình có thể nói với các ông là ở chỗ mình ngồi, chuyện ấy dễ dàng lắm. Lúc kiểm soát xong, giấy tờ đâu vào đó mới biết thật ra không có gian lận gì cả, chỉ là một nhầm lẫn. Sau mình có gặp lại hắn, hỏi sao không gian lận mà lại đưa ra làm gì. Hắn bảo vì sợ quá, với lại thấy ai cũng hay đưa nên cũng đưa cho nó yên chuyện. Lần ấy thế là may, nếu mình cầm, có phải là hại mình

và hại cả hắn không. Không nói chuyện phạm luật, nhưng còn cái hại tinh thần, đối với lương tâm của cả hai bên...

Chuyện ông quan thuế ý nghĩa như thế mà ông không chịu kể tiếp, ông chấm dứt ở mẩu chuyện thứ ba. Các mẩu chuyện của ông giống như những trích đoạn từ pho tài liệu dày cộm nằm trong đầu ông, bao gồm nhiều điều lý thú, chuyện "hậu trường" ít khi được tiết lộ, ai cũng thích nghe, nhưng ông không buồn ban bố, chỉ thỉnh thoảng vui miệng mở ra đọc vài dòng.

Điều này làm cậu học trò tự nhiên thấy có cảm tình và thêm phục ông. Thật ra sự quý mến của cậu đối với ông quan thuế đã nảy nở từ lúc đầu, hôm ông bị trói quặt tay ra sau lưng chở về trại. Hôm đó là ngày đầu bị bắt, đoàn người vượt biên, cả đàn ông đàn bà và trẻ em, đã bị dẫn về từ sáng sớm và lùa vào căn phòng đợi rộng nằm gần cổng trại, ai nấy tuy sợ hãi, buồn bã nhưng không đến nỗi bị cùm trói gì. Trước đó nhiều người đã chạy thoát, và một số đàn ông tuy kẹt lại nhưng không ra nạp mình, còn ẩn nấp đâu đó trong các bờ bụi của khu rừng đước ven biển. Đến tối, số đàn ông này mới bị công an địa phương phát giác, trói tay bỏ lên xe cam nhông chở về trại. Ông quan thuế là người đầu tiên bị chở về. Hình ảnh ấy còn in đậm trong đầu óc mọi người. Đầu ông tuy cúi gục xuống, nhưng hai cánh tay trói quặt ra phía sau và dáng đứng chênh vênh trên chiếc cam nhông không mui có vẻ gì vừa cô độc, vừa ngạo nghễ khiến mọi người đều nhìn ông thương xót. Sau đó cũng chỉ có mình ông được bỏ vào nhốt chung trong phòng giam vượt biên đàn ông này, những người bị trói dẫn về sau ông đều mất tin tức, không biết giam ở đâu.

Câu chuyện của ông quan thuế chấm dứt, không thấy ai nhắc nhở gì đến anh lính kiểng, anh sinh viên và cậu học trò. Có lẽ mọi người đều nghĩ rằng ba người tuổi trẻ này không có chuyện gì đáng để kể. Chính ba người này cũng có vẻ chỉ muốn dự khán, sẵn sàng nghe, ham nghe, nhưng không hề có ý định lên làm diễn giả.

Ông quan thuế xoay người về hướng nhà cầu, nơi ông Phan thiết vẫn ngồi nhai tóp tép—tuy không ai thấy bình vôi, lá trầu của ông bao giờ:

— Ông bạn này, ông có biết căn bên kia họ giam những ai không? Ông ở tỉnh này, chắc rành hơn chúng tôi. Làm sao họ đông thế, lại phải lao động đủ thứ cực nhọc trong khi chúng mình thì cứ ăn no lại nằm, chả thấy ai nhắc nhở gì, nhà giam lại rộng rãi thoáng khí mới lạ chứ?

Ông Phan Thiết ngừng nhai, đưa tay vào miệng lôi miếng gì ra, ở xa không ai nhìn rõ nhưng có vẻ như một miếng bã trầu:

— Hà, ở bên đó đủ thứ tù, ăn cắp ăn trộm, chính trị, phản động, vượt biên... Họ ở bên đó tức là kêu án rồi, án lao động khổ sai chớ đâu. Còn căn tụi mình là phòng tạm giam, ai mới bắt cũng bỏ vô đây hết, chờ xét. Có án xong mới phân đi mấy chỗ khác, chừng đó là lao động à nghe...

— Thế tạm giam thường là bao lâu, ông bạn có biết không? Chúng tôi chờ cũng dài cả người rồi đây.

— Hè, cái đó không biết chừng. Mau là hai tháng, nhiều khi lâu hơn. Mấy ông mới vô, chưa có nhằm nhò gì. Bây giờ cứ ăn với ngủ, chờ chừng nào họ kêu thì kêu.

— Thế à? Thế mà chúng tôi cứ tưởng như thế này là tù rồi, chắc sắp thả đến nơi. Chúng tôi chỉ là có ý muốn đi ngoại quốc không giấy phép, chứ không có trộm cắp, giết chóc ai...

— Ờ, nhiều khi tạm giam rồi tự dưng kêu ra thả luôn cũng có. Nhưng mà cái đó tùy người, tùy trượng hợp. Có người nằm đây sáu, bảy tháng rồi mới kêu lên lãnh án, thời gian tạm giam không đáng kể. Bây giờ rán mà chờ, chớ tôi không biết.

— Chà, nghe ông bạn nói mà lạnh cả người. Chờ thế này thôi chứ còn chờ đến bao giờ? Lại chả có quần áo, đồ đạc gì cả mới khổ chứ.

— Mấy ông người Sài Gòn, không biết gì, họ làm giữ tịch thu hết đồ đoàn. Chớ như tôi bị kêu một cái là tôi chuẩn bị khăn mặt, xà bông, thuốc đánh răng, bởi vô đây là ngồi chờ dài dài...

Ông Phan Thiết nhìn xuống phía dưới bụng, kết thúc:

— Hà, tôi phải vô nhà cầu rửa cái bộ đồ lòng một chút. Mấy ngày rồi họ không mở cửa cho ra giếng tắm, hôi thúi quá...

Ông lôi từ chiếc bao tải ra tấm khăn mặt trắng, nhảy xuống sàn đi về phía nhà cầu. Cậu học trò hơi nhăn mũi trước câu nói của ông, cậu nghĩ mức độ "hôi thúi" của ông chưa đến nỗi ai cũng ngửi thấy, và thật ra chỉ có mình ông biết, muốn rửa thì cứ đi rửa chứ không cần khai ra như vậy.

Những người còn lại ngẩn ngơ nhìn nhau. Cụ già dừng tay vấn thuốc, lên tiếng phê bình:

— Hỏng, thế này là hỏng. Không còn gì là cái "fierté nationale" nữa cả. Muốn đi ngoại quốc mà cũng không cấp "autorisation," lại vào tù vào tội. Lũ trẻ này mai sau lớn lên—cụ chỉ tay về hướng ba người trẻ—cón biết cái gì là "fierté," là "amour-propre" nữa? Hỏng, hỏng hết!

Cậu học trò ngố mắt, ngẩn ngơ trước cách phát âm tiếng Pháp của cụ. Thật là một bậc kim cổ vẹn toàn. Những người khác không chú ý lắm, bắt đầu về chỗ nằm của mình. Cụ già rít một hơi thuốc:

— Này, có ai biết "ngâm Kiều" là như thế nào không? Chúng mình nói chuyện Kiều thú đấy. Ngâm Kiều khác với ngâm thơ, nó lạ lùng, đặc biệt lắm. Để moa phân tích cho mà nghe...

Không ai trả lời cụ, cái vòng tròn kể chuyện lúc đầu thưa dần rồi trống hẳn, người nào cũng có vẻ buồn bã trước những tiết lộ vừa rồi của ông Phan Thiết. Chỉ còn cậu học trò bên cạnh cụ, cậu hăm hở:

— Biết, cháu biết, để cháu ngâm cụ nghe có đúng không:

*Đầu lòng hai ả... tố nga*

*Thúy Kiều là chị... em là... Thúy Vân*

Cụ già cười tươi:

— Giỏi thế à? Bé thế này mà biết ngâm Kiều là giỏi đấy!

— Cháu có xem phim Kim Vân Kiều, không có người đóng nhưng có những bức tranh vẽ lại cốt truyện đẹp lắm. Bích Thuận ngâm thơ. Không biết cụ đã xem chưa? Cháu bắt chước ngâm cho đúng giọng, còn hai lối khác nhau thế nào thì cháu chưa biết rõ. Cụ phân tích đi cụ.

Cụ già không trả lời, thản nhiên ngồi vấn thuốc. Rõ ràng là cụ không còn thấy sự có mặt của cậu học trò. Cụ không muốn kể gì nữa vì mọi người đã lảng ra hết, cậu học trò thì không là đối tượng của cụ.

Cậu này thất vọng, ngồi đợi thêm một chút rồi trở về chỗ của mình. Cậu bỗng nghĩ tới tờ khai lý lịch, lý do, hoàn cảnh vượt biên v.v... mà cán bộ vừa phát sáng nay. Có lẽ cậu phải viết ngay cho xong. Lần này là lần thứ hai mọi người nhận được, tờ khai giống hệt tờ trước, không khác một câu hỏi, tuy tất cả đã từng long trọng “công nhận hoàn toàn khai đúng sự thật” và ký tên bên dưới.

Cậu học trò lôi tờ giấy còn trắng ra để trước mặt, cầm cây bút một cách chán nản. Cậu không có gì để sửa chữa, cậu đã khai những gì mình biết về chuyến đi qua những lời của mẹ, mà mẹ cậu cũng chỉ qua trung gian, ngoài ra cậu còn biết gì hơn. Cậu nghĩ tới mẹ, chị và em trai ngoài kia, lòng buồn bã. Trưa nay, một số phụ nữ ở phòng giam ngoài được phép vào phòng đàn ông thăm thân nhân, vào từng người một và chỉ được phép nói chuyện qua song sắt.

Chị cậu và chị anh sinh viên đại diện gia đình vào thăm em. Cậu nhớ lúc chị cậu băng qua mảnh sân cát trắng, bộ quần áo bà ba đen mặc từ hôm vượt biên ue63n chuyển theo bước đi, bọn đàn ông bên căn kia đã đổ dồn ra, tay bám song sắt miệng huýt sáo, la ó vang lừng. Chị cậu không dấu được một nụ cười nhẹ đầy hãnh diện. Chính cậu cũng ngạc nhiên nhìn chị. Trước kia chị cậu chỉ thích áo đầm, sau nữa là quần tây, bắt buộc lắm chị mới chịu đụng tới chiếc áo dài, còn áo bà ba thì không bao giờ tưởng tượng nổi. Vậy mà hôm nay cậu thấy chị đẹp mặn mà, nổi bật trong lớp áo dân quê, một vẻ đẹp rất khác lạ cậu không thể cắt nghĩa, và những ngày đầu bị bắt vì sợ hãi, vì lo buồn cậu đã không để ý.

Hai chị em cậu không nói gì nhiều với nhau, chỉ nhìn nhau cười cười. Cả hai cùng chưa nhận định nghiêm chỉnh được tình trạng ở tù này, có điều gì giống như những trò chơi tưởng tượng lúc cả hai còn con nít. Đến chị anh sinh viên, tiếng la ó đã bớt hẳn. Cô này không xấu nhưng không đẹp, lại nhỏ con, gầy ốm giống em.

Đứng bên ngoài song sắt nhìn em, vừa nói được mấy tiếng “Em có khỏe...” nước mắt cô đã đọng trên mi. Anh sinh viên nói lớn:

— Khỏe, khỏe như voi, không có gì đáng lo cả.

Cô chị cầm tay em, ngập ngừng như muốn nói điều gì nhưng nỗi xúc động làm cô nghẹn lời. Anh sinh viên rút tay ra:

— Chị về đi. Khóc khóc cái gì. Muốn lo thì ra ngoài lo cho mẹ với em gái. Phần tôi không có gì đáng nói.

Cô chị nhìn em, bờ nước trên mắt đầy hơn, miệng lắp bắp "Em... em..." Anh sinh viên quát lên:

— Đi về! Tôi đã bảo chị đi về còn đứng đó! Khóc cái gì mà khóc, thối chưa?

Cô gái quay vụt lưng lại bước thẳng ra sân, đôi vai bỗng giật mạnh rồi tiếp tục run lên từng hồi qua suốt mảnh sân cát. Anh sinh viên quay vào ngồi thừ người ở vách tường, thật lâu anh không nói gì cả, qua cặp kính trắng đôi mắt anh vẫn bất động nhưng gương mặt có một vẻ gì dữ dội mà cậu học trò chưa bao giờ nhìn thấy.

Đặt bút xuống tờ khai, cậu học trò bắt đầu hí hoáy viết lại những điều đã viết như trả một bài thuộc lòng. Bản khai quá chi tiết, quá nhiều câu hỏi, khi cậu viết xong, những tờ giấy trắng đã đầy nghẹt chi chít những chữ. Cậu bỏ bút, ngửng lên nhìn quanh. Chung quanh cậu, nhiều người cũng đang ngồi, nằm cắm cúi viết. Có người cầm bút ngồi thẫn thờ, như đang suy nghĩ cân nhắc lung lắm những dòng chữ quyết định.

Có lẽ cũng như cậu, tất cả đều lóe lên tia hy vọng mơ hồ—nhờ bản khai đang viết—sẽ được cứu xét một cách đặc biệt theo trường hợp riêng tư.

*

Tình trạng trong phòng tạm giam ngày một tệ hơn. Vấn đề trước mắt mọi người phải đối đầu là nước. Không thấy cán bộ đến mở cửa cho ra giếng tắm đồng thời xách nước đổ đầy cái lu sành đặt trong cầu tiêu như thường lệ. Từ lúc cái lu cạn, cầu tiêu bắt đầu xông mùi xú uế. Mỗi lần đi cầu, ai nấy bịt mũi nhăn mặt chỉ mong "làm phận sự" mau chóng rồi đi ra. Lúc lỗ cầu tiêu đã đầy, người đi cầu bắt buộc phải phóng uế trên rìa lỗ, trên chỗ giành để đặt chân, rồi dần dần lan rộng ra ngoài đến nỗi nhìn vào cầu tiêu chỉ thấy những núi phân lổn ngổn đặc kín khắp nơi. Đa số tù quyết định nhịn, thà táo bón hơn là phải bước vào cái nhà cầu ấy, trừ phi phải đi tiểu. Riêng cụ già không đầu hàng dễ dàng như vậy. Cụ có cái xô riêng, đặt ngay bên cạnh chỗ nằm. Cụ thản nhiên leo lên ngồi chễm chệ, phóng uế xong lấy khăn đậy lại, chờ cái xô đầy ngập mới xách đến mở cửa nhà cầu trút cái "rột" vào trong. Chỗ nằm của cụ xông mùi khó ngửi, ai nấy tránh dạt ra, nếu có người lên tiếng phê bình là cụ nạt ngay. Nghĩ cụ lớn tuổi trái chứng trở trời, không ai nói gì nữa.

Ngoài nước, vấn đề thứ hai là đói. Dường như những nhiệt lượng chứa sẵn trong mình lúc đầu đã cạn dần. Mỗi ngày qua, mọi người cảm thấy bụng đói hơn. Giờ ăn, ai nấy đã bắt đầu nhìn chừng nhau, sợ có người ăn lấn mất phần mình.

Tình trạng đang khó thở như vậy thì một hôm, có thêm hai chú Tàu lái buôn bị tống giam, một chú ốm, một mập. Sự có mặt của hai chú khiến phòng giam có không khí cởi mở hơn đôi chút. Hai chú hay cười, thích nói giỡn, nhất là chú Tàu mập mặt cứ tươi như hoa. Chú tuyên bố:

— Chúng tôi ở Chợ Lớn, chở hàng trên tàu buôn li ngang lây pị mấy ổng

bắt, mấy ổng lói vượt piên, tịch thu hết hàng hóa, mà lâu có vượt piên hồi lào, lói mấy mấy ổng cũng không tin...

Chú gọi chú ốm bằng tên "Tắc." Chú này sừng sộ, giận dỗi. Hỏi ra mới biết chú ốm tên Thông, bây giờ bị bắt vô đây thì không phải "thông" mà phải gọi là "tắc."

Cho đến một hôm, giờ ăn trưa đặc biệt có món canh bí xanh nấu với tôm khô—dù bí và tôm khô chỉ lõng bõng thưa thớt—thì có biến chuyển lớn xảy ra.

Hai chiếc nồi vừa được đặt vào chỗ thường lệ, chưa ai kịp động tĩnh, anh lính kiểng đã xông ngay lại, trên tay thủ sẵn hai chiếc lon guigoz. Anh xới vục cơm vào đầy một chiếc. Cụ già hét lớn thất thanh:

— Này này, không có đứa nào được chạm đến phần tao đấy nhé!

Cụ quơ ngay chiếc ca nhựa, lao vào chiến trường. Anh lính kiểng câm điếc, vục chiếc lon kia vào nồi canh, chỗ có nhiều tôm nhất. Xong anh lại lấy chén mình, xới vun cơm cao lên như núi. Cụ bố anh cũng xới cơm, múc canh nhanh như cắt, vun đầy ca đầy chén, mặt hầm hầm đầy sát khí.

Hai người nữa xông vào là ông kỹ sư và ông Phan Thiết. Tay họ hoạt động lia lịa trên hai chiếc nồi. Ông quan thuế la lên:

— Làm thế không được! Các ông làm thế không được.

Không ai nghe ông. Ông ngần ngừ rồi cũng chạy lại, hốt mau thức ăn vào chén mình.

Diễn biến quá nhanh, những người còn lại chỉ biết đứng nhìn bất động. Chú Tàu mập kêu lên nho nhỏ: — Cái gì mà giành, chời ơi...

Cậu học trò quay đầu, nhận ra anh sinh viên và hai chú Tàu đang đứng cạnh mình. Họ nhìn nhau ngán ngẩm, không biết nói gì.

Tính ra bữa ăn hôm đó, những người không chịu "lăn vào bếp" chỉ ăn được chưa tới nửa chén cơm cùng ít nước canh thừa lại dưới đáy. Dĩ nhiên là không có con tôm, khoanh bí nào. Tan bữa ăn, các chiến sĩ có vẻ no nê, thỏa mãn, trở về chỗ của mình, mặt lạnh như tiền, không ai nhìn ai.

Cậu học trò, anh sinh viên cùng hai chú Tàu tụ nhau vào to nhỏ trong một góc phòng. Biến cố vừa qua đẩy họ lại gần nhau hơn. Ông quan thuế cũng mon men lại gần họ. Ông có vẻ ngượng, cất tiếng phân trần:

— Nào tôi có muốn tranh với họ làm gì. Nhưng mà chúng nó làm thế không được, không được!

Mặt chú Tàu mập méo xẹo:

— Mình ăn lược có pi nhiêu, pây giờ lói muốn chết.

Chú Tàu ốm lắc lắc đầu. Phòng giam hẳn nhiên đã chia làm hai phe. Một phe "tốt," một phe "xấu." Ông quan thuế thì lắc lư, đu dây ở giữa, chưa biết cư xử thế nào.

Đến bữa cơm chiều, phe "tốt" cũng phải nhào ngay lại hai nồi thức ăn, tuy không xới đủ khẩu phần mình trước các tay nhà nghề kia, nhưng cũng được thêm một chút.

Không biết bằng cách nào vụ tranh giành bị tiết lộ ra ngoài. Tối hôm đó một cán bộ có vẻ cao cấp, môi thâm, đeo kính đen, đến viếng phòng giam. Cán bộ ấy không vào, nhưng đứng ngoài song sắt quan sát mọi người, chiếc môi thâm nhếch lên cười ý nghĩa:

— Các anh Sài Gòn, kỹ sư, quan thuế, sinh viên... Toàn là trí thức! Các anh ở đây ăn uống khổ quá phải không? Hồi trước sướng quen rồi, bây giờ chắc chửi rủa chúng tôi dữ lắm? Phải không, nói đi chớ! Sao không anh nào mở miệng hết vậy?

Đám tù vẫn im lặng. Cán bộ nhếch môi cười thêm lần nữa rồi bỏ đi. Nụ cười nhiều ý nghĩa ấy hình như chạm đến tự ái mọi người. Ngay sau đó, ông quan thuế triệu tập một buổi họp, đề nghị cách thức chia chác đồng đều trong giờ ăn do ông làm trọng tài. Cách thức này được bàn đi bàn lại, sửa chữa nhiều lần trước khi được tất cả phê chuẩn.

Những ngày sau đó, giờ ăn đỡ căng thẳng, nhưng cái nhìn giữa mọi người với nhau thì vẫn lạnh như nước đá.

***

Cậu học trò nhìn những chiếc bánh ngọt, viên kẹo, cục đường, đùi gà quay béo ngậy bày ra nhan nhản trước mặt mọi người mà thấy tủi thân. Tất cả đã được tiếp tế, trừ cậu. Cả gia đình cậu bị giam, ở Sài Gòn chỉ còn ít họ hàng, có lẽ họ chưa hay tin hoặc có khi không buồn tiếp tế cũng nên. Hôn lúc nào, cậu thấy đói. Cơm canh tù khó nuốt, cậu không thèm đã đành, nhưng những món ngon lành quen thuộc kia thì không cầm lòng được. Chúng đại diện cho cả một thời vàng son, no ấm mà cậu đã biết. Chúng là thế giới của cậu. Này là coca, thịt hộp, kia là bò khô, chanh muối. Cậu nghĩ tới cái vị mặn mặn, ngọt ngọt, thấm tới tận cuống họng của chanh muối mà nuốt nước bọt. Cậu cắn răng không xin xỏ ai, chỉ ngồi dựa lưng vào tường, rán nghĩ tới chuyện khác.

Những người kia thì có vẻ tươi tỉnh hẳn. Không khí trong phòng giam vui như ngày hội. Nhiều người lại đến ngồi gần nhau kể chuyện đời. Nhiều tia hy vọng lóe lên.

— Tôi tin chúng nó thả mình ra tới nơi rồi. Giam ở đây cả tháng trời rồi chứ ít gì—ông quan thuế vừa múc thìa chè từ chiếc lọ chè đậu xanh to tướng của ông, vừa nói. Tôi tuy làm ở quan thuế cho chính quyền cũ, nhưng nghỉ đã một năm rồi mới đến ngày giải phóng. Với lại mình cũng chỉ biết sổ sách, tính toán, có cầm súng giết ai bao giờ mà sợ.

— Còn tôi là kỹ sư, thành phần trí thức nhưng chắc không sao. Mình học ở Nhựt chứ có ở Mỹ đâu, tôi tin mấy ổng sắp thả tôi bây giờ.

— Còn tôi hè, họ nghi oan ức vậ tho6i—Ông Phan Thiết lột chiếc bánh ú, miếng bã trầu đã biến mất từ hôm ông nhận đồ tiếp tế—Tôi cứ gì cũng ra sớm hơn mấy ông.

— Không... — Ông quan thuế phản đối—ra sớm nhất ở đây là cụ. Bảy mươi hai tuổi đầu còn giam giữ người ta. Sức nào chịu được, tôi đoán không

lầm chỉ vài hôm nữa là họ kêu tên cụ ra thôi.

Cụ già gật gù, ly rượu bổ trên tay:

— Hừm... đúng đấy.

Hai chú Tàu không có ai tiếp tế, nhưng vẫn tươi tỉnh. Chú mập nói:

— Chúng toi li puôn thiệt. Cho mấy ổng xét hoài không thấy gì rồi cũng thả ra. Nhốt tụi toi ở lây tốn cơm chớ làm gì.

— Nhứt là ló—chú Tàu ốm châm chích—mập như cái pao gạo nhốt ở lây là lỗ vốn!

Ông quan thuế bỗng chỉ tay về phía ba người trẻ, lắc lắc đầu:

— Còn mấy cậu tôi không biết sao đấy nhé. Thanh thiếu niên là họ chú ý lắm. Họ đã cho đi học để đào tạo ra phục vụ, lại còn đi trốn thế là hỏng. Họ không có muốn để thất thoát những người trẻ ra ngoại quốc đâu. Các cậu có khi giam lâu lắm, không biết chừng nào mới ra...

Cậu học trò theo dõi câu chuyện, đã nguôi ngoai được, câu nói của ông quan thuế lại khiến cậu tủi thân, sợ hãi. Một bàn tay bỗng đặt lên vai cậu, anh sinh viên đã đến ngồi bên từ lúc nào:

— Cậu không có ai tiếp tế à?

Cậu học trò lắc đầu:

— Em sợ quá, bị tù luôn chắc chết. Còn anh, anh thấy sao?

— Tôi cũng không biết, không nói chắc với cậu được. Mình cứ chờ, cứ hy vọng thế thôi. Đừng sợ quá, không có ích gì.

Anh sinh viên bỗng bẻ chiếc bánh mì ngọt dồn thịt mập chắc ra làm hai, đưa cho cậu học trò:

— Ăn đi, ăn chung với tôi cho vui. Tôi ăn ít lắm.

Cậu học trò gần như dẩy nãy:

— Không, em không ăn đâu. Không đói đâu.

— Cầm lấy đi, đừng ngại ngùng gì cả. Giữa tôi với cậu, ở trong này, còn phép tắc gì nữa.

Mùi thơm của thịt luộc rắc xì dầu, tương ớt xông lên tận mũi cậu học trò. Những miếng thịt dầy, kẹp chung với đồ chua, dưa chuột và ớt đỏ thái mỏng hiện lên no nê trong mắt cậu. Anh sinh viên như một cứu tinh, một tấm lòng hiếm có. Cậu rưng rưng cầm lấy.

— Ừ, ăn đi. Những đồ khác của tôi mình cũng sẽ chia hai. Một mình tôi không cần nhiều như vậy đâu.

Khúc bánh mì ngon ngọt lạ thường. Cậu học trò nhai nhồm nhoàm, cảm thấy vừa học thêm một điều gì đó trong cuộc sống.

*

Lương thực tiếp tế rồi cũng cạn dần. Mọi người bắt đầu ăn nhín lại, Không khí trong phòng bớt vui hơn nhưng cửa nhà giam đã được mở ra mỗi ngày cho ra giếng tắm, và hy vọng được thả càng lúc càng lớn.

Một buổi trưa trời đẹp, nắng bên ngoài vàng ửng, gió gờn gợn thổi như thời tiết một ngày xuân, anh sinh viên bỗng hỏi cậu học trò:

— Này, cậu có biết bài hát "Anh Sẽ Về" không? Hay lắm, muốn tôi sẽ hát cho nghe.

— Ừ, anh hát đi, em chưa biết.

Anh sinh viên cất giọng, tiếng rắn rỏi như giọng nói, rõ ra một người không xa lạ với âm nhạc:

—*Anh sẽ về, em ơi, anh sẽ về. Về nơi ngôi nhà, vách đất với hàng hoa thơm. Nơi con đê già, nơi cây cầu tre. Nơi con đường đất, dấu chân trâu bò... Anh sẽ về, em ơi anh sẽ về. Về trên sông rộng ôm hết cánh đồng xanh lam. Hôn em, hôn mẹ, hôn bao người thân. Sẽ nói, sẽ cười, sẽ vui nhiều hơn...*

Bài hát hay hơn cậu học trò tưởng. Cậu ngạc nhiên vì chưa bao giờ nghe. Chữ dùng và nhạc điệu quá đẹp, những hình ảnh đồng quê trong bài tuy xa lạ với cậu, nhưng lại mở cho cậu một cánh cửa mới về những điều cậu ít khi được tiếp xúc.

— Trời ơi, hay quá! Anh học bài này ở đâu vậy?

Anh sinh viên mở lớn mắt sau cặp kính cận:

— Chưa bao giờ nghe à? Bài này quen thế mà. Trước tôi hay đi sinh hoạt với các thanh niên, sinh viên, vẫn hát luôn.

— Ủa, sinh hoạt gì vậy anh?

— Đủ mọi vấn đề. Tuần nào cũng đi, có khi hội thảo về xã hội, về hiện tình đất nước, có khi chỉ đàn hát. Cậu không bao giờ sinh hoạt như thế à?

— Không... — Cậu học trò đáp, hơi ngượng.

— Cậu có muốn, tôi sẽ tập cho hát. Dễ thuộc lắm.

— Ừ, tập em hát đi.

Anh sinh viên bắt đầu lại từ câu đầu, mỗi câu anh lập đi lập lại cho cậu nhỏ thuộc lòng, cả điệu, cả nhgịp. Cậu học trò hát theo rất nhanh, nhưng thói quen của cậu mỗi khi hát là sửa giọng cho có vẻ như đang hát một bài nhạc trẻ ngoại quốc, loại nhạc tủ của cậu. Anh sinh viên gắt:

— Cậu cứ hát tự nhiên, sửa giọng kỳ quá. Bài này không có gì là ngoại quốc cả. Hát tự nhiên bao giờ cũng hay hơn.

Cậu học trò ngượng, hát lại bình thường. Hai anh em hăng hái tập, giọng hát vang vang một góc phòng. Hai chú Tàu tò mò nghe một lúc, rồi rủ nhau tiến lại:

— Dạy cho chúng toi với. Pài lày hay ló. Anh sẽ về! Hát ở lây thiệt là lúng.

— Ờ, dạy chúng toi li. Hát hoài không chừng lược về sớm à.

Anh sinh viên vui vẻ chịu ngay. Bài hát anh đề nghị vậy là được hưởng ứng lớn. Nhưng chú Tàu mập không có khiếu âm nhạc, hát cứ trật nhịp mãi, phải tập đi tập lại đến mấy tiếng đồng hồ. Giọng chú lại lớn nhất, lơ lớ, khiến bài hát trở thành hơi khôi hài. Cậu nhỏ đã thuộc, chỉ hát theo cho có. Cậu nhìn ra sân, thấy cuộc đời trước mắt thật đẹp. Cậu nghĩ tới căn nhà ở Sài Gòn, chỉ mong chóng được trở về sống lại những ngày rực rỡ cũ. Cậu sẽ lại đi học,

đi ciné, đi nhảy đầm với bạn bè. Mai mốt có đi ngoại quốc được không, cậu không cần biết. Cuộc sống ở Sài Gòn tuy khó khăn hơn thời trước, nhưng chắc chắn không đến nỗi khổ như ở đây. Cậu chỉ mong bước chân ra khỏi nhà tù này thôi. Cậu dõi mắt ra xa. Những bóng dừa vươn cao xanh thẫm trong nắng, và màu cát trắng mịn trên sân đẹp không thua gì những bãi biển nghỉ hè của cậu.

— *Lưa em vào gió, khẽ chao cành hoa. Ra sau vườn nhò, tròng lại cho em cây hoàng lan, hương lậm thêm...*

— Hương đậm thêm! Chú hát nghe không được. *Đậm* thêm chứ không phải *lậm* thêm. Hát vậy là hỏng.

— Thì *lậm* thêm! Anh hát *lậm* thêm toi cũng hát *lậm* thêm chớ gì lữa?

— Đậm thêm, lậm thêm là nghĩa khác.

— Thì lúng dzồi, anh lói *lậm*, toi hát *lậm*, anh pắt toi hát sao pây giờ?

— Thôi thôi, được rồi. Nào, hát lại...

Giọng chú Tàu mập lại ồ ồ cất lên. Những người trong phòng có vẻ thông cảm, không nói gì, ông kỹ sư và anh lính kiểng ngồi riêng một chỗ chuyện trò tương đắc. Chỉ có cụ già gắt lên nho nhỏ:

— Vào đây còn hát với hỏng!

*Anh sẽ về, em ơi, anh sẽ về. Dù đêm không cùng hay mất hết người thân yêu. Cho em không còn, cho chim về xa. Sẽ gắng quay về, chết nơi ra đời...*

Buổi tập hát kết thúc tốt đẹp. Chú Tàu mập đã hát trôi như cháo, đúng từng nhịp một. Nhưng tối hôm ấy lại có chuyện xảy ra khiến sự vui vẻ giữa mọi người trong phòng bị cắt đứt.

Lúc đó ông kỹ sư đang ngồi giở lại bao lương thực tiếp tế ra, tìm hộp ruốc thịt heo để nhấm nháp. Ông vừa mở hộp ăn miếng đầu, anh lính kiểng đã mò ngay lại:

— Này, cho tao ăn với. Đồ ăn của tao hết rồi, đói quá.

Ông kỹ sư đưa mắt nhìn, ngạc nhiên:

— Ông già mày còn đầy đồ kia kìa, sao không xin?

— Đồ của cụ, tao đâu dám đụng đến. Lại toàn là đồ bổ, sâm thang gì ấy, động đến là chết với cụ.

— Của ông già không xin mà đến xin tao. Thôi đi mày ơi!

Ông kỹ sư quay người, giấu hộp ruốc qua một bên. Anh lính kiểng nhăn nhó:

— Cho tao một miếng đi. Đói quá...

Ông kỹ sư làm như không nghe, miệng nhai ruốc, mắt nhìn đi chỗ khác. Bất thần anh lính kiểng lồng lên:

— Đụ mẹ mày! Bạn bè mà xấu như thế đấy hả?

Anh chồm về phía ông kỹ sư, một tay đè cổ ông, tay kia chộp lọ ruốc. Ông này không vừa, gồng tay đẩy anh lùi lại, thân hình cũng nhổm lên tấn công. Cả hai đứng chồm hổm, bốn cánh tay quàng chặt nhau, tựa hai võ sĩ đang đấu vật. Ông quan thuế kêu lên:

— Buông ra, buông ra ngay! Cán bộ nghe được là chết hết bây giờ.

Hai võ sĩ cùng khỏe mạnh, sung sức, không ai nhường ai. Ông quan thuế chạy đến chen vào giữa, những người khác cũng nhào vào giằng hai đấu thủ ra.

— Đụ mẹ, bạn đấy, bạn như thế đấy...

— Đụ má mày. Ai thèm bạn bè với mày.

Hai đấu thủ lầm bầm trở về chỗ cũ. Cậu học trò giương mắt nhìn, thấy bộ râu của ông kỹ sư hết duyên dáng. Ở chỗ mình, cụ già vẫn không thèm nhìn lên, cụ điềm nhiên vuốt ve lại cho thật thẳng mẩu thuốc lá vừa vấn.

*

Có những buổi trưa im vắng chỉ có tiếng gà gáy o o, cậu học trò đứng sững dưới khung cửa sổ đục trên cao, nhìn ánh nắng bên ngoài rọi vào thành một vệt sáng rõ nét và kỳ ảo giữa căn nhà đá. Vệt nắng như xuyên thủng bức tường dày để đem lại ánh sáng cho khoảng trống tối tăm. Cậu mê mẩn ngắm những hạt bụi bay lượn trong vùng ánh sáng, không khỏi nghĩ đến một đấng linh thiêng nào đó. Trước đây cậu không tin nơi tôn giáo. Gia đình cậu tuy theo đạo Phật, trong nhà có bàn thờ, mỗi năm đều cúng kiến, giỗ tết đầy đủ, nhưng ở trường cậu lại bị các sư huynh bắt đi lễ, đọc kinh. Ngày giỗ ở nhà, cậu thắp hương khấn vái, đến trường cậu học giáo lý, đọc kinh Lạy Cha. Tự đáy lòng, cậu vẫn trơ trơ như gỗ đá. Cậu đứng giữa, chẳng tin ai, chỉ tin ở mình và sự chắc chắn của khoa học.

Nhưng bây giờ đứng trong ngục đá này, cậu bỗng thấy mình yếu đuối. Rõ ràng là cậu đã cùng đường. Mẹ, chị, em trai cậu đều bị bắt, gia đình chẳng còn ai, cũng không còn luật pháp nào để bảo vệ, đưa thoát cậu ra khỏi chốn này nữa. Nếu không tin ở Chúa, cuộc đời cậu coi như chấm dứt. Chắc chắn phải có một Thượng Đế ở trên cao, đang theo dõi nỗi sầu khổ của cậu, cứu giúp cậu nếu được kêu cầu. Gục đầu vào tường đá, cậu tha thiết khấn nguyện: "Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, con sợ lắm, con đau khổ lắm. Xin Mẹ cứu giúp con. Xin Mẹ cho họ thả con ra sớm. Con không biết phải kêu cứu ai bây giờ. Con chỉ còn có Mẹ, có Chúa, Mẹ ơi. Mẹ cứu con lần này, con nguyện sẽ vào đạo Công giáo. Con sẽ đến tìm cha học giáo lý, xin rửa tội. Con sẽ đi lễ mỗi tuần, không sót tuần nào. Con sẽ ăn hiền ở lành, làm toàn việc thiện, không dám phạm tội nữa đâu. Mẹ ơi xin mẹ cứu con đi Mẹ..."

Cầu nguyện xong cậu bắt đầu đọc kinh Kính Mừng. Mỗi ngày cậu tự hứa đọc đủ mười lần, và niềm hy vọng được thả trong cậu mỗi ngày một lớn.

Thái độ kỳ lạ của cậu học trò chắc chắn không qua khỏi mắt mọi người, nhưng cũng chả ai buồn hỏi. Từ ngày bị bắt đến nay, những chuyện kỳ cục, chướng tai gai mắt đã quá nhiều, không có ai ngạc nhiên nữa. Người nào cũng có chứng tật của mình, bị giam càng lâu mới càng lộ ra. Như ông quan thuế có vẻ người hiểu biết thế mà cũng không khỏi tật tham ăn. Sau vụ đấu

vật tranh ruốc giữa ông kỹ sư với anh lính kiểng, ông không dám đem lọ chè to tướng ra ăn giữa thanh thiên bạch nhật nữa. Ông đợi tối lửa tắt đèn, rón rén cầm lọ chè với cái thìa nhỏ đi vào cầu tiêu, thưởng thức hương vị thơm tho của món khoái khẩu ấy một lúc mới trở ra. Những người chưa ngủ, hé mắt theo dõi hành động của ông đều rõ.

Riêng anh sinh viên vừa nghĩ ra một sáng kiến để giữ gìn thể lực. Sáng kiến này thật ra chẳng có gì mới nhưng từ trước đến nay chưa ai nghĩ đến: Anh rủ cậu học trò cùng tập thể dục, mỗi ngày nửa tiếng, mới đầu làm các động tác, sau chuyển qua phần chạy bộ. Phần này cũng là phần chính, hai chiếc bục xi măng khá dài chạy từ đầu đến cuối phòng dư sức cho anh bay nhảy. Cậu học trò vừa lười vừa đang buồn, chỉ thỉnh thoảng tập theo cho có. Nên mỗi ngày chỉ có mình anh sinh viên hì hục chạy qua chạy lại, miệng thở "phù phù."

Nếu anh có vẻ có năng khiếu âm nhạc bao nhiêu thì điều ấy dường như bị trừ mất vào cái vốn hiểu biết về thể lực của anh. Chính cậu học trò cũng phải nhận là anh tập thể dục trông hơi kỳ. Tay chân anh quơ quào, nhiều động tác sai hoặc làm chưa tới. Khi anh chạy, anh không hô hấp sâu vào tới buồng phổi mà hình như chỉ hít không khí tới cuống họng rồi thở ra, miệng anh vì vậy phồng lên và phát ra những tiếng "phù phù" vang dội khắp phòng.

Sợ mất lòng, cậu học trò không nói gì. Nhưng cụ già thì không chịu được. Một hôm, trong khi anh sinh viên đang hì hục chạy bộ trên bục xi măng như vậy, thì cụ cũng đi qua đi lại trên cái lối đi hẹp phía dưới. Thỉnh thoảng cụ ngước nhìn anh, miệng nở nụ cười châm biếm. Được một lúc cụ nói giống vào khoảng không:

— Không biết tập thì bảo người ta dạy cho mà tập. Cứ làm điệu làm bộ tưởng là hay lắm đấy. Thở "phù phù" thế kia là sai bét cả, lại còn chói tai người khác. Ngốc mà vẫn không biết là mình ngốc!

Anh sinh viên dừng phắt lại. Mặt anh đỏ lên:

— Cụ bảo gì? Tôi tập thì mặc kệ tôi, cụ không tập thì thôi sao cụ lại mắng tôi? Tập thế này thơi chứ còn tập thế nào?

Cụ già vẫn đi qua lại bên dưới:

— Thể dục với thể thao thì hỏi moa đây này. Đừng tưởng moa già moa không biết thể dục đâu. Có bao nhiêu cách tập, tập như thế nào là ở trong đầu moa cả. Có muốn moa sẽ bảo cho mà nghe. "Biết thì thưa thì thốt, không biết thì dựa cột mà nghe." Toa ngốc thế thì toa cứ câm mồm lại, đừng có cãi với moa bằng cái giọng ấy.

Mặt anh sinh viên đỏ hơn, giọng nói sẵng:

— Có thể tôi tập sai lắm, nhưng cụ bảo tôi thì bảo đàng hoàng. Cụ đừng nói tôi ngốc này ngốc nọ như mắng chó! Cụ tưởng cụ hay lắm đấy à? Dạo trước ăn ỉa thối inh cả phòng người ta chưa nói, đến giờ ăn thì tham lam cướp giật, cư xử với người cùng phòng thì độc tài, ngược ngạo. Lúc mới vào, trông cụ lớn tuổi, râu trên râu dưới người ta còn kính nể, ở càng lâu mới càng biết

bộ mặt thật thối tha.

Cụ già đã dừng lại trước mặt anh sinh viên từ lúc nào. Anh đứng trên cao, cụ phía dưới. Hai đối thủ già trẻ nhìn nhau trừng trừng. Tất cả những người khác đều im bặt. Cụ già gồng bắp tay lên, những bắp thịt hãy còn chắc nịch cuồn cuộn, bàn tay cụ chập lại thành một nắm đấm vạm vỡ:

— Oắt con, trông tay ông đây này! Nói năng phải giữ mồm, khéo ông đấm cho vỡ mặt.

Giọng anh sinh viên bỗng trở nên lầm bầm, không biết anh quá sợ hãi—vì ai cũng thấy trước là anh không địch nổi cụ già—hay vì anh quá giận. Nhưng giọng nói anh chìm xuống, cậu học trò thấy lại vẻ mặt dữ dội hôm nào khi anh chia tay với người chị:

— ... Tôi không ngờ cụ cũng chỉ là dân chân tay dao búa. Napoléon có nói câu gì như "Nắm đấm dù mạnh đến đâu cũng không địch nổi một ngòi viết..."

Cụ già cười "hặc" lên một tiếng. Thốt nhiên, cơn giận của cụ như tiêu tan hẳn. Mặt cụ lộ vẻ ngạc nhiên, thích thú rõ rệt:

— Napoléon? Ha, Napoléon! Ngốc mà hay nói chữ. Hiểu không hết câu nói của người ta đã làm bộ trích với dẫn. Có muốn citer Napoléon thì hỏi ông đây này, toa muốn ông citer câu nào ông citer cả cho nghe.

Anh sinh viên vẫn nói bằng một giọng chìm:

— Cụ mà đánh tôi còn có luật pháp. Cụ đừng tưởng cụ mạnh hơn tôi rồi muốn đánh ai thì đánh đâu.

Ánh mắt cụ già vui hơn:

— A! Luật với pháp? Toa nói chuyện nghe tức cười quá đi. Trông nắm đấm của moa đây này. Moa giọng cho một cái là bay ngay từ đầu đến cuối phòng, chứ không có ngòi viết ngòi láo gì cả!

— Cụ giỏi cụ đấm tôi đi, xem ai thắng cho biết. Cụ tưởng tôi không biết tự vệ đấy à? Ỷ lớn tuổi lại vạm vỡ to con rồi hiếp đáp người khác. Cụ người lớn, cụ ăn ở sao cho con cháu nó không khinh. Đấm đi, nào giỏi đấm đi!

Cụ già thét lên một tiếng. Như một chiếc bóng cụ bay vụt lên bục xi măng nhanh không tưởng tượng.

— Đứa nào khinh ông? Đứa nào? Này, chết ngay!

Nắm đấm vô địch của cụ ngừng ngay trước mặt anh sinh viên khoảng vài phân. Ông quan thuế nghiến răng ghì cánh tay cụ, anh lính kiểng và ông kỹ sư nhào tới bám chặt thân hình và hai chân, cụ vùng vẫy dữ dội. Anh sinh viên vẫn bất động như một tượng đá.

— Thôi cụ, về chỗ đi. Nó con nít chấp làm gì, ồn lên chỉ có hại cho cả phòng thôi.

— Bố, bố, bớt giận đi bố. Họ gần thả bố ra, bố đừng gây chuyện nữa...

Cụ già thở hổn hển, trở về chỗ nằm theo cánh tay dìu của mọi người. Cậu học trò cũng kéo anh sinh viên vào ngồi ở góc phòng. Cậu hiểu anh nhiều và cảm thấy sờ sợ. Thật là một phép lạ nếu cậu vẫn chưa bị dính vào một vụ tranh cãi nào. Không biết bao giờ thì tới phiên cậu. Và người nào sẽ lãnh

phần "đấm vỡ mặt" cậu đây?

Phòng giam có cái vẻ gì tan hoang lắm rồi so với ngày nhập trại. Sự tan hoang không phải đến từ cái đói, cái khát hay dơ bẩn thiếu vệ sinh, nhưng là một sụp đổ tan tành trong đáy lòng của cậu.

*

— May thay, chỉ mấy ngày sau đó, tôi, anh sinh viên và hai chú Tàu được thả. Anh cũng biết, sự vui mừng của chúng tôi lớn đến bực nào. Ra khỏi tù mà người cứ nhẹ lâng lâng, tưởng như đang bay lơ lửng trên mây vậy. Bốn đứa chúng tôi mừng mừng tủi tủi, trao đổi địa chỉ cho nhau, hẹn sẽ gặp lại, sẽ kết bạn thân thiết ở Sài Gòn. Tính ra tôi với anh sinh viên bị tạm giam hết hai tháng rưỡi, còn những người khác thì lâu hơn.

Cậu học trò dứt chuyện, nghiêng người đưa điếu thuốc ra nhận mồi lửa từ người bạn ngồi trước mặt. Cậu đã trở thành một thanh niên gần ba mươi tuổi, nhân dáng thay đổi khá nhiều và cũng không còn đi học, nhưng chúng ta hãy tạm gọi cậu là "cậu học trò," như vẫn quen gọi từ đầu câu chuyện.

Hai người bạn ngồi trong một căn phòng rộng rãi, tiện nghi trên một xứ sở tự do. Chụp đèn vàng gắn khéo trên tường tỏa ra ánh sáng mờ ảo. Trước mặt họ, bức tường kính nhìn xuống những cao ốc hiện đại lấp lánh xanh đỏ, và những đại lộ xa tít phía dưới cũng cuồn cuộn giòng luân chuyển muôn màu.

— Câu chuyện này xảy ra vào thời gian nào hả anh? Nếu tôi không lầm thì là ngay sau những ngày mất nước?

— Anh đoán đúng, câu chuyện xảy ra vào những tháng cuối năm 1975, cách nay mười hai năm rồi. Chúng tôi là một trong những tàu vượt biên sớm nhất. Những người trên tàu thuộc lớp người lẽ ra đã đi từ tháng tư, nhưng không may kẹt lại, nên phải tìm đủ cách ra đi bằng mọi giá.

— Sau đó, về Sài Gòn rồi, anh có dịp gặp hai chú Tàu và anh sinh viên không? Đời sống anh ở Sài Gòn như thế nào?

Cậu học trò thở khói:

— Có. Hai chú Tàu tìm tôi ngay sau đó. Nhưng mà không có gì còn như trước nữa anh ạ. Chúng tôi cũng hàn huyên, tâm sự, nhưng không khí nhạt nhẽo thế nào. Có lẽ chúng tôi không cùng môi trường xã hội, tuổi tác lại cách biệt nên không thể thành bạn thân được. Hai chú đến thăm tôi lần duy nhất ấy, rồi không bao giờ gặp lại.

— Có khi nào anh nghĩ hai chú ấy thật ra chỉ là đi buôn giả, để tìm cách vượt biên không?

— Tôi cũng nghĩ thế. Họ ở Chợ Lớn, chưa bao giờ buôn đường biển, tự nhiên sau 75 lại mua tàu, chở hàng ra tới Phan Thiết. Tỉnh này lúc đó có nhiều người vượt biên. Hơn nữa, họ có vẻ là những người rất thông minh, chắc chắn không tin tưởng gì ở sự tự do buôn bán trong chế độ mới.

— Còn anh sinh viên? Anh ấy bây giờ ra sao rồi?

— Anh sinh viên thì khác. Anh không trở lại với tôi một lần, mà là nhiều lần. Chúng tôi trở thành bạn thân. Cũng dễ hiểu anh à, chị em tôi với anh sinh viên sàn sàn tuổi nhau, cùng đang còn đi học... Thường mỗi khi lại nhà tôi, anh dẫn theo một người bạn đàn giỏi lắm, chúng tôi họp lại đàn hát, đùa nghịch. Tôi có cảm tưởng tìm lại được chút không khí Sài Gòn thuở trước. Rất tiếc tình bạn ấy không kéo dài được lâu.

— Chuyện gì xảy ra? Các anh, chị lại mất lòng nhau à?

— Không... Hoàn toàn không. Anh sinh viên là người bạn tốt, đến bây giờ tôi còn tiếc. Một người bạn như thế không phải lúc nào ta cũng gặp được trong đời. Trong những ngày lui tới ấy, anh có đề nghị với mẹ tôi làm một chuyến vượt biên khác. Lần này do chính anh và người bạn đàn giỏi kia tổ chức. Anh nói bây giờ không thể tin ai, phải tự mình quyết định, tự mình nắm lấy sinh mạng mình. Nhưng anh biết gia đình tôi mất hết tiền, vàng ở Phan Thiết. Về Sài Gòn, mẹ tôi xoay ra bán bánh mì, bán phở trên hè phố nuôi chị em tôi, thì còn tiền đâu để vượt biên lần nữa. Anh sinh viên có nói đừng ngại, ít nhất anh cho gửi được một, hai người trên tàu, ra tới ngoại quốc có tiền trả sau cũng được. Nhưng mẹ tôi lúc ấy đang sợ, chuyến tù tội trước còn chưa tan trong tâm trí bà, nên chúng tôi quyết định ở lại Sài Gòn. Một đêm tối trời, anh sinh viên xuất hiện đột ngột ở nhà tôi, dáng điệu gấp gáp. Anh nói sẽ khởi hành ngay đêm đó, con tàu rất nhỏ nhưng anh đầy hy vọng thành công. Anh hỏi lần cuối chúng tôi có quyết định gửi người nào đi không? Chúng tôi lắc đầu. Anh từ giã gia đình tôi, hứa sẽ điện tín ngay khi đặt chân tới bến tự do. Nhưng từ đó anh biệt tích.

— Anh có biết điều gì đã xảy ra? Người bạn hỏi, hơi nhíu mày.

— Không có gì rõ ràng cả, cậu học trò lắc đầu. Mấy tháng sau đó chị em tôi đạp xe chở nhau đến nhà anh thăm tin. Gia đình anh giấu, nói anh đi tỉnh chưa về. Nhưng gương mặt cô chị anh thì u ám ghê lắm.

Hai người không nói gì với nhau nữa. Dòng xe cộ dưới xa thỉnh thoảng vọng qua lớp kính những âm động rất nhỏ. Cậu học trò châm thêm điếu thuốc, những vòng khói lung linh bay tan ra làm mù mù không gian.

— Còn những người khác thì sao?

— Bốn năm sau, tôi gặp lại ông quan thuế ở tù mới ra. Ông nói tất cả những người còn lại đều bị kêu án. Nhẹ như ông cũng bốn, năm năm tù. Nghe đâu nặng nhất là cụ già. Cán bộ nói cụ đã già đầu, kinh nghiệm, hiểu biết đầy mình còn muốn vượt biên, thì không cách gì cải tạo nổi. Đôi khi tôi nghĩ mà sợ. Anh thấy, mấy tháng tạm giam—mới ít lâu sau năm 75—ấy chưa có gì là khổ, ai cũng tự tin sẽ được thả sớm, và tuy ăn đói nhưng còn có cơm gạo, chưa đến nỗi phải ăn độn, vậy mà họ đã đổ tệ ra như vậy, thì trong mấy năm tù thật sự sau, không biết những chứng tật của họ bộc phát tới mức nào?

Cậu ngưng lại một chút, như để người bạn chuẩn bị nhận lấy những lời cậu sắp nói.

— Anh có biết, câu chuyện xảy ra vào lúc tôi còn rất trẻ và đã nằm lại trong tâm trí tôi một cách dai dẳng. Phòng tạm giam ấy giống như một ngôi trường, nó dạy cho tôi quá nhiều điều, lật cho tôi thấy những mặt trái của đủ mọi lớp người trong cái xã hội tôi từng sống và yêu mến.

Người bạn thốt ngửng lên, nhìn chăm cậu học trò, chờ đợi.

— Tôi thấy rằng, biên giới giữa cái Thiện và Ác mong manh lắm. Chỉ cần một bước nhỏ, người ta đã có thể vượt qua. Ngày theo mẹ lên đường vượt biên, trong rõ rệt chỉ có một kẻ thù. Đó là những người đã chiếm miền Nam mà chúng tôi sợ hãi, chạy trốn. Họ hẳn nhiên là ác, còn chúng tôi, những người đi trốn, là thiện. Tôi nghĩ tất cả những người trên tàu phải có đồng chí hướng, cùng một kẻ thù. Tôi xem họ tất cả là bạn bè, anh em, không nghi ngại gì nhau. Tôi tưởng không may bị bắt như vậy, ai nấy lẽ ra phải tương trợ, yêu mến nhau. Dù không giúp được gì nhau, thì cũng không được coi nhau như thù. Nhưng anh thấy đó, từ một kẻ thù duy nhất, dần dần giữa chúng tôi sản sinh thêm bao nhiêu kẻ thù khác. Kẻ thù ghê gớm nhất, theo tôi, hắn nằm trong mỗi chúng ta. Người nào trong chúng mình mà không tự coi là thiện? Trong điều kiện đầy đủ, sung sướng, chúng ta dễ thiện lắm. Phải đến khi quyền lợi bị đụng chạm, những ham muốn bị cấm đoán, thiệt thòi, cái ích kỷ ghê gớm trong mỗi người mới hiện lên, ràng ràng như một con lợn, một đống rác. Chúng ta phải cận thận. Nếu không, từ thiên thần chúng ta biến ngay ra quỷ dữ, mà vẫn không hay biết. Đó là cái biên giới siêu hình, đầy cám dỗ giữa Thiện và Ác. Gần hết những người có mặt trong trại giam năm ấy đề đã vượt biên giới đó.

Cậu học trò thở thêm nhiều vòng khói. Không gian quanh cậu càng trở nên mù mờ. Người bạn nghiêng mình tới trước, mắt vẫn nhìn cậu không rời:

— Vậy theo anh, xã hội thời cũ của chúng ta hình như cũng không tốt đẹp gì hơn phía bên kia cả? Nếu tôi hiểu anh, thì anh đã thất vọng ghê lắm. Anh đã đặt lại tất cả vấn đề. Anh tự hỏi xã hội miền Nam mà anh đã sống thật ra có đáng cho anh yêu mến không? Dĩ nhiên, anh cũng biết rằng trong một xã hội người tốt người xấu đều có đủ, nhưng tại sao số người bất hảo lại cao quá? Trại tạm giam Phan thiết đối với anh có lẽ là một bằng chứng. Những thành phần trong tù năm ấy, dù không đại diện hết cho mọi tầng lớp miền Nam, nhưng kể ra cũng đã khá tiêu biểu cho lớp người ưu tú. Kể cả lớp người tiền phong, mà điển hình là cụ già...

— Anh đoán đúng lắm. Tại sao, tại sao những người thiện trong nhà tù năm ấy lại chỉ là những người rất trẻ, còn đang đi học. Hơn chút nữa là hai chú ngoại quốc không liên quan gì đến dân tộc mình? Vậy những gì chúng ta học trong nhà trường, bắt buộc một ngày kia phải méo mó để thay vào đó những khả năng lọc lừa, phản trắc với cuộc đời? Cuộc đời chúng xấu xí đến thế sao?

Cậu bỗng chồm người về phía bạn:

— Ngay cả chính tôi! Chính tôi có tốt đẹp gì không? Nhiều lần tôi đã tự

đặt câu hỏi này. Ngày ấy tôi còn quá nhỏ, chưa biết giá trị của vật chất, đồng tiền, cũng chưa rõ thật sự thế nào là hiểm nguy tù tội. Tôi vào tù, ra tù như đi chơi. Nên tôi thánh thiện cũng phải. Cả anh sinh viên cũng vậy. Nếu lúc đó chúng tôi đã trưởng thành, có vợ con, từng đổ mồ hôi tranh đấu cho miếng ăn manh áo của mình, liệu có giữ lòng bình thản trong nhà tạm giam ấy khi thấy quyền lợi mình bị xâm phạm?

Người bạn đưa tay ngăn lại:

— Anh nói cũng có lý lắm. Nhưng câu chuyện của anh đúng ra chưa dứt ở đó. Sau này anh còn về Sài Gòn sống, hình như cũng chật vật lắm. Rồi qua bên này, cuộc sống lưu vong đâu có sung sướng gì. Có khi nào anh thấy vượt biên giới từ thiện qua ác chưa? Và anh tự coi mình như thiện hay ác?

— Ác thì không ác. Nhưng cũng chẳng mấy thiện gì—gương mặt cậu học trò bỗng trở nên trầm ngâm. Anh có biết tôi đã bỏ lời hứa vào đạo Công giáo? Lời cầu nguyện năm ấy thật nông nổi, cũng như nhiều lời cầu nguyện sau này. Cứ gặp khó khăn, nan giải là tôi tìm đến Thượng Đế, hứa này hứa nọ, sóng gió qua rồi lại quên khuấy, thấy tôn giáo quá mê tín dị đoan. Còn cái biên giới thiện ác, thú thật nhiều lần tôi đã vượt qua. Nhưng vượt qua chỉ để giải quyết vấn đề trước mắt thôi, sau lại trở về chiến tuyến cũ. Tôi tự đặt cho mình những hàng rào bên kia biên giới, vượt thì vượt nhưng bất cứ giá nào cũng không thể vượt qua hàng rào đó. Nên tôi thấy mình cứ thiện thiện ác ác thế nào.

— Những điều anh nói cũng bình thường thôi. Chúng ta ai cũng có những giây phút yếu đuối. Bản chất con người là muôn mặt, không thể đòi hỏi một mẫu người tuyệt đối nào. Nhưng tôi nghĩ, vấn đề làm anh khổ tâm nó sân lắm. Có phải anh đã đặt lại cả giá trị nòi giống, xã hội, chính nghĩqa của mình? Chủ nghĩa cộng sản hẳn nhiên anh không chấp nhận. Nhưng đôi khi anh đã bàng hoàng nhận thấy—một cách khổ sở—rằng những gì phía bên kia nói cũng có phần có lý. Xã hội miền Nam là một xã hội sống trên lợi nhuận, chia thành phần giàu-nghèo: những phần tử sống trong ấy rốt cuộc chỉ là những người chạy đuổi theo vật chất—nhất là giới người thành công hoặc được ưu đãi, có thể nói đa số là ích kỷ, cầu an. Căn phòng tạm giam năm ấy như mẫu thí nghiệm nhỏ được trích ra từ xã hội. Trong mẫu ấy., anh chỉ thấy toàn những thành phần xấu, không đáng theo gương...

— Lý luận ức đoán của anh tài lắm. Thật vậy, kỷ niệm đen tối ấy đã đeo đuổi tôi suốt bao nhiêu năm. Nhất là những phút chán nản, thất vọng, tôi thấy mình và đất nước mình không có nghĩqa lý gì tốt đẹp cả. Những người chủ trương cưỡng chiếm miền Nam hẳn không tốt đẹp, nhưng những người lãnh đạo cũ của chúng ta có hơn gì không? Cuộc tháo chạy của họ tháng tư bảy lăm cùng gia đình và của cải có phải là tấm gương cho chúng ta noi không? Trại tạm giam năm ấy, nơi tôi sa vào, đã cho thấy thêm bộ mặt trái của nhiều lớp người khác, có thể gọi là ưu tú của xã hội chúng ta: cụ già, ông quan thuế, ông thôn trưởng Phan Thiết, ông kỹ sư... Qua bên này, tôi muốn

lánh xa cộng đồng Việt, thêm với những tai tiếng, xích mích giữa cộng đồng, nói thật với anh, tôi đã mất hẳn niềm tin.

Người bạn nhổm lên có vẻ muốn phản đối. Cậu học trò giơ tay ngăn, mỉm cười. Cậu dụi tắt điếu thuốc, đứng lên tiến về phía tường kính, nhìn ra bên ngoài. Từ cuối chân trời, vầng thái dương đang từ từ lên, nhuộm hồng tất cả các cao ốc và đại lộ bằng ánh sáng ban mai mới mẻ. Người bạn vẫn ngồi chỗ cũ, yên lặng nhìn bóng cậu sẫm dần trên nền trời hồng.

Tôi biết—cậu học trò cất tiếng, nụ cười như chưa tắt—anh đang nhìn tôi bằng đôi mắt thương hại, anh lo sợ, anh tự thấy có bổn phận phải cứu vớt một linh hồn lạc hướng? Anh cũng không lầm mấy đâu! Những câu hỏi, xoay trở ấy dằn vặt tôi rất lâu, cho đến cách đây mấy năm tôi còn thường tự đặt lên mình, loay hoay tìm cách lý giải. Trại tạm giam Phan Thiết giống như cơn ác mộng kinh khiếp lỡ gặp một lần rồi không bao giờ quên được. Nó nằm lại trong tôi, làm lu mờ tất cả mộng đẹp khác đến với tôi sau này. Nhưng thời gian, như chúng ta thường nói, đúng là một liều thuốc hữu hiệu. Từ từ, tôi bớt cay đắng và cảm thấy mình vô lý. Có gì bảo đảm cái mẫu tù trích ra từ xã hội ấy là một mẫu trích khách quan? Có cơ quan thống kê, xác suất nào đứng ra thăm dò, cử người đi tìm đại diện của mỗi từng lớp xã hội để bỏ vào cái mẫu thử ấy? Trái ngược lại là khác. Nếu cái mẫu ấy không ác một cách ngẫu nhiên thì phải ác một cách vô ý. Này nhé, nếu chủ tàu—những người này lại lôi kéo, rủ rê bạn bè họ—đều là những phần tử có liên quan xa gần. Chúng ta có thể giải thích bằng phản ứng dây chuyền này. Hãy chỉ cho tôi người bạn anh, tôi sẽ nói anh là người như thế nào. Ngoài ra, còn điều này nữa, tôi đã kể ngay từ đầu là chuyến vượt biên đông lắm. Nhưng tổng cộng phòng giam đàn ông chỉ có sáu người bị bắt, cùng với một số ít bị coi là nguy hiểm, đặc biệt giam riêng. Vậy những người chạy thoát là ai, có thể đa số họ là những phần tử thiện chăng? Nếu chúng ta đi xa hơn, vào lĩnh vực siêu hình, thì tôi và anh sinh viên năm ấy chỉ là hai phần tử thiện bị bàn tay siêu hình rút lầm, do đó chỉ ít lâu sau thì được thả. Anh thấy có hợp lý không? Có thể anh cho là hơi lố bịch. Bởi chúng ta dư biết có những người thiện vẫn chịu oan ức, khổ nạn, dù là những người tin nơi tôn giáo? Nhưng tôi có thể bẻ lại anh rằng Đấng Siêu Hình có toàn quyền làm theo ý người. Những oan ức khổ nạn ấy có thể là những thử thách, những dịp rèn luyện niềm tin. Dù có phải chết mất chăng nữa thì có thể là lúc Thượng Đế muốn cất người ấy lên, hay nói theo nhà Phật là trả một món nợ tiền kiếp. Vậy Thượng Đế có thể đoán phạt công bình hay không do nhiều lẽ sâu xa, và chuyến vượt biên năm ấy của tôi là một dịp cho đoán phạt công bình... Nhưng thôi, chúng ta đừng đi quá xa, vì đây là những lĩnh vực mơ hồ chưa ai chắc chắn được.

Người bạn vẫn ngồi yên, nhưng nét mặt anh có những biến đổi rất mạnh. Cậu học trò không quay người, tiếp tục nhìn ra sắc trời hồng ửng bên ngoài.

— Như anh nói, cuộc đời tôi không chấm dứt ở đó. Mấy năm lăn lóc ở Sài Gòn, chuyến vượt biên thứ hai đầy gian nan, cuộc sống lưu vong cô đơn và

đầy cám dỗ bên này... Trong những năm ấy, tôi đã có dịp gặp gỡ bao nhiêu phần tử khác, ở mọi lứa tuổi, giai tầng, họ cùng chung hoàn cảnh như tôi, nhưng đã đến với tôi, giúp đỡ hoặc cho tôi nhiều lời khuyên rất chân tình. Họ đến, không vì lợi lộc, nhưng thuần túy bằng tình cảm. Hành động, cách sống của họ làm tôi lạ lùng. Họ như một loài cây tốt mọc lên từ nền đất, gặp giông tố bão táp vẫn trơ mình, nhẫn nhục mà đứng, dù cách gì cũng không chịu ngã rạp hay biến dị cong oằn. Họ là những tấm gương soi cho tôi thấy thêm một khía cạnh của cuộc đời, nhưng tôi lại thường vô tình—hay cố ý muốn quên đi, chỉ thích nuôi nấng mãi nơi mình một kỷ niệm cay đắng riêng tư... Anh hãy nhìn lịch sử thế giới, nhiều khi chỉ có thiểu số xấu xa, nhưng việc làm của thiểu số ấy có ảnh hưởng lớn, gây kinh động mọi người. Chúng ta không thể vì vậy kết luận rằng bản chất bẩm sinh của con người là xấu. Chúng ta không thể nhìn phiến diện. Chính số đông còn lại, thường khi rất kín đáo, trầm lặng hay chịu thiệt thòi mới là những người đáng kể. Giang sơn gấm vóc của chúng ta từ đâu mà có, những cuộc xâm lăng của nước lân bang khổng lồ nhờ đâu bị đẩy lui, có phải là nhờ cái số đông trầm lặng dưới hướng dẫn của một người sáng suốt? Vốn kiến thức, đạo đức tốt đẹp mà chúng thừa hưởng từ tổ tiên, cha mẹ, được dạy từ nhà trường, có phải là phản ảnh tinh thần của số đông ấy? Và họ hy vọng chúng ta sẽ tiếp nối, đứng vững. Biến đổi, méo mó hay không là tùy ở mỗi phần tử chúng ta. Cái số đông thầm lặng là một cái nền, những gì mọc bên trên có thể hoa hòe hoa sói hay gai góc, đầy chất độc, nhưng chúng cứ tàn lụi đi và cái nền vẫn còn đó, mãi mãi. Chúng ta sinh ra vào một thời buổi mà đất mọc toàn xương rồng, độc chất nhưng chúng ta không thể vì vậy mà quên mất cái nền, cái số đông bất biến. Tôi đã nhận ra điều đó, anh à. Bây giờ thì trong trí nhớ tôi, số đông ấy đã lại đến, soi thêm một lần nữa vào cái bộ óc khúc mắc thích lý luận, tìm tòi nhưng lại rất hạn hẹp của tôi. Họ làm cho tôi thấy cuộc đời còn rất đẹp. Và cái biên giới thiện ác, thật ra còn rất nhiều, rất nhiều người không bao giờ chịu vượt qua.

Từ lúc nào, người bạn đã đến bên cậu học trò. Những điếu thuốc dụi tắt từ lâu, khói mờ trong phòng tan loãng hết. Hai người bạn thân ái khoác vai nhau. Bên ngoài bây giờ, vầng thái dương trên cao đã vàng ửng, chói lọi và rực rỡ.

NGỌC KHÔI



**CAO ĐÔNG KHÁNH**

# đàn ông của bentha

● tặng k. trường

*Tại anh xuống núi ra đời*
*Em ngồi ướt nguyệt đã mười bảy năm*
*Cây cà phê lớn cưu mang*
*Phía sau lưng Phật phòng không lạnh lùng*

*Tại anh nổi lửa cho nồng*
*Cánh tay ôm, một, hừng đông tức thì*
*Hoa ngàn cánh mỗi chu vi*
*Giác quan sắc nước hương trời hở ra*

*Tại anh đội lốt người ta*
*Cửa không mưa gió vào ra lộng hành*
*Thẹn thùng em đỏ, em xanh*
*Dạ thưa, từ đó cũng đành vậy thôi*

*Tại anh ra đứng hình trời*
*Tại anh giống đực mở lời lâm ly*
*Tại anh nội bộ hình mây*
*Mưa trên đời sống cỏ cây nẩy mầm*
*Tại anh ngoại bộ hình rồng*
*Tại anh từ lúc lộng hành thâm cung*

*Dẫu đi cho tới vô cùng*
*Tại anh tại một chỗ cùng cực anh*

CAO ĐÔNG KHÁNH



LƯU NGUYỄN

# xem tranh

*Khi dòng nhạc cuồn cuộn những âm thanh thác đổ*
*Luân Hoán tháo kính từ tốn lau*
*rồi chậm rãi ngước nhìn*
*vùng thảo nguyên bạt ngàn*
*thăm thẳm sắc màu gợi nhớ*

*Hồ Đình Nghiêm chăm chú*
*thả từng đợt khói*
*bay bay trên những mái tóc vàng, tóc đen, tóc nâu lượn lờ*
*chập chờn*
*như đàn bướm giữa rừng hoa hoang dại*
*từ thuở sơ khai*
*đất vuông trời tròn tinh nguyên mịt mờ trí tưởng*

*Song Thao trầm tư*
*dõi theo vệt sáng huyền hoặc*
*từ những đồi núi trùng điệp*
*nối tiếp bởi những cánh rừng nguyên thủy*
*nhấp nhô giữa sóng nước*
*cồn cát chạy dài theo bờ cỏ hắt hiu*

*Nguyễn Minh Đức nụ cười rạng rỡ*
*bên bức tranh người con gái tóc dài*
*chân tròn trên cát*
*giữa vùng biển lặng đìu hiu*
*không gian mờ ảo trăng tròn*
*ẩn hiện sau màn mây mỏng*
*vẫn lồng lộng nét quyến rũ liêu trai*
*niềm vui dường như có thật*

*Tôi lặng nhìn*
*nâng ly rượu long lanh màu hổ phách*
*dấu hỏi chợt đến như một chút ngại ngần*
*có phải*
*thơ đã khởi đi từ đó?*

LƯU NGUYỄN



TẠ DUY ANH

# cứu rỗi*



LTS: Lão Khổ *là một tiểu thuyết ngắn. Ngắn - so với những trường thiên dài vài nghìn trang của các nhà văn hải ngoại - nhưng lại vẽ được khá điển hình một giai đoạn ngợp ngụa máu và nước mắt của lịch sử Việt Nam cận đại (và hiện đại), xuyên qua câu chuyện tranh chấp, thù hằn khốc liệt giữa hai chi phái một tông họ, ở một làn quê chỉ "nhỏ bằng bàn tay".*

*Nhân vật chính của truyện là Lão Khổ.* Lão Khổ - tất nhiên còn trong bụng mẹ chưa có tên - tòi ra trong một cái ổ rơm chỉ nhỉnh hơn cái ổ chó tí chút và vì kiệt sức do đó mẹ lão ngất liệm luôn. Lúc tỉnh dậy mụ thấy con mụ hai mắt he hé mà tay đã đưa lên miệng mút choầm choặp, xung quanh bầy kiến lửa đang bu đến, một vài con đã bám được vào sợi rốn. Chỉ chậm tí nữa con mụ đi đứt. Mụ mếu máo gỡ lấy con, nặng: "Con mẹ khổ từ trong bụng, khộ, khộ..." Cái tên Khổ có thể vì thế mà thành (tr. 10). *Điểm đặc biệt: chính cái tên "vì thế mà thành" lại vận đúng vào số mệnh của người mang nó:* Đời lão Khổ là một bằng chứng cho sự long đong của kiếp người. Mười sáu tuổi đi ở chăn trâu cho địa chủ, đói rét, đòn roi nhục quá kiếp chó. Lúc đi theo cách mạng thì đúng vào thời kỳ đen tối. Ăn hầm, ngủ hố, chỉ cứ trốn mấy thằng cháu Chánh tổng cũng đủ nhược vảy. Vừa mới có quyền trong tay thì cải cách ruộng đất, thành ngay thằng Quốc Dân Đảng. Sau tám tháng cùm chuồng trâu lại thành chiến sĩ cách mạng. Ngót mười năm lặn lội thân cò, hiến cho sự nghiệp đến cả giọt nước đái... để bị qui là "chui vào tổ chức với dụng ý phá hoại ngầm". Về nghỉ chúng cũng không cho yên... (tr. 19).

*Cuộc đời "nhục quá kiếp chó" của lão Khổ gắn liền với làng Đồng, nơi suốt*

*mấy mươi năm mọi người buộc phải hô hấp bằng một thứ dưỡng khí ngột ngạt độc tố: thù hằn, giết tróc, với bao cảnh đời thay trắng đổi đen, lên vua xuống chó tắm đẫm máu và xác người. Nhưng lạ lùng thay, trong bóng tối địa ngục kia lại bật lên một tình yêu vừa hoang dã vừa thánh thiện. Đó là chuyện tình của con trai lão Khổ - Hai Duy - và con gái một địa chủ, kẻ thù không đội trời chung với giai cấp bần cố nông, mà lão Khổ là một điển hình tiêu biểu.*

*Trước đây vài năm dư luận độc giả trong, ngoài nước từng xôn xao với truyện ngắn* Bước Qua Lời Nguyền *cũng của nhà văn Tạ Duy Anh. Bước qua lời nguyền, bước qua thù hận, để hướng về tương lai. Đó là thông điệp nhà văn này gởi đến chúng ta bốn năm năm trước, nay, với Lão Khổ, chủ đề kia được tái hiện và được soi rọi triệt để hơn. Dưới đây là vài chương (chúng tôi lược bỏ những con số La Mã cùng tiểu đề riêng của mỗi chương vì thấy không cần thiết) trích từ tiểu thuyết* Lão Khổ. Hợp Lưu *hy vọng, qua những trang sau, độc giả sẽ phần nào nắm bắt được cái phần ngầm nằm sau các con chữ.*

*Tưởng cũng cần nói thêm: ở tiểu thuyết này, Tạ Duy Anh đã sử dụng một kỹ thuật tương đối khá mới so với văn chương... hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong vòng mấy mươi năm qua. Toàn bộ cuốn sách (dày 200 tr.) gồm hai phần và XX chương. Mỗi chương là một phân cảnh biệt lập, có tiểu đề riêng, giới thiệu nhiều mảnh đời, mảnh quá khứ "ngoài rìa câu chuyện" (chữ của tác giả), từ bần cố nông đến địa chủ, tôi tớ, tay sai ưng khuyển... Tuy có vẻ rời rạc, nhưng khi lắp ráp lại theo tiến trình triển khai hệ thống, độc giả sẽ có ngay một bức tranh hoành tráng khá hoàn chỉnh, ghi lại rất điển hình một bối cảnh, trong một gia đoạn có thể nói là nhiều biến động tàn bạo nhất của lịch sử cận đại Việt Nam.*

**Hợp Lưu**

*

Trong sáu đứa con, lão Khổ Luôn luôn buồn phiền với cậu con thứ hai. Hôm đẻ nó lão đang học lớp lý luận ngắn hạn về quản lý hợp tác. Lão đạp xe đến sông Đáy thì trời đổ mưa bão. Chưa có trận mưa nào khủng khiếp như trận mưa năm ấy. Chỉ một tẹo nữa lão Khổ mất xác cho thủy thần.

Lão khổ sắp chết rét khi bước vào nhà. Lão rón rén đến bên màn, dùng đèn soi mặt đứa con chưa rụng rốn. Lão Khổ khẽ cau mặt: con lão chỉ vừa bằng con mèo. Lão liếc mắt nhìn vợ, nửa thương xót, nửa buồn bực. Dường như việc bà cho ra đứa con trai thứ hai không đúng lúc.

Hôm sau, trước khi trở lại trường, lão Khổ lựa lời an ủi vợ:

- Nhà cố gắng ăn uống lấy sữa cho con bú, tôi bận quá.

Bà Khổ đang rầu ruột vì con, nhìn lão bằng cặp mắt buồn bả, trách móc:

- Ông không ở lại thêm được à. Ngộ nhỡ đêm hôm có chuyên gì tôi biết cậy ai?

Lão Khổ coi đó như lời kêu ca bẩm sinh của đàn bà, đáp thản nhiên:

- Mỗi người phải cố gắng một tí mới được. Ngày mai chúng tôi có cuộc thảo luận. Mọi người đang xem xét mô hình xây dựng nông thôn của tôi. Sẽ có an dưỡng đường cho người già, ấu nhi viện cho trẻ con. Làm sao lại thiếu cái mặt tôi được.

- Vứt mô hình mô tàng của ông đi. Ông chỉ độc lo đâu đâu trong khi con mình đẻ ra thì bỏ.

Lão Khổ không tìm được cách gì đả thông cho vợ. Đàn bà họ nông nổi lắm, biết gì đến những kế hoạch xoay trời chuyển đất của lão. Lão cúi xuống sờ nắn thằng bé một lát rồi cả qwuyết dắt xe ra ngõ.

Bà Khổ nước mắt vòng quanh, chỉ còn biết nhìn theo chồng thở dài.

Đừng nghĩ lão Khổ phí hoài con. Lão có một kiểu thương con khác người. Lão rèn con như rèn sắt từ tấm bé. Thấy con lão sài đẹn, bé quắt queo, lão cũng xót ruột lắm. Nhưng lão được người ta giáo dục quá cẩn thận về tinh thần hy sinh. Cá nhân, gia đình, làng xã cho đến cả dân tộc, quốc gia... là những yếu tố cản trở thế giới đi đến đại đồng! Lão có sứ mệnh lớn lao phải hy sinh trước. Nếu con lão vì lý do nào đó, chẳng hạn do thiếu lão mà chết, lão có đầy đủ lý luận để chứng minh cho vợ lão hiểu, đấy là một trong hàng ngàn biểu hiện của lònh hy sinh.

Bà Khổ không thể nào để lọt vào tai được những thứ lý luận cao siêu của chồng. Lòng hy sinh lớn nhất của bà là giành cho con. Bà cảm nhận điều đó từ thiên bẩm làm mẹ, chứ không phải do các đấng cao đạo rao giảng. Bà thấy chồng bà thật vĩ đại mà có cái gì tàn bạo quá. Con mình dứt ruột đẻ ra không thương, lại cứ sồn sồn lo thiên hạ không thương yêu nhau.

Giữa lúc trên diễn đàn, lão Khổ nhận được hàng ngàn lời tung hô về mô hình nông thôn của lão, thì thằng Hai Duy đang bị co đi giằng lại giữa một bên là bà Khổ, với bên kia, mụ thần chết không kém quyết liệt.

Tan khóa học, lão Khổ hăm hở trở về. Lão thấy con trai lão đã có da có thịt. Nhưng lão làm gì có thời gian để nghe vợ kể lể về đủ thứ cơ cực bà phải chịu. Lão mãi mong bắt tay ngay vào kế hoạch do lão đề xuất, với hy vọng lão cũng chính là người thực hiện đầu tiên.

Thằng Hai Duy khác hẳn với các anh chị nó. Nó ốm yếu, đen đủi và nhút nhát. Ngày ngày nó tha thẩn chơi một mình trong cái góc khuất nhất. Nó không thích những đồ chơi có sẵn. Bù lại, nó tự tạo ra những con vật bằng đất. Thường thì nó làm hỏng hầu hết những đồ vật trong nhà. Nó khóc thảm thiết khi ai đó bẻ gãy đầu con búp bê nhồi trấu. Đêm ấy nó mê sảng, thỉnh thoảng lại kêu thét lên. Ngày thường thằng Hai Duy hay hỏi mẹ ban đêm con mèo, con trâu ngủ thế nào, có chăn màn không... Bà Khổ không tài nào trả lời xuể, gắt:

- Hỏi bố mày ấy!

Thằng bé liền im bặt. Nói đến bố, ba hồn bảy vía nó thất tán đâu mất.

Dường như suốt thời gian ấu thơ, thằng bé cứ bị ám ảnh bởi hai điều. Vì sao có nó và khi chết người ta thành cái gì. Đêm ngủ một tay nó đưa lên miệng

mút, còn tay kia túm vào "quả ớt" nảy ra ở giữa háng. Một cái gì đó tuyệt đối bí hiểm đang âm ỉ dịch chuyển quanh thắt lưng thằng bé.

Người hay dạy thằng bé nặn đồ chơi bằng đất thó là lão Phụng (chú thích của Hợp Lưu: Lão Phụng khố rách áo ôm, nghèo đến không thể nghèo hơn nữa, và nát rượu. Vì nát rượu, lão có thể làm bất cứ chuyện gì, kể cả những chuyện thối tha vô đạo nhất, miễn người ta cho lão uống rượu!). Thoạt đầu lão nặn quả cam rồi hỏi: "*Đây là cái gì?*".

Thằng bé đáp:

- Quả cam.

- Cậu thông minh như thần. Lão Phụng vuốt dài ra một tí hỏi:

- Thế đây là *cái gì?*

- Quả trứng.

- Chà, cậu là thánh thật rồi.

Lão Phụng vuốt dài như ngón tay, khẽ khía một nhát ở đầu, hỏi:

- Đây là cái gì?

- Cọ cá sộp.

- Ối cha, con cá sộp mà không có mắt. Cậu nhớ xem nó giống cái gì của bố cậu?

Thằng bé nghệch mặt, chịu chết.

Lão Phụng lại nắn một vật dài dài như chiếc lá, hõm một chút ở giữa, hỏi:

- Còn cái này?

- Thuyền! - Thằng bé đáp hào hứng.

- Thuyền sao lại có lỗ thủng?

Thằng bé không tài nào đoán được. Lão Phụng lắp hai vật vào nhau, cười tít mắt:

- Sau này lớn cậu sẽ hiểu. Sướng lắm, sướng quắn đít lại cơ. Đệ nhất tứ khoái đấy ông mãnh ạ. À, cậu có muốn "biết" hay không? - Lão Phụng nhìn thấy cái Tâm, con lão Tự, liền nghĩ ra trò ma mãnh - cậu muốn "biết" ngay tôi mách.

Thằng bé mắt sáng rực, gật đầu. Lão Phụng chõ mõm qua bờ dậu, gọi to:

- Con Tâm, ai cho mày nhặt hoa rụng ở đấy. Sang đây ông bảo.

Con Tâm sợ dúm cả người, buông rơi giỏ hoa, mắt mở to như ốc nhồi, ngơ ngơ ngác ngác nhìn quanh.

- Chui rào sang đây!

Con bé thét lét đến gần.

- Cậu Hai muốn biết "đệ nhất khoái", mày phải chiều cậu.

Con bé không hiểu điều đó nghĩa là gì, nó phải chiều cậu Hai như thế nào. Lão Phụng muốn bật cười nhưng vờ cau mặt:

- Bố mày ngày xưa hãm hiếp thiên hạ, nợ máu nhà cậu Hai đây. Đến đời mày, mày phải lo mà trả, nghe chưa? Tụt quần ra!

Con bé run bần bật lần tay kéo cạp quần. Da thịt nó trắng như trứng bóc, giữa hai đùi là một vệt nhỏ mảnh như nét chì.

- Cậu Hai "muốn" không? - Lão Phụng cười đểu giả, mắt hấp háy nhìn thằng bé đang đần mặt như dặn ỉa. Nó biết thẹn nhưng không thể quay mặt đi nhìn chỗ khác. Nó thấy nguy mất rồi khi con chim như bị ai thổi hơi vào. Lão Phụng nhanh tay tụt quần thằng bé, cười hi hí:

- Thế là cậu cũng hơi "biên biết" rồi đấy. Con kia, nằm xuống!

Con bé gần như ngã ngửa ra đất.

- Nào để cậu Hai "biết" một tị xem mùi đời nó chua chua mặn mặn ra sao.

Thằng bé như cái xác không hồn, để mặc lão Phụng điều khiển. Lão bế thằng bé đặt lên bụng con bé, dùng tay ấn ấn vào mông nó.

- Cậu có thấy "rủn tỷ" không?

Thằng bé cứng đơ như phỗng, không còn biết nó đang làm gì. Lão Phụng mãn nguyện ngửa mặt lên trời cười ằng ặc.

- Thôi nào, không cậu mệt. Bọn địa chủ chúng mày chỉ là trò chơi của tụi ông thôi, cậu nhỉ!

Lão cười rung cả bụng:

- Ha há! Bần nông đè địa chủ! Bần nông đè địa chủ...

Thằng bé lớn thêm chút nữa nó được bố kể rằng, lão Tự ngày xưa chính là kẻ từng giết gần hết các cô chú nó xưa kia. Nó không thể tin một người như lão Tự lại có thể giết được ai? Lão sống hiền lành nhu mì như hòn đất. Con cái lão bị bỏ đói, quanh năm ăn lá và hoa rụng; thoáng thấy bọn trẻ trong làng, chúng sợ chết khiếp. Ngay cả lão Tự cũng tránh lũ trẻ như bầy sói con. Dù lão im lặng, bọn trẻ vẫn bu vào, dùng que chọc lên những vết ghẻ lở ở chân tay lão. Rồi một đứa bắt nhịp "hai - ba" cho cả bọn đồng thanh gào lên:

- Địa chủ! Hai - ba... Địa chủ... mút cu nhân dân...

Lão Tự méo xệch mặt, dở khóc dở cười, dùng tay đẩy bọn trẻ con khỏi túm áo lão. Tuy thế có đứa trẻ lăn xả vào cắn xé, giật áo lão rách xoàn xoạt. Lão Tự vừa đưa tay giữ quần, vừa van xin thảm thiết:

- Thôi, thôi, đừng mà, tôi chỉ có một bộ quần áo... Đừng mà.

Những lúc ấy thằng Hai Duy thấy nó rất oách vì có tới bốn cô chú bị lão Tự giết! Nó hả hê nhìn lão Tự run lẩy bẩy đang lần tìm những mụn vải bay tứ tung trên cỏ. Chờ bọn trẻ tản đi, lão Tự mới ngồi xuống buộc túm những chỗ áo bị xé. Đoạn lão lủi thủi nhất chiếc nón mê, ôm ngực ho sù sụ, nước mắt chảy thành giọt xuống mũi. Đang hung tợn, thằng hai Duy chợt thấy lòng dịu lại khi lão Tự khóc. Nó chưa được tôi luyện để có thể như bố, coi thường nước mắt. Một bận nó được tận mắt thấy sự cứng rắn của bố. Hôm ấy lão Tự đến nhà bố, rách rưới, hôi hám như một lão ăn mày. Lão quì mọp trước bàn thờ ông nội nó, dập đầu sát đất rồi cứ thế bò đến ôm chân lão Khổ.

- Cháu xin ông! Cái thời ấy dù sao cũng đã qua rồi. Ông nới tay để chị em con Tâm được ơn Huệ trời biển. Các cháu nó chẳng có tội tình gì.

Bố ngồi trên sạp, mặt đanh thép:

- Ông oán trách số phận lắm à? Ông đã sớm quên những việc ông làm quá đấy.

- Ông ơi! - Lão Tự ôm diết chân bố nó - cháu biết ông cho sống được sống, bắt chết phải chết, chúng cháu đâu dám oán. Nhưng còn các cô các cậu bên này và các cháu bên nhà. Ông đòi nợ cháu thôi chứ đừng để chúng nó đòi nợ nhau. Bây giờ ông là vua của cái xã này, một lời của ông cả nhà cháu thoát kiếp chó, cháu xin ông mở lượng hải hà, nhón tay làm phúc. Đời người chỉ ngắn tày gang. Ông cũng là bố, ông hiểu nỗi chua xót của một ông bố khi để con mình đói. Đúng là các cháu nó đói quá.

Lão Tự đưa tay quệt nước mắt, nhìn bố nó như con chiên phạm tội đợi đấng bề trên ân xá. Bố nó vẫn lạnh lùng:

- Không đời nào tôi quên được mối thù với ông. Phải để con cái ông nó thấu tội ác của bố nó. Đời cha ăn mặn, đời con khát nước là luật từ thượng cổ, không ai đổi được. Chúng tôi để ông sống là phúc lắm đó.

- Vâng! vâng! Ông bắt cả nhà cháu làm chó cũng vẫn phải lẽ. Cháu có dám đòi gì đâu. Cháu chỉ thương các cháu sau này. Cậu Hai với con Tâm cũng vô tội như nhau thôi...

- Ông nói láo! - Bố nó nhảy chồm lên - Mãn kiếp cũng không có điều đó. Cừu non không thể làm bạn với chó sói được.

Lão Tự lom khom đi giật lùi ra cửa. Bọn trẻ con càng được thể hành hạ bố con lão. Lão tiều tụy từng ngày vì phải làm cật lực. Vợ con lão cũng phải làm cật lực. Rồi vợ lão đổ bệnh, nằm liệt giường liệt chiếu. Chẳng rõ mụ bị bệnh gì mà bụng cứ thối từng vùng, nước vàng rỉ ra, khắm như cóc chết. Lão Tự đem chút sức tàn cuối đời đánh vật với miếng đất bé tí tẹo để kiếm sống. Đến mùa lão đi mót thêm. Lão dò dẫm tìm khoai sót. Được củ nào tươm tất lão chùi ngay vào vạt áo rồi đưa lên miệng nhai trệu trạo. Có bận trẻ con lập mưu lừa lão. Chúng chọn một củ khoai thật ngon, xiên một lỗ nhỏ rồi nhét cứt trâu vào. Chúng cử đứa nào đó vờ lên mặt tử tế chạy đến giật áo lão Tự:

- Lão Tự ơi, cho lão củ khoai này.

Lão Tự ngây người một lát rồi nhìn lảng đi chỗ khác.

- Cho thật mà!

Lão Tự run run cầm củ khoai, nhét ngay vào giỏ.

- Lão phải ăn cơ!

Lão Tự đành móc củ khoai ra, lau lau vào áo rồi đưa lên miệng. Khi lão biết mình bị lừa thì cứt trâu đã dính đầy mồm. Lão nhổ thốc nhổ tháo trong tiếng cười nắc nẻ của bọn trẻ.

Tối về lão đưa khoai cho con Tâm, bảo đem luộc. Bố con lão chụm đầu bên rổ khoai dưới ánh đèn leo lét. Lão Tự co gối ngang cằm, trông giống một bộ xương lóc hết thịt. Bố con lão ăn vội ăn vàng vì rất sợ đội tuần tra của lão Khổ. Họ sẽ bắt lão cung khai khoai mót ở đâu, ai làm chứng. Bởi vì "cơm nhân dân có thể nuôi chó chứ không thể nuôi bọn bóc lột".

Lão Tự kiệt sức dần cho đến ngày chính lão ăn đâu ỉa đấy. Chị em con

Tâm thay bố đi mót khoai. Một hôm lão đang ăn củ khoai thì tắt thở. Lão chết đói.

Không còn ai trêu chọc, bọn trẻ quay ra hành hạ chị em con Tâm. Con Tâm càng lớn càng xinh. Quanh năm nó mặc đi mặc lại bộ áo vải nâu, vá chằng vá đụp. Bọn trẻ trong làng thường móc tay vào chỗ áo rách của nó để kiếm cớ sanh sự. Những năm ấy thằng Hai Duy đã lơn lớn. Nó bắt đầu biết rình nghe lỏm những cuộc nói chuyện kín của anh chị dân quân xóm nào đó, thường tụ tập ở nhà nó. Sau khi đi tuần quanh làng, gần sáng đám các anh chị này trở lại nhà nó lăm ra ngủ. Có hôm tỉnh giấc nó thấy nó bị ép giữa hai chị dân quân. Bỗng một chị mê sảng cứ ôm riết nó vào ngực, tay mân mê tìm kiếm xoắn xuýt vật gì đó... Mặt nó bị áp giữa hai trái vú nóng rực. Nó vờ nằm im. Chợt chị dân quân cầm tay nó đặt vào lòng mình. Nó tưởng nghẹn thở. Con tim bé nhỏ lồng lộn nhảy múa.

Bỗng một dạo, con Tâm kiếm đâu được chiếc áo mới. Khi mặc chiếc áo ấy, con Tâm đã ra vẻ người lớn. Từ ngày lão Phụng bày trò cho hai đứa ôm nhau, thằng Hai Duy đâm ra hay vơ vẩn mỗi khi thấy con bé đi lượm hoa dại. Bất cứ loại hoa gì con bé cũng có thể nhấm nháp. Chị em nó chỉ ăn hoa, lá mà đứa nào cũng xinh như tiểu thiên thần. Nhà ở rìa làng nên chị em con Tâm quen hồn nhiên như những con vịt trời. Tuy con Tâm đã mười ba, nó vẫn lội xuống máng tắm truồng. Nó đập bì bõm, té nước lên mặt rồi đưa tay kì cọ. Từ dạo phát hiện ra điều đó, thằng Hai Duy thường thả trâu quanh quẩn đoạn máng con Tâm hay tắm, Nó chờ mỏi mắt cho đến khi mặt trời lặn, là thời điểm con bé xuất hiện. Mắt nó nhòa đi khi con Tâm lần lượt phơi ra từng mảng thịt trắng ngần. Tùm! Thằng bé giật thót mình. Nó cuống cuồng lần về phía bờ máng. Nó thộn mặt ra nhìn con bé chỉ hở từ đoạn cổ trở lên. Chợt con Tâm trở lại bờ, toàn thân bóng loáng nước. Một bận con tâm bắt quả tang thằng Hai Duy nhìn trộm nó. Nó đưa vội tay che xuống dưới, cười khanh khách:

- Ê cậu Hai nhìn... cháu tắm nhé. Ê, bỏ mặc trâu ăn lúa, Ê, mù mắt, mù mắt...

Thằng bé sợ cuống cuồng, con Tâm càng cười to:

- Cậu có tắm không, cháu kì cho...

Liền đó nó lao tùm xuống nước, đập bì bõm, kêu với lên:

- Mát quá! Mát quá!

Thằng bé ù đặc hai tai, quay gót chạy thẳng, mặt chín dừ. Nó trở nên hay mơ mộng những điều giống như trong truyện cổ tích. Nó tưởng tượng nó cùng con Tâm cưỡi trâu bay lên trời. Chốc chốc con bé lại reo lên "mát quá, mát quá". Một hôm con Tâm bạo dạn bảo nó:

- Từ giờ cậu đừng mắng cháu nữa nhé. Người ta bảo cháu lớn tí nữa phải nộp mạng cho cậu, để trả nợ hộ bố cháu.

Thằng bé bắt đầu biết khổ sở với những giấc mơ. Nó láng máng hiểu rằng, không phải vô cớ mà người này là đàn ông, người kia là đàn bà.

Cậu bé Hai Duy bắt đầu biểu lộ những tình cảm căn ghét bố. Nhiều lúc cậu thầm ước "Giả sử không có bố thì hay biết mấy". Trong tâm hồn trinh bạch của cậu đã manh nha những tình cảm phức tạp thường ít thấy ở bọn trẻ con cùng lứa. Cậu không thích bị những ông bạn của bố cậu xoa đầu, bẹo má và cậu phản ứng lại nhiều khi quyết liệt. Cậu hay nghĩ vẩn vơ về những hình ảnh do cậu tưởng tượng ra, tự dằn vặt một cách đau khổ. Cậu chán ghét tất cả những trò đùa ồn ã, trở nên khó tính khó nết. Những lúc chỉ còn một mình, cậu chui vào xó tối nào đó, đắm chìm trong những giấc mộng mang nhiều sắc thái bệnh hoạn. Vào lớp cậu ngồi nghe và viết như máy. Sách vở cậu bôi lem nhem đến nỗi một lần cô giáo bực bội đuổi cậu ra khỏi lớp. Thế là cậu bé khóc òa lên, khóc thổn thức như chính cô giáo là người bội bạc trước tình yêu thiêng liêng của cậu.

Hàng ngày cậu ngồi ngắm hoa rụng, đăm đăm nhìn sang bờ ao bên kia, nơi con Giang Tâm vẫn tha thẩn nhặt hoa. Cậu không thể hiểu nổi sự phũ phàng mà bố vẫn trút lên cuộc sống của những đứa con lão Tự.

Lão Khổ quá mải mê với những công việc to tát không bao giờ đủ thời gian kèm cặp đứa con ốn yếu. Nhiều lúc lão đau đớn nhìn thằng con lẩy bẩy ôm chiếc túi xách to tướng câm lặng bước qua mặt lão. Cậu không thể ở cạnh bố được. Bố sẽ phá tan giấc mơ thiên thần của cậu. Thế giới ấy chỉ có cậu với bầu trời đầy huyền bí. Cậu tưởng tượng cậu thành hoàng tử mũ đính vàng, đeo gươn bạc, cỡi trên con tuấn mã có thể bay cả ngàn dặm. Cậu bay về phía đầu làng, nơi có ngôi nhà đất được cậu biến thành lâu đài. Cậu đánh nhau với bầy hổ, báo rắn rết và mụ phù thủy. Cậu xông thẳng vào lâu đài, dí gươm quát thét mụ phù thủy:

- "Nàng" bị giam ở đâu?

Trong phút chốc cậu đã quì trước mặt "nàng". Cậu tha thiết nhìn thân thể gầy gò, tay chân khẳng khiu như que củi khô của nàng, lòng đầy thương xót. Suốt đời "nàng" chỉ ăn hoa nên thân thể trong suốt, tỏa hương thơm ngào ngạt. "Nàng" cũng đắm đuối nhìn người tráng sĩ, chứa chan cảm động.

- "Thiếp" từ nay thuộc về "chàng". Chỉ hiềm một nỗi "vua cha" cay nghiệt nên "thiếp" đành cam phận ngậm sầu nuốt tủi, thương nhớ giấu vào giấc mơ.

Cậu bé đã dệt lại tấm thảm cổ tích bằng những sợi tơ đẹp tuyệt trần rút ra từ trí tưởng tượng của cậu. Gặp lúc thằng con ngồi như hóa đá, mặt mờ nhạt mà cặp mắt dại đi, lão Khổ liền kéo tuột nó về thực tại bằng một tiếng quát thô bạo. Lão vốn căn ghét tất cả những gì tay, mắt trần không thể với tới và quy tuốt vào cùng mớ với những điều hão huyền. Mơ tưởng của lão chỉ bò lê trên mặt đất, trong khi đó thằng con bệnh hoạn kia lại để tâm tưởng chín tầng trời. Bởi vì cuộc đời lão, oanh liệt là thế, cũng ngoi lên từ bùn lầy, rác rưởi. Lão phải bới đất, lật cỏ kiếm ăn, vì vậy mơ ước của lão tanh nồng đất cát, đơn giản đến mức tàn nhẫn.

Lão Khổ rất căm ghét lối giáo dục trẻ con bằng cổ tích. Thật là trò lừa mị khả ố! Để rồi chúng nó quên tiệt củ khoai củ sắn, mơ những thứ tận chân trời

góc bể nào chỉ thấy trên sách báo.

Trong khi đó, mặc sự kiểm soát của bố, cậu bé Hai Duy không ngớt tự dằn vặt bởi những ước mơ quằn quại của cậu. Cậu vẽ những hình người trần truồng bay ở trên trời. Phần cơ thể cậu bôi lem nhem. Nhưng từ cổ trở lên cậu đều hết sức nắn nót và khuôn mặt nào cũng hao hao giống nhau. Đấy là khuôn mặt trẻ con, hai lọn tóc bay lất phất, bắn tỏa ra hằng hà sa số những bông hoa. Cậu vẽ miệt mài lên vở, vẽ lên tường, nằm xoài ra đất mà vẽ để ký ức cậu ngày càng hằn rõ một hình ảnh khiến cậu thường khóc một cách vô thức trong mơ.

Đấy là thời điểm thằng Hai Duy có những biến đổi sâu sắc ở tuổi chuẩn bị làm người lớn. Cậu mất dần tính hung đồ thời trẻ con. Điều đó làm con Giang Tâm tỏ ra buồn phiền khi lâu lâu nó không bị cậu Hai Duy kéo tóc đá cho mấy cái. Trước đây cứ gặp nhau là cậu Hai xông tới; Ít nhất cũng phải cốc vào đầu "con bé bóc lột" một cái cậu mới chịu. Cậu lao vào như con chèo bẻo say mồi. Lâu dần thành quen, bao giờ con Giang Tâm cũng chủ động đến nộp mạng. Nó chìa đầu ra bảo cậu Hai "cốc đi". Cũng có khi cậu Hai bắt con bé chờ chán mới cốc. Rồi cậu Hai dở đến món đá. Con Giang Tâm không chìa đầu nữa mà đứng yên, hai tay buông xuôi, mắt nhắm nghiền: "Cậu đá đi!" Búp! Con bé mở mắt vừa xoa tay lên vết đá vừa cười sung sướng:

- Chỉ mấy năm nữa là cháu hết trả nợ.

Và nó chạy ù đi, lòng nhẹ bổng bởi đã làm xong bổn phận của một ngày. Nó cảm nhận điều đó như một hạnh phúc lớn.

Vì thế con bé phát hoảng lên khi cậu Hai nhìn thấy nó liền tránh mặt. Nó âm thầm sống với nỗi đau đớn bị cậu Hai "không thèm động vào người".

Một hôm trên đường đi học về, nhân lúc vắng người, con bé tái mét đến cạnh thằng bé.

- Có phải cậu nhìn cháu tắm mà bị ông đánh à?

Thằng bé đỏ dừ mặt vì xấu hổ. Bao nhiêu nổi ấm ức bố bị nó trút lên đầu con bé:

- Ai bảo mày thế? Cút đi!

Con bé run cầm cập, lủi thủi bước như chạy. Nó chờ cậu Hai lại xông vào túm tóc đá cho nó mấy cái. Nhưng nó không biết việc bỏ đi của nó làm trái tim thằng bé rướm máu. Nó lao vụt theo, như một kẻ tỏ tình man rợ, giật túi xách của con bé ném tũm xuống nước. Con bé vẫn hoàn toàn câm lặng, tụt quấn rất hồn nhiên, vén áo đến tận ngực lội đuổi theo vớt chiếc cặp sũng nước. Đêm ấy thằng bé lại khóc trong mơ. Nó nghĩ ra đủ cách để làm lành với "nàng". Nó đóng một quyển vở mới tinh, khốn khổ với không biết bao nhiêu điều chính nó tưởng tượng.

Nhưng hôm sau thay vào hành động "nhìn nàng một cách tha thiết", nó lên cơn hung đồ vì không tìm được kiểu tỏ tình nào tốt hơn, túm tóc đá liền mấy cái vào đùi Giang Tâm. Con bé cười méo cả miệng và thực lòng sung sướng. Nó kéo áo tốc lên quá ngực, để hở hai núm vú trắng muốt nhỏ xíu, ưỡn

về phía thằng bé:

- Con trai chẳng có đâu nhé...

Thằng bé ù té chạy, ngã lụi dụi xuống đường. Tim nó đập loạn xạ, hai tai ù đặc.

Cứ thế tuổi thơ của thằng bé quằn quại trong khát vọng và tuyệt vọng, có đêm nó ngồi ngửa mặt nhìn trời sao, nước mắt đầm đìa. Càng ngày nó càng biểu hiện những tình cảm bí hiểm khiến lão Khổ quyết định cấm con trai đọc sách. Lão rầu ruột vì không biết con lão mắc chứng tâm thần. Mỗi lần thằng bé nức nở trong mơ, lão lại ngồi ôm trán vật vã. Lão làm một cuộc "càn quét" góc học tập của con trai, lôi ra một đống "những điều nhảm nhí". Lão đọc qua quít vài hàng chữ nhỏ li ti rồi gầm lên: "Nó điên từ bao giờ mà mẹ mày không biết?". Lão gom thành đống, cả nhật ký lẫn hình vẽ những "nàng tiên", dùng chân di nát. Lão không biết rằng lão đang xéo đạp lên trái tim của con trai lão. Cậu bé đứng nhìn bố tàn phá các tác phẩm của cậu bằng vẻ vô hồn, vô sắc, hai tay đỡ lấy ngực. Bỗng cậu ho rũ rượi rồi gục xuống. Đang cơn hăng tiết, lão Khổ xòe diêm đốt tất cả "đống bệnh hoạn" của con trai rồi lôi cậu bé dậy, bắt phải dọn thật sạch. Cậu bé run rẩy hốt đống tro tàn trong đó mặt trời, các nàng tiên và những lâu đài bị cháy rụi, khóc một cách căm thù. Cậu bị bắt buộc phải chôn sống tuổi thơ của cậu, một tuổi thơ thần tiên sẽ nâng cậu bay lên khỏi bãi lầy làng Đồng và trở thành kẻ phản bội lại chính bố cậu.

Lão Khổ không thể biết được, chính lão cũng tự tay châm lửa thiêu cháy uy lực tuyệt đối của lão đối với cậu con trai. Cậu trở nên lì lợm, đầy mặc cảm. Suốt những năm về sau, cậu bé cuộn mình trong thế giới nội tâm, ngấm ngầm chống lại bố. Cậu đã đủ lớn để mỉm cười với những điều cậu tưởng tượng hồi bé. Có cái gì mạnh mẽ, cuộn chảy trong huyết quản cậu khi vào những đêm trăng cậu nghe vẳng lại từ phía đầu làng những câu hò tha thiết.

Cho đến một ngày kia mọi bí mật vỡ tung và lão Khổ cay đắng nhận ra con trai lão đem lòng đắm say con chính kẻ bắt lão làm trâu ngựa. Lão đã gục ngã bởi không sao nắm bắt được một điểm bám víu trong thế giới của con trai lão. Trong thế giới ấy, lão hiện hình là một quỷ dữ.

Cái ngày ấy, không ai ngờ, trở thành ngày mở đầu cho những trang sử mới của làng Đồng.

Mấy năm sau lão Khổ nhận được thư của con trai...

*Thưa cha!*

*Con không đợi ở cha sự tha thứ. Con rất hiểu cha - với những phẩm chất mà con đang kế thừa - để không mong điều ấy. Con chỉ xin cha hãy bình tâm đọc hết những dòng này, của một đứa con bị cha ruồng bỏ.*

*Cha đã từng tự hào con là một đứa trẻ thông minh. Hẳn lúc ấy cha chưa hình dung nổi đó là nỗi bất hạnh của cha và con. Cha bất hạnh vì không điều khiển được con. Còn con, khi phải thoát khỏi tay cha, là chấp nhận cuộc dấn*

*thân cô độc. Giả sử con cứ ngoan ngoãn tuân thủ mọi ý muốn của cha. Giả sử con ngu đần để coi mọi điều cha làm tuyệt đối đúng. Giả sử con biết cúi xuống để khỏi che lấp danh dự chi họ và gia đình - thứ danh dự, xin lỗi cha - chẳng biết dùng vào việc gì ngoài tác dụng để người ta được hợm mình một cách lố bịch.*

*Con đã làm ngược lại tất cả. Xét cho cùng điều đó không phải lỗi ở con. Với con, làng Đồng giống như một nhà tù trong đó cha vừa là cai ngục, vừa là tù nhân số một. Cha tự xiềng xích cha và thấy vui thú với tiếng kêu xủng xẻng. Con ngột ngạt ngay khi con tưởng mình sung sướng nhất. Con thật sự kính nể cha khi cha biến cộng đồng của cha thành đám người chỉ biết cúi đầu vâng phục. Điều đó rất có lợi cho quyền lực nhưng trái với khát vọng. Tràn ngập trong vương quốc của cha là lòng hận thù, thói hợm hĩnh về quá khứ, những ảo tưởng điên rồ về tương lai.*

*Vương quốc của cha thiếu không khí để thở. Tràn ngập trong đó là thứ ánh sáng nhợt nhạt, hắt ra từ đống tro tàn quá khứ. Người ta bị nhuộm cùng một màu. Người ta không được nhìn thẳng, không được nói to, không được khóc công khai vì tủi nhục hay sung sướng. Người ta phải cắm mắt vào gót chân nhau để đừng bước nhanh quá. Người ta phải biểu thị lòng trung thành bằng cách thì thầm vào tai nhau và "thì thầm" trở thành một phẩm chất của nhân cách. Nó đã tạo được đồng loạt những bộ mặt giống nhau. Những bọ mặt trơn tuột, vô hồn đến ngớ ngẩn, không biết xúc cảm, luôn luôn phải lên mặt đạo đức. Không ai được phép nghĩ về thân phận. Bổn phận của họ là làm theo hiệu lệnh, ăn ngủ theo hiệu lệnh và phải quên ngay sự có mặt của mình. Thay vào đó là những bài đồng ca viết sẵn do cha lĩnh xướng. Thật may là cộng đồng của cha không có khả năng nhận biết các giá trị. Bởi vì kẻ nào được trời phú bẩm cho điều đó sẽ bị hỏa thiêu về mặt tinh thần, hoặc trở thành vô đạo đức.*

*Cha có vẻ rất tự hào về lịch sử. Con thử hỏi cha biết gì về nó? Trước mặt cha là chiếc phông vẽ và cha vĩ đại ở chỗ tưởng đấy là cảnh thật. Trôi nổi trong đám sương mù quá khứ chỉ là những bóng ma, có đủ sức mạnh để điều khiển hiện tại. Quả thật xứ sở của cha chưa bao giờ cất mình khỏi chiết huyệt quá khứ để bước những bước, dù lầm lỗi nhưng đầy nhân cách.*

*Cha thử hỏi hiện tại cha là ai? Cha đang sống trong một mớ bùng nhùng những sự kiện bị nhiễu loạn đến mức cha không thoát ra được để đánh giá. Hiện tại bị bủa vây tứ phía. Những kẻ chịu giam hãm luôn luôn phải nghe lời cảnh cáo: "Cứ đứng yên đấy và không được phép nhìn vào gương". Bởi vì chỉ cần nhìn thấy mình lúc ấy, chắc chắn cha phải thốt lên: "Ma quỷ nào đó chứ đâu phải tôi". Thưa cha, xin cha cũng hãy đứng yên. Cha bị hóa trang thành ma, thành quỷ hay thành gì đi nữa, điều đó không quan trọng. Chỉ cần cha đừng nghi ngờ những mệnh lệnh mà cha đang nhắc lại cho cộng đồng của cha. Nếu cha coi đấy là một trò chơi thì cha yên chí. Trò chơi bao giờ cũng đầy ngẫu hứng.*

*Cha luôn hứa sẽ cho cộng đồng của cha một tương lai sáng rực! Nếu có một*

*tương lai như thế thì thật khủng khiếp. Trước hết con sẽ gào đến vỡ ngực vẫn không biết cha là ai. Tất cả bỗng dưng thành ra mồ côi mồ cút. Tất cả y hệt nhau. Chẳng ai còn phải ham muốn hiến thân cho bất cứ cái gì. Bởi vì hiến thân sẽ là một hành vi nực cười. Con xin chối trước cái tương lai ấy.*

*Nhưng con tò mò muốn biết cha sẽ dẫn những ai vào thiên đường của cha? Chắc chắn có nhiều kẻ bị gạt lại bởi giờ đây cha còn ngùn ngụt căm thù họ. Cha dạy con phải biết ghi nhớ kẻ thù của mình. Cha sợ sau một đêm, sáng dậy con quên mất con từng có bốn người thân bị giết. Nhưng thưa cha, kẻ thống trị thời nào chả thế, muốn duy trì ngai vàng của mình hầu như đều phải biết giết người như ngóe.*

*Điều khiến con ghê sợ là cha và cộng đồng của cha không biết mơ mộng. Mơ mộng khác ảo tưởng đấy cha ạ. Mơ mộng là phẩm chất văn hóa. Còn ảo tưởng là loại bệnh lí tinh thần. Cha đã vô tình bắt những kẻ khốn khổ bởi thói phàm tục phải ngừng nhai để nghe rao giảng những điều họ mù tịt. Họ láng máng hiểu rằng họ đang tham gia một công việc cực kỳ ghê gớm. "Nhưng trước hết phải nhét đầy bụng cái đã, bằng mọi cách, kể cả ăn cắp".*

*Con rất biết hành động của con gây đau khổ cho cha như thế nào. Nhưng cha hãy trả lời con, giữa tình yêu và lòng hận thù nên chọn cái nào? Ngay từ thuở bắt chim đuổi bướm, con đã dằn vặt bởi câu hỏi: Vì sao con sinh ra ở đời này? Con sinh ra vì trên đời có một người hoàn toàn trong trắng vô tội bị cha ruồng bỏ. Người ấy rất cần tình yêu của con. Cha có sức mạnh của quyền lực, nhưng chúng con có sức mạnh của khao khát tự do và chân lý. Lại thêm một sự khác biệt nữa mà con - kẻ cứu chuộc - hoàn toàn tha thứ và thông cảm cho cha.*

Ngày ấy lão Khổ đã gầm váng nhà khi đọc những lời lẽ láo xược kia. Thằng con mất dạy của lão đã phản bội lão một cách đáng hổ thẹn. Niềm kiêu hãnh của lão bị giáng những đòn chí mạng. Lần đầu tiên lão uống không biết bao nhiêu rượu. Lão uống để rửa nhục do con lão đổ vào đời lão. Trời ơi, ai ngờ thằng con có nhiều phẩm chất thừa hưởng ở lão lại đê hèn đến thế. Những gì lão chắt chiu xây lên chỉ đáng cho nó châm một mồi lửa. Giờ đây tất cả đã ra tro. Niềm kiêu hãnh, hy vọng, những dự kiến to tát lão đặt vào nó, thành tro hết. Lão vật vờ đi giữa sự đổ nát, lòng đầy lên nỗi chua xót. Lão lại có cảm giác bị vật ngửa ra, xương thịt tơi bời bởi đòn thù. Đau đớn cho lão là kẻ làm điều đó không phải chánh tổng, lý trưởng... mà lại chính con trai lão.

Đêm trước ngày thằng Hai Duy trốn nhà ra đi, lão Khổ bị đặt vào hoàn cảnh chỉ còn cách chui xuống đất. Cả làng rầm lên vì những lời độc địa: "Con trai ông Khổ quỳ gối ôm chân con gái lão Tự". Dưới ánh đuốc, lão Khổ nhìn mọi cái đều ra màu máu. Cả con lão dường như cũng vừa tắm trong máu. Đẹp mặt chưa? Lão nhìn cả hai đứa bê bết đất ở mông, ở vai, mắt muốn vọt khỏi con ngươi. Lão cầm một con dao, lừ lừ tiến về phía con trai lão. Lão sẽ chém thẳng vào mặt nó rồi lấy máu rửa nhục. Lão thèm muốn máu tuôn ồng

ộc, thèm ngửi mùi tanh, thèm dứt thịt người cho hả lòng hả dạ. Đám đông im phăng phắc. Chợt lão Khổ sững lại. "A chả nhân đây khối kẻ bày mưu lừa ta vào bẫy. Ta thì giết con còn cơ đồ ta dựng lên vào tay đứa khác". Nhưng thằng con vô loài của lão cứ nhìn lão bằng cặp mắt rực lửa. Quyền được căm thù là tao! Lão hạ con dao xuống, hỏi thằng Hai Duy:

- Mày nói to lên cho cả làng nghe, có phải mày quỳ xuống ôm châm con bé kia không?

Thằng Hai Duy im lặng.

- Nói đi, đồ nhơ bẩn, đồ khốn nạn.

Con trai lão vẫn trơ như đá:

- Nói!... Lão Khổ gầm lên như mãnh thú rồi ngã vật xuống đất, máu tứa ra từ miệng, mũi, nhỏ thành giọt dưới ánh đuốc.

Hôm sau con trai lão biến mất. Lão Khổ đổ bệnh, nằm liệt giường liệt chiếu. Hễ gượng dậy lão lại gầm váng nhà, cười một cách man dại. Lão căm tức sự bất lực của lão. Lão lảo đảo tìm con dao, chém hết sức vào chiếc cột lim. Chiếc dao nẩy bật ra, văng vỡ tan bộ kỷ vật bằng sứ lão được tặng trong hội nghị tỉnh. Lão rút ra một kết luận: Lão sai lầm vì không thấy kẻ thù ở chính ngay những người rột thịt của lão.

Suốt ngần ấy năm, kể cả sau khi về vườn, lão Khổ không nguôi căm giận đứa con lão ruồng bỏ. Nhiều đêm lão ngồi một mình bên chai rượu, để mặc nước mắt chảy lặng thầm trên má. Đấy là lúc lão nghĩ đến đứa con tai quái của lão. Những lời nó nói, ức muốn vỡ tim mà chết, nhưng rốt cuộc lão đều thấy hiển nhiên. Hóa ra kiếp người không là chó gì. Lão vừa ở đỉnh cao tót vời của quyền lực bước xuống, lập tức lũ ưng khuyển giở giọng. Lớp người tuổi lão cứ tàn lụi dần, đa phần vì ngấm nỗi cơ cực của thời trai trẻ. Lão tự thấy lạ tại sao lão dẻo sức đến thế. Biết bao nhiêu dập vùi! Suy cho cùng đòi hỏi lòng cao thượng ở lão cũng là quá đáng. Sự trì níu của vết thương quá khứ còn lê thê hết đời lão. Hình ảnh những người thân của lão vẫn như nằm ngổn ngang trước mặt lão, ở đủ tư thế chết, làm sao bắt lão quên cho được.

Cùng với hành động gượng dậy, lão Khổ lại thấy không thể tha thứ hoàn toàn cho thằng Hai Duy. Đấy là những ngày cuộc đời lão bắt đầu có sự thay đổi sâu sắc. Lão bình tâm hơn để đong đếm lại những việc lão làm. Giả sử lão Tự có chết phơi thây cho ruồi bâu chim rỉa, không đáng cho lão động lòng. Nhưng có nhẫn tâm không khi con cái lão ta bị phân biệt đối xử? Chúng nó lớn lên trong chính thể của lão. Có một cuộc sống mà lão không kiểm soát được đã nuôi dưỡng mầm mống phản loạn của con lão sau này. Những ngày gia đình lão lâm vào tình thế đen tối nhất, kẻ thù của lão - những thằng lừa thầy phản bạn - thường lấy con lão làm nhân chứng để rỉa róc lão. Thói đời vẫn cứ trớ trêu như thế. Khi lũ trai làng, những thằng có máu mặt ở nơi khác, kể cả bọn dê già trong xóm lượn lờ quanh con Tâm, lão Khổ thấy tức tối một cách vô cớ. Vì nó mà cha con lão từ mặt nhau. Vì nó mà giờ đây lão ngồi ôm hận mất con, mất danh vọng, bị phỉ báng là hẹp hòi. Nhưng lão lại thấy cảm

giác bị làm nhục khi con lão không còn là gì với con bé ấy. May thay diều lão tức tối đã không xảy ra. Hóa ra ngần ấy năm chúng nó vẫn chờ nhau. Cả điều đó nữa lão Khổ cũng không thể hiểu nổi. Hình như cuộc sống vẫn còn lại cái gì thiêng liêng lắm, tồn tại ngoài tầm với của lão. Nó thăng thoát khỏi cõi tục nhầy nhụa và để sờ thấy, đôi khi người ta phải trả giá bằng cực hình.

Một hôm lão Khổ làm một việc chưa ai từng thấy, rất có thể là hành động đáng giá nhất đời lão. Lão chủ động gọi con Tâm đến, lạnh lùng hỏi:

- Tại sao mày chờ thằng Hai Duy nhà tao? Mày cũng đến tuổi lấy chồng lâu rồi đấy.

Con bé kéo vạt tóc nhấm nhấm. Ai có thể ngờ được một công trình tuyệt mỹ thế kia lại do lão Tự tạo ra? Hay con lão nói đúng: "Chúng con đầu thai xuống trần để cứu rỗi một dòng họ ngu tối trong thù hận".

- Tao có còn quyền chức gì đâu mà mày sợ - Lão Khổ mở đường hiếu sinh.

- Ông ơi - Con bé quỳ xuống - Con xin ông đừng hỏi thế. Con không biết...

Lần đầu tiên lão Khổ tin vào nước mắt:

- Lạ thật! - Lão thở dài.

- Vâng, lạ lắm. Hình như chúng con thuộc về nhau từ trên trời.

TẠ DUY ANH
(*Trong nước*)

---

* Nhan đề do tòa soạn



TRẦN NGỌC TUẤN

# đất nước của tôi ơi!

*Tiếng đàn bầu như cứa vào đêm*
*dòng âm thanh đưa tôi ngược về bến bờ Tổ quốc*
*Đêm làm nỗi nhớ dầy thêm*
*trang giấy trắng cùng tôi thức trắng*
*Đất nước của tôi*
*khập khiễng đi tìm hạnh phúc*
*Với tôi, Đất nước không trìu tượng*
*nhịp đập trong tim, mỗi sắc hồng cầu*
*cho tôi sống để mà thương đất nước*
*Đất nước của tôi ơi!*
*ai soi gương và tự ngắm mình?*
*ai ngạo nghễ cho mình là tất cả?*
*tự phong anh hùng và ngợi ca nhiều quá*
*máu bao người đã đổ xuống vì ai?*
*Đất nước có ngủ đâu!*
*Mẹ bạc tóc đợi chờ hy vọng*
*Đứa con cuối cùng ra trận*
*Mẹ mong về với Mẹ một đêm thôi*
*Hóa vọng phu bao người vợ đợi chồng*
*Khăn tang trắng trên mái đầu cô phụ*
*Đứa con lớn lên không bao giờ biết bố*
*Gió lùa vào vách đất khói hương bay*
*Đất nước lắm chua cay*
*Nước mắt mồ hôi máu chảy*
*Lá cờ ơi! xin đừng kiêu hãnh mãi*
*đỏ qúa rồi xin đừng có đỏ thêm*
*Đất nước vẫn còn rên..*
*điều oan trái gõ nhà quan cửa đóng*
*công lý cùn không chém được thằng gian*
*Đất nước vẫn lầm than*
*dân bế tắc nên tìm vào cõi Phật*
*tìm vào ca dao cổ tích*
*thầm mong Bụt hiện về*
*thật phẫn uất mọi bề*
*Đất nước tôi quằn quại*

*Đất nước thét lên cho triệu người nghe thấy*
*Nỗi đau này vì ai?*
*Và tại sao đất nước tôi yêu*
*yêy say đắm cồn cào thương nghẹn thở*
*có những người con phải rời xa xứ sở*
*nhờ rủi may trên một con thuyền*
*Tiếng đàn bầu nức nở trong đêm*
*như đánh thức mọi tấm lòng dân Việt*
*không thể mỉn cười dẫu qúa khứ có một thời oanh liệt*
*giọt lệ lăn trung thực chẳng dấu mình*
*Đất nước của tôi ơi!*
*Xin thức trọn đêm nay cùng trang giấy*
*nghe nhân bản trong tim tôi trỗi dậy*
*Qùy xuống bên người hôn lên mọi niềm đau...*

TRẦN NGỌC TUẤN
Praha-1990



**THANH THẢO**

# gửi một người bạn

*dừng lại bên kia bờ ảo vọng*
*chị nhìn thẳng vào con người*
*cái nhìn dại đi vì buồn tủi*
*giữa những đồng nghiệp hăn hở xô lên*
*chị lặng lẽ từng nấc thang*
*bước xuống*
*bước xuống mở bùng nhùng tuyệt vọng*
*nơi có thể hé lên niềm hy vọng*
*bước xuống số phận mình*
*cặp mắt long lanh trong vũng nước*
*bước xuống tự do*
*con đường bao khó nhọc*
*thà bị cầm tù vì chữ nghĩa*
*còn hơn bị chữ nghĩa cầm tù*

THANH THẢO
(Trong nước)



**ĐOÀN LÊ**

# trái táo nham nhở



Tôi đọc đi đọc lại, cảm giác như mình bị sỉ nhục. Nhưng rành rành hình trái đất đã được minh họa ở góc trang báo đó. Kèm theo hình vẽ là mẩu tin tức khoa học của một viện nghiên cứu nước ngoài công bố. Rằng trái đất chúng ta giống trái táo bị cắn nham nhở.

Tự nhiên trôi muốn khóc. Tôi không còn ở tuổi thiếu nữ để dễ dàng bắt đầu làm lại những đổ vỡ.

Suốt mùa diễn năm tôi mười tám, cuộc đời thật sự huy hoàng. Suốt mùa diễn, Hồn-ma-thiếu-nữ xuất hiện cả ba màn kịch, không nói một lời, chỉ đi lang thang trong hoa viên nhà bá tước Ki-ren-ski, ám ảnh ông ta về mối hận tình thuở thanh xuân.

Tôi không biết rằng ông đạo diễn vừa nể bác tôi, vừa thương hại nhiệt tình của cô bé cháu, dành phần cho tôi một vai "tuyệt đối hợp", ông nói vậy, vai Hồn-ma-thiếu-nữ, vai kịch không phải nói lời nào, đi chậm chậm tới nơi này dừng khoảng ba giây, tới lùm cây kia vịn tay lên tượng đá mơ màng hơi lâu một chút...

Đó là vai diễn duy nhất trong đời nghệ sĩ sân khấu của tôi.

Khi vở diễn đến đêm thứ chín mươi ba, đoàn quyết định chấm dứt, thay chương trình mới. Hồn ma thiếu nữ không bao giờ xuất hiện nữ. Tôi được phân công làm người nhắc vở cho đoàn. Cũng vì người ta còn nể bác tôi.

Sân khấu khắc nghiệt không dễ dàng chấp nhận những tài năng chỉ diễn một vai hồn ma. Dạo ấy tôi chưa hiểu sự khắc nghiệt này. Tôi say mê, đau đớn, cố nuôi hy vọng ông đạo diễn để mắt tới mình lần thứ hai... Đêm đêm tôi vẫn thấy như đang bước vào vùng ánh sáng chóa lòa, vẫn ngọn gió bão tố quấn chặt bên người, nó nâng bổng tôi cùng xiêm áo, phấp phới bay từ từ lên không trung. Thường thì bá tước Ki-ren-ski tiến lại gần, đôi mắt nồng nàn,

nắm tay tôi làm tôi bủn rủn xúc động. Một lần mơ duy nhất tôi với chàng bá tước hôn nhau dưới vóng bức tượng đá. Vừa chạm đến môi chàng, cảm giác nhục thể đã khiến tôi tỉnh giấc... Rồi tôi khóc. Ôi, tình yêu đầu tiên của tôi!

Trong vở kịch mới, nhân vật người-dẫn-chuyện lại được trao cho anh, diễn viên nam số một của đoàn, người tiếng tăm đã nổi như sóng từ vai bá tước.

Sau đêm tổng diễn, anh cười với tôi rất dịu dàng và nói:

- Bây giờ cô ám anh chàng dẫn chuyện càng khủng khiếp hơn, cô bé ạ. Suốt đêm tổng diễn, không có tiếng cô thì thầm bên tai, tôi sẽ chết đứng. Thật đấy. Mà sao cô nhắc vở tuyệt thế! Cô làm nghề nhắc vở từ những kiếp trước phải không?

Anh trêu chọc tôi hay muốn an ủi tôi? Giá anh biết từ lâu tôi đã vụng trộm yêu anh với cả sự tôn thờ... Tính tôi cả thẹn, anh lại quá cao vời, nên từ lâu tôi giấu giếm tình yêu tôi vào những cái nhìn lén, những đêm tương tư, anh không thể biết được.

Trong đoàn kịch có năm cô diễn viên trẻ đẹp, chưa chồng, ba anh chàng chưa vợ. Họ kết thành một hội độc thân. Hội độc thân tinh hoa tài sắc ấy nổi tiếng vui nhộn, yêu đời. Lại thêm những vệ tinh xoay quanh các nữ hội viên cũng toàn kỹ sư, tiến sĩ du học nước ngoài về, chỉ mong tìm dịp khao đãi, lấy lòng người đẹp.

Cô bé nhắc vở tội nghiệp đứng xa xa ngắm họ, thấp thỏm chờ xem ngôi sao nào trong số năm cô gái lộng lẫy, tươi trẻ, tròng sợi dây tình yêu vào cổ người mình yêu. Mỗi cử chỉ vồ vập hồn nhiên của các cô trao cho anh lại làm tim cô bé nhắc vở đau nhói... Tôi không dám ghen tức. Anh thuộc của họ, tôi vẫn biết thế.

Chỉ từ bảy rưỡi tối, tôi được quyền chiếm cứ anh trọn vẹn. Quyền hợp pháp của người nhắc vở. Sau hồi chuông mở màn, anh bước ra sân khấu, phía tiền cảnh, hóa thân trong vai anh chàng lang thang dẫn chuyện. Bóng anh khi mờ, khi tỏ, in lên lá màn nhung vẫn khép kín. Lá màn ấy ngăn cách chúng tôi. Bên trong sân khấu, đèn chưa bật, bóng tối ong ỏng đỏ, hắt lên những mảng đề-co. Tôi rón rén đi theo anh, giống một chiếc bóng khác sau lá màn. Với lý do để nhắc vở. Trừ tôi ra, không ai được phép đi lại trên sân khấu, sau màn nhung khi đang diễn.

Thường ngày, chưa bao giờ tôi dám gần anh đến thế. Những khi anh đứng sát màn nhung, tôi không thể ngăn được mình khẽ áp nhẹ cánh tay vào thân thể anh. Sự đụng chạm biến tôi thành miếng bọt biển thấm đẫm hơi thở, tiếng nói, của con người tôi khao khát... Lúc ấy tôi quên hết những lời vở kịch tôi phải nhắc cho anh. Lúc ấy, giấc mơ ngọt ngào đêm xuống sống dậy và tôi run lên.

Khi kết thúc tối diễn, torng tiếng vỗ tay ầm ầm của hàng ngàn khán giả, tôi thở một hơi thật dài, cất quyển kịch bản vào túi xách riêng, bình tĩnh ngắm anh tíu tít cười nói cùng các bạn. Tôi trả lại cho anh khung cảnh tầm thường,

quen thuộc, ở hậu trường. Tôi lặng lẽ ra về, đôi khi quên hẳn anh, nhẹ nhỏm, mỏi mệt.

Về đến nhà, trước khi đi ngủ, tôi ngồi rất lâu bên cửa sổ, lơ đãng ngắm thành phố im lìm trong đêm khuya. Mùa hè sao rơi rất nhiều, bao giờ cũng bất ngờ, dù tôi cố rình đón xem chúng bắt đầu rơi ra sao. Hơi lạnh của sương đêm thấm vào da thịt ngòn ngọt. Khoảng ngực lộ trần dưới vai áo hở rộng bỗng như có bàn tay vô hình nào khẽ chạm tới. Tôi rùng mình, cơ thể nhỏ bé căng lên tưởng chừng sắp nhẹ nhàng bay qua cửa sổ, lang thang lượn chơi trên những mái nhà, dưới ánh trăng xanh nhạt. Một mùi đàn ông len lén lẫn vào không khí chung quanh tôi. Anh! Đúng rồi! hẳn giờ này anh đã ngủ, bất chợt đến đây với tôi. Người ta nói: mình mong ai quá sức, luồn điện mình sẽ dẫn dắt tâm linh kẻ đó tới.

Sung sướng biết bao. Thế là anh lại hoàn toàn của tôi. Tôi tha hồ trò chuyện với anh những điều thầm kín.

"Anh ạ, em sẽ may áo lụa hồng, mảnh lụa mẹ cho em hồi sinh nhật ấy. Màu hồng hợp với em phải không? Anh cũng sẽ thấy thế chứ? Sáng nay anh đã cho em quả thị chín vườn nhà. Chao, nó thơm ngát ra tận cửa sổ em ngồi đây, anh biết không? Lạy giời, em giữ nó tươi được thật lâu..."

Thế rồi không hiểu sao, một đêm diễn mùa đông anh bỗng ủ ấm tôi bằng chiếc áo khoác của anh, hôn tôi sau cánh gà, nơi tôi ngồi nhắc vở. Gần mười năm đã qua, tôi không nhớ do đâu xảy ra cơ sự ấy, nhưng tôi nhớ anh đã hỏi:

- Vì sao em cứ lẳng lặng yêu anh như thế mãi, hở cô bé ngốc nghếch?

Cả hai chúng tôi đều rời bỏ sân khấu sau khi cưới. Tôi chọn một công tác bình thường, phù hợp với mình; anh ấy sau tai nạn mất giọng cũng chuyển sang nghề sáng tác kịch. Tôi ngỡ cuộc sống đơn giản che chở cho chúng tôi yên ổn bên nhau mãi mãi.

*

Đôi khi tôi nghi ngờ chính mình. Tôi đã mất khả năng tự tin. Thật vậy, gần mười năm chung sống, tôi vẫn hệt cô bé nhắc vở, chưa bao giờ dám đoan chắc ngôi sao tài năng rực rỡ đang đang đứng trước tấm màn nhung kia lại yêu mình. Mặc dù anh đã hết ánh hào quang trên sân khấu khiến tôi mê đắm hồi ấy, mặc dù tôi đã từng chữa những vết hắc lào ở lưng anh, từng nhận ra những khuyết tật nhỏ nhất trong tâm hồn lẫn thể xác con người này, nhưng tôi có cảm tưởng chưa lúc nào được ngơi nghỉ cuộc tìm bắt hạnh phúc, chưa bao giờ biết mình chiếm bao nhiêu phần tâm tư tình cảm anh.

Anh bạn thân chúng tôi một hôm bông đùa nói:

- Với cánh đàn ông, vợ cũng như cơm tẻ. Suốt đời có ai bỏ cơm tẻ đâu? Nhưng thi thoảng các bà phải cho phép chúng tôi kiếm bát phở ăn chơi. Ví dụ các bà lại ngon như phở, rồi quanh năm ba trăm sáu chục ngày bắt chúng tôi ăn phở tuốt, thì dù đạo đức bằng thánh cũng có lần chúng tôi thèm bữa

bánh đúc lạ miệng...

Một đêm gần gũi nhau, nằm trong vòng tay anh, tôi đã nói:

- Em muốn là cơm tẻ, là phở, hoặc bánh đúc... Là tất cả mọi thứ anh thích.

- Ôi chao, anh bội thực mất! Anh bật cười trả lời.

Có phải như thế là tôi thiếu tin cậy vào tình yêu không? Nhưng từ thuở tôi chưa lấy chồng, mẹ tôi thường răn ba chị em gái chúng tôi:

- Cứ xem gương mẹ đây các con nhé. Mới đầu mẹ coi chuyện bố các con tình cảm với bà Hạnh chẳng qua đàn ông ai cũng hoa lá vậy thôi. Mình vợ cái con cột, sợ gì. Mẹ mải mê buôn bán xuôi ngược, tính lấy đồng tiền cầm chân ông ấy... Ai dè tí một, tí một, hai người nặng tình với nhau không dứt được nữa. Mẹ không coi bà Hạnh như người giăng gió, nhưng cũng không thể đồng ý bố các con bày cảnh vợ lẻ con thêm trong nhà này được. Rồi hỗn loạn tan hoang ra. Hai người ngấm ngầm rủ nhau đi di cư vào Nam, lấy nhau trong ấy. Thế là xong... Cho nên cứ phải thận trọng. Có chồng phải biết giữ chồng từng ngày từng giờ, kẻo mất lúc nào không biết.

Tôi nhớ một lần chúng tôi tranh luận về tình yêu, về đời sống lứa đôi, anh ấy nói:

- Tình yêu giống như sự dâng hiến tự nguyện chứ không phải một cuộc xâm lược mua bán, đổi chác. Bởi vậy nó đi đôi với lòng hỉ xả, cao thượng. Thấy người mình yêu được hạnh phúc mình phải sung sướng, thoả lòng chứ.

Tôi không chấp nhận. Ví thử bỗng dưng anh ấy dở chứng như bố tôi ngày xưa, liệu tôi có "sung sướng, thỏa lòng" được không? Không, không bao giờ!

Và do thiếu tự tin, tôi nhạy cảm với bất cứ điều gì liên quan đến hạnh phúc. Ví dụ tôi biết kiềm chế mình, vui vẻ động viên những đợt đi thực tế đột ngột của anh ấy. Để bù lại, sau mỗi chuyến đi anh đối xử với tôi dịu dàng hơn, đằm thắm hơn, đến mức tôi xao xuyến, ngỡ ngàng. Chuỗi ngày xa cách nhau có tác dụng cho người ta nhìn nhận, thương quí nhau trở lại ư? Hay những trang viết mới đang mang lại cho anh niềm vui sống, phấn chấn?

Đã thành lệ, cứ khoảng vài tháng, cuộc sống đơn điệu kéo dài, vẻ thẫn thờ âm thầm hiện rõ trên gương mặt anh, tôi lại tìm cách thúc giục anh đi thực tế.

- Đi bây giờ cũng gay. Tốn kém quá.

- Em mới lấy bát họ mười ngàn. Em giữ lại hai ngàn để chữa mái bếp, còn bao nhiêu phần anh. Đã lâu anh bảo có người bạn trên Lai Châu mời lên... thì chịu khó đi kiếm việc làm ăn xem sao.

Tôi nói vậy. Mười ngàn tôi vay em tôi. Mới nhận được việc thầu nhặt vải vụn nên khoản tiền nợ tôi không lo lắm.

Xưa nay chuyến thực tế nào tôi cũng phải bù lỗ. Những vở kịch của anh mấy khi bán được. Còn lâu chúng mới đuổi kịp món vải vụn của tôi.

Anh đi rồi, tôi mất ngủ từng đêm. Tôi hay nghĩ tới hạnh phúc của những cặp vợ chồng thuyền chài, quanh năm cùng nhau lênh đênh trên mặt nước với chiếc thuyền nhỏ, không biết đến nhớ mong, chờ đợi. Sao một điều ao

ước đơn giản như vậy tôi lại không thể có?

Anh đi rồi, cả đến con mèo nhỏ trong nhà cũng ngóng bên cửa. Tôi cứ treo nguyên chiếc sơ mi của anh trên mắc áo, để mỗi lần đi qua lại cảm thấy mùi ngai ngái thuốc lá quen thuộc. Và như ngày xưa, tôi thức vơ vẩn bên cửa sổ rất khuya, nhớ lại từng năm đã sống với anh, nhớ kỷ niệm hồi mới cưới, nhớ cả những đêm chưa được anh để ý hay tương tư thầm bên cửa sổ căn buồng thuở con gái.

Từ Lai Châu về, lần đó anh mang theo một tấm ảnh rất lạ. Ảnh chụp bãi biển với những phiến đá kín đáo. Hoàng hôn mờ nhạt trên những ngọn sóng cồn cào. Không một bóng người. Tấm ảnh phóng to anh gài vừa vặn trong nửa bìa sách, treo trước bàn làm việc.

Lần đầu tiên gặp anh đăm đăm nhìn như lạc hút vào góc biển hoang vu, tôi đã sinh nghi. Ừ nhỉ, Lai Châu không có biển. Vậy nó ở đâu? Dù ở đâu nó cũng là nơi chôn giữ một kỷ niệm riêng tư thầm kín của anh ấy, hẳn thế. Với đôi mắt thất thần thế kia, vẻ mặt ngơ ngẩm thế kia trước tấm ảnh, người vợ nào vô tâm nhất cũng nhận ra. Mà có phải một lần anh ấy nhìn như vậy đâu.

Tôi không dám hỏi, tôi biết không thể chăm sóc, giữ gìn tình yêu bằng sự tinh tế, mẫn cán của nhà thám tử. Một hôm chờ anh đang làm việc, tôi tới ngắm nghía tấm ảnh thật lâu, giống hệt anh, rồi mỉm cười, ngập ngừng với chút xấu hổ, choàng ôm hai vai anh, khẽ kể:

- Em kể anh nghe chuyện này không được nghỉ ngợi nhé. Góc bờ biển kia đúng y như một nơi ở Đồ Sơn, cách đây lâu lắm. Cũng hai tảng đá với vết lõm, cái góc bãi cát phía bên trái. Chiều nào bọn sinh viên chúng em cũng ngồi chơi tán gẫu ở đây... Chỗ này một lần em đã thức suốt đêm với một người bạn. Hôm sau anh ấy nhập ngũ rồi mất tích luôn... Đêm qua em bỗng nằm mơ gặp lại anh ấy... Có lẽ tại tấm ảnh. Quái quỷ thật!

Anh sửng sốt nhưng lặng thinh.

Từ đó tôi làm bộ tấm ảnh gây nên những cảm giác không bình thường cho tôi. Tôi hay ngắm nó nhiều hơn, tư lự trước nó nhiều hơn.

Rồi một bữa tấm ảnh biến khỏi chỗ treo. *Cơn gió mạnh đã cuốn nó rơi xuống mặt bếp dầu ngoài hiên, lúc tôi đun bếp*. Tôi chỉ cứu kịp nửa con sóng bạc đầu, nửa kia cháy thành than.

Đi làm về anh không hỏi kỹ tôi chuyện bức ảnh. Thậm chí anh tỏ vẻ dửng dưng khi tôi phàn nàn bực bội cơn gió quái ác. Sau đó cả hai chúng tôi không ai nhắc tới tấn ảnh lần nào nữa. Tôi thầm mừng đã chấm dứt được một nỗi canh cánh vớ vẩn. Dù góc bờ biển ấy giữ những kỷ niệm sâu sắc đến mấy cũng đã bị rơi vào lãng quên.

Liệu tôi có đáng trách vì hay dùng mẹo vặt để phòng ngừa tai họa không? Tôi chưa bao giờ tự vấn lòng mình. Có gì quan trọng đâu? Đôi khi tôi còn thấy vui vui. Biết bao lần đi đường thấy anh mải ngắm một tấm lưng thon thả trước mặt, hoặc lẽo đẽo theo vết bánh xe của chiếc áo hồng duyên dáng nào, tôi làm bộ lùi lại chút xíu ngó các hàng quán bên đường, gọi anh.

- Anh ơi, đợi em tí nhé!

Tôi xuống xe, vờ vịt rẽ vào một cửa hiệu, hỏi mua thứ này, thứ nọ. Sau vài phút nhìn ngắm, tôi nhã nhặn cám ơn chủ hàng, ung dung lên xe đi tiếp. Đối thủ của tôi đã mất hút tận cuối đường rồi.

Cách đây ba năm, chúng tôi đón một người bạn gái, nữ tác giả đang nổi tiếng ở miền Trung. Người đàn bà này thật tuyệt dịu. Chị nhẹ nhàng ý nhị với tiếng nói thỏ thẻ xứ Huế quê chị. Bàn luận văn chương cùng chồng tôi, chị thổn thức, thổ lộ những điều tâm huyết. Toàn chuyện văn chương, quả đúng vậy. Nhưng suốt trong bốn ngày chị ở nhà chúng tôi, ánh mắt đắm say tôn thờ của anh ấy hướng về chị mỗi lúc càng rực lên. Bắt gặp anh ngồi như bị thôi miên trước chị, tim tôi lại nhói đau, tôi quay đi ngay. Còn anh, tai anh bỗng dưng đỏ lựng, vẻ ngượng ngập khó chịu. Đêm đêm anh trăn trở, đổ lỗi mất ngủ cho thuốc lá, trà tàu, cho những dự định văn chương ám ảnh. Cũng có thể do văn chương ám ảnh nữa. Với sức cuốn hút hấp dẫn của chị, chị có thể thức tỉnh một thây ma sống lại, đừng nói chuyện khơi dậy máu văn chương vốn đã nóng bỏng ở trong lòng chồng tôi. Nằm bên anh, tôi không dám trở mình, nước mắt cứ tự nhiên ứa ra. Hồi chưa cưới tôi cũng chả được anh nhìn tôi với vẻ nồng nàn như thế.

Ngày thứ năm, người đàn bà từ biệt chúng tôi trở về miền Trung. Chị ấy đi rồi, anh lầm lì ít nói hẳn, không mấy lúc rời khỏi bàn viết. Đi ngang qua, tôi liếc thấy, anh đang làm thơ. Bài thơ ra sao không bao giờ tôi biết cả. Anh giấu hoặc đốt chúng đi.

Chiều chủ nhật tôi tới đằng ngoại chơi. Từ lâu anh hay để tôi một mình đi thăm mẹ. Chín giờ tối về tôi thấy anh đang đọc sách.

- Ôi anh biết không, chị ấy nói dối chúng mình!

Anh choàng ngồi dậy, thảng thốt ra mặt.

- Em nói gì vậy?

- Em vừa gặp chị ấy đi với một người đàn ông cao lớn, trông rất quen. Tối quá em không nhìn rõ mặt người đàn ông.

- Nói bậy, em trông nhầm thế nào chứ...

- Em không dám tin ngay. Sau nghe tiếng chị ấy nói, em mới biết chắc. Họ rẽ vào công viên, chứ không em đã định vượt lên chào để xem chị ấy đi với ai.

- Rẽ vào công viên à?

- Vâng. Chị ấy đi sát bên người đàn ông, trông tình cảm lắm...

Anh ngồi im rất lâu, rồi bỗng nổi gắt.

- Có sao đâu, hơn ba mươi tuổi, chị ấy có quyền tìm hiểu bất cứ ai. Một người hấp dẫn như thế, muốn chọn lựa ai chả được.

- Vâng. Em cũng mừng cho chị ấy. Chỉ tiếc chị quá dè dặt, giấu chúng mình, chứ không thì...

- Thôi, mặc người ta!

Trong giọng nói anh có chút hờn giận không giấu nổi.

Ba tuần lễ sau chúng tôi nhận được lá thư gởi từ Huế. "Những ngày qua để lại tâm hồn tôi một tình cảm đằm thắm nhất. Bây giờ mỗi khi có tiếng chuông gọi cửa, tôi lại ao ước được thấy người bạn nào đó ở Hà Nội vào thăm. Các bạn ơi, nhớ lắm..."

- Tất nhiên chị ấy nhớ. Nhớ ai? Em vẫn chưa đoán ra người đàn ông cao lớn đi cạnh chị ấy. Nhất định cũng trong số bạn bè viết lách đã có lần tới đây chơi.

- Em liệu viết trả lời chị ấy, anh bận lắm.

Anh vứt lá thư vào tay tôi.

Đương nhiên tôi viết qua quít vài chữ khách sáo nhạt nhẽo gởi đi. Lá thư ấy buộc người nhận tinh tế phải hiểu quan hệ tình cảm đã chấm dứt. Từ đó chúng tôi bặt tin chị. Trong đáy lòng, tôi ân hận đã đối xử như vậy với người bạn gái dịu dàng vô tư. Nhưng biết làm sao khi người ta có một ông chồng dễ rung động thuộc giới nghệ sĩ?

Anh bạn thân chúng tôi, anh chàng *thích ăn phở* một hôm lại kết luận:

- Trong số các bà xã có chồng viết lách, tôi thấy bà xã nhà ông đặc biệt không biết ghen.

Chồng tôi cười:

- Ông lầm rồi. Bà vợ tôi ghen đến nỗi không cho phép tôi chết trước ấy chứ. Chả vì sợ trên đường tôi xuống với Diêm Vương có cô nào thập thò ở cạnh cửa địa ngục dẫn đi mất. Sau này có xuống âm phủ lại phải đánh ghen, kiện cáo, phiền ra. Đấy, ông cứ xem cái cách bà ấy "quản" tôi thì ông biết...

Tôi cũng cười, nhưng không khỏi chột dạ.

*

Bắt đầu từ việc người vợ anh bạn thân chúng tôi một hôm rỉ tai cho tôi biết:

- Bà hãy để ý xem, ông ấy có tâm trạng gì không biết. Hôm qua mang chai rượu đến uống cả buổi chiều với ông xã nhà mình. Đọc thơ chán lại rầu rĩ ôm mặt khóc rưng rức. Mình điên tiết lên tế hai ông dở hơi một trận họ mới chịu thôi... Rõ tội nợ chúng mình nhỉ? Vớ phải mấy ông thơ phú văn chương, lúc nào cũng ở trên mây, trên giời. Mình làm mửa mật ra nuôi cho cơm rượu mà có xong đâu.

Chị ấy bỗ bã, ngay thẳng, quaát nạt chồng rất khiếp. Nhưng anh chồng ngoài văn chương ra không mê thứ gì hơn vợ. Nhiều lúc tôi phát ghen với chị ấy.

Tôi láng máng đoán ra sự tình. Bốn tháng nay giá cả chợ búa lên kinh khủng, tôi chẳng dành dụm được đồng nào để nhiệt tình giục anh ấy đi thực tế. Suốt ngày anh ấy cứ ngậm tăm, tư lự. Và để tôi khỏi chú ý, anh xách xe đi ngay từ sáng sớm tới thật khuya mới về, để ngủ, lắm hôm say đứ đừ.

Nghe chị bạn nói vậy, tôi khổ tâm vô cùng, cảm giác mình đã có lỗi gì đó

với anh ấy. Tôi xót thương anh. Tôi tuy không đủ vốn hiểu biết chữ nghĩa để định lượng chính xác tài năng anh, nhưng thấy những vở kịch anh viết cứ lọt thỏm đâu đâu, những truyện ngắn, truyện dài anh gởi đi bị trả lại, chữa xóa, chưa bao giờ ở dạng hoàn chỉnh, tôi đoán lòng anh hẳn phải u ám dằn vặt ghe gớm lắm.

Thế là hôm sau tôi nhận tăng sáu chục tải vải vụn. Tôi cắm cúi nhặt suốt đêm, chong đèn tới tận sáng bạch, giải thích với anh rằng người ta hụt kế hoạch nên ép tôi phải làn bằng xong. Còn khoảng bốn tải vải nữa, một tối tôi bỗng xây xẩm mặt mũi, ngã xuống đất. May sao lúc đó anh đang có nhà. Anh hoảng hốt đỡ tôi dậy. Anh không cho tôi thức đêm nhặt nốt mấy tải còn lại. Dù sao đến ngày thứ mười bảy, tôi cũng đã trả được hết, lĩnh gần ba chục ngàn. Tôi đưa món tiền cho anh, nói dối rằng đã giữ lại chút ít bồi dưỡng.

- Anh cứ cầm hết đi, để phòng mọi thứ sinh hoạt đắt đỏ. Xảy nhà ra thất nghiệp, lúc ấy trông vào đâu được.

Thật lạ quá, anh ấy đứng ngây người như bị choáng. Tôi nhớ rất rõ lúc đó nghe hơi thở anh dội lên, anh nắm chặt tay run rẩy tránh né nắm tiền tôi đưa. Rồi lẳng lặng chẳng nói lời nào, anh mặc quần áo bỏ đi. Hôm sau đi làm về tôi thấy lá thư của anh đặt trên bàn. Chúng tôi xa nhau từ ngày ấy.

Lá thư anh đúng hơn là bản thú tội của anh ấy để lại giống một tiếng sét giáng xuống đầu tôi. Mấy ngày liền tôi khóc lóc, đau đớn, nghi hoặc. Tôi đọc lá thư hàng trăm lần cố tìm kiếm những ý nghĩ bên ngoài mớ chữ nghĩa tôi đã thuộc làu:

*"Trong chuyện này anh hoàn toàn có lỗi với em. Nhưng anh không thể dối trá lừa lọc mãi. Những năm tháng qua, không thể gọi rằng chúng ta chung sống. Anh có cảm tưởng rằng chúng ta cầm tù nhau, nói đúng hơn anh ăn cắp tình yêu của em... chẳng dùng vào việc gì ngoài việc để khinh bỉ mình. Hôm qua em đưa món tiền cho anh mà anh ngỡ có người nhổ vào mặt. Bởi vì... trời ơi, em không biết hay em cố tình làm lơ cho những chuyến đi thực tế của anh? Chẳng lẽ em không hề biết anh kiếm cớ để đi bất cứ đâu, tìm lấy bất cứ một người phụ nữ dịu hiền nào có thể thông cảm tâm trạng chán chường của anh? Và em hẳn cũng không hiểu nổi khi đó anh hả hê rằng đã trả đũa được cái vòng tù ngục trói chặt anh trong hàng chục năm qua.*

*"Khi trở về, lần nào cũng vậy, anh càng ghê tởm mình, ý thức được việc phải trả nợ em. Trả nợ em bằng sự âu yếm. Chính vì thứ âu yếm khốn khổ em cần có để yên tâm rằng tình yêu vẫn tồn tại trong cái giường đôi của chúng ta, em sẵn sàng trả giá bằng đồng tiền mồ hôi nhặt vải vụn, bằng sự hy sinh điên cuồng hàng tháng ròng thức trắng đến gục xuống.*

*"Tại sao em làm vậy? Vô ích lắm. Hãy tha tội cho anh. Cái gì người ta cũng có thể cố gắng, nhưng không ai có thể cố gắng yêu... Anh thường hổ thẹn nhớ lại truyện ngắn Người đàn bà làm nghề độn ghế của Môpátxăng. Không, anh không muốn làm thằng cha bào chế khốn nạn, nhận những đồng xu trả công*

*độn ghế nhớp nháp mồ hôi để bán tình yêu cho người đàn bà tội nghiệp nọ. Và em, em đang làm người đàn bà độn ghế ấy.*

*"Anh có điên không nhỉ? Thiên hạ khối kẻ vẫn lợi dụng lòng yêu thương mù quáng của vợ để hưởng thụ, vẫn dối vợ nhem nhém có sao đâu? Còn anh, anh bị vắt kiệt lòng nhẫn nại lẫn sự dối trá, anh không thể tiếp tục mãi.*

*"Sau khi đã nói hết với em, anh sẽ không quay về ngôi nhà này được nữa. Anh tới bà nội ở. Tùy em quyết định, em có thể bảo anh cứ về, chúng ta phải tiếp tục chung sống với nhau, vì... sau hàng chục năm anh cưới em, anh không có quyền ích kỷ, chạy trốn trách nhiệm. Anh sẽ lại về. Lúc đó giữa chúng ta đã sòng phẳng, quan hệ thực chất phải khác (dù xấu đi), nhưng anh tin như vậy dễ chịu hơn.*

*"Nếu chưa thật bình tĩnh, em hãy cứ nguyền rủa anh. Anh đáng tội lắm. Ôi, giá có cách gì để xim em tha thứ..."*

Quá bàng hoàng, tôi phải tự xoa dịu mình bằng cách kết luận anh ấy bị khủng hoảng tinh thần. Lá thư kia chẳng qua anh tự bày đặt, hoang tưởng trong một cơn tâm thần, thế thôi. Suốt mười năm nay, dưới sự phòng ngừa chặt chẽ của tôi (trừ những chuyến thực tế), anh không hề có một quan hệ riêng nào với phụ nữ. Trong nhà khi có mặt tôi, bất kể người phụ nữ hàng xóm hay bè bạn vừa bước chân tới là anh đứng ngay dậy, kiếm cớ rút lui. Tôi vẫn thường lấy thế làm vui, thầm cảm ơn anh biết tránh cho vợ những mặc cảm tầm thường. Một người chồng tế nhị đến mức ấy sao có thể lừa dối vợ, "tìm bất cứ người phụ nữ dịu hiền nào" trong những chuyến thực tế?

Nhưng nếu anh không bị tâm thần, nếu đó là sự thật tàn nhẫn tôi phải chấp nhận? Trời ơi... để chừng tôi sắp phát điên chăng?

Vài ngày sau, khi đã bình tĩnh chút ít, tôi hiểu rằng anh ấy hoàn toàn không bị tâm thần. Đầu óc anh vẫn lành mạnh, tỉnh táo. Thậm chí khi dám viết những dòng chữ trên, anh đang sống những giây phút thánh thiện, sòng phẳng, tử tế nhất. Và vì thế ý nghĩa quyết liệt của lá thư càng khiến tôi chua xót. Rõ ràng không bao giờ chúng tôi có thể sum họp lại. Sự sum họp sẽ làm nhục cả anh lẫn tôi. Rồi tôi ngăn phòng nốt những chuyến thực tế của anh hay sao? Tôi triệt tiêu tất cả mọi nơi, mọi lúc, hình bóng những nguười đàn bà dịu hiền hay sao?

Rốt cục một nỗi uất ngẹn dâng lên cổ tôi. Nếu không yêu tôi, anh ấy có quyền gì *đánh cắp* ngần ấy năm tháng, tuổi xuân, tình yêu và lòng tận tụy của tôi? Cũng là lần đầu tiên tôi nghiêm khắc xét nét lại anh từ chân tơ kẻ tóc. Anh tưởng mình ghê gớm lắm sao? Thiên tài ư? Cao quí ư? Không, tôi đã trả giá quá đắt bằng cả cuộc đời mình cho một kẻ tầm thường nhất trong vô vàn kẻ tầm thường, một thứ giẻ rách! Nhưng anh có lỗi gì? Bỗng nhiên trong óc tôi lóe lên câu hỏi: Anh đánh cắp cuộc đời tôi hay ngược lại tôi đánh cắp cuộc đời anh? Nhân danh tình yêu, tôi giam chặt anh, chiếm hữu anh thành tài sản riêng, tướt đoạt của anh tất cả niềm vui sống hồn nhiên nhất. Tất một

hôm tài sản riêng kia phải vùng dậy chạy trốn, bởi vốn dĩ nó là con người.

Ý nghĩ ấy khiến tôi rã rời. Chấp nhận sự thật không phải dễ. Nó giống như tôi phải chấp nhận trái đất không tròn trịa, một điều tôi đã đinh ninh từ tấm bé.

Quái lạ, không nhớ ai đã kể với tôi câu chuyện này: Hai ông bà già ở vùng quê nọ, sống với nhau gần trọn đời, nghĩa là đã nín nhịn tưởng chừng xong được một kiếp. Ông cụ bảy mươi lăm, bà cụ chẳn bảy mươi. Ấy thế, đùng một bữa ông cụ lén lén dúi đầu bà cụ vào bếp lửa đang cháy, để thoát ra cái vòng vô hình thít chặt họ với nhau hơn nửa thế kỷ.

ĐOÀN LÊ
*(Trong nước)*



**TRẦN VẠN GIẢ**

# ở núi

Tặng T.N.S.

*Thoáng đã mười năm xa ở núi*
*Chân tình xin lỗi với miền xuôi*
*Ba mươi chín tuổi đâu già lắm*
*Núi vẫn quanh đời nên cứ vui*

*Sống hết đời mình bên dáng núi*
*Đừng xa nhau xa sẽ ngậm ngùi*
*Cuốc đất đêm về thơ cứ đến*
*Dễ gì xa núi để về xuôi*

*Lòng dạ đã là trăm sông suối*
*Để cùng mạch sống chảy không nguôi*
*Có được ngọn rau nhờ tất đất*
*Thương người nương rẫy chắt chiu nuôi*

*Mười năm gian khó đâu hồ dễ*
*Nhờ núi cho mình những đắm mê*
*Đừng tưởng gặp nhau lòng thấy biển*
*Bởi vì núi lạ cũng thành quê*

TRẦN VẠN GIẢ
(Trong nước)



**KHẾ IÊM**

# gửi người đồng hành

*Lũ chúng ta lặng nghe roi ngàn rơi cùng niên kỷ*
*Bay vèo một thoángmà chưa hay*
*Như tiếng nói*
*đứng bằng hai chân*
*ném ngược thời gian vào chốn khác*
*Trong cùng nỗi*
*nhớ không*
*đã tình đăng đẳng*

*Bởi chớp mắt yêu đương đong đầy biển mặn*
*Bởi muôn kiếp chim muông thổi lời*
*biển sâu*
*Khá gọi mênh mông giữa rừng siêu thực*
*Kéo dãn cội nguồn*
*ngang hố đêm*

*Đứng ở đầu hôm hú về đầu ghềnh*
*Lũ chúng ta mang theo gánh chiều sần sượng*
*Lũ chúng ta thiên di từ nơi hồng hoang*
*Trăm gió qua đi*
*nhìn ra đồi quạnh*

*Bao cánh mai nay còn nơi đồng xanh*
*Đang run lên vì mưa sa*
*ngoài dặm*
*Một cõi thinh không nằm trong sương*
*lửa*
*Đang lôi thôi vì xưa sau*
*xa xa đốm cỏ*

*Lũ chúng ta chẳng hề thật có*
*Lũ chúng ta chỉ là bèo giạt*
*Lũ chúng ta như là hoa trôi.*

KHẾ IÊM



NGUYỄN HOÀNG NAM

# đôi chân

*nếu em có lỡ không dài*
*anh xin quỳ gối vừa hai mái đầu*

*nếu em có lỡ ú nù*
*anh thèm bánh tét ngọt ngào quê hương*

*nếu em có lỡ trơ xương*
*anh lên cành trúc đông phương tọa thiền*

*nếu em có lỡ vòng kiềng*
*trung thu anh gọi lưỡi liềm là trăng*

*nếu em tua tủa rừng lông*
*anh đu cao ốc tồng ngồng tặc-giăng*

*nếu em chèng bẹt hai hàng*
*điểm giao vô cực mở càn khôn anh*

*nếu em gân tím lằn ngoằn*
*bao nhiêu xa lộ đều lăn về tim*

*nhưng, em đừng ghét chân mình*
*dở hay cũng chỉ góc nhìn tà tâm*
*em mà cứ mãi lằm bằm*
*anh...đđành phải... nnnhớ...*
*nhớ...đđđôichânkhác nào...!*

NGUYỄN HOÀNG NAM



**ĐÔNG HOÀNG**

# ấn tượng trong bóng tối



*Bác sĩ Nguyễn ngồi một mình trong căn phòng khách sang trọng. Ông bật diêm châm tẩu thuốc rồi mở hồ sơ bệnh nhân ra. Kèm theo xấp giấy tờ là hai tấm ảnh trắng đen, hình chụp thẳng và chụp ngang của một thiếu phụ... Trường hợp có liên quan đến người Việt Nam, một chuyện khá hiếm ở vùng khỉ ho cò gáy này... Nguyễn thầm nghĩ. Bệnh nhân tên Da Thao T. Đoan, có lẽ là Đoàn Thị Dạ Thảo, 36 tuổi, độc thân... Bồi thẩm đoàn đã phán quyết rằng cô ta vô tội vì lý do tâm thần. Không bị tù, nhưng y thị phải chịu quản thúc tại dưỡng trí viện cho đến khi đạt được tiến bộ đáng kể... Nguyễn chợt nhíu mày. Người thiếu phụ trông có vẻ sáng sủa, dễ nhìn, nếu không muốn nói là có vẻ đẹp tiềm ẩn. Cô ta đã từng sống tự túc một mình ở Seattle trong một thời gian khá lâu, không đụng chạm gì đến luật pháp...*

Tôi thấy mình nằm giữa một căn phòng trống. Cái sleeping bag dưới lưng thỉnh thoảng lại hắc lên mùi bông vải ẩm mốc quyện với mùi bụi của lớp thảm cũ. Tôi nhắm mắt, nhìn thẳng vào bóng tối. Trong đêm đen dày đặt, tôi cơ hồ như thấy ẩn hiện đâu đây đường nét bướng bỉnh của Hòa. Cũng ánh mắt ấy, cũng bờ môi ấy. Tôi đưa tay ra âu yếm đón lấy hình ảnh thật gần gủi mà vời vợi đó, áp sát vào da thịt tôi. Biên giới giữa thực và mộng bỗng nhạt nhòa. Tôi đang tỉnh hay tôi đang mê? Có lẽ tốt nhất tôi không nên biết, và cũng không muốn biết. Vì sự thật là một điều kinh khủng.

Hôm xưa có hai người sĩ quan đồng phục chỉnh tề đến gọi cửa nhà tôi. Họ

đi chầm chậm, mọi cử động của họ đều nhẹ nhàng đến nỗi tôi có cảm giác như đang xem một đoạn phim quay chậm. Họ nói rất rõ, nhưng sao tôi không hiểu được những lời họ nói. Tôi thấy lờ mờ hai gương mặt xương xương sạm nắng, làn da lấm tấm mồ hôi, bờ môi ngập ngừng, mấp máy. Những ánh mắt nhìn xuống thỉnh thoảng lại ngần ngại ngước lên rồi len lén liếc quanh. Mảnh vải màu vàng sậm trên tay họ vấn vương mấy giọt nắng chiều, ánh lên rực rỡ đến chói lòa mắt. Người lính run run, vô tình đánh rơi mảnh vải xuống đất khi anh ta định trao cho tôi. Vải tung ra, những đường sọc đỏ chảy dài như những lằn máu tươi tuôn vọt ra rồi khô đọng lại. Tôi thấy có ánh đèn cầy le lói đêm ngày, rồi màu vải gay trắng bao trùm tất cả vạn vật quanh tôi. Sợi gay dày và thô quấn chặt lấy tôi, phủ xuống mặt tôi, bó sát đầu tôi làm cho tôi khó chịu. Tôi không nghĩ rằng tôi đã sống trong hiện thực. Người ta chỉ gạt tôi mà thôi. Tôi muốn bừng tỉnh khỏi cơn ác mộng. Đúng là một giấc mộng dữ vì thế giới chung quanh tôi bỗng trở nên nhão nhẹt, chảy mềm như cao su. Thế giới như bị đặt đàng sau một tấm kính lâu ngày trở nên mờ mịt bụi. Tôi đâm ra tức giận. Tôi nuốt cái giận vào cổ. Nó nghẹn lại nơi yết hầu, âm ỉ muốn bung nổ ra khỏi lồng ngực tôi. Tôi chua xót cho cái bào thai ba tháng trong bụng tôi. Tôi căm thù hình ảnh người góa phụ đôi mươi gục đầu trước cỗ áo quan...

Một làn hơi thở ấm áp nhè nhẹ phả vào mặt tôi. Tôi nhắm mắt tưởng chừng như đó là hơi thở của Hòa. Thấm thoát mà đã mười sáu năm. Mười sáu năm mà sao tình vẫn sôi nổi như ngày nào. Tôi thấy tim mình rung động, cái rung động của lần đầu. Một cảm giác buồn man mác chợt tràn vào chiếm lấy hồn tôi. Tôi lại thấy lòng mình hồi hộp chi lạ, một nửa háo hức mong chờ cho chuyện ái ân xảy đến, nhưng nửa kia lại sợ sệt không muốn nó xảy ra bây giờ. Đêm Tân hôn, tôi chui vào mền nằm quay mặt vào tường. Hòa phải vỗ về lâu lắm chúng tôi mới đi đến chỗ thành vợ thành chồng. Thành thật mà nói, lúc đó tôi chẳng thấy có chút khoái cảm xác thịt nào. Nhưng tình yêu chan hòa của đôi vợ chồng trẻ mới cưới đã làm cho tôi ngất ngây. Tình yêu và hạnh phúc thấm sâu vào từng tế bào, từng kẽ tóc của tôi. Tôi vừa bay nhảy, vừa lặn ngụp trong niềm hân hoan và hy vọng. Tôi muốn thời gian trôi đi thật chậm để tôi mãi mãi được sống trong vòng tay ấm áp của Hòa. Tôi đắm mình trong sự hợp nhất cao cả của hai linh hồn mà bẵng quên đi mọi xúc cảm trần tục trên da thịt mình.

Mưa ngoài trời vẫn rào rào nặng hạt. Tiếng mưa đập chan chát đều đều trên nền sân xi măng sau nhà. Chỗ ở của tôi quá cũ kỹ, tôi chỉ thầm mong cho mái nhà đừng dột ngay chỗ tôi đang nằm. Nhớ hôm nào đó năm xưa mặt tôi cũng ướt đầm đìa, không biết vì nước mưa hay vì nước mắt. Trạm xe bus trước nhà thương không có mái che, chiếc dù nhỏ chỉ đủ để che cho thằng Bình. Những chiếc xe lướt qua nhanh bắn nước tung tóe lên người tôi. Không biết tôi quái đản đến cỡ nào mà khi lên xe bus, từ anh tài xế người da đen cho đến mấy bà già Mỹ đều nhìn tôi một cách lạ lùng.

*... Bà nên đưa cháu đến phân khoa tâm thần của bệnh viện này... để họ thẩm định tình trạng tâm thần kỹ hơn. Sau đó, bà có thể xin trợ cấp của chính quyền để lo cho cháu.*

Giọng nói lơ lớ của cô y tá người Mỹ biết nói tiếng Việt vang lên trong đầu tôi. Tiếng nói cứ ngân nga một cách khó chịu như tiếng chuông đồng hồ báo thức mỗi sáng. Từ ngày ấy đến nay, nhiều khi tôi cứ nghe giọng nói đó bật lên trong đầu, rõ mồn một như mới hồi nãy. Mưa vẫn rơi tối trời tối đất, phố xá bị ngập nước đến quá mắt cá. Tôi nhìn ra cửa sổ, phóng tầm mắt vào xa xôi. Tương lai hiện ra giống hệt như đường phố trước mặt tôi. Tới trạm, tôi một tôi cầm dù, tay kia dẫn thằng bé con lội bì bõm qua những vũng nước lạnh ngắt. Từng cơn gió mạnh thổi qua, giựt ngược, trì kéo chiếc dù. Thân thể tôi bắt đầu nổi da gà, tôi vội nắm chặt lấy tay thằng Bình, cố tìm chút hơi nóng...

Tôi thấy ươn ướt và nhột nhạt nơi đầu nhủ hoa. Tôi nhớ đến gương mặt lấm lem của Bình hồi mới lên ba tuổi. Gương mặt bệnh hoạn, đói khát thèm sữa. Cái nắng hừng hực ở vùng đồng khô nước mặn làm mồ hôi đổ ra ướt đẫm cả người tôi. Thằng Bình vẫn ngậm lấy đầu vú cố tìm những giọt sữa còn sót lại, những giọt sữa lạt lẽo pha lẫn với chất mồ hội mằn mặn. Nó càng lớn càng nhìn giống ba nó đáo để, nhất là cặp mắt và cái miệng. Tội nghiệp thằng nhỏ ốm nhom, da tái mét. Người nó nóng hừng hực. Tôi ngồi chồm hổm, cúi đầu nép vào dưới tàn bụi khoai mì cho đỡ nắng. Thân cây khoai mì thấp chủm, lá cây xòe ra như những bàn tay nhỏ nhám nhúa xoa xoa vào mặt tôi. Có tiếng máy xe ba gác nổ đì đẹt xa xa. Tôi vội ẳm Bình chạy ra phía đường cái...

Chiếc xe ba gác cũ kỹ lắc lư trên con đường hẹp đầy ổ gà. Xe vượt qua những toán Thanh Niên Xung Phong đang lầm lủi đi. Họ xếp hàng theo sau một chiếc máy cày cũng cũ rích, rỉ sét và bám đầy bụi đất. Hình cụ Hồ phô răng cười có viền hoa nhựa treo ngay trước đầu xe. Khẩu hiệu "Không có Gì Quí Hơn Độc Lập Tự Do" trên giấy đỏ đã phai màu được dán bên hông xe. Xa xa ẩn hiện sau những luống mì, tôi để ý thấy có mấy gò đất đắp tạm. Thằng Bình bú được chút sữa có vẻ tỉnh táo hơn. Tôi chợt rùng mình tưởng tượng đến cảnh chính mình phải đi đào mộ chôn đứa con trai độc nhất của mình. Tôi mơ hồ thấy xác người chết bó trong chiếu nằm lăn lóc trong cái huyệt cạn đào vội. Mấy tảng đất đá khô cằn, cứng ngắt rơi xuống phủ lấp một đời. Ngọn cờ đỏ bật lửa dưới nắng trưa gay gắt, năm đầu sao nhọn hoắc, những căn chòi không có vách, chơi vơi lồng lộng bốn phía, giọt máu rơi xuống gốc mì, đàn ruồi vo ve bu lại.

Tôi thót người khi nhủ hoa mình bị bóp mạnh. Một gương mặt đen đúa, man dại tự nhiên hiện ra. Tôi nghe bên tai như có tiếng sóng vỗ rì rào. Tiếng nước ngập ngoài sân hay là tiếng sóng? Tôi ngửi thấy mùi nước biển mằn mặn pha lẫn với mùi nước đái khai khai. Một gương mặt rồi nhiều gương mặt đen đủi, chai lì nối tiếp nhau hiện ra. Tôi cảm được cảm giác của sàn tàu ôm ghì lấy da thịt mình. Gỗ sàn cứng, ẩm ướt, hôi mùi cá, lồi lõm, đầy những dằm.

Gương mặt nó nhìn ngu si, đờ đẫn nhưng cặp mắt lại sáng quắc, sáng như mắt của loài mèo hoang trong đêm khuya. Hai bàn tay lạnh ngắt, thô kệch cứ lần mò nắn bóp khắp người tôi. Tôi nghe tiếng máy tàu đang nổ đều đều bỗng vụt tắt như bị ai đưa lưỡi dao bén vào cắt ngang cổ họng. Tôi nghe tiếng gào thét đau đớn của những oan hồn vọng về từ địa ngục. Tôi thấy những hàng chữ lăng quăng xâm màu chàm trên làn da nâu hôi hám. Không gian bỗng đổi màu liên tục, từ màu tím đen chuyển sang màu đỏ thẫm, rồi xanh lè, vàng vọt, trắng bệch. Không biết Bình có nhìn thấy tôi không? Trong đêm đen, tôi chợt nhìn thấy ánh mắt của nó...

Tôi cảm giác được phần thân thể lạ đi vào trong tôi một cách vụng về. Tôi rướn người lên vì sợ đau. Những ào ạt của mây mưa cứ dồn dập liên tiếp đổ xuống. Ánh mắt uất hận của Mee hiện ra làm tôi bàng hoàng! Tim tôi như lọt thỏm xuống vực sâu khi nhớ đến cảnh Mee vừa khóc vừa chạy ra khỏi phòng tắm khi tôi vừa bước vào nhà. Mặt cô ta đỏ gay, nước mắt ràn rụa. Tôi nắm lấy tay Mee. Cô ta vùng vẫy đẩy tôi ra. Chưa bao giờ Mee xô tôi mạnh đến thế. Tôi không thể ngờ được chuyện gì đã xảy ra. Tôi chỉ mới ra ngoài có một tiếng để đi chợ thôi mà... Tôi hốt hơ chạy theo Mee ra xe, tôi đập mạnh tay vào kính xe, vào thùng xe để gọi Mee. Chiếc xe rú ga vọt nhanh ra đường, như bị bắn bởi một sự đau thương phẩn uất tột cùng.

Tôi vẫn nhớ vóc dáng nhỏ con của Mee. Thoạt nhìn người ta có thể tưởng Mee chỉ mới chừng mười lăm mười sáu tuổi. Gương mặt bầu bỉnh của Mee cứ lởn vởn qua lại giữa không trung như trêu chọc tôi. Nó lờn vờn, chập chờn tựa ma lai đang bay quanh quẩn kiếm ăn. Mái tóc cắt ngắn, đôi mắt đen đậm của người thiếu nữ Miên gốc Việt. Đúng là Mee rồi. Hồi đó Mee cứ hay nói mãi về ước mơ của nàng muốn trở thành bác sĩ tâm lý. Phải chi năm xưa tôi đừng quen Mee! Phải chi tôi cứ tưởng Mee là một cô Phi-líp-pin nào đó thì đỡ biết mấy. Phải chi Mee đừng đến làm việc tình nguyện tại nhà thương tâm thần! Mee có tội tình gì đâu? Còn tôi, tôi có tội không? Tôi chỉ muốn được nhìn con tôi hàng ngày, tôi muốn đươc tự mình trông nom, chăm sóc cho nó. Bác sĩ cũng đã đồng ý vì thấy không có gì nguy hiểm kia mà. Mee đã đến với chúng tôi, Mee mang theo lý tưởng nhiệt thành của tuổi đôi mươi. Nàng đến nhà trò chuyện vớ Bình và chỉ cho nó làm những chuyện lặt vặt trong nhà. Những tia nắng ấm tưởng lọt được qua khe cửa nhà tôi, len lỏi vào xua đi mạn nhện hắc ám bấy lâu. Hồn tôi đã miên man ngọn gió mát hy vọng. Bình có thể tự lo những chuyện căn bản trong đời sống, chỉ cần đừng cho nó ra đường sợ lạc hay bị xe đụng. Nó sống nhiều bằng bản năng, ăn nhiều, ngủ nhiều, lớn xác so với tuổi mười lăm của nó... Tôi lãnh tiền trợ cấp của chính phủ, lấy thêm đồ may lậu ở nhà nên cũng tạm đủ lo cho hai mẹ con. Tôi những tưởng đời sống như vậy cũng tạm ổn rồi.

Vậy mà tôi quên đi một điều. Hôm trước khi tai nạn xảy ra, Bình cứ bám theo vòi vĩnh không cho Mee về. Nó ôm vai, bá cổ Mee như đứa bé đòi nuông chiều. Tại sao tôi cứ ngây thơ đinh ninh rằng đó chỉ là hành động hồn nhiên

của thằng con nít? Bắt đầu chỉ là những trò đùa dai, ngay cả Mee có lẽ cũng đã không mảy may nghi ngờ. Đứa con trai bị bệnh điên đang trong tuổi dậy thì! Tôi dại dột không thấy nên đã phải thấy chuyện đã rồi. Mấy ngón tay phải của Bình dính đầy dấu máu. Nó ngờ nghệch đứng tri trét những vệt đỏ bầm lên tường. Tôi đã hình dung ra tất cả. Người thiếu nữ nhỏ bé bị áp đảo vào chân tường. Trong một khoảnh khắc cực kỳ ngắn ngủi, gian nhà tưởng đâu êm ấm của tôi trở thành địa ngục phá vỡ trinh tiết của cô sinh viên trẻ. Có lẽ đến hàng ngàn kiếp nữa tôi cũng không thể tìm lại được sự hồn nhiên để trả lại cho Mee. Chỉ vài giâu phút ngắn ngủi mà đã làm cuộc đời của nàng và của tôi phải xáo trộn đến đảo điên.

Tiếng xe của người hàng xóm đi làm về khuya nổ bành bạch inh ỏi trong đêm. Tiếng máy xe làm tôi nhớ lại những ngày phiêu bạt trên chiếc xe Toyota cũ. Tôi vội vã trốn chạy miền mưa nhiều Tây Bắc. Tôi lái ngày lái đêm, trong bụng chỉ có nước lạnh và mấy bao chips. Đầu óc tôi tỉnh táo đến trống trãi đáng sợ, cứ như vừa bị ai chích cho một mũi thuốc kích thích.

... Rồi đây mình sẽ làm gì để sống? Cho dù ba má Mee có truy tố, người ta cũng chỉ sẽ đưa Bình vào dưỡng trí viện mà thôi. Mình vẫn có quyền thăm viếng nó, chăm sóc nó. Không ai đem bỏ tù một người điên, nhất là ở cái xứ tự do này. Có kẻ nổi điên cầm súng bắn Tổng thống gần chết, xong vẫn phây phây, đâu vào đó. Tại sao mình lại quá bồng bột, quá hộc tốc dẫn con trốn chạy? Hay biết đâu chừng ba má Mee sẽ không truy tố... Gia đình Á Đông hay sợ xấu hổ, cứ đóng cửa cắn răng chịu nhục khi gặp những chuyện như vầy. Tôi thử tưởng tượng cảnh Mee vừa khóc vừa trả lời luật sư. Tiếng khóc của nàng nghẹn lại trong cổ, bậc lên thành tiếng nấc. Mee không nhìn chúng tôi. Tôi chỉ cầu xin nàng nhìn tôi một lần. Ngực tôi nặng chĩu đến khó thở, tim đập trật nhịp loạn xạ, quan tòa cầm búa đập rầm rầm lên mặt bàn, luật sư đanh mặt sẳng giọng. Các thớ thịt trên lưng, trên cổ tôi căng ra , mệt mỏi. Không! Tôi không thể. Tôi không dám gặp lại Mee, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào! Tôi không có can đảm trở về chỗ cũ nữa! Tôi bỗng sợ mình sẽ phải mang tội với bao nhiêu người con gái nữa! Tôi muốn có kha khá tiền để lo cho đứa con bệnh hoạn được đầy đủ hơn. Nhưng làm gì để có nhiều tiền đây? Đi làm gái điếm, gái gọi chăng?

Tâm tư tôi đang sôi nổi bỗng trở nên lắng dịu. Đầu óc tôi trôi đi nhè nhẹ, thanh thản. Tôi cố men men ngoi ra khỏi dòng suy nghĩ. Tôi lần mò trở về thực tại từ các ngõ hẻm của quá khứ. Như đứa trẻ con, tôi tò mò thử để tâm chú ý đến những cảm giác xác thịt đang bò lan trên thân thể mình, xem nó ra sao, có ghê gớm như mình mong đợi không? Cảm giác cứ từ từ trải ra như vết dầu loang, bắt đầu tràn lên khắp người. Tôi nắm chặt hai tay, dồn nén nó xuống. Đến lúc thấy rằng mình sẽ phải chịu thua, tôi mím môi, mở mắt ra để đối diện với quyết định của mình. Tôi đang nghiêng ngả bên bờ vực thẳm.

Bình ngồi ngay nơi ngạch cửa, nhìn qua bên kia đường. Tôi bắt gặp ánh mắt nó chằm chằm dán vào cô bé người Lào ở cạnh nhà. Cô bé chỉ chừng

mười bốn mười lăm tuổi, mặc áo thun màu và váy ngắn, đang tụ năm tụ ba với mấy đứa choai choai trong xóm. Nhìn ánh mắt hừng hực của Bình, tôi hiểu nó muốn gì. Tôi không còn đủ cam đảm để nghe tiếng khóc uất hận của những thiếu nữ vô tội nữa. Tôi cũng không còn đủ khả năng để dẫn con trốn chạy. Tôi bước ra kéo vội Bình vào nhà, khóa chặt cửa lại. Nước mắt nước mũi tôi bật tuông ra vì bất lực. Bình tròn mắt ngạc nhiên. Nó sửng sờ giây lát rồi bỗng nhảy cỡn lên, chạy lăng quăng đến quì bên cửa sổ. Tôi kéo rèm lại. Nó mở ra. Tôi kéo lại. Nó lại mở ra. Nồi canh cải bắp trên bếp sôi lên sùng sục. Tôi quay vào bếp mở nắp nồi, một làn khói nóng bay lên ập vào mặt tôi, ngột ngạt. Có ai dưới đường ném cái lon nhôm chạm vào cửa kính kêu cái kẻng. Tôi ngẩng lên. Bình đứng quay lưng ra cửa sổ, tuột quần xuống, vừa lắc lắc mông. Đám trẻ con dưới đường chửi thề văng tục ầm ĩ. Tôi bàng hoàng như bị rơi tõm vào một cái giếng không đáy. Tôi cuống cuồng nắm áo kéo Bình vào phòng ngủ, đóng cửa khóa lại. Tôi nhốt nó trong phòng cả buổi chiều. Nó ca hát, gầm gừ, rồi khóc lóc năn nỉ. Nó nhăn mặt, lè lưỡi làm trò khỉ. Nó ưỡn người làm mấy tư thế tục tằn, chốc chốc lại đút tay vào sục sạo trong quần. Càng lúc tôi càng thấy mình bị sa lầy hơn. Tôi ngồi dựa lưng đè chặt vào cửa phòng, chẳng biết phải hành động ra sao nữa bây giờ. Mí mắt tôi trở nên nặng chịch, đầu tôi đê mê. Tôi như bay bổng đến một nơi ở ngoài thế giới loài người...

Tôi buông thả, cảm giác đánh bại tôi, rạt rào dâng lên, ran ran như nắng hè. Phải rồi, chính nó, cảm giác tột cùng của sự gần gũi mà tôi đã từng chia xẻ với Hòa. Tôi cố chối bỏ nó nhưng sao nó cứ quấn lấy tôi. Tôi thấy buồn xa vắng, tôi thấy sờ sợ như sắp bị ai la rầy. Những đường nét bướng bỉnh trên gương mặt Hòa cứ như khi ẩn khi hiện trong bóng tối.

Thằng Bình ôm chặt lấy da thịt tôi, đầu nó gục xuống, áp vào ngực tôi. Cặp mắt của nó lờ đờ đượm đầy vẻ thỏa mãn của loài thú, người nó co giật từng hồi. Không khí trong căn phòng bỗng trở nên ngột ngạt. Trên cái sleeping bag ẩm mốc, cũ kỹ, chỉ có hai con người. Chúng nó không phải là người mà chỉ là con người. Một đực, một cái, lõa lồ quyện vào nhau trong tư thế giao cấu... Nước mưa vẫn cứ ào ào sau hè.

Ngày mai, tôi chỉ hy vọng rằng Bình sẽ đằm thấm trở lại, í1 ra cũng được vào bữa... cho đến khi... cho đến khi... Trời ơi, cho đến khi nào đây...

*Bác sĩ Nguyễn lắc đầu. Lai lịch của bệnh nhân vắn tắt quá. Bị can bị truy tố về tội gây nguy hiểm cho trẻ em và tội vô ý sát nhân. Nạn nhân là con trai ruột của y thị. Trong hồ sơ ở Seattle mấy năm trước có ghi thằng bé bị chứng schizophrenia. Khám nghiệm của bệnh viện còn cho biết là bị can hiện đang mang thai khoảng ba tháng, nhưng nhà chức trách không rõ người cha của bào thai là ai.*

ĐÔNG HOÀNG



HUỲNH HỮU ỦY

# những tác phẩm mới nhất của nguyên khai: con người và computer



Mẹ đất *(sơn dầu kết hợp - đường kính 36")*

Cùng với tranh sơn dầu và sơn mài vẫn được tiếp tục thực hiện như trong không khí từ nhiều năm về trước, trong khoảng một hai năm gần đây Nguyên Khai thực hiện một loạt tranh mới, cũng có thể nói là đáng chú ý vì kỹ thuật mới mẻ. Kết hợp với kỹ thuật khắc gỗ, thạch bản, khắc bản kẽm, khắc film, rồi in bằng máy quay tay trên giấy, đôi lúc là trên bột giấy đặc biệt, đòi hỏi nhiều thời gian, vừa là tranh mà cũng vừa là những bảng khắc nổi, khắc chìm (*haut-relief, bas-relief*), thỉnh thoảng còn dát thêm đôi chút vàng và bạc ở những điểm cần nhấn mạnh để tạo sự nổi bật. Sống giữa một thời mà nghệ thuật rất gần với kỹ thuật và cơ khí, những không gian mới của nghệ thuật đòi hỏi không những chỉ là tư tưởng mà còn nhiều thứ khác nữa của kỹ thuật và kỹ nghệ, nỗ lực tìm kiếm này của Nguyên Khai cũng rất đáng tán thưởng. Điều đáng kể là với một cách làm việc và những phương tiện hoàn toàn khác trước đây, anh vẫn tiếp tục hít thở, chuyển động và sống với thế giới mộng tưởng của mình như từ bao nhiêu năm trước, các giấc mơ đầy thi vị cứ tiếp tục nối nhau

trên một đường chỉ đỏ xuyên suốt hơn 30 năm qua. Những tranh này dù thực hiện rất công phu, và có thể in thành nhiều bản, in bao nhiêu bản cũng được, anh chỉ in một bản duy nhất, nên đã đặt cho chúng một cái tên giản dị: *monoprint*, tranh độc bản.

Giai đoạn nghiên cứu và thực hiện những độc bản mà Nguyên Khai đã có dịp bày trong một vài cuộc triển lãm vừa qua, thực sự ra mới chỉ là những chuẩn bị, có thể xem đó là những thăm dò, mò mẫm tìm kiếm, tạo tiền đề cho những khám phá mới. Phòng tranh mới nhất của Nguyên Khai mở cửa ở trụ sở *Việt Báo Kinh Tế* từ 11.3 tới 26.3.94 với một chủ đề chung *Con Người và Computer* là một thành quả rất đặc sắc, cũng có thể nói là khá rạng rỡ khi người nghệ sĩ tài hoa này mở rộng cách nhìn của mình vào thế giới hiện đại.

Bao trùm lên toàn thể phòng tranh một không khí rất mới, chúng ta có thể gọi nó là một sắc diện nào đó của trào lưu nghệ thuật hậu hiện đại (post-modernisme). Anh pha trộn nhiều kiểu cách, nhưng chủ yếu là cách biểu lộ của loại hình nghệ thuật *Pop Art*, vẫn còn là khá mới mẽ và chưa quen thuộc lắm với nghệ sĩ Việt Nam (*). Nhưng không phải là Nguyên Khai đã rời bỏ hoàn toàn tất cả những nền tảng trước đây, bởi vì anh chỉ vận dụng phương thức biểu lộ mới, nhưng vẫn xây dựng thế giới của mình trên cách nhìn quen thuộc của nghệ thuật siêu thực, lập thể và trừu tượng. Nguyên Khai sử dụng những nguyên liệu mới trông rất buồn cười, để làm nền tảng xây dựng thế giới của mình, đó là những chip điện tử. Trên báo *Người Việt Thế Giới* số vừa ra mắt có mấy dòng giới thiệu về cuộc triển lãm này, đã nhận xét nhẹ nhàng và khá đúng: *"Con người, với computer, đang viết những trang sử mới cho văn minh nhân loại. Đã tới lúc những chất liệu hội họa có thể... kết hôn với những chip điện tử."* Cứ như vậy, có lẽ rồi Nguyên Khai sẽ sử dụng bất kỳ chất liệu nào, vật thể gì, miễn là có thể được và phù hợp, để tiếp tục triển khai thế giới của mình.

Phòng triển lãm mở ra một thế giới mới, với nhiều nỗ lực tìm kiếm mới đầy năng động sáng tạo. Hầu hết các tác phẩm đều là *mixed media*, thực hiện bằng nhiều chất liệu khác nhau pha trộn lại, những sợi và mảng kim loại, đinh kẽm, sơn dầu, vải bố, gỗ, arcrylic, đặc biệt chủ yếu là những *chip điện tử*. Những chip điện tử ấy được vận dụng, sắp xếp khắp nơi rất khéo léo trên các tấm tranh; có tấm thì chỉ cần vài mảnh nhỏ ấy để tạo thành một điểm trung tâm thu hút toàn bộ; có tấm thì dường như là toàn bộ được dàn trải toàn bằng chất liệu này, chỉ thêm thắt vào những mảng sơn dầu hoặc arcrylic để tạo sự hòa hợp tổng thể. Không khí ấy trên những tác phẩm của Nguyên Khai rõ ràng bao hàm sự ghi nhận về một thế giới mới trên đường tiến tới tương lai. Văn minh nhân loại đang biến đổi dữ dội và chưa biết đi về đâu dưới áp lực và sự thống trị của cuộc cách mạng điện tử đang diễn biến. Những chip điện tử nhỏ bằng phân vuông ấy ngày nay đang chế ngự cuộc sống loài người, khắp nơi và khắp nơi, trong bất cứ lĩnh vực nào. Từ giáo dục đến truyền thông, từ kinh tế đến sinh học. Từ an sinh xã hội đến hàng hóa tiêu

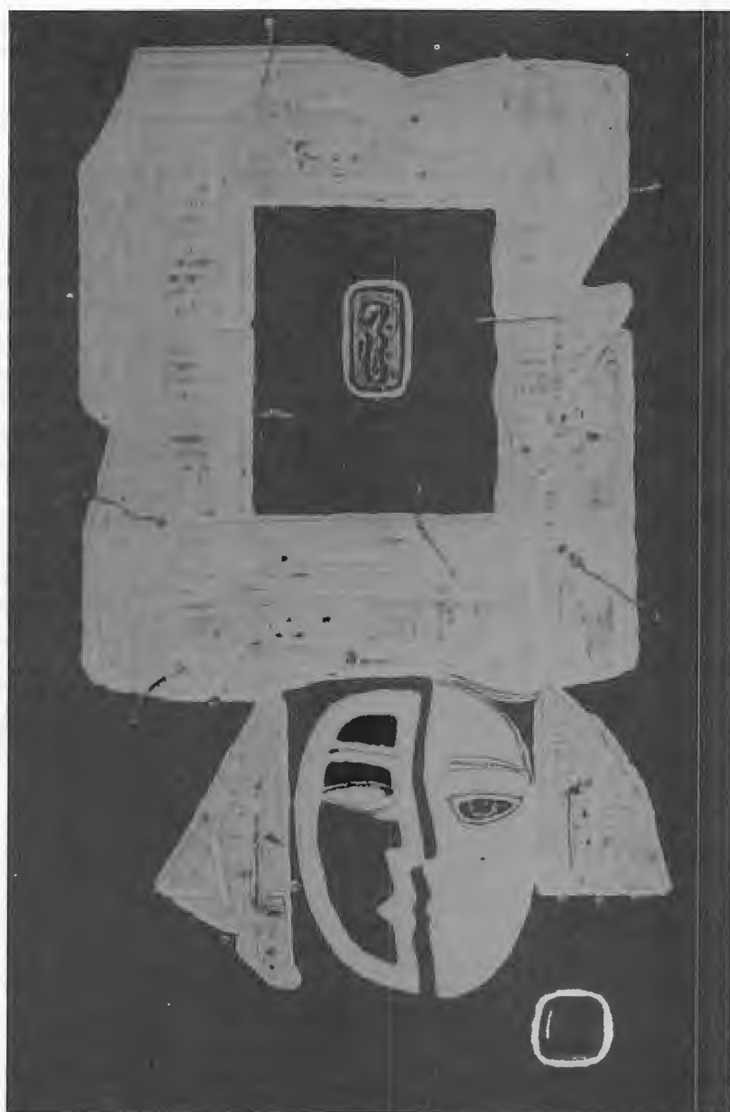


Ánh sáng *(sơn dầu kết hợp - 31"X32")*

dùng. Từ kỹ nghệ đến giải trí. Từ đường phố đến sinh hoạt trong từng mỗi căn phòng. Chip điện tử, bộ óc tinh vi của hệ thống computer đang điều khiển mọi vận hành của nhân loại. Ở đây, người họa sĩ rất mực tài hoa được chúng ta yêu mến suốt hơn ba mươi năm qua, không những chỉ mô tả mà ít nhiều còn có tính tiên báo bằng những cảm nhận nghệ thuật vô cùng tinh vi về một thế giới mới, một nhân loại mới đang bước đi và sẽ tới.

Anh dựng lại hình bóng *Bà Mẹ Đất*, nền tảng của mọi sự sống. Nhưng ở đây, Nữ Thần Địa Mẫu, sức sống uyên nguyên của sự kết hợp, nuôi dưỡng và tái tạo, không mang cái dáng vẻ xù xì, thô kệch của bà mẹ phồn thực xưa nay, như hình bóng chúng ta vẫn thường thấy, từ những dấu vết tiên khởi từ thời đồ đá cho đến những tác phẩm hiện đại nhất của ngày hôm nay. *Bà Mẹ Đất* (Mother Earth) của Nguyên Khai thực hết sức thanh tú, tròn đầy, đầy chất thơ và mơ mộng. Nhiều nguyên liệu pha trộn nơi tác phẩm tạo bức tranh thành một công trình đắp nổi của điêu khắc, mở ra một thế giới của không gian ba chiều. Bà mẹ thanh nhã ấy của muôn loài cũng đang chuyển biến; trái đất và cuộc sống của nhân loại đang thay đổi dữ dội, đang âm ỉ bốc cháy để rồi sẽ dựng nên một nhân loại mới trong một tương lai gần gũi. Có gì khác biệt giữa linh cảm, mơ mộng và thực tại? Có gì khác biệt giữa giấc mộng của nghệ thuật và giấc mộng của lịch sử? Có nhiều giấc mộng chừng như không tưởng thì chính lại là rất thực. Ở đây, thực ra không phải chỉ là linh cảm và tiên báo, mà hẳn cũng đã bắt nguồn từ tính biện chứng trên tấm nền thực tại. Chỉ có điều là những ghi nhận qua những tần số cảm tính đã được trau chuốt trở lại trong một vẻ thanh nhã, thơ mộng cố hữu của Nguyên Khai; cách nhìn ấy hẳn là khó mà thay đổi.

Cũng trong cách nhìn ấy, Nguyên Khai đã vẽ nên bộ mặt của một thế giới đã hoàn toàn biến đổi dưới sức chi phối của computer. Anh sắp xếp những chip điện tử ti vi lên mặt tranh, chiếm đến gần 2/3 tấm tranh, nhưng thế giới ấy không hoàn toàn phi nhân tính; ở bên trên thế giới ti vi ấy vẫn còn hai khuôn mặt kiều diễm quen thuộc của Nguyên Khai. Chân dung hai thiếu nữ ấy dường như đã đứng vững, mặc dù vẫn mềm dịu, mộng ảo và đầy nữ tính, trên đài bệ vững chãi của cái thế giới mới siêu điện tử. Bức tranh ấy Nguyên Khai gọi là *Thời Đại Mới* (New Era). Cùng cách tạo hình và ý tưởng ấy, Nguyên Khai càng đi xa hơn nữa, anh dựng một thế giới hoàn toàn mới mẽ với tầng tầng lớp lớp chồng chất lên nhau những con mắt và trí óc điện tử. Không còn thấy bóng dáng con người đâu nữa, vì con người đã hoàn toàn bị khống chế và chìm lấp trong thế giới siêu kỹ thuật cực kỳ tinh vi ấy. Nhưng may thay, Nguyên Khai đã phóng chiếu chân dung con người theo một kiểu cách kỳ lạ hơn, bí ẩn hơn, kỳ diệu hơn: anh dựng hình bóng Chúa Giê-Su với khuôn mặt bằng đồng, một vòng hào quang bằng aluminium và hai tay bằng gỗ bị đóng đinh lên trên thế giới ấy. Bức *Cứu Rỗi* (Salvation) là một cách giải quyết rất bén nhạy, thông minh và sâu sắc cái hòa nhịp thiết yếu giữa nhu cầu tâm linh và thế giới bên ngoài. Thế giới càng văn minh, kỹ thuật càng



Khuôn mặt âm dương và hộp phép lạ thời đại (*monoprint*)

tinh vi, khoa học càng tiến sâu vào những bến bờ mới lạ, khao khát tâm linh về một sự cứu rỗi mới, có lẽ càng sâu thẳm hơn nhiều. Khi đứng trước tác phẩm này, tôi tưởng tượng đến những thành phố hiện đại của thế kỷ 21, và nếu các nhà kiến trúc sử dụng ý tưởng ấy để mô hình hóa và quy hoạch những thiết kế mới, mỗi chip điện tử trên tranh ấy sẽ trở nên một con đường, một công viên, một chiếc cầu, một tòa building lớn; mỗi chấm nhỏ li ti trên ấy là chiếc xe của chúng ta đang vun vút chuyển động, và bên trên toàn thể công trình kiến trúc vĩ đại ấy, hình bóng đấng cứu rỗi của một nhân loại mới vẫn hiện ra như một thành phần chủ yếu của cấu trúc. Ý tưởng ấy của Nguyên Khai không phải chỉ là một giấc mộng không tưởng, mà có vẻ như đó là khuôn mặt mới của thế giới sẽ được dựng nên.

Tất cả các tác phẩm của Nguyên Khai trong phòng triển lãm này đều mang chung một tính cách, và đều đã được lý giải dưới lăng kính của cái đẹp rất tài tình. Có vài tấm tranh sử dụng cách tạo hình của nhiều năm trước, của thời Sài Gòn trước 1975, và ở đây anh vừa giữ được cái tài hoa cũ, mà không những thế còn nâng cái phong nhã lên ở một mức cao hơn. Ví dụ ở các bức *Thành Phố Sau Thế Kỷ* (City After the Century) và *Những Cái Bóng Bí Ẩn* (Mysterious Shadows), đó là cách tạo hình lập thể pha trộn chất siêu thực cực kỳ thơ mộng. Những vệt màu đỏ sắc cạnh đã trầm xuống để nói về một thế giới đang bốc cháy rồi sẽ được phục sinh. Hay những vệt màu xanh biển ngả sậm trầm buồn, để mô tả những căn nhà đang được dựng lên, của một thành phố đang được lặng chiếu mặt trời xanh, và cánh chim xanh đập cánh.

Ở các tấm tranh *Ánh Sáng* (Light), *Thời Gian và Tiến Bộ* (Time and Progress), *Năng Lượng Mặt Trời* (Solar Energy), *Cánh Hoa Nở* (Open Flower), *Não Bộ Điện Tử CPU*... là cách bố cục trừu tượng rất chặt chẽ; Nguyên Khai đặt thêm vào đó những mảng chất liệu khác, ví dụ những mảnh vải, những khối gỗ được đục đẽo, khắc chạm, những mảnh kim loại lấp lánh theo kiểu Pop Art. Cái đặc sắc là tất cả đều hòa hợp trong một sự hòa điệu tuyệt hảo. Trước bức *Ánh Sáng*, trong cách nhìn mang đầy chất thơ và thần thoại, thi sĩ Trần Dạ Từ cho rằng, *"Như cầu vồng bảy sắc, mầu sắc, vật thể, cái đẹp... tất cả đều là con trai con gái của ánh sáng. Họa sĩ, người thể hiện cái đẹp, bước ra từ cầu vồng. Khi thể hiện Con Người và Computer, Nguyên Khai không hề quên điều này."* Cách nhìn ấy tưởng như là đi quá xa đối với cảm hứng từ bức tranh đưa lại, và đúng là đã xa phần nào khi nhìn tấm tranh để phân tích, nhưng xét cho tận kỳ lý, để đụng đến bản chất của vấn đề thì có lẽ cũng không có gì sai lầm. Nhưng trước và sau hết, cần nói ngay: đây là một bức tranh rất đẹp, sự hòa hợp của màu sắc, đường nét, hình thể, đặc biệt là ánh sáng của riêng thế giới ấy thì phải nói là tuyệt vời. Thực ít khi chúng ta có một bức tranh đẹp như vậy.

Nguyên Khai là một trong những họa sĩ định cư ở Mỹ sau 1975, vẫn tiếp tục làm việc, có nhiều nghiên cứu và tìm tòi. Phòng tranh với những tác phẩm mới nhất này đã không làm chúng ta thất vọng. Nhưng trên xứ sở rộng lớn và

mênh mông này, mặc dù thực sự đây cũng là đất đai của cơ hội, những nghệ sĩ của chúng ta hầu như đã chìm nghỉm vô tăm. Có lẽ để thành công, ngoài tài năng, nghệ sĩ cũng phải bắt được vận may. Tôi cầu chúc Nguyên Khai, một ngày nào đó, sẽ được ngọn lửa của cơ may dẫn đến chỗ ngồi ở những nhà bảo tàng nghệ thuật hiện đại. Đó là hy vọng, giấc mơ và cũng là lời chúc phúc của tôi.

HUỲNH HỮU ỦY, 4.1994
*(Nam California)*

---

(*) Có lẽ chúng ta cũng nên nhớ lại đôi chút về một kinh nghiệm rất đặc biệt của Pop Art với họa sĩ Andy Warhol, với những đồ vật hết sức tầm thường, thông tục, đôi lúc đầy cả vẻ bệ rạc nữa, là hình ảnh những đồng đô la Mỹ, những lon xúp với nhãn hiệu Campbell, những chiếc nơ, chai Coca-cola xám, chân dung tự họa, chân dung các minh tinh màn ảnh, các nghệ sĩ trình diễn như Marilyn Monroe, Liza Minnelli, chân dung các lãnh tụ chính trị lừng lẫy. Andy Warhol thực hiện rất dễ dàng, ông chỉ chụp lại bằng ống kính polaroid, rồi tô màu lên chỗ cần thiết mà ông thích. Một số tác phẩm ấy hiện đang được trân trọng lưu giữ ở Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại thành phố New York (Museum of Modern Art, thường gọi tắt là MOMA) và Bảo Tàng Nghệ Thuật Mỹ Whitney (Whitney Museum of American Art) cũng ở New York. Và mới đây, một kinh nghiệm khác nữa về Pop Art do nữ họa sĩ Phấn Nguyễn Barker mang đến từ một vùng hiu quạnh thuộc Hawaii thực đầy cảm xúc. Sau 25 năm lưu lạc ở nước ngoài, với những thôi thúc nội tâm thực hết sức đặc biệt, chị trở về đất nước cũ với một tình yêu sâu sắc về nguồn cội. Từ chuyến trở về đó, chị đã tìm được thế giới tâm linh thực sự của mình, hòa nhập trong tiếng gọi của quê nhà, và cũng ở đó đã nảy nở những hạt giống mới của nghệ thuật, đưa đến một thời kỳ hoàn toàn mới, chị vượt qua hẳn giai đoạn ấn tượng và trừu tượng trước đây. Cuối tháng hai vừa qua, tôi thực là hết sức thích thú và xúc động khi chia sẻ với những công trình của Phấn Nguyễn Barker ở Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ (Câu Lạc Bộ VAALA) qua các slides trình chiếu, cùng những phát biểu chân thực mà rất sâu sắc của tác giả. Loạt tác phẩm mới hoàn toàn sử dụng những chất liệu mới, thô sơ nhưng thực tài tình, là những đoạn cây, dây cột, những tấm vải xô gai, những tấm phên đất (thực sự thì không phải phên đất mà là một loại sợi vải xay nhuyễn pha trộn với hóa chất được nghiên cứu công phu, với ý kiến đóng góp của các chuyên gia bảo tàng, để tránh bị biến chất, đổi màu qua thời gian). Phấn Nguyễn Barker đã dựng một thế giới rất thực, sống động, mà lại có nội dung của những ẩn ngữ, đó là những bàn thờ tâm linh của dân tộc, hình ảnh quê nhà nghèo nàn nhưng thân thiết và thiêng liêng. Đó là những bức vách đất, với khung cửa sổ và những tấm vải tang trắng. Để tang trong một trạng thái trầm lắng và tinh lọc. Thực hết sức kỳ diệu: một thứ nghệ thuật quái gở rất Mỹ, rất hiện đại, thì lại nói được rất nhiều về đất nước quê tổ. Hai kinh nghiệm Pop Art của Andy Warhol và Phấn Nguyễn Barker cũng là những chiếc chìa khóa giúp chúng ta tiến vào dễ dàng hơn với Pop-Art-Con-Người-và-Computer của Nguyên Khai.



**SỬ MẶC**

# vài khúc ngắn năm tuất

## tuổi và tên

*Đàng nào cũng mất tuổi*
*hay gì một cái tên*
*mặt phừng phừng lửa giận*
*càng già, nết không nên*

## chó và ngựa

*Năm chó cũng mong sao*
*cuộc đời không thật chó*
*ngựa quỵ xuống bên rào*
*ra cuộc đời vẫn chó!*

## tay chân

*Nắm được thần, mất hồn*
*vang vang hồi cốt nhục*
*a, mưa nắng vẫn dồn*
*một ngày buồn thủ túc*

## ỡmờ

*ờ ờ em gái hỏi*
*yên có vui không yên?*
*một trăm nghìn thức nhớ*
*yên sao được mà yên!*

## xương rồng

*Xương rồng nằm trước sân*
*tuyết phủ lấp gai góc*
*tan tuyết rồi nên xuân?*
*ôi mầm già cô độc*

## ngang tuổi rượu

*Cái vỏ chai không*
*mày không biết nói*
*ngày ngày đi lại*
*giữa phố giữa phường*
*vẫn cuộc đời thường*
*ngàn ngàn tống tửu*
*tuổi chưa bằng rượu*
*sao ngõ được nhời*

SỬ MẶC
(Thơ Phiêu)



NGÔ VĂN PHỤNG

# chia tay đêm

*Đêm ngủ yên trong cơn nóng hầm hập*
*gió từ sông Hàn không thổi tới*
*đêm điện tắt*
*những ngôi sao xa tít.*

*Đêm ngủ yên trong không khí đặc quánh*
*ngọn đèn dầu trong góc*
*tiếng còi tàu trên sông xa*
*mùi trái cây mùa hạ*
*và em chia tay.*

*Em chia tay từ ngả ba hay ngả bảy*
*em chia tay trên đường hay trên sân ga*
*em chia tay giữa mùa xuân hay mùa hạ*
*em chia tay giữa lòng anh*
*em chia tay giữa đời anh*
*em chia tay anh.*

*Đên ngủ yên giữa đời anh không mộng mị*
*gió không về*
*và em xa anh...*

# âm vang

*Những âm vang trên quê hương ngày em trở lại*
*là tiếng lưỡi cày xé đất*
*và mùa xuân trổi dậy.*

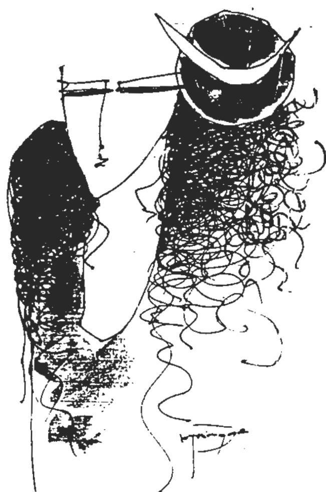
*Hôm tôi về ngồi dưới mái nhà em*
*những âm vang là tiếng cười của trẻ con*
*bùng ra sau tiếng hát*
*và mùa xuân êm như lụa căng ngực áo thiếu nữ*
*xốn xang hạt mầm của trái cây*
*muốn phá nứt vỏ.*

NGÔ VĂN PHỤNG (Trong nước)



**TRẦN ĐẠO**

# ngoài khơi miền đất hứa
# một huyền thoại thời hậu chiến



Không gian: 1,5 mét vuông, cao 1,2 mét. Thời gian: 212 ngày đêm luẩn quẩn trong cũi. Trần gian: một bầy rận đói. Nhân gian: một thân hình muốn thẳng lưng phải cúi đầu, một thể xác khao khát người yêu, một bộ óc quay cuồng trong vài dòng chữ khắc bằng móng tay trên bức tường đen cộm mồ hôi của tù nhân: *Hận bu, thù bố....Phải trả thù... Đứa nào vuốt tóc em ở nhá?... Con nhớ lắm mẹ ơi... Muốn lắm... Đ. m. mày muốn cái gì?*

Một kiếp người Việt Nam hôm nay phải bắt đầu như vậy. Đây không phải sự thực như chuồng cọp, chuồng bò ở Côn Đảo xưa. Đây là chuyện bịa đặt, là tiểu thuyết, là huyền thoại, hình hài mơ hồ nhất của con người, chỉ có thật trong trí tưởng tượng, là ngôn ngữ, là nghệ thuật, là nghệ thuật bằng ngôn ngữ. Chỉ đọc một chương *Ngoài Khơi Miền Đất Hứa*, tiểu thuyết của Nguyễn Quang Thân, cảm nhận được ngay và nhập cuộc. Nhập cuộc dấy chết của một thời đại qua cuộc dấy sống của một thế hệ. Nhập cuộc với tất cả lý trí ngớ ngẩn của người đã biết: con người là loài sinh vật có vú, có đầu, có mình, có tứ chi, có bộ óc vận động theo lôgíc hình thức hay quy luật duy vật biện chứng, thông minh tuyệt vời, có thể hiểu tất cả, giải thích tất cả, giải quyết tất cả. Nhập cuộc để lạc vào một giấc mơ kỳ lạ, vừa xa lạ vừa thiết thân.

Nhà văn khác kẻ viết lách kiếm ăn ở điểm đó: làm nở được một giấc mơ, tạo dựng được một huyền thoại, âm ỉ tồn tại trong hồn độc giả. Giấc mơ ấy

là gì? Huyền thoại ấy là gì? Làm thế nào nhét nó vào đầu người đọc?

Cứ theo bước chân loạng choạng của Tuấn, sau *cú nốc ao hiểm hóc và xảo quyệt của một thằng lưu manh giỏi võ Tàu*, trở lại đời, là gặp.

Cuộc đời trước mắt chẳng có gì huyền ảo. Cái thế giới *xoay quanh tiền mặt - tình yêu tiền mặt - lãi suất - chiếm lĩnh vốn - vay trả vòng vèo* trong đó *mọi người lao vào nhau, hôn nhau, làm tình, cắn xé, cười cợt và tước đoạt lẫn nhau, sẵn sàng đổi một mạng người để lấy chiếc xe đạp*, cái thời đại mà đến Chúa cũng biết mua, biết bán, cái kiếp người như *một cây mía đã cho vào che. Nó cứ bị cuốn tuột đi, đời chỉ còn là bã*, cái xã hội *không cần nhà phát minh, không cần nghệ sĩ. Vàng có khắp nơi... Bóp họng người khác là ra vàng. Hèn mạt, phản trắc, lừa lọc, ngậm miệng lại như hến cũng ra vàng*, cái thân phận chỉ lo sao *chường ra một bản mặt khiêm tốn, chín chắn và biết kính trên nhường dưới... chẳng thà không làm việc gì hết còn hơn hùng hục làm mà thất lễ với cấp trên ta* nghe đã nhàm tai.

Thế giới ấy là thế giới thực. Chẳng cần tìm đâu xa. Ngay trong đời mình cũng kiếm được. Con người trong thế giới ấy rất thực. Nó cần ăn, ngủ, đụ, ỉa. Nó biết làm tất cả những gì cần thiết để đảm bảo sự tồn tại ấy, kể cả đạo đức. Tóm lại, một cuộc đời giả dối trong một xã hội giả dối, có gì lạ lùng? Chẳng có gì lạ lùng khi ta đứng ngoài cuộc đời, đứng ngoài xã hội, khi ta chẳng còn là người, mà là Trí Tuệ, là Thượng Đế. Nhưng nếu đứng trong cuộc đời, trong xã hội thì huyền bí thực. Anh là anh, tôi là tôi, xã hội là chúng ta, anh lừa tôi, tôi lừa anh, ai hơn thì thắng, đơn giản, trong suốt, làm gì có giả dối trong đời. Anh chỉ là cuộc đời của anh, tôi chỉ là cuộc đời của tôi, xã hội chỉ là sự tranh chấp, lừa lọc giữa chúng ta, rõ ràng, minh bạch, chắc nịch, dầy đặc, không có một khe nào cho sự giả dối chen vào.

Để **vẽ** cho xã hội một bộ mặt giả dối, để **tạo** cho con người một vẻ mặt giả dối, phải có một cái gì khác khiến anh không chỉ là cuộc sống của anh, tôi không chỉ là cuộc sống của tôi, xã hội không chỉ là cuộc chém giết, lừa gạt nhau để tồn tại, đàn ông không chỉ là đực, đàn bà không chỉ là cái. Khắp chân trời góc biển, không có gì làm được việc đó. Phải có một huyền thoại, một giấc mơ, một nhịp cầu giữa giấc mơ và thực tại. Từ muôn thuở huyền thoại ấy có một vẻ mặt: **Người.** Ngày nay giấc mơ ấy có một cái tên: **tự do**, có một âm hưởng: **hạnh phúc**. Muôn đời, giữa người với người, giữa giấc mơ và hiện thực chỉ có một nhịp cầu: **đồng loại là đồng lõa.**

Khẳng định, chấp nhận sự đồng lõa đó là hoà nhập con người vào cuộc sống, là nện vào mặt đất một giấc mơ, lồng vào vũ trụ một huyền thoạiá: con người tự do, hạnh phúc. Chuyện đó, ta thực hiện hàng ngày khi kiếm cơm mà thấy phấn khởi hay nhục nhằn, khi tính toán mà vẫn say mê, khi do dự làm một đứa con. Chuyện đó, tác giả cũng khẳng định ngay mấy trang đầu truyện:

*- Nếu coi con người không ra gì thì tất cả sự nghiệp này vứt đi hết.*

Làm sao tin được một giấc mơ, một huyền thoại?

Tiểu thuyết là chuyện bịa đặt. Không bịa đặt ở sự vật, sự kiện. Những thứ ấy góp nhặt trong đời, có thừa. Cái bịa đặt rõ ràng nhất là cốt truyện. Cốt truyện khiến mọi sự vật, sự kiện dường như gắn liền với nhau, phát triển có đầu có đuôi, có ngọn có ngành, theo một lôgic nào đó. Không gian, thời gian và nhân gian rất trật tự đó do nhà văn bịa ra. Nó đáp ứng một nhu cầu của con người, kẻ suốt đời sắp xếp vũ trụ theo mục đích của mình. Về mặt này tác giả có kỹ thuật dựng truyện khéo. Chỉ liên tưởng sự bồi hồi của Tuấn, trong mấy trang đầu, khi tưởng tượng tới nhan sắc của Bích nổi lều bều trên sông với cảnh Thảo đi nhận xác Bích từ biển rạt vào, ở cuối truyện, cũng thấy tay nghề và công phu dựng truyên. Nhưng nếu chỉ có cốt truyện tinh vi, hấp dẫn, chỉ đủ giải trí vài giờ như truyện trinh thám.

Tiểu thuyết bắt đầu hay khi ta hết thao thức: sự việc rồi sẽ ra sao? mà bồn chồn: con người ấy sẽ thế nào? Con người núp sau hàng chữ lem nhem là giấc mơ, là huyền thoại của tiểu thuyết. Giấc mơ, huyền thoại ấy, ta chỉ có được, tin được khi chính ta là tác giả của nó, khi tác giả đã đồng lõa ta với sáng tác của mình. Nghệ thuật viết tiểu thuyết là nghệ thuật đồng lõa độc giả. Điều kiện thực hiện nó: tác giả với ta là đồng loại. Phương tiện thực hiện nó: ngôn ngữ. Qua ngôn ngữ ta là đồng loại, và do đó, có thể đồng lõa với tác giả.

Ngôn ngữ trong *Ngoài Khơi Miền Đất Hứa* là ngôn ngữ thường ngày, thực dụng, thô bạo, lột trần mặt nhau, lột trần mặt đời, lột trần mặt mình. Nó giống con người ngày nay, cặn bã của một thế kỷ bất nhân, của một giấc mơ phi nhân, của một bộ máy diệt nhân. Nó nói: chúng ta là những con chó. Con người tưởng mình là người có khi chẳng hơn con chó không biết mình là chó. Con chó biết mình là chó là con chó đang lột xác chó để làm người, là con người đang hình thành từ phận chó.

Khoảng cách lờ mờ giữa những lời ăn nói thô bạo kia và những con người phát ra nó là nhân cách, là sự tự hào, quyết tâm làm người trong một hoàn cảnh chó má. Nó không có hình dạng, không có âm thanh, không có trong văn bản. Ta không thể thấy, không thể nghe. Ta chỉ có thể tái tạo nó trong hồn ta, và tự nhiên ta "thấy" : đúng thế, không thể thế, phải... Có nghĩa là ta bắt đầu ôm một đống chữ để nặn một vóc người, bắt đầu đồng lõa với tác giả! Cuộc chất vấn xã hội, chất vấn con người đã trở thành cuộc xuyên tạc lời nói, cuộc hồi sinh ngôn ngữ, khiến nó không chỉ là một công cụ thông tin có định nghĩa, mà còn là một tiếng kêu, một giọng cười, một lưỡi dao thọc vào nhân cách của người đọc: nó đã thành nghệ thuật.

Nghệ thuật tiểu thuyết cần lòng nhân ái, thái độ nhân bản, sự hiểu biết sâu rộng, tay nghề, và... một chút men. Chút men đó là **con người sáng tạo hồn người**, sáng tạo sự thật của con người. Nó khiến tình cảm, lý trí đọng lại trong nét mực. Phải có nó mới có Đẹp. Trong *Ngoài Khơi Miền Đất Hứa* có đoạn còn thiếu chất men đó. Có lẽ vì tác giả còn bị ảnh hưởng của một quan điểm đã thất họng thơ văn Việt Nam từ hàng chục năm nay, biến thành thói quen của ngòi bút: sứ mệnh... *rọi chiếu Sự Thật,* giải thích suy nghĩ, tình

cảm...

Cơn sốt điên đầu của Thảo, *nhà văn nửa đời nửa đoạn*, có đủ yếu tố để thành một bản tình ca cuộc sống, thế mà chỉ thành một đoạn nghị luận về sự cần thiết và giới hạn của pháp luật, sự chân thành hay giả dối của nhà văn.

Ảnh hưởng này đặc biệt tai hại khi nó thường xuyên chen vào dòng văn, làm dòng văn đứt đoạn. Thí dụ, sau khi tả Tuấn ngày đêm luẩn quẩn với mấy dòng chữ trên tường cũi tù, tác giả phê: *Sách của anh đó, những cuốn sách viết bằng nước mắt những số phận bất hạnh.* Lời bày tỏ tình cảm của tác giả khác gì một con dao thọc tiết nhân vật! Những câu giải thích tình cảm của nhân vật, bày tỏ sự cảm nhận của người này đối với người kia có tác dụng làm cụt hứng người đọc. Nhưng đó là nhược điểm nhỏ của một quyển sách hay, trong đó một con chó cũng thành **nhân** vật, một cái hôn cũng lột trần một thân phận.

*Ngoài Khơi Miền Đất Hứa* là một tiểu thuyết đẹp về tình yêu, tình bạn, tình người của một thế hệ không mặc cảm, sẵn sàng gánh lên vai gia tài của một lịch sử tàn bạo, của một giấc mơ tàn nhẫn, đấu tranh với một bộ máy man rợ để cướp lại tương lai, tự tạo nhân cách. Có những đoạn văn tuyệt đẹp, như đoạn văn tả Mai vừa dẫn bạn đi bán trinh cứu mẹ, vừa cổ vũ:

*- Mày cứ đòi bằng được nửa chỉ đeo vào tay rồi hãy cho nó. Đừng khóc!*

*Mai nói thế nhưng nó cũng dơm dớm nước mắt.*

*- Chúng mình sinh ra phải số chó mực. Cứ thở dài đi cho nhẹ mình, nhưng phải hy vọng. Không còn cách nào khác đâu Hương. Ai rồi cũng có lúc qua cầu. Thằng đàn ông nào mà chẳng khốn nạn. Nhất là bọn giàu sang. Nó càng cao sang thì nó càng dí mình xuống đất. Cho thằng nào thì cũng thế thôi. Chỉ đau một tí tẹo, như cái kiến nó đốt, chảy một tí máu là xong.*

*Hương* cởi quần áo, ngắm mình trong gương *lòng vẫn dửng dưng thấy Có hai Hương, Hương này và Hương kia, trong gương, chỉ nhìn thấy mà không sờ tới được. Tý nữa Hương này sẽ bị bán. Cái Hương kia còn như cũ được không? Hương vừa dội nước múc trong cái vại lớn vừa nghĩ ngợi, vui vui, không sợ, không buồn.*

Khốn nạn quá. Đáng yêu quá. Đẹp quá. Lột xác chó để làm người, hôm nay, phải như vậy.

TRẦN ĐẠO
*1990*



**TRẦN VŨ** *thực hiện*

# phỏng vấn nina mcpherson



*Đã thật lâu văn học Việt Nam hoàn toàn không được biết đến trên lục địa Bắc Mỹ. Ngoại trừ một vài giới thiệu dẫn nhập, đôi ba luận án, không mấy khi độc giả Hoa Kỳ cầm được trên tay một cuốn tiểu thuyết Việt Nam viết bằng tiếng Anh. Tình trạng đó đang dần thay đổi, do công sức nỗ lực của nhiều dịch giả mà Nina McPherson là một trong những người hăng say đầy nhiệt tình. Thành công đầu tiên của Nina McPherson khởi đi từ bản dịch văn phẩm của Dương Thu Hương. Chính qua bản dịch* Những Thiên Đường Mù *mà quần chúng Hoa Kỳ hôm nay bắt đầu khám phá gương mặt thật ẩn kín sau cuộc chiến Việt Nam: Gương mặt của con người.*

*Sinh năm 61, Nina McPherson không chỉ thuần túy là một dịch giả, cô thuộc thế hệ người Mỹ sau chiến tranh. Một thế hệ không biết đến bom đạn, hầm chông, kẽm gai, bẫy mìn hay thù hận trên đất nước Việt Nam. Một thế hệ mới. Nhưng họ là ai? Sẽ thật khó tìm câu trả lời. Nhưng nếu chúng ta dám khẳng định: Tất cả tuổi trẻ hôm nay dù ở nơi nào trên trái đất, ít vướng bận lý tưởng, chủ nghĩa, chỉ làm những gì họ thích; thì tuổi trẻ Hoa Kỳ có lẽ đầy đủ điều kiện hơn hết để sống những giấc mơ của mình. Nina McPherson cũng đã thực hiện ước mơ của cô. Cách đây vài năm, cô sang sinh sống tại Trung Hoa, trong suốt năm năm liền học tiếng Quang Thoại, rồi trở thành ký giả, đã tận mắt chứng kiến thảm kịch Thiên An Môn. Từ giã Trung Hoa, Nina McPherson sang làm việc ở Pháp, cùng lúc lao mình vào công tác phiên dịch những truyện ngắn, tiểu thuyết Việt Nam cho nhà xuất bản William Morrow. Mùa Thu 93, cô đặt chân xuống Hà Nội, tìm gặp nhà văn ưa thích: Dương Thu Hương. Đây là dịp để chúng ta gặp gỡ, và khám phá những tác năng đã thôi thúc một dịch*

*giả Hoa Kỳ tìm đến văn chương Việt Nam. Những tác năng của đam mê, cùng lẫn khát khao tìm kiếm một thế giới con người.*

*

**Trần Vũ:** *Chào Nina. Cám ơn Nina đã dành nhiều thì giờ cho buổi nói ·chuyện hôm nay. Từ hai năm trở về đây, độc giả Việt Nam và đặc biệt giới đọc sách Hoa Kỳ đã có thể cầm trên tay một vài cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Việt Nam trong ấn bản tiếng Anh. Là một trong những dịch giả chính, Nina có thể kể rõ về nghề nghiệp phiên dịch của mình?*

**Nina McPherson:** Tôi cám ơn Vũ đã tạo cơ hội cho tôi trình bầy về một đam mê của mình. Tôi thích đối mặt với những câu hỏi. Tánh hiếu kỳ của Vũ giúp tôi tìm hiểu mình một chút. Nhưng trước hết, Vũ cho phép tôi chữa những gợi tưởng không chính xác trong câu hỏi của Vũ. Đầu tiên, không nên cường điệu hóa về tầm hiểu biết của độc giả Hoa Kỳ đối với văn học Việt Nam, cũng như những quan tâm thương mãi mà nghành xuất bản Mỹ dành cho nền văn học này. Hiện nay, theo tôi biết, không có - như Vũ nói - một vài cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Việt Nam trong ấn bản tiếng Anh: Chỉ có một cuốn tiểu thuyết Việt Nam duy nhất chuyển sang tiếng Anh phát hành tại Hoa Kỳ. Đó là cuốn *Những Thiên Đường Mù* mà tôi cùng dịch với anh Phan Huy Đường. Cuốn tiểu thuyết thứ nhì được phiên dịch là *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, vừa xuất bản ở nước Anh. Nếu tính thêm bản dịch tuyệt vời "Kiều" của Huỳnh Sanh Thông, chúng ta cũng chỉ mới đếm được ba tác phẩm thôi. Tình trạng ở Pháp rất khác, có nhiều dịch phẩm hiện được bầy bán. Tôi cũng không dám tự nhận danh hiệu "một trong những dịch giả chính" mà Vũ dành cho. Trước hết, trên thế giới, số dịch giả, Âu Mỹ hoặc Việt Nam, đủ khả năng dịch văn chương Việt Nam có thể đếm trên đầu ngón tay. Tôi vừa kể tên hai người trong thiểu số đó: Ông Huỳnh Sanh Thông, phần văn học cổ điển, và anh Phan Huy Đường, phần văn chương hiện đại. Gần đây có vài tài năng mới tham dự: Greg Lockhart, ở Úc Châu, đã dịch Nguyễn Huy Thiệp, và Peter Zinoman đã dịch Phạm Thị Hoài. Cả hai đều viết và nói trôi chảy tiếng Việt Nam. Riêng tôi thì chưa. Tôi nghĩ mình là người dịch chung với một người bạn là anh Phan Huy Đường. Còn về sự nghiệp phiên dịch? Thông thường tôi không thích bàn về sự nghiệp. Sự nghiệp là một danh từ tuy rất Mỹ, nhưng đối với tôi không có ý nghĩa mấy. Đó là chữ dùng cho quý vị Tổng Giám Đốc - trong những vấn đề có thăng thưởng, ngạch trật, rõ rệt và đo lãi được - không thể dùng cho thân phận làm người. Tôi đã hành nghề ký giả lúc xưa. Nhưng đối với đam mê dịch thuật, chữ "nghề" hoàn toàn phản. Chuyển ngữ một văn bản là cả một câu chuyện riêng tư, huyền bí. Chính ước muốn, khát khao mãnh liệt đưa một tác phẩm vào một ngôn ngữ khác, mới thật sự quan trọng. Cảm thấy cần thiết, bắt buộc, hoặc không cảm thấy gì hết. Thiếu ham muốn, phiên dịch chỉ là một

khâu kỹ thuật, không còn là văn chương nữa. Ước muốn chuyển ngữ tiểu thuyết Việt Nam nẩy sinh trong tôi từ tình bạn; lòng trắc ẩn, sự trùng hợp ý thức và đạo đức, tình tri ân gần như xương thịt mà tôi cảm nhận - hoặc không cảm nhận - ở tiếng nói của Một Con Người Khác. Tất cả đã đến bất ngờ như thanh âm của cả một dàn nhạc giao hưởng trình tấu bất chợt, khai nở, soi mở nhiều tiếng nói khác biệt của văn học Việt Nam xuyên đến tận tôi, bằng một tiếng nói duy nhất: Bản dịch tiếng Pháp của anh Phan Huy Đường. Nhớ lúc đó, tôi khám phá *Thiên Sứ* của Phạm Thị Hoài vào một ngày mưa xám giữa tháng Ba năm 90, trong một hiệu sách. Dạo ấy tôi vừa đến Pháp. Á Châu còn ám ảnh tôi như một nổi đau câm. Đối với tôi, *Thiên Sứ* là một sự khám phá kỳ lạ. Tiếng nói của một thiếu nữ Việt Nam, cũng bằng tuổi với mình, kể thế nào là Sống ở vị thế một Người Đàn Bà, một Nhà Văn, một Con Người trong thế giới Cộng Sản. Tôi vừa rời bỏ Á Châu sau khi đã sống sáu năm liền ở đó, có ba năm ở Trung Hoa giống "ếch ngồi đáy giếng". Rồi tôi đọc bản dịch tiếng Pháp. Đùa cợt, trong suốt, mà quặn ruột. Thật sự thì đã có hai tiếng nói tác phẩm- và bản dịch- cả hai đều đã đánh thức điều gì đó ẩn kín trong lòng tôi. Đời sống, đằng kia. Hoặc hố thẳm giữa những phần đất cách biệt, hoang lạ mà tôi mang trong mình. Tóm lại *Thiên Sứ* ào đến tôi như một cuộc giải thoát, một thứ lễ giác ngộ Gia Tô, một xúc động trí tuệ. Tôi cần dịch *Thiên Sứ* như cần ăn. Tôi đã kiếm tên anh Phan Huy Đường trong máy tiểu viễn (minitel). Gặp và trở thành người dịch chung với anh ấy. Suốt một năm trời, tôi đã dịch *Thiên Sứ* sang tiếng Anh, từ bản dịch tiếng Pháp của anh Đường. Nhưng đáng buồn là cả tôi và anh ấy đều không kiếm được nhà xuất bản, và không thích hợp được với tác giả. Chính vào thời điểm đó, một tiếng nói khác vọng đến tôi từ Việt Nam: Tiếng nói của Dương Thu Hương. Anh Phan Huy Đường vừa hoàn tất bản dịch *Những Thiên Đường Mù*. Với tôi, tức khắc là một tiếng sét, nhưng lần này phát dậy từ bản năng sâu thẳm cùng đam mê vô vàn hơn. Vô điều kiện. Là một tình yêu thoát thai từ ngưỡng mộ không ngừng bồi đắp. Với bản dịch thứ nhì này tôi tìm được một nhà xuất bản Hoa Kỳ, nhờ một người bạn thời sinh viên cùng trường đại học, cũng yêu thích văn chương Á Châu như tôi: Will Schwalbe làm việc cho nhà William Morrow. Chính Will, cũng ở tuổi 32, đã một mình lấy quyết định mạo hiểm cho in Dương Thu Hương, lúc đó chưa ai biết đến ngoài cộng đồng Việt Nam.

*– Trong một thời gian dài, tiểu thuyết Việt Nam hoàn toàn vắng bóng trên thị trường Hoa kỳ. Chắc Nina đã gặp rất nhiều khó khăn khi tìm thuyết phục các nhà xuất bản Mỹ "tung ra một sản phẩm mới"? Hôm nay, mọi người đều biết* Những Thiên Đường Mù *trong ấn bản tiếng Anh được xem là một thành công, dù rất tương đối, vì tính chất "thiểu số" cũng như không mấy quen thuộc với độc giả Hoa Kỳ. Nhưng thành công dù tương đối, vẫn là một cá cuộc mà Nina đã thắng. Nina giải thích sao về cá cuộc kỳ lạ này?*

– Tôi đội lại chiếc mũ ký giả cũ để chỉnh Vũ một chút: tiểu thuyết Việt

Nam, chỉ với một ấn bản tiếng Anh duy nhất là Những Thiên Đường Mù, vẫn hoàn toàn vắng bóng trên "thị trường Hoa Kỳ". Cũng không đáng ngạc nhiên: nhiều tiểu thuyết Việt Nam cũng vắng bóng trên "thị trường Việt Nam"! Hãy thử kiếm mua Dương Thu Hương, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp ở Hà Nội hay Sàigòn. Đố tìm được, nếu không có một vài người bán sách can đảm trao vội vàng, lén lút những ấn bản cũ sang nhượng lại. Cũng không thể xem là Dương Thu Hương "thành công thương mãi" tại Hoa Kỳ. Đây là một cá cuộc mà mình khó lòng kiểm tra kết quả. Với nhà Morrow, nhà xuất bản lớn hàng thứ năm trên đất Mỹ, lần đầu tiên họ thử nghiệm thể loại tiểu thuyết Việt Nam với lượng in giới hạn, khoảng mười ngàn cuốn, bán rất chạy, không ở những siêu thị sách, nhưng tại các hiệu sách nhỏ. Chính những hiệu sách nhỏ này mới giữ vai trò quan trọng trong ý kiến của dư luận. Có rất nhiều bài phê bình khen ngợi trên phần lớn các tạp chí và diễn đàn văn chương Mỹ. Đặc biệt trên trang nhất của Los Angeles Times Book Review, New York Times, New Yorker, Time, Wall Street Journal, v.v.. Gần đây hơn, Viking Penguin, nhà xuất bản sách bỏ túi lớn nhất trong các nước xử dụng tiếng Anh, đã mua lại quyền tái bản. Đại học Harvard, ví dụ, cũng đã hướng dẫn sinh viên học các trích đoạn của *Tiểu Thuyết Vô Đề* trong chương trình giảng dạy về chiến tranh Việt Nam. Đó là những gì kiểm tra được. Nhưng thật sự, thành công, với tôi, ít lớn lao hơn, nhưng trừu tượng hơn. Ngay việc in ấn, đã là một điểm son trong tình bạn. Tôi nghĩ, chuyện bốn người bạn - anh Phan Huy Đường, Will Schwalbe, Dương Thu Hương, và tôi - thuyết phục được một cơ sở xuất bản lớn, khá thương mãi, chịu mạo hiểm in tiểu thuyết cho một người đàn bà Việt Nam ly khai, còn trong bóng tối, đã là một thành tựu. Dương Thu Hương đã cất được tiếng nói của mình trong thế giới tiếng Anh. Phải công nhận đã nhờ rất nhiều vào nỗ lực, khả năng thẩm định văn chương, tinh thần trách nhiệm của Will Schwalbe, quyết tâm in Dương Thu Hương giữa một rừng tác giả khác, và chọn *Những Thiên Đường Mù*, chính vì tác phẩm này không đề cập đến chiến tranh. Vũ cũng biết là đối với nhiều người Mỹ, "Việt Nam không được nhìn như một đất nước, nhưng đồng nghĩa chiến tranh". Nếu Vũ muốn hiểu, có thể xem như nhiệm vụ của cả bốn người - chị Hương, anh Đường, và đặc biệt với tôi và Will, những người tương đối lý tưởng - muốn phá vở bức tường chối từ, lòng mù quán, những ẩn ức mà chúng tôi xem như "Chứng bệnh Việt Nam". Bản dịch *Những Thiên Đường Mù* mang đến cho độc giả Hoa Kỳ một hình ảnh khác về Việt Nam, xuyên qua đôi mắt và tiếng nói của một người đàn bà, một nhà tiểu thuyết, đầy xót xa lẫn dấn thân trọn vẹn. Đối với chúng tôi, Dương Thu Hương thể hiện linh hồn Việt Nam, từ làng quê, hương lúa, các món ăn, đến những người đàn bà nông thôn còn nhuộm răng đen, đến các phố phường Hà Nội. Dương Thu Hương mở ra cho người Mỹ cánh cửa phơi bầy một xứ sở, một thế giới ít bị hủy diệt bởi chiến tranh ( mà trong một thời gian dài nước Mỹ đã liên đới, coi như cuộc chiến của mình) hơn là bị hủy hoại bởi một

hệ thống mang tên Cộng Sản, và bị sức nặng của một nền văn hoá còn cực kỳ phong kiến là Khổng giáo đè nén. Một khía cạnh "thành công" khác của *Những Thiên Đường Mù*, mà đối với tôi khá bất ngờ, dù hiển nhiên: Lòng tri ân của thế hệ Việt kiều trẻ, không thông thạo tiếng Việt, nhưng vẫn cảm thấy mình là người Việt Nam. Họ đọc bản dịch, như tìm lại văn hoá Việt Nam, và cùng lúc khám phá văn chương Việt Nam. Những bức thư của họ làm tôi vô cùng xúc động. Cuối cùng về mặt "thị trường", như Vũ thích nhắc đến, thì đối vớitôi, đối với nhà xuất bản, còn có một góc độ khác, lôi cuốn trong tác phẩm Dương Thu Hương. Đây là tiếng nói của một người đàn bà, kể về thân phận đàn bà ở Á Châu. Tại Hoa Kỳ, "các dân tộc thiểu số Châu Á" đang trở thành khối lượng độc giả có tri thức và mỗi ngày một tăng. Nhu cầu đọc sách đề cập kinh nghiệm phụ nữ, những đấu tranh cho nữ giới ngày càng tăng. Tất nhiên, nhãn hiệu "thiểu số" hoàn toàn phi lý. Nhưng đối với Tây Phương, thân phận của người đàn bà Việt Nam - chưa nói đến sự ly khai chính trị của Dương Thu Hương - càng thiểu số gấp bội. *Những Thiên Đường Mù* trước nhất là cuộc đời của ba người đàn bà, ba số phận phụ nữ biểu trưng cho điều kiện nữ giới tại Việt Nam. Đây là tiếng nói phê phán của người đàn bà Việt Nam đối với cơ chế Cộng Sản, đối với nền văn hoá Khổng Mạnh. Và sau hết, *Những Thiên Đường Mù* là một cuốn tiểu thuyết hay, buồn và nhiều xúc cảm mà chỉ một người như Dương Thu Hương mới kể được.

*– Nina còn dịch tác phẩm nào khác của Dương Thu Hương?*

– Tôi vừa hoàn tất bản dịch *Tiểu Thuyết Vô Đề,* cũng sẽ do nhà Morrow in trong năm 94. Việc chữa bản thảo, viết lời tựa, giới thiệu với quần chúng Hoa Kỳ, với báo giới là một tiến trình lâu lắc, gian lao. Không những chỉ thuần túy chuyển ngữ, nhưng cũng cần tạo một nhịp cầu giới thiệu văn hoá Việt Nam. Một công việc nặng nề, cần rất nhiều thời gian để chuẩn bị, và tạo dựng một khung cảnh cho phép giới báo chí, độc giả Hoa Kỳ hiểu và nhận rõ thông điệp của Dương Thu Hương. Thật sự không dễ dàng. Dù *Tiểu Thuyết Vô Đề* viết về "Chiến Tranh Việt Nam", một đề tài lôi cuốn người Mỹ, nhưng đây là một tác phẩm viết cho người Việt. Chữ "Mỹ" chỉ được nhắc đến hai lần trong suốt văn bản. Chính sự vắng mặt của chính mình, theo ý tôi, sẽ làm độc giả Hoa Kỳ cảm thấy khó chấp nhận, khó cảm thông.

*– Với tư cách là dịch giả đã "làm việc" trên bản thảo, Nina định giá thế nào về nghệ thuật và tác phẩm của Dương Thu Hương?*

– Phải nói là tôi không đủ thẩm quyền để đánh giá toàn bộ trước tác của Dương Thu Hương, vì chỉ đọc được trong ấn bản tiếng Pháp: *Những Thiên Đường Mù, Tiểu Thuyết Vô Đề*, và *Truyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông*. Tôi ước ao, một ngày nào đó, có thể đọc hết trong tiếng Việt, tôi sẽ bắt đầu với *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*. Còn về nghệ thuật, có một điểm chắc chắn, là tất cả các nhà xuất bản, dịch giả, và độc giả của Dương Thu Hương đều chia sẽ

một điều: Ai cũng say mê lối viết cực kỳ gợi cảm, và yêu mến qua bút pháp, người đàn bà, nhà văn, người kể chuyện lạ lùng là Dương Thu Hương. Tất nhiên, tình yêu này hoàn toàn không mù quán, và cũng không ai thần thánh hoá Dương Thu Hương. Ở vị trí một người chuyển ngữ, tôi thấy rất rõ những giới hạn trong lối viết của Dương Thu Hương, về mặt hành văn và kỹ thuật, và tôi là người thứ nhất, với anh Phan Huy Đường, đã nói cho chị Hương hay điều ấy. Sự thật, như tất cả những người viết văn khác, như mọi người, chị Hương vướng mặt khuyết của những ưu điểm của mình. Tôi có thể liệt kê rõ hơn nếu Vũ muốn - Chị Hương là một người viết truyện phim (scénariste), làm việc với những mảng hình ảnh ráp nối, và điều đó đôi khi làm hại đến cấu trúc tiểu thuyết, làm hại cho phần hợp lý của câu truyện. Quá nhiều flach-back, cắt cúp vụng và thô. Đó là do ảnh hưởng của nghề phim. Chị Hương còn là một người đấu tranh cho dân chủ, một người đàn bà khinh "nghệ thuật vị nghệ thuật", rất thực tế, chẳng cần tự biện. Do đó, các nhân vật của chị Hương đôi lúc quá kiểu mẩu, hình nộm, được tạo dựng chỉ để chuyên chở thông điệp chính trị của tác giả. Chính chị Hương cũng thú nhận là mình nóng nảy, viết gấp, không đọc lại, không chữa, chị sáng tác dưới áp lực và đam mê của tình hình. Bản thảo có lỗi, có nơi sơ sót, vụng về. Tóm lại, chị Hương cần một người chữa bản thảo, và chị rất hiểu điều đó. Nhưng đối với tôi, các giới hạn này hoàn toàn nhỏ bé so với văn tài lớn lao bẩm sinh ở Dương Thu Hương. Nhiều nhà văn phải học suốt đời những gì mà Dương Thu Hương biết nắm bắt một cách bản năng: Cách kể một câu truyện, trút hết lòng dạ, viết với tim gan mình. Tôi đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần các chương trong *Tiểu Thuyết Vô Đề, Những Thiên Đường Mù*, mà lần nào cũng thấy mình run rẩy, cổ họng thắt lại vì cay đắng, hoặc vì sung sướng, chính những lúc ấy tôi biết mình đã gặp một nhà văn đích thực.

*– Nhưng chắc là cũng phải có những bài phê bình bất lợi, nghiệt ngã trên sách báo Hoa Kỳ?*

– Tất nhiên. Trong nghành in ấn, các nhà xuất bản sẽ gần như thất vọng nếu không có các luồng phê bình đối ngược. Nhưng tôi cảm thấy thương hại "những bài phê bình bất lợi" này nhiều hơn là giận, vì tính chất ti tiện và hoàn toàn không thông hiểu của người viết. Sự kiện đập vào mắt trước nhất là những bài phê bình nghiệt ngã - đến từ phía Việt Nam hay Hoa Kỳ - đều không phải là những bài phê bình văn chương. Mà là những tấn công cá nhân, nham hiểm, chỉ phơi bầy thêm gương mặt của người viết. Cho Vũ một ví dụ: Có một bài phê bình đăng trên tập san Far Eastern Economic Review, một tạp chí chuyên về chính trị và kinh tế Á Châu, đã dành nguyên một trang cho tác phẩm (ấn bản tiếng Anh), cuộc đời, và những đấu tranh dân chủ của Dương Thu Hương. Cuối bài viết, tác giả đã ngợi khen bản dịch bằng một công thức khá thâm độc: "Chính nhờ vào tài năng của hai dịch giả Nina Mc Pherson và Phan Huy Đường mà tập tiểu thuyết này hoàn chỉnh. Nhưng vì

hai dịch giả chỉ có thể trao đổi với nhau bằng tiếng Pháp, và không sử dụng chung một ngôn ngữ nào khác, chúng ta ao ước một bản dịch trực tiếp hơn". Hai cái tát cùng một lúc! Theo lời phê bình, nếu hiểu sát nghĩa, thì Dương Thu Hương là một nhà văn tồi, phải nhờ vào bản dịch mà tác phẩm mới gọi là đọc được, còn dịch giả là bọn vô học phải làm việc bằng tiếng Pháp. Hoàn toàn không đúng. Vì chúng tôi chia sẽ với nhau, ngoài tiếng Pháp, tiếng Anh (anh Phan Huy Đường là người chữa bản thảo tiếng Anh của tôi một cách tỉ mỉ và nghiêm khắc), và cả tiếng Hoa, mà tôi thông thạo và nói trôi chảy nhờ theo học trong năm năm liền. Như Vũ biết, 50% từ vựng Việt Nam gốc Hán. Văn chương Việt Nam mang dấu ấn Trung Hoa rất rõ, trên câu chữ, thành ngữ. Chính dấu ấn Trung Hoa này đã giúp tôi rất nhiều, hiểu thêm tinh hoa và nghĩa trong chữ Việt. Mỗi khi chạm phải khó khăn trước một từ cần dịch sát (trong tiếng Pháp), anh Phan Huy Đường chỉ cần chuyển âm sang tiếng Việt là tôi hiểu. Tiếng Việt hợp với tôi hết mình, chính vì tiếng Việt bị pha trộn rất nhiều, rất phân tâm về mặt ngôn ngữ. Tôi cũng thế.

*– Nhưng từ Trung Hoa sang Việt Nam, từ Bắc Kinh đến Hà Nội, Nina có vẻ dấn thân vào một chu kỳ khác. Tại sao lại có sự chọn lựa lạ lùng vậy? Tại sao Nina chọn dịch tiểu thuyết Việt Nam từ văn bản tiếng Pháp, mà không là tiểu thuyết Trung Hoa, trong lúc Nina thông thạo tiếng Quan thoại và đã học văn chương Trung Hoa?*

– Câu hỏi của Vũ hay lắm. Mọi người vẫn hỏi tôi luôn, và mỗi lần tôi trả lời một cách khác. Không phải vì muốn trốn tránh, nhưng vì cuộc sống của chính mình hãy còn bí mật đối với cả chính mình. Và con đường mà mình đeo đuổi, vừa do chí hướng vừa do số mạng. Tôi không là Phật tử, nhưng cũng không tin là có nhiều chọn lựa lắm trong đời sống của một con người. Những chọn lựa thật sự hình thành trong ta rất sớm, từ thuở ấu thơ. Đúng là tôi đã "chọn" học tiếng Quan Thoại, năm thứ hai ở đại học Yale. Nhưng mẹ tôi sẽ nói cho Vũ biết là tôi đã muốn học tiếng Quan Thoại từ năm lên mười. Tại sao? Tôi cũng không rõ. Nhưng lúc trẻ thơ, tôi thấy chữ tượng hình đẹp mê hoặc. Tôi đậu cử nhân Sử, chuyên môn Sử Trung Hoa hiện đại. Luận án ra trường viết về nhà văn ly khai Liu Binyan, hiện đang lưu vong tại Hoa Kỳ. Sự lựa chọn luận án ấy cũng đã cho Vũ thấy khía cạnh số mạng: Tôi luôn luôn bị dằng co giữa chính trị và văn chương. Đó là hai cực trong đời sống của tôi. Lúc nào chúng cũng phải giao tiếp với nhau. Có lẽ, gần như không thể tránh khỏi, tôi phải trở thành ký giả, cũng như phải ghi nhận một tình cảm trắc ẩn sâu đậm đối với Dương Thu Hương. Tôi ngưỡng mộ, ao ước khả năng đương đầu những giao điểm của cuộc đời của chị ấy. Nhưng hãy trở lại câu hỏi chính. Vũ hỏi tại sao dịch tiểu thuyết Việt Nam từ văn bản Pháp văn, mà không dịch tiểu thuyết Trung Hoa? Tôi chỉ có thể trả lời giống như nhà thám hiểm đầu tiên trên đỉnh Everest: "Tại vì..." Có ngàn lý do. Những lý do hiển nhiên, và những lý do sâu xa hơn: Trước nhất tôi mới chập chững trong tiếng

Việt, nhưng nếu dù có thông thạo tiếng Việt, như tôi đã nắm vững tiếng Quan Thoại, dù có đậu tiến sĩ văn chương Việt Nam, lấy chồng Việt, và dù có sống ở Việt Nam, tôi cũng không nghĩ mình có khả năng dịch một mình hơn bây giờ. Tôi đã thử dịch một vài tác giả Trung Hoa hiện đại, như Zhang Xinxin, nhưng luôn luôn với sự giúp đỡ của vài người bạn Hoa. Trước sự khác biệt quá lớn giữa hai nền văn hoá, như Việt Nam và Tây Phương, một dịch giả cẩn trọng khó lòng đảm đương được trọn vẹn chức năng của mình. Anh Phan Huy Đường là một trường hợp cá biệt; một trường hợp lưỡng văn hoá. Còn về việc dịch từ văn bản Pháp văn? Thì như thế nào mới là "một bản dịch trực tiếp"? Có chăng? Ai mới có đủ thẩm quyền để dịch? Thiết lập khuôn vàng thước ngọc, đối với tôi, là hiểu dịch thuật như một khoa học chính xác, một thảo trình quy ước tương đương, trong lúc chuyển ngữ là một nghệ thuật. Có bắt buộc phải là người Việt Nam để phiên dịch sang tiếng Việt Nam? Hay phải là người Pháp chuyển ngữ sang tiếng Pháp mới hay? Thật nguy hiểm nếu khẳng định trước. Về mặt văn hoá, tinh thần, chúng ta đều là những đứa con lai, tất cả, dù chúng ta nhìn nhận hay không. Nếu cứ khư khư bảo vệ sự thuần khiết văn hoá mà chính mình cũng không biểu trưng nổi, đến một lúc nào đó, sẽ đi tới chỗ "thanh lọc nhân chủng" trong ngành dịch. Nhưng mà Vũ đang lôi kéo tôi vào một cuộc lý giải triết học về dịch thuật hao tốn thì giờ! Thật sự, chuyển ngữ đối với tôi, không có mục tiêu tái tạo bản sao trung thành, như ảnh chụp của bản gốc. Chuyển ngữ có thể trở nên một nghệ thuật, một phong cách viết, một trước tác, một đối thoại, thấm nhiễm tầm nhìn và tiếng nói của người dịch. Một cách tuyệt đối, một bản dịch chính xác không thể có. Dịch là phản. Mọi người đều biết. Bằng chứng, lời ngợi khen nồng nhiệt nhất cho một dịch giả là câu: "Tôi rất yêu thích bản dịch này. Đọc không thấy gì là dịch". Sự thật, là tôi không thể, và cũng không bao giờ cho phép mình phiên dịch bất kỳ một cuốn tiểu thuyết Việt Nam nào từ bất cứ một văn bản tiếng Pháp nào. Ví dụ, tôi không thấy mình đủ khả năng hay đủ thẩmquyền để dịch Nguyễn Huy Thiệp. Vì phong cách, bút pháp và những truyện của Nguyễn Huy Thiệp quá đậm đặc tính chất Việt Nam. Điều đó trông thấy rõ trong những bản dịch Nguyễn Huy Thiệp đã in, tất cả vẫn chưa được trong suốt, giống như không thể dịch được. Thực tế, tôi cũng không dịch một mình, như một người đi lạc vào trong một khoảng trống, và tôi cũng không chỉ dịch duy nhất từ văn bản tiếng Pháp: Tôi cùng dịch với anh Phan Huy Đường. Ấn bản tiếng Anh là kết quả của sự hợp tác giữa hai chúng tôi, với tất cả ưu cùng khuyết điểm. Đúng là trường hợp tổng thể hơn bứt tổng số các bộ phận.

*– Trong bối cảnh hiện nay, Nina không nghĩ Việt Nam là một chủ đề thời sự? Rồi với thời gian, khi thời trang biến mất, tâm tình độc giả Hoa Kỳ sẽ thay đổi? Những quan tâm bất chợt của độc giả Mỹ đối với con người Việt Nam và xã hội Việt Nam sẽ chóng tàn? Nếu đúng như vậy, thì có thể nói là độc giả hôm*

*nay chỉ tìm kiếm phong vị lạ trong tiểu thuyết Việt Nam?*

– Câu hỏi của Vũ mở ra một đề tài khá bao quát. Tôi ý thức quá rõ khía cạnh chốc lát của thời sự, cùng "phong vị lạ" của Việt Nam và "Đông Phương" dưới mắt người Tây Âu. Chính vì thế tôi đã bỏ nghề ký giả. Tôi không thích sống một hiện tại vĩnh cửu. Quá khứ, điều Vũ gọi là "Cái Chết Sau Quá Khứ" mãnh liệt ám ảnh tôi. Tất nhiên, trong lúc này, tổng thống Clinton hủy lệnh cấm vận, Việt Nam trở thành một chủ đề thời sự, nhưng nó không giống lắm những đề tài thời sự khác... Tôi sẽ trở lại vấn đề này. Về "phong vị lạ": Chắc chắn là có một thị trường cho những độc giả chỉ đi tìm exotisme. Nhưng đây là một thị trường gia giảm rất thất thường. Tuy vậy mối quan tâm Việt Nam của người Mỹ, của dân tộc Mỹ, không chỉ hạn hẹp trong một cơn khát thương mãi tức thời, theo một thị trường phù xuất trồi sụt, hay đồng nghĩa hoá với một mê hoặc "của lạ" nào đó. Nó phức tạp hơn nhiều, chôn sâu trong lòng người Mỹ. Tôi nghĩ chính Châu Âu, đặc biệt người Pháp, thích đi tìm exotisme hơn người Mỹ, do tưởng nhớ quá khứ thuộc địa của mình ở Đông Dương. Bằng chứng, họ cứ tiếp tục gọi Phương Đông. Có thể, người Mỹ ít lãng mạn. Tôi không nghĩ những quan tâm Việt Nam hiện nay là phù du. Có quá nhiều tiếng vọng, đau khổ, tủi nhục, và ray rứt để có thể quên Việt Nam một sớm một chiều. Chiến tranh, giống tình yêu, là thứ kinh nghiệm ghi dấu suốt cuộc đời. Quá khứ ấy tiếp tục sống trong lòng ta, thực hơn cả thực tại. Và Việt Nam, đối với hàng triệu người Mỹ, chưa từng đặt chân tới, chưa từng mất mát một người thân, vẫn là bước ngoặt trong đời sống. Đối với Robert Kramer, nhà thực hiện phim tài liệu, đã từng phản chiến, rồi tự ý lưu vong sang Pháp, nó là một chuỗi ám ảnh. Đối với Oliver Stone, cựu chiến binh trở thành đạo diễn Hồ Ly Vọng, Việt Nam như con quỷ ám thường trực. Còn những "VETS", những người cầm bút viết về Việt Nam lại càng đông hơn: Micheal Herr, Tim O'Brien, Philippe Caputo, và gần đây nữa, Robert Olen Butler giải thưởng Pulitzer, phô bầy những trắc ẩn sâu sắc của mình đối với Việt Nam, những gì đã sống ở đó, xuyên qua tiếng nói của các nhân vật Việt Nam sinh sống ở tiểu bang Louisiane. Nhưng phải nhận là Việt Nam đang là một đề tài biến đổi rất nhiều. Phim ảnh, tiểu thuyết, truyện ngắn Hoa Kỳ viết về Việt Nam còn nhắc đến chiến tranh, nhưng càng lúc càng nhiều phim, truyện do chính người Việt Nam thực hiện. Đa số là tiếng nói phụ nữ: Linda Lê, Lệ Lý Hayslip, Tiana Alexandra, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài là những gương mặt nổi bật, nhưng chắc chắn còn nhiều người khác nữa.

*– Thế hệ trẻ Hoa Kỳ như Nina nhìn về cuộc chiến Việt Nam ra sao?*

– Thông thường mọi người nghĩ thế hệ của tôi không bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Mặt nào đó, rất đúng, nhưng tránh khỏi thời kỳ bản lề của đất nước mình chưa chắc là điều may mắn. Tôi cảm thấy thế hệ mình hụt một chuyện gì quan trọng. Điều tôi biết, lớp người cùng tuổi với mình, sinh năm

61, đều đã va chạm với chiến tranh, cách này hay cách khác. Trẻ thơ, chúng tôi đều là chứng nhân phân vân trước những bối rối của cha mẹ, đối với một cuộc chiến xa vời, truyền hình về nhà, là chứng nhân cơn khủng hoảng chính trị và niềm tin của đất nước. Tôi còn nhớ đã trông thấy, năm lên mười hay mười một tuổi, trong phòng ngủ của ông anh lớn một người bạn, bức hình nổi tiếng chụp đứa bé gái trần truồng, bốc cháy vì bom napalm, và một bức khác, cũng đầy biểu tượng, hình một người lính Nam Việt hành quyết một Việt Cộng giữa đường với khẩu súng sáu. Những bức hình không có chú thích. Một cơn ác mộng mà tôi không giải thích được. Nhưng chúng tôi linh cảm, rất sớm, trước những cuộc cãi vã dữ dội giữa cha mẹ, giữa những ông anh, đó là đề tài cực kỳ nguy hiểm, một nỗi sợ, một thứ tai tiếng nhục nhã đớn đau trong gia đình, một "bí mật dơ bẩn". Trong một thời gian dài, chúng tôi không dám đặt câu hỏi. Mãi về sau, mới hiểu cuộc chiến đã giết sự hồn nhiên trong trắng của đất nước, giết chết ảo mộng. Điều tôi kiểm chứng, đối với rất nhiều người cùng lứa tuổi, ám ảnh Việt Nam - Sụp đổ ở Việt Nam - đã trở thành, một cách vô ý thức, lý do viện dẫn cho mọi chối từ, thụ động của chính mình trước mọi đấu tranh, trước mọi tình huống chính trị thế giới. Lối thoái thác đó bộc lộ rõ trong thái độ của Hoa Kỳ đối với Somalie, và Nam Tư.

*– Nina đã có mặt ở quảng trường Thiên An Môn vào đúng lúc "Mùa Xuân Bắc Kinh". Có phải chính cuộc đàn áp đẫm máu đã huỷ đi phần nào ảo ảnh, giấc mơ Trung Hoa đối với Nina? Không phải Nina sang Tàu để khám phá những huyền bí Viễn Đông sao? Một thứ hương thơm quyến rũ xa vời mà biến động Bắc Kinh đã xoá đi? Những năm tháng ở Trung Hoa, Nina có dự đoán trước cuộc nổi loạn của sinh viên?*

– Ngày 4/6/1989 là một khúc quanh trong đời tôi. Làm thế nào để lượng định sức công phá của một biến cố như vậy ở mình? Tôi cũng chưa thấu rõ. Tôi có những người bạn đã chết, bị bắt, tù đầy, tuổi trẻ vỡ tan, và lưu vong tứ xứ. Tôi đã thấy một trong những sinh viên của tôi trên truyền hình, còn bận áo ngủ sau cuộc tuyệt thực, cùng với một nhóm sinh viên đi gặp thủ tướng Lý Bằng. Nhưng chuyển động dân chủ không chỉ bắt đầu vào năm 89. Tất cả mọi người đều chờ đợi từ lâu. Mặt nào đó, chúng tôi, ký giả và giáo sư ngoại quốc, đều cùng tham dự. Cùng đồng loã. Nhưng không phải Thiên An Môn đã phá vỡ ảo tưởng trong tôi. Tôi không có ảo tưởng nào hết. Những ảo mộng, nếu có, tôi đã đánh mất ở trấn Vũ-Hán, nơi tôi dạy tiếng Anh từ năm 84 đến 86, ở một đại học tỉnh ly. Trước nhất, không ai trách tôi đã đi tìm kiếm hương thơm huyền bí của Viễn Đông, như Vũ nói. Như các sinh viên cùng khoá ở đại học Yale, lúc đó, tôi là một người tự do khuynh tả, không có nghĩa là tôi theo Chủ Nghĩa Xã Hội. Động lực thúc đẩy tôi đi Trung Hoa rất giản dị: Ước muốn thu thập kinh nghiệm làm việc ở Hoa lục, nước mà mình đã nghiên cứu. Các giáo sư của tôi ở đại học Yale, thời đó phần lớn là những cựu nổi

loạn chán chường của năm 68, cựu tín đồ sám hối của chủ nghĩa Mao. Vào đầu thập niên 80 họ đều ý thức rất rõ những lầm lạc của mình, và không ngớt khuyên nhủ sinh viên cảnh giác chiếc bẫy Cộng Sản. Không ai ăn năn hối lỗi bằng những tín đồ Mao-ít! Nếu có một nổi loạn nào đó, chính vì tôi cưỡng lại đầu óc trưởng giả, "Yuppie", ham danh phận. Các bạn tôi đều thích trở thành bác sĩ, luật sư, thương gia. Còn tôi, tôi muốn đi xa, đi khắp trái đất, viết, sống, làm một điều gì. Đối với những người bạn cùng trường, tôi là một đứa khùng. Một người bạn thân đã trách tôi "mất hết tham vọng". Trung Hoa đối với họ không phải là hương thơm huyền bí, nhưng là một lỗ đen. Tôi còn nhớ, học bổng của tôi, cho hai năm trời, chỉ vỏn vẹn năm ngàn đô la. Còn lương giáo sư ở Đại học Trung Hoa chỉ hơn ba mươi đô la một tháng. Mà chẳng có gì quyến rũ trong cuộc sống ở Vũ-Hán. Tôi sống với những sinh viên Hoa trong những nhà ngủ không có hệ thống sưởi, không nước máy, đầy chuột cống, bị những loa phóng thanh vây quanh, hò hét, từ năm giờ sáng, những khẩu hiệu tuyên truyền Marxiste xen lẫn những bài ca Cách Mạng. Ưu đãi duy nhất là được phòng riêng, trong lúc các sinh viên Hoa ngủ từ bốn đến sáu người trong những buồng hai mươi thước vuông. "Hương thơm quyến rũ xa vời" là những cầu tiêu sát hành lang, mùi nước phân đong đưa trong quang thúng của những người nông dân gánh đi bón cây. Mỗi tuần tôi được tắm ở nhà tắm công cộng hai lần, và cũng phải xếp hàng lãnh nước nóng như mọi người. Bạn bè Hoa thì bị Công An Theo dõi. Còn sinh viên theo học với mình thì bị chính trị viên chi bộ đoàn hạch hỏi. Tôi sút mất bảy kí lô và đánh mất rất nhiều ảo mộng. Không ai hiểu tại sao tôi sang Trung Hoa. Với ý đồ gì? Họ nghi tôi làm gián điệp CIA vì tôi nói sõi tiếng lóng địa phương. Vì tôi hiểu quá nhiều, lại quá chú tâm vào các biểu ngữ đòi dân chủ do sinh viên dán dọc bờ tường câu lạc bộ. Những biểu ngữ bị chính quyền lột đi ngay. Thời đó, một người bạn Tàu đã ví tôi như một mầm sinh kháng thể, trong hệ thống đối kháng vi trùng của con người! Tôi đã chứng kiến hết những giận dữ, cay đắng của thế hệ trẻ Trung Hoa. Sau đó, tôi trở thành ký giả làm việc tại Hồng Kông, năm 87 tôi trở lại Bắc Kinh làm đặc phái viên cho Thông Tấn Xã Pháp. Đây là thời kỳ mà kinh nghiệm chuyên môn đã tác động lên tôi rất nhiều, và cũng đã thay đổi quan hệ giữa tôi và Trung Hoa. Tôi không còn là một nhà giáo giữ vai trò nhân đạo. Tôi sống trong một căn nhà giữa khu ngoại giao cấm người bản địa. Tôi thấy rõ mình bị đối xử như kẻ địch. Ở Hoa lục, người ký giả bị xem như gián điệp. Tôi còn bị nghi ngờ hơn vì Công An không sao hiểu tại sao một người Mỹ lại đi làm việc cho Pháp ở Trung Quốc. Năm 87, tôi "bao sân", như trong nghề thường nói, những vụ nổi dậy chống Trung Hoa ở Tây Tạng. Tôi đã thấy các Lạt Ma bị đạn của Công An Trung Quốc, chính tôi cũng bị bắt giam nhiều lần, bị thẩm cung. Không phải đợi đến Thiên An Môn tôi mới đánh mất ảo vọng. Nhưng chính Thiên An Môn, như giọt nước tràn ly, đã cắt đứt tất cả. Tôi không trở lại Bắc Kinh nữa, từ 89.

*– Mùa Thu vừa qua, hình như Nina đến Việt Nam lần đầu. Ấn tượng đầu tiên của Nina ra sao? Việt Nam có thật khác Trung Hoa? Có giống* Một Thiên Đường Mù?

– Thật ra, không phải lần đầu tiên tôi đến Việt Nam. Tôi đã thăm Hà Nội và Sàigòn năm 91, với tư cách cố vấn cho Nhà Băng Indosuez, nhưng lúc đó tôi đi trong một đoàn thương mãi, không được tự do đi lại, bị kiểm soát rất chặt chẽ. Và tôi cũng không quen ai. Ấn tượng đầu tiên là thủ tục quan liêu Cộng Sản ở đây là một bản sao khủng khiếp của Trung Quốc. Cũng ngần ấy đạo đức giả. Cùng một cung cách lừa gạt ngoại kiều. Thời ấy tôi chưa biết một chữ tiếng Việt, nhưng vẫn hiểu đại khái những câu chuyện. Nhất là ở Hà Nội, nơi từ vựng và cách phát âm gần giống với Trung Hoa. Thật kỳ quặc, lần đầu tiện đến Việt Nam, tôi có cảm tưởng đã trông thấy, đã sống qua, vừa quen thuộc, vừa xa lạ. Tôi chưa hiểu các chữ "phở" hay "nem", nhưng những từ như "Tư hữu hoá" hoặc "thị trường chứng khoán" - từ vựng kinh tế và chính trị hoàn toàn là tiếng Trung Hoa. Nhưng Việt Nam đã để lại trong tôi những ấn tượng đẹp. Như mọi người Mỹ đến Việt Nam, tôi ngạc nhiên thấy người Việt không hề có thái độ thù hằn đối với tôi. Đặc biệt, tôi mê sự khác biệt giữa tính khí của người Việt với người Tàu. Người Tàu đại đa số như đàn cừu, còn người Việt có cá tính mạnh, sởi lởi như người miền nam châu Âu, lại lai văn hoá. Tâm trạng phức tạp, sự phân tâm - mà, có thể, người Việt xem như căn bệnh quốc gia, một thảm kịch - đối với tôi lại là một luồng sinh khí, sau thời tôi sống sự rập khuôn ở Trung Quốc với nền giáo lý Khổng Mạnh muôn thuở. Tôi thấy mình gần gũi với người Việt, vì tôi cũng là một thứ lai văn hoá. Chuyến về Việt Nam thứ nhì mới thật là lần đầu đối với tôi, vì tôi linh cảm mình được chờ đợi. Tôi đi với mục đích duy nhất: gặp và tìm hiểu Dương Thu Hương, nên rất bồn chồn. Trong thư từ trao đổi với chị Hương, hai năm liền qua anh Đường, tôi cảm thấy thật gần gũi, dù ở xa, yêu mến tấm lòng vị tha, tánh khiêm nhường lạ lùng, tính hài hước, và những tình cảm mẫu tử chị dành cho tôi. Nhưng tôi cũng biết chị Hương dễ kích động, có cá tánh mạnh mẽ. Chưa chắc hai chúng tôi sẽ hợp nhau! Tôi trông thấy chị trước tiên ở phi trường, bên kia những quầy Hải Quan âm u. Chị thật đẹp, tươi cười với bó hoa trên tay. Bên cạnh chị Hương còn có nhà văn Bảo Ninh, và dịch giả Trần Dương Tường. Tôi cực xúc động. Tất cả diễn ra như trong tiểu thuyết của Dương Thu Hương!

*– Nhưng Nina làm thế nào để chuyện trò với họ?*

– Tôi rất sung sướng và ngạc nhiên khám phá rằng chị Hương cũng nói tạm được tiếng Pháp, dù chị chỉ học có sáu tháng trong tù với một cuốn từ điển! Thật tình, mối liên hệ giữa hai chị em chúng tôi vượt giới hạn của ngôn ngữ, chỉ cần cấn đôi một chữ đã hiểu nhau. Dương Thu Hương là một người đàn bà - không, một con người - nhậy cảm nhất mà tôi từng gặp. Không thể giấu chị điều gì. Chị đoán tất. Một thứ tri thức hiếm, chắc chắn rất khủng

khiếp đối với đàn ông và tất cả mọi thứ quyền lực. Tóm lại, tôi với chị rất hợp nhau. Trong hai tuần lễ, tôi với chị gặp nhau hầu như mỗi ngày. Chị dẫn tôi đi chơi từ sáng đến tối. Đưa tôi đi ăn tất cả những món ăn tôi thèm khát qua tiểu thuyết của chị. Tôi đã sống những giây phút giản dị mà thật quý báu. Một bát phở ở lề đường. Một chén chè khuya, cuối phố hàng Đào. Một buổi cắm trại, những con se sẻ ướp ngũ vị hương nướng ở gần thành Cổ Loa, với gia đình chị Hương. Tôi cũng muốn nói thêm là dân chúng Hà Nội đều biết và rất quý chị Hương. Tuần lễ thứ nhì, chúng tôi bàn về dự tính làm một cuốn phim, dựa trên kinh nghiệm chiến tranh của Dương Thu Hương. Chúng tôi mướn một thông dịch viên để chị Hương có thể trình bầy hết mọi ý tưởng của mình. Cuộc đời của chị Hương làm tôi choáng váng. Tôi đã thâu hơn sáu giờ băng, và có lẽ thâu cả 50 giờ cũng còn muốn nghe.

*– Nina còn gặp nhà văn nào khác nữa ?*

– Tôi ra Hà Nội, mục đính chính là gặp Dương Thu Hương, cùng làm việc với chị về dự án quay phim, nên không có mấy thời giờ gặp quần hào Hà Nội. Mặt khác, mọi người biết tôi "đi với chị Hương", nên nhiều nhà văn mà tôi muốn gặp đã tránh mặt. Vũ biết đó, kẻ sĩ Hà Nội sống trong một ngôi làng, và trong cái làng bé xíu đó, Dương Thu Hương, ở vị thế một người đàn bà, một người phản kháng, chịu ruồng rẫy. Chịu cô lập, đối với Dương Thu Hương, vừa là một chọn lựa, vừa là cái giá phải trả cho tự do của mình, chối từ sự đê tiện phổ biến trong môi trường ấy. Có một ngoại lệ là nhà văn Bảo Ninh, một người bạn thân của Dương Thu Hương, một người đã trả giá, và còn tiếp tục trả giá cho tự do và ngòi bút của mình. Tôi rất quý anh Ninh, nhà văn, và con người. Trước khi gặp Bảo Ninh, tôi có đọc truyện ngắn *Gió Dại*. Tính chất trữ tình, lòng xót thương, ý chí muốn hiểu thảm kịch thân phận đàn bà - Việt Nam hay ngoại quốc - của Bảo Ninh làm tôi nghẹt thở. Ở Hà Nội, cả ba chúng tôi chia xẻ những giờ phút thật vui. Bảo Ninh là một người gợi cho tôi nhiều tin cậy. Anh đã chịu đựng tiếng Việt gớm ghiết của tôi trong suốt thời gian tôi ở Bắc. Tình bạn chân thành giữa Bảo Ninh và Dương Thu Hương xúc động tôi mãnh liệt. Tình bạn giữa một người đàn ông và một người đàn bà thường hiếm, bất cứ ở đâu trên thế giới, ở Việt Nam càng hiếm hơn.

*– Trở lại với văn chương Việt Nam. Là một người ngoại quốc, Nina nhận xét đặt biệt nào về văn chương hiện đại Việt Nam? Có hay không một chủ đề chính?*

– Tôi không chắc ta có thể khoanh vùng một chủ đề văn hóa hoặc quốc gia nào trong văn chương, nhất là đối với một dân tộc sống rải rác như Việt Nam. Nhưng tôi dám nói rằng có một chủ đề - đúng hơn là một mối ám ảnh lớn - trong văn chương Việt Nam hôm nay, cho dù tác phẩm của Việt Kiều, hay của những người viết văn phản kháng trong nước, văn xuôi Việt Nam vẫn

nổi cộm lên một nỗi ám ảnh thời gian - gần như kiểu Proust - đi tìm thời gian đánh mất: Quá khứ. Trong nghĩa đó, văn chương phản ánh tâm tình của quần chúng. Đối chọi hẳn với văn học Hoa Kỳ, mà tôi nghĩ bận tâm với thực tại và hướng về tương lai nhiều hơn. Văn chương Việt Nam, theo ý riêng của tôi, bị quá khứ nhập tràng. Nhưng không phải là quá khứ chết, một quá khứ vẫn tiếp tục sống trong hiện tại, dưới khía cạnh nào đó còn thực hơn cả thực tại. Tôi rất kinh ngạc, khi thấy nhà văn Việt Nam đều để tang cho quá khứ đánh mất, một thứ quá khứ chung, cổ xưa, không thể vãn hồi. Làm như, với cuộc ly tán, cùng những vết thương sâu đậm của chiến tranh, quá khứ của người Việt bị cướp mất. Và thiếu quá khứ chung, tương lai trở nên khó hiểu... Ở những người viết truyện thật khác biệt như Dương Thu Hương, Bảo Ninh, hay ở Vũ, điều đó thấy rất đậm nét. Nhà văn Việt Nam sống với quá khứ, làm như họ muốn cứu vãn nó. *Trong Tiểu Thuyết Vô Đề*, nhân vật Quân sống hoàn toàn bằng "flash-backs". Thời gian của Quân là tầm nhìn của Dương Thu Hương. Một thứ thực tại trống rỗng ý nghĩa. Có thể vì quá khứ của người Việt không thuần nhất, khó hiểu, muôn mặt. Làm thế nào để diễn tả kinh nghiệm thời gian này? Đối với tôi, là câu hỏi dành cho mỗi bản dịch. Chỉ trên phương diện kỷ thuật đã rất khó, vì thời gian trong ngôn ngữ của người Việt, cũng như Trung Hoa, hoàn toàn mơ hồ, và trạng huống, trong lúc ở tiếng Anh phải cực kỳ chính xác. Nhưng khó khăn không ở khâu kỷ thuật; nhưng mang tính cách tâm thần nhiều hơn. Ví dụ: khi dịch *Tiểu Thuyết Vô Đề*, tôi đề nghị sau khi thảo luận với Dương Thu Hương, dịch tất cả những "flash-backs" ở thì hiện tại (temps présent), và phần còn lại của câu truyện - thực tại của chiến tranh - trong thì quá khứ chết (passé simple). Và chị Hương đã thoả thuận. Mục đích của tôi - là muốn người đọc, như nhân vật Quân, sống hết mình, thật dữ dội những đứt đoạn giữa quá khứ và hiện tại. Dưới một góc độ tương đối, *Tiểu Thuyết Vô Đề* là một phương thức giúp người đọc Hoa Kỳ nghiệm sinh quá trình tỉnh mộng. Tôi vẫn nghĩ, mỗi một con người cần sống một truyện kể - và chia sẽ câu truyện đó với kẻ khác. Với người Việt, câu truyện của đời sống, của quá khứ, của hiện tại, và tương lai đã bị phá vỡ. Sự cắt đứt tàn bạo, cùng một lúc là một thảm kịch, nhưng cũng trở thành kho tàng lớn lao cho sáng tạo.

*– Nina đang dự tính gì hiện nay?*

– Nội dịch thuật không cũng đã rất nhiều. Hiện thời, tôi tìm cách xuất bản ở Hoa Kỳ tuyển tập truyện ngắn Việt Nam *Giấc Ngủ Nơi Trần Thế* do anh Phan Huy Đường tuyển chọn. Với anh ấy, tôi cùng dịch sang tiếng Anh sáu truyện ngắn của Bảo Ninh, Nguyễn Thị Ấm, Đỗ Phước Tiến, Trần Trung Chính, Trần Đạo, và một truyện ngắn của Vũ mà mình cùng thảo luận bữa trước. Đối với các nhà xuất bản Mỹ, tuyển tập truyện ngắn không ăn khách lắm, họ thích tiểu thuyết hơn. Do đó, tôi quyết định gởi đăng mấy truyện ngắn này trên các tạp chí văn chương ở Hoa Kỳ và Anh, nhằm đánh động các

nhà xuất bản. Số tới truyện ngắn *Giấc Ngủ Nơi Trần* Thế của Nguyễn Thị Ấm sẽ đăng trên Grand Street, một tập san văn chương vùng Nữu Ước, cũng là tập san đã đăng Phạm Thị Hoài, và Dương Thu Hương. Truyện ngắn của Trần Đạo, *Bộ Xương Người Trị Giá Một Tỷ Đô La* sẽ đăng trên tập san STORY. Chỉ mới là khởi đầu. Thêm một nhà văn Việt Nam được đăng, là mở rộng thêm cửa cho những người khác. Tạo môi trường là khâu rất quan trọng. Một khung cảnh giúp người Mỹ thưởng ngoạn văn chương Việt Nam. Tôi cũng dự tính dịch tập truyện *Cái Chết Sau Quá Khứ* của Vũ mà mình đã thỏa thuận hôm nọ. Hiện tại tôi với anh Đường đang điều đình với nhiều nhà xuất bản Mỹ. Ngoài dịch truyện, tôi đang làm việc cho dự án quay phim *"Tiếng Hát Át Tiếng Bom"* dựa trên kinh nghiệm của Dương Thu Hương. Hiện đang trong giai đoạn phát thảo truyện phim, mà tôi cùng viết chung với chị Hương và anh Đường. Chúng tôi cũng đang tìm đạo diễn với người bảo trợ các chi phí. Nếu thành, chắc chắn tôi sẽ sang sống ở Việt Nam nhiều tháng để học tiếng Việt, và cùng khai triển truyện phim với Dương Thu Hương.

*– Câu hỏi chót. Việc đã dịch nhiều văn bản, có gợi cho Nina ước muốn cầm bút tự tạo ra thế giới của riêng mình? Và Nina sẽ kể truyện gì, ngày mai, nếu bước qua cánh cửa sáng tác?*

– Càng dịch, tôi càng ao ước viết. Nhưng cùng lúc, phiên dịch cũng cho phép tôi trình bầy, qua những tiếng nói khác nhau. Không chỉ đơn thuần là những bài tập bút pháp; nhưng là một phong cách của riêng tôi. Thật sự, trong tuyệt đối, không ai có thể dịch được, chỉ có sáng tác. Thực tình, tôi khát khao viết truyện ngắn về kinh nghiệm sống thực của mình ở Trung Hoa. Tôi có nhiều ý tưởng. Nhưng rất thành thật, tôi có hai sở đoản: ngại ngùng không dám viết tự truyện, và quá khứ ký giả. Nghề ký giả giết chết nghề văn, bắt người viết văn chạy trốn bề sâu, và quá dấn thân trên bề mặt. Tôi còn quá gắn bó với vai trò nhân chứng. Đó là một mâu thuẫn có thể trở thành sáng tạo như trường hợp Nadine Gordimer. Nhưng muốn viết truyện giả tưởng, phải buông thả hết mình. Và trước khi buông thả, phải hiểu mình. Ở tuổi 33, chắc đã đến lúc thử nghiệm.

*– Cám ơn Nina.*

TRẦN VŨ

*(Thực hiện bằng tiếng Pháp và phiên dịch. Paris 25/3/94)*



**THỤY KHUÊ** *thực hiện*

# nói chuyện với nhà văn nhật tiến



LTS: *Bài phỏng vấn sau đây được thực hiện qua đường điện thoại viễn liện Pháp - Hoa Kỳ do Thụy Khuê thực hiện cho đài RFI (Radio France Intrernational), Paris, phát thanh trực tiếp về Việt Nam ngày 12 tháng 3 năm 1994.*

**Hợp Lưu**

Thụy Khuê: - *Anh là người tha thiết muốn thực hiện giao lưu văn hóa bằng thực chất của vấn đề. Nghĩa là muốn các tác phẩm viết ở hải ngoại được in ở trong nước và ngược lại, những tác phẩm viết trong nước được in ở hải ngoại. Anh đã làm việc đó với họa sĩ Khánh Trường và một số bạn văn khác. Xin anh kể lại quá trình của công việc ấy.*

Nhật Tiến: Gần ba năm trước đây, họa sĩ Khánh Trường đã hoàn tất một công trình rất có ý nghĩa. Đó là mời được sự tham dự của 35 nhhà văn nhà thơ hải ngoại, ở cả Mỹ, Úc, Canada và Âu châu trong một tuyển tập thơ văn hải ngoại dự định sẽ ấn hành công khai ở trong nước. Vấn đề còn lại là phải tìm được một nhà xuất bản trong nước đồng ý ấn hành cuốn sách đó. Trong lần về nước lần thứ hai, khoảng cuối năm 1991, tôi đã cùng một số bạn văn ở trong nước vận động thành công để có được sự hợp tác xuất bản tuyển tập nói trên giữa hai nhà xuất bản: nhà xuất bản Văn Học ở trong nước và nhà xuất bản Tân Thư của họa sĩ Khánh Trường ở hải ngoại. Mọi công việc chuẩn bị đã hoàn tất kể cả bản thảo đã lay-out, mẫu bìa cùng bài tựa ký tên chung có sự thỏa thuận của cả hai phía... Tôi tưởng rằng cuốn sách đã có thể ra mắt độc giả vào khoảng giữa năm 1992, nhưng không ngờ nó đã bị giới bảo thủ trong nước ngăn cản lại, và kìm giữ vô thời hạn, đến nỗi họa sĩ Khánh Trường đã phải đơn phương xin hủy bỏ hợp đồng xuất bản vào cuối năm 1993 vì

không thể chờ đợi lâu hơn nữa.

Tôi nghĩ rằng đó là một trường hợp đáng tiếc, nhưng không thể làm khác hơn được.

Đó là trường hợp những cố gắng giới thiệu một cách công khai một số văn thơ hải ngoại đến với các độc giả trong nước. Còn tác phẩm ở trong nước đem in lại ở nước ngoài thì rất nhiều, đi tới tình trạng cẩu thả. Vì sách trong nước vốn đã in trên giấy xấu, mực lại mờ, nhiều nhà xuất bản ở ngoài này cứ để nguyên tình trạng như thế đem chụp và in lại, cho nên phẩm chất của cuốn sách vốn đã không khá, khi in xong lại càng trở nên nhem nhuốc hơn. Và bừa bãi: vì là sách in không chọn lọc, do đó có nhiều tác phẩm ít giá trị văn chương cũng vẫn được phổ biến rộng rãi. Mặt khác, một vài cuốn có giá trị cao thì lại được ba, bốn, có khi năm nhà xuất bản in lại cùng một lúc. Hơn thế nữa, mỗi nhà xuất bản lại tự ý sửa chữa, cắt xén tùy tiện để tránh né áp lực chống đối ở bên ngoài. Chuyện cắt xén này bây giờ có đỡ hơn, chứ hai ba năm trước đây thì rất đáng phàn nàn. Sau cùng là vấn đề trách nhiệm đối với tác giả có sách được tái bản. Hầu như rất ít nhà văn ở trong nước nhận được tác quyền do những lần tái bản ở ngoài. Điều này thật là bất công đối với những người đã bỏ tim óc vào công cuộc sáng tạo tác phẩm.

Trong tình trạng ấy, cũng có một vài nhà xuất bản thể hiện đứng đắn cung cách làm ăn của mình. Chẳng hạn nhà xuất bản Tân Thư, nhà xuất bản Trăm Hoa, hay một hai nhà xuất bản hiếm hoi khác. Việc in lại các tác phẩm trong nước, qua những nhà xuất bản này đã được thực hiện trên những tiêu chuẩn:

- Một là chọn lựa những tác phẩm có giá trị.
- Hai là không cắt xén, sửa chữa nguyên bản
- Ba là tìm cách gởi nhuận bút về cho tác giả. Trừ những trường hợp bất khả kháng.

Mặt khác, trong thời gian gần đây, tôi đã thấy có hiện tượng đáng mừng hơn nữa, là ở hải ngoại không chỉ in lại sách trong nước mà còn ấn hành sách mới, từ bản thảo trong nước gởi ra. Thí dụ *Trong Cõi của Trần Quốc Vượng, Tuyển Tập Nguyễn Kiến Giang* của nhà Trăm Hoa;. Tác phẩm *Từ Man Nương Đến AK Và Những Tiểu Luận Khác* của tạp chí Hợp Lưu, tập truyện *Thằng Bắt Qủy* của Cung Tích Biền, *Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Mình* của nhà thơ Trần Vàng Sao của nhà Tân Thư... Tôi nghĩ rằng trong một tương lai rất gần, sẽ còn nhiều tác phẩm loại đó ra đời và chúng tôi hết sức hỗ trợ cho công việc này.

Bởi vì, không một tác giả nào lại không mong muốn cho tác phẩm của mình được phổ biến rộng rãi ở cả trong lẫn ngoài nước. Đó là một nguyện vọng hết sức chính đáng, một nhu cầu hết sức khẩn thiết không thể ai nhân danh bất cứ một lý do gì đi ngược lại được, nhất là trong tình hình thế giới đã thay đổi như hiện nay.

Trong nhận thức đó, tôi có thể khẳng định rằng thời kỳ bưng bít ở trong nước như hiện nay rồi sẽ mau chóng bị vượt qua, không có cách gì ngăn cản

được.

*- Xin anh trình bày rõ ràng hơn về trường hợp của nhà văn Cung Tích Biền và các nhà văn có bản thảo được in lần đầu tại hải ngoại. Việc đó có ảnh hưởng gì đến vấn đề an ninh của họ không?*

- Tất nhiên, khi ấn hành một tác phẩm ở trong nước, việc trước tiên mà chúng tôi quan tâm đến là vấn đề an toàn của tác giả. Nếu sách đã được in ở trong nước rồi thì việc tái bản ở hải ngoại không gây phiền hà gì cho người viết cả, bởi vì, nhiều khi, chính tác giả cũng không hề hay biết việc tác phẩm của mình đã *được* hay *bị* in lại ở hải ngoại. Riêng đối với những cuốn mới chỉ in lần đầu tiên, không do một nhà xuất bản trong nước mà lại từ hải ngoại, thì điều kiện tiên quyết là phải có sự đồng ý của tác giả. Và một khi tác giả sẵn sàng chấp nhận hậu quả xảy ra cho mình, chừng đó, vấn đề trách nhiệm không còn thuộc về nhà xuất bản nữa.

Ngoài ra, tôi nhận thấy, có nhiều tài liệu được phổ biến ra nước ngoài, nội dung chỉ trích mạnh mẽ giới lãnh đạo ở trong nước, hoặc ngay cả những bài nghiên cứu chĩa thẳng vào thành trì lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê, vậy mà tác giả của những bài ấy vẫn ngang nhiên để tên thật, có khi ghi cả địa chỉ và số điện thoại của mình nữa. Điều đó đã nói lên một cách cụ thể rằng đã tới lúc giới trí thức ở trong nước bắt đầu nhận thức được một cách sâu xa về vai trò của mình trước những vấn đề sôi bỏng của đất nước và họ đã bắt đầu có thái độ dõng dạc, can đảm trong việc hành xử vai trò cũng như trách nhiệm của mình. Cho nên, tôi vẫn muốn nhắc lại rằng, thời kỳ u tối của những sự bưng bít giả trá rồi ra sẽ phải qua đi, không có cách gì ngăn cản được.

*- Công việc các anh làm được dư luận hải ngoại đón tiếp ra sao?*

- Ba năm trước đây, đề xuất ý kiến gọi là giao lưu văn hóa thì kể là quá sớm và mới mẻ. Do đó chúng tôi không thể trách khỏi nhiều ngộ nhận, và chúng tôi vẫn cho rằng mình bị ngộ nhận nhiều hơn là bị chống đối, mặc dù sự chống đối ồn ào vốn có trên báo chí hải ngoại cũng vẫn còn đang tiếp tục. Đến nay, thời điểm 1994 này, sau vụ bỏ cấm vận và hai nước có triển vọng bang giao, chúng tôi thấy công việc chúng tôi theo đuổi nhiều thuận lợi hơn trước. Nói một cách cụ thể hơn, trước đây, khi phổ biến một tác phẩm hay một bài viết ở trong nước trong cao trào mà chúng tôi gọi là cao trào văn chương phản kháng, thì chúng tôi đã bị dư luận hải ngoại chống đối dữ dội. Nhưng bây giờ nhiều tờ báo trước kia đã từng chống đối, thì nay lại cũng trích đăng những bài viết xuất xứ từ trong nước. Có những ngòi bút trước đây phê phán rất mạnh mẽ nay lại chính những ngòi bút ấy đã viết bài góp ý, phê phán, nhận định một cách xây dựng và nghiêm chỉnh các bài viết gửi ra từ trong nước. Đó là một dấu hiệu tiến bộ rất đáng mừng. Thành ra việc gì cũng đòi hỏi có cái thời gian của nó phải không chị Thụy Khuê?

*- Trong các chuyến về nước, sự vận động của anh mang lại kết quả gì?*

- Không có gì cụ thể ngoài việc kết hợp hai nhà xuất bản Tân Thư ở nước ngoài và nhà xuất bản Văn Học ở trong nước mà tương lai có thể có nhiều điều hợp tác thực hiện được. Tuy nhiên về mặt cảm thông, chia xẻ ước mơ thì rất nhiều. Tất cả những anh chị em văn nghệ sĩ trong nước mà tôi có cơ hội gặp gỡ, trò chuyện thì ai cũng mong muốn một hoàn cảnh sáng tác và xuất bản thuận lợi hơn, để mọi người đều có thể tự do phát biểu ý kiến của mình, mọi tác phẩm văn chương không phân biệt xuất xứ đều có thể lưu hành một cách công khai và rộng rãi ở cả trong lẫn ngoài nước. Về phía chính quyền, tôi nghĩ là có sự dè dặt hơn, chẳng hạn một vài nhân vật có thẩm quyền về văn hóa, văn nghệ thì cho rằng mọi sự đều có thể xảy ra, nhưng phải từ từ, không thể vội vã ngay được. Tôi cho rằng đó cũng là những dấu hiệu tốt nếu đem so với sự kiện sẵn sàng sổ toẹt một cách thẳng thừng mọi ý kiến khác biệt, như đã từng xảy ra ở những thập niên trước.

*- Hiện nay có một vài quyển văn thơ của các tác giả ngoài nước in ở trong nước. Nhưng phải thành thật mà nói, sự cắt xén vẫn còn. Riêng đối với công việc của anh, đây là một sự thất bại. Chúng ta hiểu như thế nào về cái thất bại này?*

- Việc một vài cơ quan chính thức, chẳng hạn như Ban Việt Kiều Trung Ương, cho in lại một số tác phẩm ở hải ngoại có sự cắt xén, tôi cho đó là việc của riêng họ, không liên hệ gì đến thành bại của chúng tôi cả. Khi thời điểm chưa được chín mùi thì sự cắt xén là điều có thể hiểu được, mặc dù không thể chấp nhận được. Và nó đã xảy ra ở cả hai phía. Tôi cũng đã thấy nhiều tác phẩm ở trong nước, khi in lại ở bên này cũng đã bị cắt xén tàn bạo. Tôi cho rằng những người thò tay vào làm việc cắt xén đó là họ đã làm chính trị nhiều hơn là làm văn hóa. Tôi chủ trương những công tác về văn hóa thì phải do chính những người làm văn hóa thực hiện. Tôi tin rằng điều đó rồi cũng sẽ xảy tới.

*- Trong tương lai, anh còn tiếp tục công việc này nữa không, thưa anh?*

- Làm sao bỏ được. Những công việc vừa qua mới chỉ là những bước nho nhỏ khởi đầu. Và chúng tôi vẫn còn đang tiếp tục đi tới. Tập san *Đối Thoại* vừa ra mắt đầu tháng 2. 1994 là một trong những nỗ lực mới của anh em, bên cạnh tờ *Hợp Lưu* đã có từ nhiều năm qua.

Mặt khác, riêng bản thân tôi, tôi cũng đang nỗ lực thực hiện một công việc mà tôi cho là nhiều ý nghĩa. Đó là việc tôi cùng hợp tác với một nhà văn ở trong nước, chuẩn bị cho ra mắt vào cuối năm nay một tác phẩm đứng tên chung hai người. Nếu dự tính của chúng tôi thành hình và không bị nhà nước cản trở, thì tác phẩm này sẽ được in và phát hành công khai đầu tiên ở trong nước. Hãy khoan chưa nói đến giá trị nội dung tác phẩm, chỉ riêng về tính cách, tôi cho rằng tác phẩm này chuyên chở được nhiều ý nghĩa, trong đó

sâu xa nhất là ý hướng mong đạt tới sự xóa bỏ được lằn ranh trong, ngoài, trong lãnh vực văn học nghệ thuật, để từ đó tiến tới việc xóa luôn những dị biệt, những quá khứ, những quan điểm hay lập trường chính trị. Nói rộng ra, quê hương ta đã đau khổ quá nhiều trong quá khứ rồi, đã đến lúc phải biết đoạn tuyệt với quá khứ dù mất mát, thiệt thòi thế nào, để chỉ nhìn về tương lai, và vun trồng cho đất nước ngày một khá hơn lên. Một dân tộc cứ ôm chặt lấy dĩ vãng để nỉ non hay hận thù là một dân tộc, theo tôi, tự đào thải chính mình.

*- Anh nghĩ sao về vai trò của các văn nghệ sĩ trong và ngoài nước ở thời điểm hiện tại?*

- Tôi nghĩ rằng đã đến lúc tình hình đất nước có nhiều biến chuyển thuận lợi, để người cầm bút có thể nói lên một cách trung thực những sự suy nghĩ của mình, để góp phần thúc đẩy tiến trình tự do dân chủ ở trong nước sớm được thực hiện.

Năm 1987, phải nhờ ông Nguyễn Văn Linh cởi trói thì văn nghệ sĩ ở trong nước mới viết lên được những tác phẩm đi gần với tâm tư và nguyện vọng của quần chúng. Đó là do sức ép của nền chuyên chính vô sản còn quá nặng nề. Năm nay, 1994, cánh cửa của thế giới đã rộng mở để đón chào một thành viên mới là nước Việt Nam. Tôi mong mỏi rằng đây là cơ hội để anh chị em văn nghệ sĩ ở trong nước sẽ khôi phục lại cái đà sung mãn của mình lúc trước mà không cần phải chờ cho ai cởi trói, trừ phi mình tự trói chính mình. Tình hình văn hóa, văn nghệ nhờ những nỗ lực mới đó, chắc chắn sẽ thay đổi rất nhiều và góp phần lớn lao vào tiến trình xây dựng tự do dân chủ ở Việt Nam.

*- Cảm ơn nhà văn Nhật Tiến.*

THỤY KHUÊ thực hiện.



**TRIỆU TỪ TRUYỀN**

# chiều xanh

*nắng chiều mờ núi xanh sông*
*càng khô bóng lẽ giữa dòng - đòi xanh*
*bờ xanh vói níu cây cành*
*cành trôi nhớ lá đầu gành - rừng xưa*
*nhìn nhau - chiều rớm hàng mưa*
*tóc em màu biếc nhuộm mùa hạ phai*

TRIỆU TỪ TRUYỀN
(Trong nước)



TRẦN ĐÌNH SƠN CƯỚC

# quạ và bồ câu

*ở quê tôi*
*người ta vác sào đuổi quạ*
*chỉ có bồ câu*
*quanh quẩn trước sân nhà*

*điều chính điều tà*
*như màu trắng bồ câu*
*như màu đen áo quạ*
*chẳng thể nào dung hòa*

*nơi đây*
*chim bồ câu và quạ*
*chung nhau mảnh trời xanh*
*chia nhau một gốc cành*

*bồ câu nói với bồ câu*
*này trời đất bao la*
*đâu phải của riêng ta*
*mà còn chung với quạ*

*màu trắng bồ câu*
*màu đen áo quạ*
*là gam độ sắc màu*
*mãi bên nhau tồn sinh*

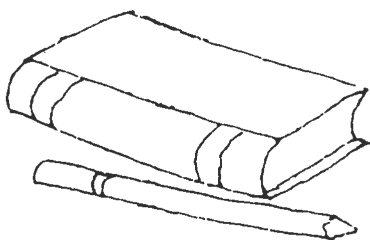
*giật mình*
*ta muốn bỏ*
*cục bướu đầu cực đoan*

TRẦN ĐÌNH SƠN CƯỚC



KIM THI *phụ trách*

# ngày... tháng...



*Ngày 30 tháng 4, 1994*

TRẦN THANH TOÀN

## KỶ NIỆM VỚI HỌA SĨ BÙI QUANG NGỌC

Anh Ngọc thân mến,

Tôi đặt chân đến Mỹ ngày 28 tháng 4, 1993. Vô cùng nhớ anh chị em đồng nghiệp. Nhớ bầu không khí tràn ngập niềm vui và hãnh diện trong những cuộc triển lãm tranh mỹ thuật tại quê nhà.

Như kẻ lãng du gặp được bạn đồng hành. Tình cờ tôi "gặp" *Hợp Lưu* số 11 tháng 6 và 7, 1993. Xúc động khi đọc "*Tản Mạn Về Nguyễn Sáng, Người Nghệ Sĩ Trắng Tay*" của anh. "*Hội An, Cái Làm Tôi Say Mê*" của Lưu Công Nhân. "*Những Khuynh Hướng Mỹ Thuật Việt Nam Đương Đại*" của Nguyễn Quân...

Thầm phục và biết ơn các anh chị, các chiến sĩ trên "mặt trận hợp lưu" đã giúp cho tiếng nói từ con tim nóng bỏng của các anh chị tới người đọc và văn nghệ sĩ Việt Nam tại hải ngoại.

Khâm phục tài năng Nguyễn Sáng bao nhiêu, lại thấy thương ôi cho thân phận của ông! Nhưng thôi, Nguyễn Sáng đã mồ yên mả đẹp bên mộ người vợ trẻ.

Còn ai đây, con người ấy làm cho tôi thương cảm đến thế? "*Chợt một chú tiểu đồng thong thả cất tiếng: Mấy đêm trước có một ông râu đi xe đạp đến đây và... ngủ đêm trên mộ Nguyễn Sáng...*".

Anh Ngọc, quen thân với anh đã hơn ba mươi năm, tôi hiểu vì sao anh đã nặng tình với những con người tài năng, có thân phận trần ai như họa sĩ Nguyễn Sáng, họa sĩ Bùi Xuân Phái, nhà thơ Nguyễn Hữu Loan v.v... Anh đã vẽ nhiều chân dung đẹp về các ông.

Tôi hiểu vì sao, giờ này anh còn khiêm tốn với tài năng hiển nhiên của mình. Chưa ra mắt trong và ngoài nước những tác phẩm hội họa của anh. Trong khi tranh anh, bút pháp nghệ thuật anh, được mọi người thán phục bấy nay.

Anh là một họa sĩ có tài, tận tụy với cái "nghiệp" hội họa (và cả văn thơ nữa). Ngót hai mươi năm lăn lộn vẽ và dạy vẽ ở mỏ than Quảng Ninh. Biết bao nhiêu tranh tường, tranh hoành tráng cỡ lớn để phục vụ công chúng và chế độ. Biết bao nhiêu tranh bảo tàng rải rác ở một số tỉnh từ Bắc chí Nam (Bảo tàng Mỏ, bảo tàng Cách Mạng và Nhà Truyền Thống của Tổng Công Ty Cao Su Việt Nam).

Những năm tháng sống ở mỏ than Quảng Ninh, ở Hà Nội trước đây và ở thành phố Hồ Chí Minh, hầu như triển lãm tranh nào của các họa sĩ trẻ, không kể chuyên nghiệp hay nghiệp dư, anh đều có mặt. Anh yêu mến họ đến cuồng nhiệt. Anh nâng niu tài năng trẻ và sẵn sàng viết bài ca ngợi, phê bình tranh. Bài viết nào của anh cũng sắc sảo, nhiệt thành, có lượng thông tin và có chiều sâu mỹ học.

Một kỷ niệm tôi còn nhớ rõ lắm. Buổi sáng hôm ấy (3.9.1989) tôi phụ anh vẽ tranh cụ Hồ cho bảo tàng Hồ Chí Minh tại thị xã Cẩm Phả. Qua đài Tiếng Nói Việt Nam báo tin: "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần...". Anh đứng giữa trời, bưng mặt khóc hu hu, như một đứa trẻ mất cha (!). Sự đau đớn thật lòng của anh, khiến tôi có phần cảm thông và sửng sốt.

Anh còn nhớ không, cũng trước cổng nhà Bảo tàng ấy. Một buổi chiều ảm đạm. Hoàng hôn chưa tắt hẳn. Chúng ta đang mải mê ngắm cảnh "Bái tử long". Đếm từng "chú rồng con" phủ phục trên mặt nước xanh biếc từ ngàn đời, thả hồn theo mây gió, say sưa tìm tứ, tìm ý cho một bài thơ về biển... Có một bà già ăn xin, lưng còng gập xuống như khúc gỗ bị uốn cong. Bà thều thào: "Hai ông làm phúc bớt cho già miếng cơm, bát cháo, già đói quá...!".

Thật khốn thay, anh và tôi lần túi trên túi dưới, chỉ đủ số tiền "góp giỗ" ăn bữa cơm bình dân tại quán cóc. Chúng mình cho bà cụ số tiền ấy. Tâm trạng nặng trĩu ưu tư! Đêm ấy, anh đã thức trắng đêm để sáng tác tiếp "Bức Tranh Cuộc Đời".

Một mùa hè, sau ba năm trời gặp lại anh, tôi hỏi:

- Đi đâu mà cả nhà lếch thếch giữa thủ đô thế này?

- Mình chỉ còn nước treo cổ trước tòa nhà này mới hả giận...

- Trời hỡi, sao đến nỗi vậy anh?

- Mình đứng ngoài lề đường đã đành. Còn vợ mình, cũng là một cán bộ chính ngạch, cùng ba đứa con nhỏ này, lang thang như thế này ba năm rồi. Không được nhập hộ khẩu. Mình và hai đứa con không có sổ gạo, không tem phiếu, không có một căn buồng để chui ra chui vào...

- Anh làm gì để sống

- Làm hợp đồng cho Tuần báo *Thủ Công Nghiệp Thủ Đô*. Lương thấp quá, giá cả mua "chui" đắt đỏ. Buổi tối phải đi lắp xe đạp thuê.

- Bây giờ anh tính sao?

Anh không trả lời, đưa cho tôi xem quyển "Hộ khẩu tạm trú" đã nhàu nát và mấy dòng chữ "Trường hợp này không được nhập hộ khẩu vào thành phố Hà Nội. Trả về địa phương cũ" (tên của vợ và ba đứa con anh).

Anh dằn dữ: "Địa phương cũ"! Cái nơi họ đã định chặt què hai cái giò của tôi, họ đã cướp cơm của con tôi...!

- Đừng quá xúc động nữa anh. Bình tĩnh lại. Hay là anh chị và ba cháu về quê?

- Quê nào, quê vợ mình gốc Hà Nội chứ đâu. Còn quê mình nghèo lắm. Cả đời mình chỉ có cầm bút. Có tuổi rồi, không thể trở về với cày cuốc được.

- Chị ấy cũng là họa sĩ có tài trong Bộ Ngoại Thương kia mà?

- Thế mà, bầu trời này không dung nạp chúng mình. Đến cửa chính quyền nào, họ cũng hách dịch và đòi hỏi những điều mà mình không thể có. Không sao chịu nổi.

- Hay là ta vào Sàigòn đi anh? Dịp này tôi cũng tính đưa vợ con làm một chuyến tàu hỏa chuyển vào trong đó.

Như được tiếp sức, mắt anh sáng lên đồng tình với tôi.

- Mình có thể đi tận cùng trái đất này. Hành trang của mình chỉ có cái giá vẽ và hai bộ quần áo. Song còn vợ con. Nếu họ không có hộ khẩu, sổ gạo và tem phiếu thực phẩm, phiếu vải... họ sẽ đói rách, mình không cam lòng.

- Trời ơi, ông khờ quá ông nghệ sĩ ạ. Đời sống trong đó dễ thở lắm. Chính quyền trong đó cũng "thoáng" hơn. Tuy cùng một nước nhưng trong ấy phát triển kinh tế thị trường. Không theo chế độ bao cấp nặng nề như ngoài này. Anh em họa sĩ trong ấy có "đất dụng võ". Có vẽ tranh là có triển lãm. Có triển lãm là có khách hàng mua tranh. Nhiều họa sĩ ngoài Bắc trước đây nghèo kiết xác, nay đã làm chủ gallery, được giao lưu tranh pháo với nước ngoài...

Thế rồi, trong chốc lát, anh đã quyết định. Để chứng tỏ cho tôi tin cái "tư chất Bùi Quang Ngọc", anh xé ngay quyển sổ hộ khẩu tạm trú ra làm bốn mảnh, vứt xuống mặt hồ Hoàn Kiếm. Bốn mảnh giấy




*Bùi Quang Ngọc qua Trần Thanh Toàn*

trôi lềnh bềnh, lẫn vào đám rác rưởi và nước thải xủi tăm. Chị Vinh, người vợ đoan trang và gan góc của anh, nhìn theo tưởng bật khóc, nhưng không, chị mỉm cười cay đắng. Chị rất hiểu và đồng cảm với tâm trạng của chồng.

Ba đứa trẻ ngây thơ, nhặt những viên sỏi ném theo dòng nước trôi. Con Lệ Hoa bảy tuổi, khôn hơn, hỏi mẹ:

"Tại sao bố làm thế hả mẹ?". Chị nín lặng nhìn chồng.

Anh cười trong nỗi xúc động: "Em giải thích, con nó dễ hiểu hơn."

- Bố đã quá khổ vì mấy mảnh giấy đó, vất nó đi, chúng ta lại tìm đến một vùng đất mới, một bầu trời khác, may ra sẽ khá hơn con ạ!

TRẦN THANH TOÀN

Anh Toàn thân mến,

Bài viết của anh làm tôi suy nghĩ khá nhiều. Nó không thuần là nỗi lòng của một họa sĩ viết cho một đồng nghiệp, ở quê nhà. Nó mở ra trước mắt tôi một thế giới đầy bất an. Ở đó, có sự hiện diện của các anh, một lớp người, từng có thời dành hết tuổi trẻ, năng lực của mình để phục vụ cho một chính nghĩa, được dẫn dắt bởi một thần tượng mình hết lòng kính yêu. Để rồi, khi thành công, cái chính nghĩa ấy đã bị thực tế tàn nhẫn dập vùi, đến nỗi phải *"đứng ngoài lề đường", "không sổ gạo, không tem phiếu, không có một căn buồng để chui ra chui vào"*. Và dù là nghệ sĩ tài năng, đã vẽ hàng trăm tranh tường, tranh hoành tráng nhằm *"phục vụ công chúng và chế độ"*. (Thật chẳng khó khăn gì để hình dung những bức tranh ấy chuyên chở cái gì. Lại những nhà máy có cột khói nguy nga bề thế; những công nhân với quần áo bảo hộ tươi cười vươn những cách tay cuồn cuộn bắp thịt, hăng say lao động; những goong tàu ăp ắp than đen có người bẻ gi mặt mày cương nghị, đôi mắt sáng quắc nhìn xoáy vào tương lai dưới vành mũ rộng... Thật là những tác phẩm tràn đầy lạc quan!) Thế nhưng giờ đây, người nghệ sĩ ấy *"buổi tối* (vẫn) *phải đi lắp xe đạp thuê"* sống thoi thóp qua ngày

Đã có hàng nghìn, hàng vạn sự thật buốt đau như thế, in dấu hằn sâuđậm trên dòng lịch sử Việt Nam gần nửa thế kỷ qua. Thật chẳng vui vẻ gì khơi lại. Nhưng có lẽ cũng phải một lần can đảm trực diện. Trực diện, không phải để căm thù. Chỉ để, qua đó, chúng ta ý thức được trọn vẹn sự phi lý của mọi biến cố, thấy rõ được mặt trai sần sùi của một tấm mề đay, hầu cùng góp tay cải tạo và xây dựng lại.

Một nhà văn vừa đến đất Mỹ, tác giả của nhiều tác phẩm lừng lẫy một thời tại miền Nam; người tù cải tạo mười bốn năm với tám năm sáu tháng ròng bị nhốt dưới hầm tối, mỗi ngày chỉ được "dinh dưỡng" bằng vài trăm hạt bắp (nếu đem những khổ nhục được mô tả trong *The Guilag Archipelago; The First Circle* thì kinh nghiệm của Solzhenitsyn ở các trại tù đã bị nhà văn này "qua mặt" rất xa), đã có một nhận xét rất sâu sắc về một lớp người, mà ta có thể xem Bùi Quang Ngọc là điển hình. Anh nói: So với chúng ta (tức những người tù như anh), họ (tức lớp người như Bùi Quang Ngọc) còn đáng thương

hơn nhiều. Bởi vì chúng ta thua, chúng ta phải trở thành tù nhân của họ, giản dị và minh bạch. "Tôi đi tù, và tôi biết tại sao tôi đi tù. Trong khổ sai nhục nhằn, tôi vẫn còn ý thức tôi đã sống và chiến đấu cho một cái gì, khi "cái gì" đó bị nghiền nát bởi kẻ chiến thắng, tôi trở thành tù nhân, kể, cũng là chuyện tất nhiên, hợp lý. Sở dĩ tôi còn tiếp tục sống được, dưới lòng đất, suốt tám năm không nhìn thấy một tia sáng, không nghe thấy một tiếng động, với xúc giác, vị giác, thị giác đã hoàn toàn tê liệt, có lẽ chính nhờ tôi nhìn ra sự hợp lý kia, và tôi chấp nhận nó, cùng với lòng tự hào rằng tôi đã sống như một chiến sĩ, đã trả nợ tù đày như một chiến sĩ, và nếu một hôm nào đó, tôi chết, thì cũng sẽ chết như một chiến sĩ. Còn họ, những người chiến thắng, những người đã từng đem hết tuổi trẻ, tài năng, nhiệt huyết cống hiến cho một lý tưởng. Trong số họ - phải công bình nhận xét - có rất nhiều kẻ có lòng thực sự, yêu nước thực sự, thiết tha với một thế giới "đại đồng" sẽ tựu thành trong tương lai, nhờ sự hy sinh và đấu tranh của họ. Nhưng khi đã chiến thắng rồi, đã nhìn rõ thực tế rồi, họ lại bị rơi xuống cái hố sâu không đáy của thất vọng, thậm chí tuyệt vọng. Như bố tôi, như những người cùng thời với ông. Họ đang sống lơ lửng giữa quá khứ hào hùng và hiện thực đắng cay. Họ là những kẻ "chân không chấm đất, cật chẳng đến trời". Họ bơ vơ, bất hạnh, khốn đốn với môi trường đang sống, đã đành, còn bơ vơ, bất hạnh, khốn đốn với chính bản thân mình nữa. Họ không thể phủ nhận quá khứ. Bởi vì cái quá khứ này, xét trên bình diện nào đó, rất đáng tự hào. Có gì sai trái để mà phủ nhận? Đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập thống nhất cho dân tộc. Chính nghĩa lắm chứ. Xứng đáng để tự hào lắm chứ. Nhưng từ thành quả đó, lẽ ra đất nước sẽ "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc" đến chỗ phồn vinh, no ấm, thì càng lúc càng trở nên tồi tệ hơn, tha hóa hơn, nhọc nhằn hơn. Kẻ có quyền thế trở thành một lớp "quan lại mới", tham ô, nhũng lạm, hống hách, bóc lột đến vô đạo. Bọn dân đen thì bị siết chặt đến tàn hơi giữa vòng áo cơm và thống trị. Đất đai, sông ngòi, tài nguyên bị chia chác, cho thuê mướn, đổi bán không chút tiếc thương. Tệ nạn xã hội, cái xấu, cái ác được dung dưỡng trong môi trường đói khổ có cơ hội triển nở đến mức chóng mặt, đến mức các "đơn vị" như nhân cách, phẩm giá trở thành những giá trị âm. Hiện thực đó, đối với những con người "lý tưởng" kia, làm sao chấp nhận được? Làm sao chấp nhận được khi rõ ràng, trước mắt họ, cái lý tưởng từng ôm ấp, cưu mang, sống chết một đời bỗng chốc rã tan, bèo bọt. Làm sao chấp nhận được, khi cả chuỗi dài mấy mươi năm, cả một thời thanh niên rồi trung niên, đã hy sinh, đã chiến đấu, đã đổ máu, đã vuốt mắt bao nhiêu bằng hữu, đã vùi nông bao nhiêu "đồng chí", nay, phải cúi đầu tủi thẹn: vô ích. tất cả đều vô ích. Vô ích những máu chảy thành sông, những xương chất thành núi, vô ích những chủ nghĩa, những lý tưởng, những lãnh tụ... Tuổi họ quá già để có thể có được cái khí phách của kẻ trượng phu: dám can đảm phủ nhận chính mình!. Tâm trạng "bỏ thương vương tội" này đã và sẽ còn giằn xé trong nội tâm họ, không phải một năm, hai năm, hay thậm chí mười bốn năm, như tôi, mà là suốt đời.

Suốt đời! Cái nỗi đau, cái hình phạt dai dẳng ấy, không khủng khiếp sao?"

Anh Toàn,

Tôi tin nhà-văn-mười-bốn-năm-cải-tạo của chúng ta, khi phân tích rạch ròi như trên, về một lớp người, chắc chắn không phải để "sướng", rằng "ngươi thắng ta đấy, nhưng đã chắc gì ai khổ hơn ai?". Hình như anh ấy có nói thêm với tôi: "Xét cho cùng, thảm kịch của quê hương phải được xem là thảm kịch chung. Nói "ai tội lỗi hơn ai", "ai khổ đau hơn ai" là chưa thực sự... đạt đạo. Phải nghĩ rằng, đó là nỗi... oan khiên tiền kiếp, chẳng may chúng ta, thế hệ chúng ta, tuy không vay mà đành phải trả. Và khi đã ý thức được điều ấy rồi, chúng ta nên cùng nhau tìm cách giải trừ. Khơi lại quá khứ, để xem nó như một kinh nghiệm đau thương cần phải vượt qua, thì được, nhưng khơi lại quá khứ, để nuôi dưỡng mãi ngọn lửa căm thù, thì tôi e rằng đất nước còn trầm luân không biết đến bao giờ."

Tôi hoàn toàn đồng ý với nhà văn bạn tôi. Và mong người họa sĩ *"đứng ngoài lề đường", "không sổ gạo, không tem phiếu, không có một căn buồng để chui ra chui vào"* kia đã có một mái nhà, đã đặt được cái giá vẽ của anh ở một góc nào đó, thật nhiều ánh sáng, và đã đủ tiền mua những ống sơn, những cây cọ, tiếp tục đi hết "con đường sạn đạo" anh đã chọn. Tôi cũng mong anh sẽ không còn vẽ những chân dung lãnh tụ, những bức tranh hoành tráng *"phục vụ công chúng và chế độ"* nữa. Những cái ấy nghìn lần không thật, những cái ấy chỉ là ảo vọng, là "ma túy, là "thuốc ngủ". Người ta không thể sống triền miên trong trạng thái vật vờ với ảo giác được tạo nên bởi khói thuốc phù dung. Người ta không thể mải miết đánh lừa mình, đánh lừa tha nhân bằng những lát bánh vẽ chỉ có trong ước mơ... Hãy trở về với thực tại, hãy đứng vững chãi bằng đôi chân, trên mặt đất, và hãy dồn hết tài năng, kinh nghiệm của mình cho một mục tiêu duy nhất: làm phong phú thêm cuộc đời này bằng thứ nghệ thuật tinh tuyền nhất, nhân danh cái đẹp. Ai đó từng nói: "Chính cái đẹp sẽ cứu rỗi nhân loại".

Vâng, "chính cái đẹp sẽ cứu rỗi nhân loại" ra khỏi vòng oan khiên của cái ác cái xấu.

*Ngày 8 tháng 4 năm 1994*

Tuần vừa qua tôi đến Washington tham dự buổi khai mạc phòng triển lãm của Đinh Cường và "Đêm Mai Thảo", do anh chị em văn nghệ sĩ và thân hữu của hai hai vị này tổ chức.

Vui, rất vui. Vì gặp được hầu hết những anh chị em cầm cọ cầm bút ở Canada, ở Texas , ở Minnessota, ở nhiều tiểu bang khác ... tụ về, và ở ngay địa phương.

Phòng triển lãm Đinh Cường khá thành công. Trên dưới một trăm bức tranh sơn dầu bày chật căn phòng rộng. Vẫn nét cọ nhẹ nhàng với những

nhân dáng thiếu nữ mềm mại. Vẫn những "gam" màu trầm ấm trong một không gian rất Đinh Cường: không gian của thơ ca. Điểm đặc biệt: bên cạnh những bức tranh "có hình thể", thấy thấp thoáng vài tác phẩm trừu tượng. Đặc biệt hơn nữa: trên dưới 20 chân dung các văn nghệ sĩ, thuộc mọi ngành, được tác giả ghi lại, cũng bằng sơn dầu. Nhiều bức rất "đạt": chân dung họa sĩ Thái Tuấn, thi sĩ Bùi Giáng, nhà văn Mai Thảo... Phòng tranh tuy chỉ mở cửa đúng hai ngày, nhưng vào lúc bế mạc, đã có gần một phần ba tác phẩm được khách thưởng ngoạn chiếu cố.

"Đêm Mai Thảo" cũng thành công không kém. Ngót 300 người ngồi kín chật chu vi một nhà hàng lớn, lắng nghe các diễn giả nói về Mai Thảo, và nghe chính Mai Thảo - vẫn bằng chất giọng cố hữu: nửa bông đùa nửa nghiêm trang - nói về... mình. Không khí tươi vui, thân mật, đằm thắm tình bằng hữu. Nhiều tuần, nhiều ngày trước đêm khai mạc, các anh chị em trong ban tổ chức tuy không nói ra nhưng đều thầm lo đêm vui sẽ không được trọn vẹn, vì sức khỏe của nhà văn Mai Thảo trong vài tháng trở lại đây bỗng kém hẳn, ông thường không thể ngồi lâu ở những nơi đông đúc, đậm đặc khói thuốc và tiếng động. Vậy mà, gần bốn tiếng đồng hồ kể từ lúc khai mạc, nhà văn Mai Thảo vẫn... rất khỏe, nghĩa là vẫn có thể bước lên bục gỗ bằng những bước chân khá vững chải, và vẫn tiếp tục, sau đó, đốn ngã nốt chai Cognac còn lại trên bàn, trước khi ra xe cùng anh em đến một nơi khác... bày tiếp cuộc vui.

Một tuần ở miền Đông, một tuần cùng bằng hữu, với những cuộc rượu không bao giờ chấm dứt trước bốn giờ sáng, với thời tiết bắt đầu vào thu, se lạnh. Cái thời tiết nghe nói đẹp nhất trong năm, đẹp, như đất trời tạo vật rồi sẽ đẹp, chỉ vài ngày tới. Những cành cây trơ nhánh khẳng khiu kia, những thảm cỏ vàng úa ấy, chỉ một đêm, sáng ra, đã thấy xum xuê chồi non bung nở, đã thấy hoa cỏ vàng rợp vô số sắc độ kỳ ảo.

Tôi chưa đến miền Đông vào giữa mùa thu, chưa đối diện với cái đẹp "đến bàng hoàng, ngẩn ngơ thần trí" của mùa thu. Cũng có nghĩa, nơi chốn ấy, trong tôi, vẫn còn rất mới, và vẫn sẽ là điểm hẹn, cho những lần gặp gỡ tới.

*Ngày 10 tháng 4, 1994*

Hợp Lưu nhận được thư ngỏ sau đây, nhận thấy việc lên tiếng của nhà văn Lệ Hằng là chính đáng, vậy xin đăng tải để ... rộng đường dư luận:

## THƯ NGỎ CỦA NHÀ VĂN LỆ HẰNG

Sau biến cố 1975, tôi rút vào yên lặng để sống còn và suy nghiệm. Thật lòng tôi không bao giờ muốn khuấy động cõi yên lặng này chút nào. Bao nhiêu oan ức tôi nuốt hết, giận dữ điên cuồng mấy tôi cũng nhai nghiến một

mình rồi chôn chặt trong lòng.

Bây giờ tôi buộc phải lên tiếng.

Từ lâu nay, tôi và rất nhiều văn nhân, thi sĩ, học giả, nhạc sĩ... đã là n
nhân của một số nhà xuất bản lộng hành ở hải ngoại từ năm 1975 đến giờ v
chưa thôi.

Các nhà xuất bản này núp dưới chiêu bài phục vụ đồng bào, bảo tồn v
hóa nước nhà, đã ngang ngược cướp công lao mồ hôi nước mắt của tác g
bằng cách in lại tác phẩm của họ mà không trả tác quyền, không xin phé
ngay cả một lời thông báo hay cám ơn cũng không. Trong khi tác giả đa
là những người kẹt lại ở quê nhà, đang khốn đốn, tù đày, túng thiếu và đ
khổ.

Mười ba tác phẩm của tôi sáng tác trước 30 tháng 4 năm 1975 đã được t
bản trong hoàn cảnh đó bởi các nhà xuất bản:

- ĐẠI NAM ở Glendale, California
- XUÂN THU ở Los Amitos, California
- SỐNG MỚI ở Westminster, California

Tôi đến Úc năm 1989. Thân hữu và đồng nghiệp đã loan tin trên các bá
các cơ quan truyền thông ở Hoa Kỳ và Úc Châu. Năm 1992, tôi sang Hoa K
nhiều cơ quan truyền thông thân hữu cũng loan tin. Chủ nhân của những c
gọi là "cơ sở văn hóa" đó chắc chắn phải nghe tin, nhưng tôi đã không nh
được một lời một chữ!

Năm 1975, Việt Nam Cộng Hoà bị xóa tên, những nhà văn, nhà thơ, h
giả... từng sống trong chế độ này cũng bị xóa tên. Không chỉ bởi kẻ chi
thắng mà ngay cả bởi những kẻ tự nhận là chống Cộng, nhanh chân lọt
nước ngoài bắt tay làm tiền rất nhanh chóng bằng con đường đạo tặc văn hó

Những kẻ này đã đặt đồng bào yêu văn học nghệ thuật vào thế vô tình m
đồ ăn cắp, chỉ vì họ cần những món ăn tinh thần bằng tiếng mẹ đẻ trong ki
sống lưu vong.

Hai tháng lưu lại tại Hoa Kỳ để lo xuất bản hai tác phẩm mới viết s
1975, tôi may mắn được gặp anh Huỳnh Lương Thiện, giám đốc cơ sở ấn lo
*Mõ Làng*. Anh Thiện đề nghị tôi hiệu đính cuốn *Như Sương Long Lanh*,
tác phẩm cuối trong dòng sáng tác trước 1975 của tôi vừa in xong, chưa k
phát hành thì Sài Gòn thất thủ. Anh Thiện ứng trước nửa số tác quyền v
hứa khi sách in xong sẽ thanh toán phần còn lại. Cảm kích bởi tấm lòng lươ
thiện và thiện chí của anh, tôi ký hợp đồng ngay ở Hoa Kỳ. Về Úc, tôi cặ
cụi sửa bản thảo. Cẩn thận hơn tôi viết lời tựa, gửi thêm ảnh của tôi để a
Thiện lo đánh máy, vẽ bìa, trình bày. Mọi việc gần hoàn tất, chỉ chờ nhà
lên khuôn. Nhưng rồi anh Thiện đi ngang một tiệm sách và bàng hoàng th
cuốn *Như Sương Long Lanh bày trên kệ sách, do nhà Sống Mới* tái bản và ph
hành khắp nơi. Anh Thiện thất vọng mua gửi cho tôi với lời than uất ngh
của một người có lương tri và thiện chí. Hành động đạo tặc văn hóa này th
đã làm ngã lòng kẻ công chính, yêu văn học như anh Thiện và đặt hai chú

tôi vào thế không giữ trọn lời giao ước.

Các nhà xuất bản không chỉ ăn cướp công của người viết, phá hoại thiện chí của kẻ có lòng như anh Huỳnh Lương Thiện, đặt độc giả vào thế phải mua đồ gian. Họ còn đẩy nền văn học tiếng Việt vào thế trì trệ thảm hại hơn. Bởi không ít thì nhiều, những người cầm bút cũng chùn tay khi nghĩ đến họ, biết họ luôn hờm sẵn để biến tác giả thành kẻ "đần độn", tự vắt khô tim óc mình để làm đầy túi tiền của họ!

Tôi không phải là nạn nhân duy nhất. Xin người đọc đừng nghĩ đây chỉ là một vụ tranh chấp quyền lợi cá nhân. Đây là một vấn nạn lớn cho những người có lương tri, những người đã là nạn nhân - và sẽ là nạn nhân, phải có thái độ với những kẻ tự mệnh danh đang "làm văn hóa" ngang ngược này.

Tôi lớn tiếng kêu gọi độc giả ở khắp nơi, kêu gọi các báo, các cơ quan truyền thông, các trung tâm, hiệp hội văn học nghệ thuật... Đã đến lúc chúng ta phải có thái độ với cái xấu xa ô nhục này. Nhắm mắt để cho một số nhà xuất bản ngang ngược hoành hành là làm di lụy văn hóa, không bút mực nào kể xiết.

Lòng thành của tôi mong được biết đến

Kính bút<br>
Nhà văn LỆ HẰNG<br>
*Sydney ngày 12.4.1994.*

*Ngày 14 tháng 4, 1994*

Giải Pulitzer năn nay, nhìn chung, có thể nhận thấy hầu hết đều nhắm vào các chủ đề nhân quyền, bảo vệ các quyền thiểu số, trẻ em, phụ nữ và quyền lợi của người nghèo. Năm nay, 14 trong số 21 giải được tặng cho ngành báo. Có 1.578 đề cử trong bộ môn báo chí, 737 cho bộ môn văn chương (thơ, tiểu thuyết, nghiên cứu...) và 116 cho bộ môn âm nhạc.

Báo *The New York Times* được tặng ba giải: 1) Loạt bài tường trình vụ nổ bom ở World Trade Center; 2) Loạt bài về trận lụt miền Trung Tây Hoa Kỳ; Và 3) Nhiếp ảnh viên Kevin Carter với bức ảnh chụp một bé gái Sudan gục trên mảnh đất chết đói với con diều hậu chờ mồi sẵn phía sau.

Báo *Chicago Tribune* được hai giải. 1) Loạt bài quan điểm của R. Bruce Dold về một cậu bé 3 tuổi bị mẹ giết, từ đó tác giả phê phán sự khiếm khuyết của hệ thống an sinh xã hội khi đối phó với các trường hợp tương tự. 2) Loạt bài của Ronald Kotulak về những phát triển trong khoa học về não bộ.

Báo *Dallas Morning News* thắng giải tường trình quốc tế nhờ loạt bài khảo sát nạn bạo hành phụ nữ trên thế giới.

Giải tường trình quốc gia về tay phóng viên Eileen Welsome của tờ *Albuquerque Tribune* về tội ác thử nghiệm phóng xạ trên các nạn nhân cách đây 50 năm của chính phủ Mỹ .

Giải nhiếp ảnh thời sự được trao cho Paul Watson của tờ *Toronto Star,*

chụp cảnh một lính Mỹ bị kéo lê trên đường phố Somalia.

Giải điều tra tặng cho cho tờ *The Providence (R.I.) Journal-Bulletin*, đã khám phá các vụ tham nhũng, lạm quyền ở tòa án Rhode Island.

Giải kịch nghệ về tay kịch tác gia Edward Albee - 66 tuổi - qua vở *Three Tall Women*. Đây là giải Pulitzer thứ ba Albee nhận được. Năm 1967, lần đầu, với vở *A Dedicate Balance*, năm 1975, lần thứ hai, với vở *Seacape.*

Giải thi ca về tay nhà thơ Yusel Komunyakaa, một thi sĩ da đen từng dạy tại trường trung học Bogalusa, L.A., hiện là phụ khảo Anh ngữ tại Đại học Indiana, với tác phẩm *Neon Vernacular*. Một tuần trước đó, nhà thơ này cũng đã được trao giải Kingsley-Tufts tại Đại học Claremmont.

Về tiểu thuyết, được trao cho E. Anne Proulx với tác phẩm *The Shipping News*. Cũng chính tác phẩm này đã đoạt giải National Book Award năm 1993.

Tính đến nay, Giải thưởng Pulitzer được trao lần thứ 77, kể từ lúc thành lập, 1915.

*Ngày 15 tháng 5, 1994*

Một tin làm bàng hoàng giới cầm bút: nhà văn Lewis Puller Jr., giải Pulitzer năm 1992 (với tác phẩm *Đứa Con May Mắn* (Fortunate Son) vừa quyên sinh, bằng súng, tại nhà riêng ở Fairfax, Virginia.

Là cựu chiến binh TQLC, từng tham dự chiến tranh Việt Nam, bị cụt hai chân vì đạp mìn. Trở về Hoa Kỳ, ông đã cố gắng vượt qua nghịch cảnh, để trở thành một nhà văn, tác phẩm *Đứa Con May Mắn* là một tự truyện về kinh nghiệm cay đắng mà chiến tranh đã in vết hằn quá sâutrong cuộc đời ông, du ông vào thế thường xuyên chống cự với sự khủng hoảng tinh thần, đã biến ông thành một kẻ nghiện rượu. Ông viết: "*kinh nghiệm cay đắng vẫn chưa qua đi, tôi có thể đã không muốn nó qua đi, nó đã hết sức trầm trọng*".

Puller tốt nghiệp cử nhân Anh văn năm 1967 từ William and Mary College trước khi vào TQLC. Ông cưới Linda Ford Toddy năm 1968. Ngày Pullee lên đường sang Việt Nam, Linda đang mang thai cháu trai ba tháng. Sự nghiệp quân ngũ của Puller chấm dứt khá ngắn ngủi, với hậu quả là chiếc xe lăn, cùng bàn tay phải cụt hai ngón cái và nửa ngón trỏ. Bác sĩ quân y của ông đã viết: "*Lúc ấy tôi băn khoăn, liệu cứu sống ông là một điều phải?Tôi chưa bao giờ thấy một bệnh nhân mang thương tích trầm trọng như thế mà vẫn có thể sống được.*"

Vợ ông, bà Toddy, đã chăm sóc và giúp đỡ ông hoàn tất văn bằng luật năm 1974, bà cũng là người giúp ông bỏ được chứng nghiện rượu, cũng như đã vận động cho Puller trong kỳ tranh cử (thất bại) năm 1978 vào Quốc Hội. Hai người có thêm một đứa con gái.

Mặc dù không bao giờ Puller tham dự các vận động phản chiến, nhưng ông vẫn tỏ ra cay đắng với chính phủ Nixon, thường bộc lộ tình cảm về các

chiến binh đã tử trận ở Việt Nam. Puller đã từng nghĩ đến việc ném bỏ những huy chương chiến công, nhưng rồi ông vẫn giữ lại vì "*tôi đã trả một giá quá đắt để có được chúng*". Ngày Sàigòn thất thủ, Puller cay đắng: "*Tôi đã mất hai chân và nhiều bằng hữu tốt, chỉ để không tới đâu cả!*".

Cuộc vận động xây Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Chiến Cuộc VN là biểu tượng cho việc tái kiến trúc cuộc đời ông. Ông đã hiện diện với mũ rừng gắn huy chương trong ngày lập đài. Bất cứ ở đâu, Puller cũng bị ám ảnh bởi những ngôi chùa Phật giáo, nơi trung đội ông thường vào tránh cái nắng đổ lửa của khí hậu nhiệt đới. ông viết: "*Người Việt dùng đèn cầy, trầm hương, chén cơm, ngay cả thuốc lá bạc hà (Salem) để vinh danh người chết, như chúng ta thường đặt vòng hoa, bài thơ, huy hiệu, giày trận và bình bi đông dưới chân tường Đài Tưởng Niệm. Những hình ảnh này làm vỡ tim tôi...*"

Điều đáng lưu ý: năm ngoái, Puller đã trở lại Việt Nam, với dự kiến lập một đài tưởng niệm các nạn nhân chiến tranh VN, trong đó có "đài tưởng niệm sống": một ngôi trường, mà vừa đây, các cựu chiến binh lập kế hoạch ghi công cho nhà văn Puller: Họ sẽ lấy tên ông đặt cho ngôi trường ấy, sẽ xây ở vùng trước kia là phi trường quân sự của quân đội Đồng Minh. Terry Andesson (cũng là một cựu chiến binh Việt Nam, người từng bị bắt làm con tin ở Lebanon), lên tiếng: "*Lewis đã hết lòng cho dự án và sửa soạn nhìn lễ đặt viên đá đầu tiên. Chúng tôi sẽ xây ngôi trường và hoàn thành giấc mơ đó của ông*"

Một người đã đi qua chiến tranh, đã bị chiến tranh chém sâu những vết thương không thể tẩy xóa, đến phải tìm tới cái chết, vẫn cố tìm về mảnh đất oan khiên kia, mong đem tình thương xóa bỏ hận thù, dù ông ta không cùng có chung với kẻ thù một dòng máu. Hỏi những kẻ thề phanh thây xé xác "quân thù", nghĩ gì về hành động của Puller?

KIM THI

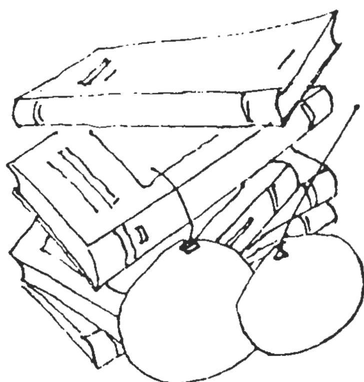
# CHIA VUI

Ban biên tập Hợp Lưu thành thật chia vui cùng
Họa sĩ **Lâm Triết** và chị **Hà Huy Nga**
nhân ngày thành hôn của trưởng nữ
Agnes NGUYỄN QUỲNH LY
với trưởng nam của ông bà **Trần Xích** là
Phaolô TRẦN NGỌC HOÀN
Hôn lễ đã cử hành tại Canada ngày 16 tháng Tư 1994 vừa qua
(Tức ngày 6 tháng 3 năm Giáp Tuất)
Cầu chúc hai cháu LY—HOÀN hạnh phúc mãi mãi



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

# giới thiệu sách mới



**NGƯỜI ĐI TÌM MẶT**, thơ Hoàng Hưng, bìa 1: Phỏng theo Gottfried Ronegger, bìa 4: chân dung tác giả, ảnh Dương Minh Long. Văn Hóa Thông Tin xuất bản tại Việt Nam. Không ghi giá bán.

Theo Nguyễn Đỗ trong lời bạt thì Hoàng Hưng *"Quậy ngôn từ chưa từng có (...) Nhưng, và nhưng. Lại có một Hoàng Hưng cổ điển (hay mẫu mực, hài hòa, nhuần nhị) (...) Cùng khá nhiều bài thơ có vần, có lục bát, có cỏ may, có hương khói, có mưa đêm, có trăng vàng, có phân rác, gạch ngói... Và nhất là phần lớn các bài thơ rất chặt về bố cục, hài hòa câu chữ, chất keo liên ý thi thoảng vẫn chủ động dắt dẫn tiến trình xúc cảm.*

*"Có một dữ dội trong một hiền bình. Có một phá phách trong một cam chịu...*

Trên tạp chí này, đã hơn một lần chúng tôi giới thiệu thơ Hoàng Hưng, và đã nhận được nhiều phản ứng trái ngược từ độc giả: có người thích, có người lắc đầu: "không có... vần(!!!), chẳng phải thơ". Ông Hoàng Hưng ơi, "cách mạng" làm gì cho nó khổ tấm thân, cứ *bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng* cho nó... xong chuyện!

**BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC MÌNH**, thơ Trần Vàng Sao. Tân Thư xuất bản. Bìa Khánh Trường, phụ bản đen trắng Khánh Trường, phụ bản màu Lê Bá Đảng, Lâm Triết, Nguyễn Phước, Hứa Thanh Bình. In trên giấy quí màu mỡ gà nhạt. Giá 8MK.

Tuyệt vời về hình thức và... ứa nước mắt khi đi sâu vào nội dung.

Thơ Trần Vàng Sao không màu mè chữ nghĩa, không gọt đẽo câu cú. Ông cố tình giản dị đến mức tối đa khi chọn lựa, sử dụng ngôn từ. Chính sự trần trụi, thôn nhám này, cộng với ngồn ngộn mọi thứ chất liệu rất tươi, rất sống được ông trưng ra, và không phẩm bình, không để cảm xúc chủ quan dự phần, đã làm cho những câu thơ, những bài thơ của ông cồm cộm, gai gai, ·xương xẩu, trơn nhớt, thật như đời sống, thảm thiết như đời sống, và cực cùng thô bỉ như đời sống.

Có nhà văn hải ngoại bảo: đây không phải là thơ, đây là tiếng khóc nghẹn ngào của thân phận một con người trong trùng vây thảm kịch.

Đã rất lâu, chúng ta mới có được một tập thơ gây nhiều ấn tượng như vậy, khi đọc xong.

Từ lâu, các nhà sách không nhận bán thơ. In thơ, đồng nghĩa với... đốt tiền. Nhưng nếu có được một tập thơ đáng đọc, há chẳng hạnh phúc lắmsao? Độc giả yêu sách quí, xin đặt mua trực tiếp với nhà xuất bản *Tân Thư.* P.O. Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA. Nếu mua bằng hạng nhất, trong nội địa Hoa Kỳ: 10MK. Các quốc gia khác: 12MK.

**Ở CHỐN KHÔNG QUEN**, tập truyện Nguễn ý Thuần. Thời Văn xuất bản. Bìa Khánh trường. Giá 10MK.

Tác phẩm thứ 4, sau *Tối Tháng Năm Ở Quán Ăn Đường Fifth* (tập truyện), *Sợi Chỉ Trong Hồn* (truyện dài), *Người Lính Còn Lại* (tập truyện.

Đã có một thời Nguyễn Ý Thuần được giới cầm bút và độc giả đánh giá là một trong rất ít những nhà văn "trẻ" (trẻ, hiểu theo nghĩa mới cầm bút trên dưới mười năm nay, tại hải ngoại) có bút lực và bản sắc độc sáng.

Bây giờ, dù rất bận rộn với chuyện áo cơm (ông làm việc không dưới 16 tiếng mỗi ngày tại xưởng in của ông), nhưng chúng ta vẫn thấy ông xuất hiện khá đều đặn trên văn đàn, và cái bút lực, cái bản sắc độc sáng ấy hình như vẫn còn tỏa chiếu trên từng trang chữ. Truyện Nguyễn ý Thuần trong sáng, giản dị, chỉ nói vừa, nói đủ, nói được những điều muốn nói. Hiểu cách khác: Nguyễn ý Thuần luôn làm chủ được ngòi bút của mình. Một điều, hình như không phải dễ, nếu không có một nội lực vững vàng, một "tay nghề" nhuần nhuyễn.

**SƠ LƯỢC VỀ THỂ THƠ LỤC BÁT**, biên khảo của Phạm Văn Hải. tác giả xuất bản tại Falls Church, Virginia, 1994. Không ghi giá bán.

Là tiến sĩ ngôn ngữ học, là tác giả của nhiều truyện ngắn đăng rải rác trên các tạp chí văn chương, từng gây ít nhiều xôn xao vài ba năm trước. Lần này, qua *"Sơ Lược Về Thể Thơ Lục bát"*, Phạm Văn Hải đi vào lãnh vực biên khảo. Ông bàn về "thể thơ lục bát", một thể thơ rất cổ xưa và rất phổ thông đối với người Việt chúng ta. Qua biên khảo này, chúng ta được tác giả dẫn dắt, từ cách gieo vần, ngắt câu, sử dụng bằng trắc... rất cổ điển của ca dao,

của những nhà thơ xưa, đến những biến cách tân kỳ, mới lạ của các thi sĩ hiện đại, bằng một văn phong trong sáng, giản dị, chừng mực, làm cho, dù là biên khảo, người đọc vẫn không cảm thấy... nhức đầu. Phải chăng đó là một thành công?

**TỔNG DANH MỤC NHẠC VIỆT 1994**, ấn hành bởi VN COMMUNICATION & DISTRIBUTION. Giá 15MK.

Ấn phẩm định kỳ hàng năm gồm danh mục tổng hợp các băng nhạc, CDs, Laser Dise, Video v.v... của các trung tâm băng nhạc tại hải ngoại. Tổng danh mục này sẽ còn được bổ sung bởi các bản Bổ Túc mỗi ba tháng (mỗi bản bổ túc thêm 2MK, sẽ được gởi đến tận nhà trong vòng hai tuần sau khi đặt mua).

Cuốn *Tổng Danh Mục Nhạc Việt* sẽ là nhịp cầu giữa các nhà sản xuất và người mua nhạc, giữa ca sĩ và người thưởng ngoạn.

Sách dày 550 trang, khổ lớn (8"5 X 11"), được trình bày sáng sủa, khoa học, dễ tìm và tương đối đầy đủ (tôi nói tương đối, vì xem kỹ, vẫn thấy thiếu nhiều tác giả, tác phẩm,nhất là những tác giả tác phẩm tự sản xuất, phát hành).

**TÌNH CA**, Phan Nguyên Anh. tác giả xuất bản. Không ghi giá bán.

Thi sĩ Du Tử Lê viết về tập nhạc này, như sau: *Những cảnh tượng đi qua, những con đường bỏ lại, những đêm nguôi, những chiều sóng, những bàn tay, những môi mắt, những dáng ngời, những tóc bay và ngay cả những cỏ cây, cầm thú trong trong vùng địa lý âm nhạc Phan Nguyên Anh, trong cảm nhận tôi là một tách biệt, là một thoát lìa rất rưng rưng, khỏi những khuôn thước cũ.*

Và nhạc sĩ Trần Quảng Nam: *Ta có thể tìm thấy ở nhạc Phan Nguyên Anh một ít gì rất quen thuộc, mà còn rất nhiều mới lạ; cái mới lạ ấy đã đem được những chất ngất chứa chan trong những gì anh muốn nói với chúng ta, một cách gần như là vẹn toàn.*

Liên lạc: Phan Nguyên Anh. P.O.Box 21587. San Jose, CA 95151 - 1587. USA.

**THƠ BÙI GIÁNG.** Bìa Nguyễn Đồng. Thế Kỷ xuất bản. Giá 8MK.

Nói đến thơ Bùi Giáng, nói về sự nghiệp thi ca của "gã cuồng sĩ" này, chắc chắn không thể thu tóm trong một đoạn ngắn của mục *Giới Thiệu Sách Mới*. Chỉ xin giới thiệu sơ lược, đây là tập thơ thứ hai được Bùi Giáng cho ra đời tại hải ngoại, và thơ ông, dù đã trải qua lắm bể dâu, vẫn còn giữ, có lẽ mãi mãi, nét múa lượn tài hoa như thuở còn là "trung niên thi sĩ".

**THƠ MÙA GẶT**, Carl Sandburg. **CÁCH DÙNG**, Jiri Kolar. **TRÁI CẦN NÀO LƯU LÃNG**, Eric Vold Jan. **MƯỜI TÁM BÀI CA NHỎ CHO TỔ QUỐC ĐẮNG CAY**, Yannis Ritsos. **GHI BẰNG BÚT CHÌ TRONG TOA TÀU NIÊM**

**KÍN**, Dan Pagis. **ARS MORIENDI HAY BẢY CÁCH CHẾT**, Georg Johannesen. Sáu tập thơ của sáu tác giả đều được dịch bởi Diễm Châu. Trình Bầy xuất bản. Không ghi giá bán.

Trong vài năm trở lại đây, nhà xuất bản Trình Bầy của thi sĩ Diễm Châu đã liên tiếp cho ra đời vài chục tập thơ của các thi sĩ lừng lẫy thế giới, cũng như không quên giới thiệu những tiếng thơ Việt Nam tiêu biểu. Việc làm này, như chúng tôi từng nói đến nhiều lần, nếu không có một tấm lòng yêu mến thơ ca vô hạn, chắn chắn không thể làm nổi. Rất tiếc, bởi khả năng hữu hạn, và bởi "đất đai eo hẹp", chúng tôi không thể giới thiệu chi tiết những công trình quí hóa này cùng bạn đọc. Rất mong những vị đã và đang hệ lụy mật thiết với thơ ca, hãy bỏ ra ít thì giờ "vàng ngọc", viết về công việc "vác ngà voi" này của thi sĩ Diễm Châu. Thứ nhất, để ghi ơn một con người đã dành trọn, có lẽ, phần đời còn lại của mình cho thơ ca. Thứ hai, cũng là cách bảo tồn những hạt trân châu quí báu và hiếm hoi này không bị mai một. Hỡi các ông Chân Phương, Phạm Việt Cường, Đỗ Kh., Khế Iêm, Đỗ Quí Toàn..., các ông đang ở đâu?

**HOMELAND MIRRORED IN YOUR EYES (NHÌN NHAU CHỢT THẤY RA SÔNG NÚI)** thơ Du Tử Lê, phần Anh ngữ được chuyển bởi Phạm Trọng Lệ và Lê Trọng Huấn. Bìa Võ Thạnh Đông. Chân dung tác giả Nguyễn Bá Khanh, Phan Phi. Phụ bản Đinh Cường, Dương Ngọc Sum, Nguyễn Tín. Khánh Trường. Nhạc Trần Duy Đức, Hoàng Minh Hiếu, Từ Công Phụng, Lê Văn Thành, Hoàng Xuân Giang, Song Ngọc. Ngoại tập Mai Thảo, Bùi Bảo Trúc. Giá 10MK.

Hình như tại hải ngoại, Du Tử Lê là một trong vài thi sĩ có thơ bán chạy nhất. Và hình như cũng tại hải ngoại, Du Tử Lê là nhà thơ có sức sáng tác dồi dào nhất, phong phú nhất, khai phá và tìm tòi nhiều nhất. Cũng hình như tại hải ngoại (có thể cả trong nước) thơ Du Tử Lê được phổ nhạc nhiều nhất. Liên tiếp trong hai năm vừa qua, ông đã cho đời ba thi tập (tất cả đã được tái bản trong một thời gian kỷ lục, dù số lượng in, có tập, trên hai nghìn bản). Tập thơ mới này được hình thành trong những tháng ngày người thi sĩ của chúng ta (như cái tên... tiền định: Du Tử... Lê) đã lang thang không ngừng hết tiểu bang này đến tiểu bang khác, hết quốc gia này sang quốc gia nọ với một hành trang... giàu nhất thế giới: một bộ quần áo trên người và một trái tim đầy... thơ! Có lẽ vì vậy, trong tập thơ này, chúng ta bắt gặp rất nhiều những tên tuổi bằng hữucủa ông ở mọi miền mọi xứ. Và cũng chính vì vậy, trong tập thơ này, ngoài những tìm kiếm mới lạ trong cấu trúc của chữ, của câu, của đoạn, ta còn thấy, bàng bạc, những tình cảm rất riêng mà Du Tử Lê đã dành cho người này kẻ nọ. Tuy "riêng", nhưng qua ngôn ngữ thơ ca Du Tử Lê, đã biến thành "chung", chắc chắn rồi đây những tình nhân, những bằng hữu sẽ đọc cho nhau nghe, như từng đọc cho nhau nghe, những câu thơ đã trở thành... ngạn ngữ: *Ở chỗ nhân gian không thể hiểu; Chấm dứt luân hồi em*

*bước ra; Đi với về cùng một nghĩa như nhau...*

**CON ĐƯỜNG TRƯỚC MẶT**, bút ký của Nguyên Lương. Bìa Khánh Trường. Tân Thư xuất bản 1994. Giá 12MK.

*Những bài ký đó, trước kia nằm rải rác trên Hợp Lưu, Trăm Con, Giao Điểm, cùng một vài tờ báo ở hải ngoại dưới các bút hiệu khác nhau, nay được tập hợp lại trong một cuốn sách. Trước hết, là như những thông tin riêng nhưng nay đã trở thành chung, và sau đó, là như một cống hiến nhỏ trong nỗ lực lớn của cả một dân tộc đang từng ngày xây đắp một sinh lộ cho tổ quốc.* (Đỗ Hữu Tài, Tựa)

Là một chuyên gia, Nguyên Lương không đặt chủ đích "làm văn chương'. nên ngôn ngữ của anh giản dị, mộc mạc, cốt chở ý hơn là trau chuốt chữ nghĩa. Nhưng chính nhờ thế, đã tạo ấn tượng rất đậm trong lòng người đọc. Qua tập bút ký này, ta thấy rõ được tấm lòng của một người đối với quê hương mình, cũng qua tập bút ký này, nhiều lúc ta rơi nước mắt trước những thảm trạng của một vùng đất từng sinh ra ta, từng nuôi ta lớn lên.

Nếu so với những *Hồi Ký* chất ngất hờn căm, chập chùng thù hận, của một số tác giả trong cũng như ngoài nước, thì *Con Đường Trước Mặt* như một dải suối trong, rất bình dị, rất khiên nhường, chảy quanh co giữa bụi bờ lau lách, nhưng đã làm xanh biết bao ngọn cỏ bờ cây, làm màu mỡ biết bao đất đai khô cằn, và làm mát lòng biết bao tâm hồn khát bỏng tình quê.

Mua sách, liên lạc với nhà xuất bản *Văn Nghệ* hoặc *Tân Thư.*

**CA KHÚC VĂN CAO**, nhạc Văn Cao, kẻ nhạc vi tính: Minh Tiến, Hồng Đô. Bìa 1: Lê Thanh Đức. Phụ bản Văn Cao. Ảnh bìa 4: Văn Cao qua David Alan Harvey. Nhà xuất bản Âm Nhạc, Hà Nội 1994. Giá 9500 đồng VN.

Văn Cao là một trong những nhạc sĩ nổi tiếng từ thời kỳ Tân nhạc Việt Nam mới phôi thai, với những nhạc phẩm bất diệt: *Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Trương Chi, Suối Mơ, Đàn Chim Việt...*

Là người làm thơ, nên lời ca của ông được gọt giũa rất kỹ, hình ảnh đẹp, uyển chuyển. Cũng là họa sĩ, nên giai điệuchịu ảnh hưởng rất sâu sắc hội họa... Ảnh hưởng này thấy rất rõ trong hầu hết mọi ca khúc của Văn Cao, điển hình như Trường ca *Sông Lô*. Ở đây, những chuyển điệu cố ý của tác giả được nối tiếp một cách nhuần nhuyễn, báo hiệu những tiếp thu kỹ thuật rất mới, còn hiếm thấy thời bấy giờ...

Tập nhạc gồm 20 ca khúc. Tuy không nhiều so với gần hai phần ba thế kỷ sống của Văn Cao, nhưng mỗi tác phẩm là một công trình nghệ thuật, mà mãi tận ngày nay, mỗi lần nghe lại, chúng ta không thể không rung động.

**AMERASIA JOURNAL.** Volume 19 number 3, 1993. Tạp chí xuất bản 3 kỳ mỗi năm, của Asian American Studies Center, UCLA. Dày 270 trang, giá 7 USD. Viết bằng tiếng Anh.

Tập này với chủ đề văn học Việt Nam, Khmer, Hmong, Nam Á Châu, Phi Luật Tân và Đại Hàn: "Đề Tài Mỹ Gốc Á."

Phần một của tập gồm các nghiên cứu và phê bình về văn chương và văn học truyền khẩu Việt Nam, Hmong, Nam Á Châu. Bài tiểu luận của Monique Thuy-Dung Truong (trang 27) phê phán các giả thiết thường có về các cách khái niệm, sáng tác và tiếp nhận văn chương Mỹ gốc Việt suốt 20 năm qua; Với cách nào tiếng nói của người Việt và Việt gốc Mỹ được trình bày và diễn dịch ở phương Tây? Bài tiểu luận của giáo sư Trần Quí Phiệt (trang 71) lại ghi nhận về các nhà văn nữ Việt Nam dùng ngôn ngữ Việt, và những người được tiếp nhận ở Âu Châu và Hoa Kỳ. Ông cũng thảo luận về các chủ đề quê hương và lưu vong và ảnh hưởng truyền thống Việt trên văn chương nữ giới.

Phần hai của tập gồm một số thơ, truyện ngắn, tự truyện của các nhà văn Mỹ gốc Việt, Singapore, Phi, Đại Hàn. Khánh Hồ, với tự truyện trang 151, dùng ẩn dụ của trái dưa đắng, suy nghĩ về hoàn cảnh một thanh niên Việt trưởng thành ở Hoa Kỳ, và đặt câu hỏi về quá khứ của người cha và chính mình.

Đây là tạp chí cần thiết cho những người quan tâm đến văn học Mỹ gốc Á. Liên lạc: *Amerasia Journal*, Asian American Studies Center, 3230 Campbell Hall, 405 Hilgard Ave., University of California, Los Angeles, CA 90024-1546. Telephone: (310) 825-2968.

**ART VISION À PARIS**, tập tranh Lê Bá Đảng, trình bày bởi Yutaka Ohzawa, Nobuko Maruoka, Tomoe Sakai. Chụp tranh bởi Myshu Lebadang, Bernard Remusat, Sigefumi Kato... Nhà xuất bản Kyoto Shoin Co. ltd. Không ghi giá bán.

Sách in trên giấy láng, khổ lớn, bìa dày với ba ngôn ngữ: Nhật, Anh, Pháp cùng nhiềutranh màu được chụp và in bằng kỹ thuật tuyệt đẹp.

Lê Bá Đảng có lẽ là họa sĩ Việt Nam duy nhất được thế giới biết đến nhiều nhất. Ngay tại Mỹ, rải rác trong nhiều tiểu bang, đã có khoảng 32 gallery chỉ bày tranh của ông (hầu hết là phiên bản, có đánh số với chư ký "sống" của tác giả, giá bán từ vài trăm đến vài... nghìn đô la 1 ấn bản này), và trên thế giới, những gallery như thế, có thể đếm trên con số trăm. Tranh Lê Bá Đảng rất tân kỳ về kỹ thuật tạo hình và chất liệu, nhưng vẫn mang đậm bản sắc Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, mỗi tác phẩm đều tỏa ngợp một sức sống dũng mãnh, trên từng đường, từng mảng, từng khối dứt khoát, quyết liệt, được biểu hiện bằng những sắc màu tuy trầm lắng nhưng vô cùng sang trọng và "tự tại", chứng tỏ cái "nội lực" sung mãn của người sáng tạo ra nó.

**SỨC BỀN CỦA THƠ**, tiểu luận phê bình của Mã Giang Lân, Hồ Thế Hà. Bìa Nguyễn Phúc Hải Trung. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Việt Nam.

Gồm những bài viết về thơ, với những tác giả được đề cập đến như Tế

Hanh, Ý Nhi, Xuân Tùng, Xuân Diệu, Minh Huệ, Tô Nhuận Vĩ, Hoàng Nhuận Cầm, Trần Ninh Hồ, Võ Văn Trực, Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Trọng Tạo, Hải Bằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Khắc Thạch...

**THỨC CÙNG TRANG VĂN (11 NHÀ VĂN ĐƯƠNG ĐẠI HUẾ)**, biên khảo của Hồ Thế Hà, Lê Xuân Việt. Bìa và trình bày: Nguyễn Vũ Trọng Thi.

11 bài viết, về 11 nhà văn đương đại của Huế. Mỗi người được trình bày dưới năm mục nhỏ: 1) Chân dung, bút tích và tóm tắt tiểu sử. 2) Kỷ niệm về nghề nghiệp của các nhà văn. 3) Nhà văn trả lời phỏng vấn. 4) Tiểu luận và phê bình về tác phẩm của nhà văn. 5)Tác phẩm nhà văn tự chọn. Những nhà văn được đề cập đến trong cuốn sách này là: Hải Bằng, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ngô Minh, Võ Quê, Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Quang Hà, Hà Khánh Linh, Trần Thùy Mai, Hồng Nhu, Nguyễn Khắc Phê, Tô Nhuận Vĩ.

Hiện nay tại hải ngoại nhà văn Võ Phiến cũng đang làm công việc tương tự. Rất mong ông còn đủ sức khỏe để tiếp tục, chẳng những cho các nhà văn nhà thơ... đã thành danh trước 1975, mà trải dài qua 20 năm ngoài nước, với nhiều, rất nhiều các tác giả mới.

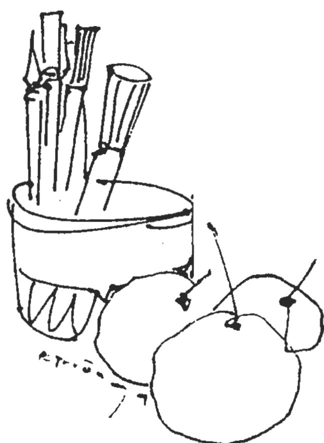
**MẢNH VỠ HỒN NHIÊN,** thơ Triệu Từ Truyền, bìa Hồ Hữu Thủ, trình bầy Lan Đình, phụ bản Nguyễn Sông Ba, Nguyên Hạo. Nhà xuất bản Trẻ 1994. Không ghi giá bán.

Trên báo *Người Lao Động*, Hoàng Thiệu Khang viết: Thơ Triệu Từ Truyền có *một không gian thẩm mỹ lạ*. Nơi đó hầu như thống trị bởi *tĩnh vật*, tỷ trọng hiện hữu nằm nơi tĩnh vật. Ta lang thang trong "cỏ và đá", ta bắt gặp "hạt cát sa mạc", ta sờ mó "ly và tách", sờ mó các thực thể "mặt đất... quả bom... mây bay", ta nhìn thấy trong võng mạc "cánh hoa tươi dưới vực sâu đêm", "màu đen"... Tôi cảm nhận trong thơ anh những vật thể như đã cảm nhận những chất liệu của thánh thi Véda. Thơ anh mang âm thầm một hồn thơ phương Đông bởi cái men của một chủ nghĩa Vật linh (animisme) rất kỳ ảo...

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



# với văn hữu và độc giả



## THƯ VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Hợp Lưu *số 16, trong mục này, chúng tôi có đề cập đến thư của "một độc giả yêu mến HL" gửi từ trong nước, và đã gợi ý sẽ sẵn sàng nhường "đất" để những vị có liên quan trực tiếp đến lá thư ấy lên tiếng. Nay, chúng tôi nhận được bài viết sau đây của nhà văn Đỗ Kh.:*

## BẢN TỰ THÚ SỐ 1

Bức thư của *"một độc giả yêu mến Hợp Lưu"* gửi từ trong nước và được đề cập đến trong HL số 16 có cụ thể tiết lộ một số hành vi không tốt của tôi. Là một người vốn ưa lấp liếm và không rõ rệt, tôi dĩ nhiên đau khổ khi bị vạch trần âm mưu của chiến dịch mang bí danh "*ông móc chân già bà thò chai rượu*", sơ lược như sau: cấu kết cùng Nguyễn Đỗ - Hoàng Hưng để phổ biến thơ của hai tên này và đồng lõa ở hải ngoại và đồng thời để chúng in lại sách của tôi ở trong nước. Nhưng vốn lại là một người nhát đòn, đã bị đánh thì tôi xin khai ngay.

Tôi thú nhận có quan hệ với tam nhân bang Nguyễn Đỗ - Thanh Thảo - Hoàng Hưng. Khi về nước, tôi bị lóa mắt bởi chức vị then chốt của họ trong guồng máy chính quyền: Nguyễn Đỗ (lúc đó) làm biên tập ở báo Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Hoàng Hưng ở báo Lao Động Chủ Nhật và Thanh Thảo là Tổng Thư Ký Hội Văn Học và Nghệ Thuật tỉnh Quảng Ngãi. Với uy quyền sẵn trải dài trên 800 cây số, trong lúc giao thiệp họ lại dùng thơ thẩn để quyến rũ và mê hoặc tôi khiến tôi quên mất việc tìm tòi lí lịch của họ một cách ngọn ngành. Thí dụ cá nhân Thanh Thảo là cựu bộ đội tức là đã từng đâm thẳng vào lính Mĩ (chứ không phải đâm lén sau lưng chiến sĩ VNCH)

hay điển hình là việc tại sao Hoàng Hưng, làm thơ mà đi tù chỉ có vài ba năm trong khi Lý Tống (chẳng hạn) không làm thơ mà lại lãnh án những mười mấy hai mươi năm gì đó. Đáng ra, tôi đã phải đặt những nghi vấn từ lúc ấy.

Tôi thú nhận có theo dõi sáng tác của bộ ba này từ hai năm nay. Bài viết, thơ của họ vừa đăng báo, xuất hiện trong nước là tôi lo sưu tập ngay. Lợi dụng lòng tin yêu của *Hợp Lưu* và một vài tạp chí ở hải ngoại đối với bản thân tôi, tôi chuyển cho những tờ này hầu mong họ đăng lại, mặc dầu *tính phản kháng* của những bài trên có lúc lem nhem, *lập trường chống đối* nhà nước (CS) kém hoặc là, thậm chí không có.

Một hôm, nhân lúc vắng bóng bảo vệ ở bàn giấy của Trưởng ban Văn Hóa và Văn Nghệ tờ *Hợp Lưu* và trong khi chánh văn phòng của ông đang bận nhờ trợ lý gọi thư ký đi pha nước, tôi đã nhanh tay mở ngăn kéo lấy cái thước đo phản kháng (dành cho bộ môn thơ) xén phăng đi một khúc. Nhờ vậy nên một số thơ của nhóm đồi bại này, tuy không phản ánh những mặt tiêu cực của chế độ v.v... vẫn được xuất hiện trên mặt báo. Tôi cũng xin nói là những thước đo phản kháng dành cho các bộ môn khác tôi chưa kịp đụng tới (thì trưởng ban Văn Hóa và Văn Nghệ *Hợp Lưu* đã trở về phòng cùng với tài xế riêng và toán cận vệ).

Tôi thú nhận là "*Ký Sự Đi Tây*" của tôi vừa được tái bản ở trong nước. Việc xuất bản ra sao, tôi hoàn toàn không rõ nhưng tôi phải thú là tôi rất thú. Tôi thú nhận là tôi thích thú. Tôi lại phải thú thêm là sách in ra 3.000 cuốn chứ nếu in 30.000 tôi còn thú những... gấp mười. Cũng như là tôi thích thú trên báo Lao Động có bào nói đến của Thanh Thảo, trên Tuổi Trẻ có bài giới thiệu của Ngô Thị Kim Cúc, trên Sông Hương có bài của Nguyễn Đỗ phê bình. Tôi thú lắm, tôi tưởng tượng trẻ em cầm báo trước tiệm phở rao "Lao Động sốt dẻo, Thanh Thảo viết bài giới thiệu Ký Sự Đi Tây!", tôi tưởng tượng chợ Đông Ba xôn xao, ghe đò trên sông nghiêng ngả, Trường Tiền gãy hai nhịp cầu "Sông Hương có bài Nguyễn Đỗ giới thiệu Đỗ Khiêm!"

Tôi thú thiệt. Và nếu trong nước định in lại tất cả các sách của tôi, sẵn sàng xuất bản những sách sắp tới thì tôi chắc cũng đành... chịu.

Tôi thú nhận là việc Hoàng Hưng làm trưởng ban Văn Hóa và Văn Nghệ tờ Lao Động tôi thấy là... có tốt. Trong bài phỏng vấn anh (HL số 13) Thanh Thảo đã sẵn sàng nhận chức Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn Việt Nam thì nếu Hoàng Hưng làm đến Trưởng Ban Văn Hóa Trung Ương hay Bộ Trưởng thì lại... càng tốt. Nguyễn Đỗ thay vì mất việc ở tờ Văn Nghệ sẽ về làm Tổng Biên Tập và ba chữ "*Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc*" ở hiệu nước sẽ được thay bằng ba câu "*Bực bội thế này uống rượu chi cha - Vô cởi quần ra mặc quần - Ngực em bày chật một ô buồn*" của ba vị này. Phần tôi, lúc đó, khỏi phải nói, lại được nhờ. Thay vì được nhờ từ SàiGòn đến Quảng Ngãi tôi sẽ được nhờ ra đến tận Hà Nội.

Ngược lại, tôi tự hỏi, nếu một ngày mai tươi sáng trên quê hương không còn bóng dáng Cộng thù thì số phận của những người đã "hai lần được giải

thi thơ Báo Văn Nghệ" hoặc có thơ đăng trên trang nhất báo Công An Thành Phố sẽ như thế nào? Học tập cải tạo? Mất hộ khẩu, phải đi kinh tế mới ở những khu chế xuất sang nhượng cho Đài Loan hay là "lao nô" xuất cảng sang Nam Triều Tiên, Nhật Bản? Và nếu lấy sự chống chọi với chế độ hiện nay làm tiêu chuẩn văn nghệ thì từ ba mươi năm nay, năm mươi năm nay bao nhiêu bồi tây bồi Mĩ đã là (và tiếp tục là) những tác giả muôn vàn xứng đáng. "*Anh kia mặt sáng như gương / Không đi quân dịch ai thương cho đành*"(*) còn tích cực kêu gọi cầm súng (dưới thời Cộng Hòa) chống lại Cộng Sản chứ "*Chợt thấy chiều trên phố say. Đỉnh vú đi lừng lửng*" (Hoàng Hưng) thì trên bình diện này là nghĩa quái gì?

Có lẽ, tôi cũng biết vậy, nên tôi mới chỉ nhắm vào việc xâm nhập những tờ như *Hợp Lưu* và *Trăm Con*. Thơ của bọn này dĩ nhiên không tư cách nào xâm nhập nổi những tờ như *Làng Văn*.

Điều cuối cùng mà tôi thú nhận là vì thiếu cảnh giác, thiếu lập trường, thiếu kiên quyết nên tôi để mình bị những nhà thơ hai ba mặt này làm... chóng mặt đến nỗi yêu mến thơ của họ. Còn "*gây ấn tượng cứ như là bộ ba Hoàng Hưng -*
*Thanh Thảo - Nguyễn Đỗ là ba gương mặt tiêu biểu cho thơ trong nước*" thì tôi thật tình không dám nghĩ đến. Tôi thấy, nhà thơ chỉ cần tiêu biểu cho chính mình là cũng được (quá) rồi (và ngay cũng chẳng cần thế nữa). Tội của tôi, có đã nhiều nên tôi cũng chỉ nên nhận đủ.

Đó là tội ham vui như câu "*ông móc chân giò bà thò chai rượu*" của "độc giả yêu mến Hợp Lưu" này diễn tả khéo quan hệ tội lỗi giữa chúng tôi (chúng tôi chỉ còn thiếu làm thơ họa lẫn nhau nhưng đó là tại vì làm thơ họa rất khó). Tôi nhận. Chẳng qua là chúng tôi (lỡ) vui. Xin mời, xin mời những ông thủ tôm khô và những bà lần củ kiệu vào chơi.

ĐỖ KH.

---

(*) Không rõ tác giả. Nếu cũng là tác giả của hai câu *Anh ơi đi lính đâu xa / Sư đoàn 18 gần nhà anh đi* xin liên lạc với tôi để còn tương ái và qua lại những khi cần.

**Sẽ đến ngày không còn quốc nội, không còn hải ngoại, chỉ còn nền văn học Việt.**

... Hà Nội năm nay ăn Tết trong vòng tay của Bill Clinton. Hội chứng thân Mỹ tràn dâng từ trong dinh cơ các ông to bà lớn ra khắp chúng sinh ở mọi hang cùng ngõ hẻm. Sự đời, thế cuộc khá là mai mỉa, nhưng nghĩ cho cùng, thì quả thực tâm trạng mừng vui hồ hởi này là chính đáng. Bản thân tôi cũng cảm thấy hy vọng nhiều hơn ở ngày mai. Ít nhất cũng mong rằng lệnh bỏ cấm vận sẽ tạo thuận lợi cho các anh chị về thăm lại quê nhà. Và thuận lợi cho việc *Hợp Lưu* đến được với độc giả Hà Nội.

Mới rồi tôi về thăm quê ở Đồng Hới. Cũng là để xây lại mộ phần của cụ cố. Ông cụ là Thượng Thư bộ Lễ thời vua Thành Thái và vua Duy Tân, khi

mất được đưa về chôn ở quê nhà. Mộ phần được xây to lắm. Vài chục năm sau, tới kỳ cải cách ruộng đất, bia mộ bị đập phá tan hoang. Sau đó nhiều năm đến lượt quan quách bên dưới bị người ta đào nạy lên để tìm vàng. Mãi năm nay tôi mới xoay xỏa được ít tiền để về quê xây cất tạm thời lại phần mộ cho ông cụ. Nhìn cái quách đá bị đập nát, quan tài bằng gỗ trầm hương còn tỏa hương thơm bị vụn ra từng mảnh, tôi thấy đau lòng và ghê sợ.

Cũng may là thời khủng khiếp đã qua rồi. Hy vọng rằng từ nay đất nước này sẽ được tổ tiên phù hộ.

Tôi đã viết gần xong cuốn tiểu thuyết dang dở. Liệu người ta có cho phép xuất bản không, tôi không cần biết. Tôi khao khát viết cho xong, để cho xong cuộc chiến tranh cứ giằng xé mãi trong lòng. Để thanh thản mà sống những năm còn lại.

(...)

Tôi xin tặng các anh tấm hình chụp trước phần còn lại của nhà thờ Tam Tòa bên bờ Nhật Lệ. Xứ đạo Tam Tòa nổi tiếng này là quê hương Hàn Mặc Tử. Trong chiến tranh, cả Đồng Hới bị san bằng, riêng mặt trước của Tam Tòa không hiểu do phép mầu nào mà vẫn còn lại được một chút như vậy. Rặng cây xanh mờ trong ảnh là làng tôi, ở bên kia của Nhật Lệ. Vậy mà trong chiến tranh, khi là lính của sư đoàn 10, tôi đã từng phải bắn nhau với lính Bảo An gốc Tam Tòa ở vùng ấp Châu Sơn bên rìa Buôn Ma Thuột. Bắn nhau và tàn sát nhau, không biết ghê tay.

Mong sớm tới ngày đưa các anh về thăm miền Trung, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Cửa Việt, Huế, Hội An... Tờ *Hợp Lưu* ngày một được yêu quí hơn ở đất nước này, nhưng nhất là ở miền Trung.

(...) Chúc *Hợp Lưu* một thời kỳ phát triển mới. Sẽ đến ngày không còn quốc nội, không còn hải ngoại, chỉ còn nền văn học Việt.

MỘT VĂN HỮU TRONG NƯỚC

*Rất mong cuốn tiểu thuyết dang dở của anh hoàn tất sớm. Giả thiết "người ta" không cho phép in, nhà Tân Thư (thuộc Hợp Lưu) sẽ "gánh vác" việc này, nếu anh muốn. Đúng như anh nói, "để cho xong cuộc chiến tranh cứ giằng xé mãi trong lòng". Không phải chỉ cho riêng anh, mà cho tất cả chúng ta, những người từng ở bên này hoặc bên kia sông Bến Hải. "Cho xong", để còn trực diện với một mặt trận khác, mà mức độ "đau lòng và ghê sợ" chưa chắc thua kém những năm tháng đã qua. Cái ác, sự tha hóa trong thời gian tới, sẽ được biểu hiện dưới nhiều, rất nhiều dạng thức tinh vi hơn, vô hình thù hơn, và do đó, càng khó khăn gấp vạn lần hơn để cảnh giác. Tôi muốn nói đến hậu quả của "hội chứng thân Mỹ" anh đề cập đến. Từng sinh ra ở miền Nam, từng sống những năm tuổi trẻ "trong vòng tay người Mỹ", chúng tôi có thừa kinh nghiệm để thấy, khá rõ, mặt tích cực và tiêu cực của "hội chứng" này đối với dân tộc chúng ta. Hẹn sẽ gặp anh một ngày gần, tại quê nhà. Thân mến.*

**... chỗ gặp gỡ của những người vác linh hồn.**

Rất mừng thấy HL vẫn bền bỉ sống dai. Sau này lịch sử báo chí VN nhất định phải lưu danh tờ tạp chí văn học VN hải ngoại này, vì chất tư tưởng và tâm hồn của nó. Ít ra thì HL đã gan góc đứng ra làm một không gian chung sống giữa các nhà văn VN trong và ngoài nước, "bên này" và "bên kia" mà không còn biết đến một "vĩ tuyến 17" nào hết. Tôi muốn nói đến "vĩ tuyến 17" *trong tâm hồn* người Việt sau khi nó đã biến mất trên đất nước chúng ta. Sứ mệnh hàng đầu của các nhà văn VN hiện nay, theo tôi, là quét sạch mọi thứ vĩ tuyến định chia cắt dòng máu Lạc Hồng. Mong sao đời tôi, tôi được nhìn thấy dòng máu lại luân lưu khỏe mạnh trong cơ thể nòi giống, để tôi được làm một hạt hồng cầu hồn nhiên reo vui đời dân Việt thái hòa. Ừ, có lẽ đúng thế các anh ạ, nếu được luân hồi thì tôi ước mơ tái sinh làm một hạt máu đỏ nhỏ xíu, để giải oan khiên tiền kiếp, và để lấy thân đền nợ cho bấy nhiêu máu người Việt tôi đã chảy lênh láng trong suốt ba mươi năm ấy.

Dù dấn thân từ chỗ đứng nào, tôi ngờ rằng những nhà văn có lương tri bao giờ cũng là những thánh tông đồ đi truyền bá những lý tưởng cao qúy. Ngược lại, thì dù mấy vạn trang cũng không để lại một chút gì trong trí nhớ của người đời sau. Ham chi cuộc tiệc hôm nay, chẳng lẽ đem tâm huyết của mình ra để mua vui cho một thời. Có người bạn gái ngày xưa nay đang sống ở hải ngoại, thương tôi gầy còm, gửi nhiều thuốc men về cho tôi. Tôi uống thuốc vào thấy cũng như không, cô bèn cười to từ nửa vòng trái đất bên kia, bảo rằng "Đó là *hội chứng Christ* ở nơi anh, cứ vác thánh giá suốt đời thì làm sao béo lên được". Tôi cảm ơn câu nói có lòng, nhưng không dám nhận vinh dự làm người vác thánh giá, bởi vì thánh giá của tôi đã bị trấn lột mất rồi. Tôi chỉ vác linh hồn tôi đi giữa số phận dân tộc mình, và chợt nghiệm đúng ý tưởng này của nhà văn Georgia (Liên Xô cũ) Đumbatdê "Linh hồn nặng hơn thân xác, nặng đến nỗi thân xác không vác nổi đi giữa đời". Vậy nhé, mong sao HL vẫn mãi là chỗ gặp của những người vác linh hồn...

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG (Huế, Việt Nam).

*- Trả lời ngay kẻo quên: "Nhân chứng" của bài viết trong "Nhật Ký" đã... về với cát bụi nên không thể "kiểm chứng" giúp anh viên thiếu tá ấy có phải là anh chàng từng tạo ra vụ ML hay không. Thành thật xin lỗi.*

*- Đang soạn và sẽ gởi những câu hỏi đến anh.*

*- Bài "NBT" quá dài, nhất là phần "tư liệu" bị mờ, mất (đoạn trên hoặc đoạn cuối, do photo không lưu ý khổ giấy của VN dài hơn khổ giấy ở Mỹ) nên chưa đi được ở số này. Có cách nào bổ sung phần "tư liệu"?*

*- Hình ảnh "vác linh hồn" của anh thật buồn. Chẳng riêng gì anh và bằng hữu ở quê nhà đâu. Ở đây, cũng vậy, có khi "thảm" hơn nữa đấy. Vì ít ra các anh còn vác linh hồn mình đi trong quê hương, chả bù với bọn này, linh hồn vốn đã "nặng" đến "không vác nổi", nhìn quanh lại núi non sông ngòi lạ hoắc! Hy vọng gặp các anh trong năm nay (hứa hoài và thất hứa hoài nên không dám*

*hứa nữa, chỉ còn biết "hy vọng"). Thân mến.*

# HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

**Anh Nguyễn Hoàng Hà** (CA): Tâm trạng "sợ" mình biến thành một con "chip" trong một cỗ máy có lẽ là tâm trạng chung của con người ở thời đại này, mà nhiều nghệ sĩ lớn của nhân loại từng nói đến, từ lâu. Đọc thư và thơ của anh, tôi nhớ đến cuốn phim câm của Chaplie Chaplin: *Thời Đại Máy Móc*. Quả, đáng "sợ" thật! Phải chăng để chống lại nỗi "sợ" này, chúng ta, dù chỉ là một nhúm thiểu số nhỏ nếu so với trên 70 triệu người trong nước, vẫn sản sinh ra được một lượng văn nghệ sĩ, trong mọi lãnh vực văn học, nghệ thuật, âm nhạc, điện ảnh... rất đáng kể? Thế thì xét cho cùng, trong cái "xui" cũng có cái "hên" ("tái ông mất mã" ấy mà!). Thân mến.

**Bà Hoàng Thị Nguyệt Nga** (Boston): Số báo ấy đã tuyệt bản. Bao giờ mua lại được chúng tôi sẽ thông báo để bà biết. Bài viết rất hay nhưng rất tiếc không hợp chủ trương. Có một tạp chí chuyên về "phụ nữ", hẳn bà biết? Chúng tôi nghĩ sẽ rất "ăn" với khuynh hướng của họ, bà nên gởi về đó. Kính.

**Anh Trần Doãn nho** (MA): Truyện ngắn sẽ đi trong một số tới. Đã chuyển lời "hỏi thăm" của anh đến HHU. Rất mong anh cộng tác thường xuyên. Nhận được "kiện hàng" của HL nhớ cho biết tin. Thân mến.

**Anh Hoàng Lộc** (TN): "Tin đồn" phần nào sai sự thật. Xin trình bày để anh rõ: Thỉnh thoảng, nếu... rủng rỉnh đồng ra đồng vào, HL có gởi về "tặng" một vài anh em văn thi hữu quen trong nước "chút ít" gọi là cà phê thuốc lá cho vui. Đây là chuyện hoàn toàn có tính cách "cá nhân", không "dính" gì đến "nhuận bút Hợp Lưu" cả. Vì, sống thêm một thời gian nữa ở Mỹ, anh sẽ biết, làm báo kiểu như HL, Văn Học... ở hải ngoại, lỗ là việc... đương nhiên! Nên chuyện "nhuận bút" cho văn hữu vẫn còn nằm mãi trong... ước mơ. Chẳng những thế, các văn thi hữu thân thiết, ngoài "bổn phận" gởi bài, còn kiêm luôn... bổn phận gởi... tiền để nuôi tờ báo. Chuyện "khó tin nhưng... có thật" ở hải ngoại đấy! (Những nhà văn nhà thơ đang sống ở VN làm thế nào hình dung được cảnh này! Phải không?). Về chuyện ĐHS. Vâng, HL có quen anh ấy. Anh cứ gởi những sáng tác của ĐHS cho HL, cùng địa chỉ, để, sẽ lên kế hoạch... nhịn nửa tháng cà phê hủ tiếu, gom chút đỉnh... "cứu bồ" "bạn dzàng" đang trong cơn nguy nàn. Thân mến.

**Anh Huỳnh Mạnh Tiên** (Pháp): Tối ngày loay hoay với mớ chữ nghĩa nặng chình chịch, điên cả cái đầu, bỗng nhận và đọc thư anh, thấy thật vui. Nhất là cái "Tản Mạn Về Đôi Bài Thơ...", muốn đăng lên HL hết sức, nhưng

ngại một số độc giả (và cả một số văn hữu) khó tính, cho rằng chuyện văn chương chữ nghĩa không phải chuyện "trà dư tửu hậu". Đã có rồi đấy, thưa anh, những lời trách đại loại như trên! Chỉ vì tôi đóng tuồng... nghiêm nghị mãi, có lúc không kham nổi, vọt mồmbông lơn đôi chỗ! Mấy lời này cũng để gián tiếp trả lời đề nghị của anh: nên thêm nhiều truyện ngắn "thiên hơn về giải trí". Giải trí, ai cũng thích, khổ, độc giả HL đa số chỉ thích loại giải trí... nhức đầu! Riêng cái khoảng... quảng cáo để "gánh" bớt chi phí in ấn. Muốn lắm anh ơi, nhưng tìm ở đâu? Ai cho? Người ta chỉ quảng cáo báo chợ, báo biếu, hàng tuần chất đầy các cửa hàng quán, chứ ai... ngu gì quảng cáo trên những tờ báo như HL? Được bao nhiêu người chịu bỏ tiền mua, đọc để biết đến cửa tiệm của họ? Độ này tôi hết uống cái chất cay cay kia nổi. Mỗi lần mần vài ly, đầu nhức như bị động búa tạ! Thân mến.

**Anh Trần Thiết Đình** (Đức): Anh có thể liên lạc trực tiếp với đại diện của HL vùng Đông Âu: Nguyễn Quốc Vũ - Trần Ngọc Tuấn (địa chỉ và số điện thoại ở bìa hai HL) để mua dài hạn, nếu không muốn qua hệ thống ngân hàng rắc rối giữa hai quốc gia Đức-Mỹ. Chúng tôi cũng đang gặp trở ngại: một số "lệnh phiếu" gởi từ Đức, ngân hàng Mỹ không nhận vì... không đọc được tiếng Đức, "chả biết họ viết cái gì?"! Thân mến.

**Cô Nhược Mai** (TX): Vâng, lâu nay "hắn" bận quá , chẳng có thì giờ viết lách "đàng hoàng". Vả, đời sống riêng cũng không lấy chi làm happy cho lắm, nên cũng ảnh hưởng đến ngòi bút không ít. Xin lỗi vậy. Thân mến.

**Nam Hà (Tiệp Khắc):** "CYEK" đã tuyệt bản. Bốn cuốn kia của nhà xuất bản khác, *Hợp Lưu* chỉ có mỗi thứ một cuốn làm tài liệu. Rất tiếc. Vẫn gởi HL đều, nếu số nào thất lạc xin cho biết để gởi bù. Cảm ơn những lời khen. Viết văn, làm báo, điều vui nhất có lẽ là được độc giả quan tâm. Có thể - nếu công việc không quá bền bộn - sẽ qua Âu Châu và sẽ ghé các nước Đông Âu vào cuối năm nay. Sẽ xin được gặp các bạn để "ba điều bốn chuyện" . Thân mến.

**Nhắn tin riêng cùng các văn hữu:** Vị nào muốn có *"Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Mình"* của Trần Vàng sao, xin gởi tiền tem. Thân mến.

**Nhắn tin một nhà phát hành vùng San Jose và phụ cận:** Từ số 9 đến nay (số 17), dù chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền báo bán được, nhưng vẫn không có hồi đáp. Đây là lần nhắn tin thứ nhất: rất mong quí nhà phát hành nghĩ đến sự khổ nhọc và hy sinh của ban chủ trương, nhín chút thời giờ xem lại sổ sách hộ. Rất đa tạ.

ĐỌC, PHỔBIẾN VÀ GIỚI THIỆU HỢP LƯU RỘNG RÃI

# VIỆT NAM THẮNG VÀ BẠI

LÊ QUẾ LÂM



BẢN NGHIÊN CỨU
TỔNG KẾT
CUỘC CHIẾN
VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH
CUỘC
CHIẾN TRANH LẠNH

*Với đề tựa của*
*Thạc sĩ* Vũ Quốc Thúc
*Giáo sư Đại học Paris XII*

- Sách in công phu, bìa cứng, khổ lớn, màu sắc trang nhã
- Dày 1070 trang, bao gồm mục Niên biểu (Chronology) và từ ngữ tham chiếu (Index).
  Đăng bộ tại Thư Viện Quốc Gia ISBN 0 7316 1813 0
- Giá bán 210 Francs (*bao gồm bưu phí*)



*Địa chỉ:*
30 Allée de l'Arlequin
Nanterre 92.000.
Phone: 47 67 05 67 *(Tư thất Giáo sư Vũ Quốc Thúc)*

---

NGỌC THU xuất bản • SYDNEY • 1994

# PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

*(Tất cả ghi rõ bằng chữ in)*

Tôi tên: ____________________________________________

Địa chỉ: ____________________________________________

_____________________________________________________

_____________________________________________________

Điện thoại: _________________________________________

nhận mua dài hạn tập chí HL từ số ____ đến số ______

GIÁ TIỀN

**Nội địa Hoa Kỳ và Canada:**

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) - 40MK ☐ (1 năm)

Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) - 50MK ☐ (1 năm)

**Âu châu:**

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 34MK ☐ (1/2 năm) - 65MK ☐ (1 năm)

**Úc châu, Á châu:**

Đường thủy: 24MK ☐ (1/2 năm) - 48MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 38MK ☐ (1/2 năm) - 75MK ☐ (1 năm)

*Xin gởi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ và Canada bằng International Money Oder, trả cho:*

HỢP LƯU

P.O Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

Nếu thay đổi địa chỉ hoặc không nhận được báo đúng chu kỳ, xin cho tòa soạn biết ngay để điều chỉnh.




Hân hạnh giới thiệu hai tác phẩm giá trị:

Tập truyện ngắn
Ở CHỐN KHÔNG QUEN
của Nguyễn ý Thuần
Nhà xuất bản THỜI VĂN
639 Tully Road Suite K
San Jose, CA 95111
TéL: (408) 292-4944
Fax: (408) 292-8813
(Giá 10MK)







và công trình biên khảo:
NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH
DÂN GIAN VIỆT NAM
(Gồm nhiều tranh màu
và hàng trăm tranh đen trắng tiêu biểu)
của **Huỳnh Hữu Ủy**
Nhà xuất bản HỒNG LĨNH
9601 Bolsa Ave., Westminster,
CA 92683. USA
Tel: (714) 531-7223
Fax; (714) 531-1107
(*Giá* 20MK)



Giá Bảy Mỹ Kim